CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo quyết định số: 647/QĐ - CĐYT ngày 03 tháng 10 năm 2023 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Y Tế Đắk Lắk)

- **Tên ngành** : Y sĩ đa khoa
- **Mã ngành** : 6720101
- **Trình độ đào tạo** : Cao đẳng
- **Hình thức đào tạo** : Chính quy - Phương thức tích lũy mô đun, tín chỉ
- **Thời gian đào tạo** : 03 năm
- **Đối tượng tuyển sinh** : Thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

1. Mục tiêu đào tạo:

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo Y sĩ đa khoa trình độ cao đẳng có mục tiêu là đào tạo được những Y sĩ đa khoa có y đức, có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp; có khả năng tham gia, can thiệp và giải quyết các vấn đề sức khỏe cơ bản của cá nhân và cộng đồng; có khả năng nghiên cứu khoa học và tự học nâng cao trình độ, đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc ban đầu và nâng cao sức khoẻ nhân dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Về kiến thức

Mục tiêu 1: Người Y sĩ ở trình độ Cao đẳng có kiến thức cơ bản về cấu tạo hoạt động và chức năng của cơ thể con người trong trạng thái bình thường và bệnh lý, sự tác động qua lại giữa môi trường sống và sức khỏe con người, các biện pháp duy trì và cải thiện điều kiện sống để bảo vệ và nâng cao sức khỏe.

Mục tiêu 2: Có kiến thức cơ bản về thăm khám, chẩn đoán, điều trị, chăm sóc và một số bệnh thông thường tại tuyến y tế cơ sở

Mục tiêu 3: Vận dụng kiến thức về pháp luật và chính sách về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân.

Mục tiêu 4: Có kiến thức thực tiễn về nhân học y học, các yếu tố văn hoá xã hội liên quan đến sức khoẻ cũng như các hiểu biết và thực hành y tế của người dân địa phương.

Mục tiêu 5: Có kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc; và có kiến thức ngoại ngữ cơ bản, chuyên ngành để ứng dụng được vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

1.2.2. Về kỹ năng

Người Y sĩ ở trình độ Cao đẳng có những kỹ năng thực hành nghề nghiệp cơ bản và cần thiết như sau:

Mục tiêu 6: Thực hiện được thăm khám, chẩn đoán và điều trị hiệu quả đối với các bệnh thông thường, phát hiện và chuyển tuyến kịp thời các trường hợp khó ngoài khả năng xử trí của tuyến mình theo phạm vi quy định của phân tuyến kỹ thuật

Mục tiêu 7: Xử trí ban đầu tốt các bệnh cấp cứu và các vết thương thông thường;

Mục tiêu 8: Đề xuất những biện pháp xử lý thích hợp, lập kế hoạch chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe toàn diện và liên tục cho cá nhân, gia đình, cộng đồng và bảo vệ môi trường;

Mục tiêu 9: Phát hiện sớm các dịch bệnh, tham gia phòng chống dịch và quản lý người bệnh ngoại trú toàn diện, liên tục;

Mục tiêu 10: Có kỹ năng sử dụng thuốc hợp lý, an toàn;

Mục tiêu 11: Thực hiện được một số thủ thuật cơ bản theo quy định của Bộ Y tế, chăm sóc bệnh nhân tại nhà;

Mục tiêu 12: Áp dụng y học cổ truyền trong công tác phòng bệnh và chữa bệnh; Sử dụng thuốc nam kết hợp với điều trị bệnh bằng Y học Dân tộc trong điều trị một số bệnh thông thường;

Mục tiêu 13: Có kỹ năng giao tiếp, thực hiện được công tác tư vấn, giáo dục sức khỏe, tổ chức chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe trong cộng đồng;

Mục tiêu 14: Có khả năng tham gia vào công tác nghiên cứu khoa học;

Mục tiêu 15: Có kiến thức cơ bản về tin học và ngoại ngữ để phục vụ công tác chuyên môn.

1.2.3. Về năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm

Mục tiêu 16: Tận tụy với sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân;

Mục tiêu 17: Có tinh thần tôn trọng, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp, bệnh nhân và gia đình họ trong quá trình chăm sóc sức khỏe;

Mục tiêu 18: Trung thực, khách quan, thận trọng trong thực hiện các công việc chuyên môn.

Mục tiêu 19: Có tinh thần cầu tiến, không ngừng học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn.

1.3. Chuẩn đầu ra

1.3.1. Kiến thức

CĐR 1. Thực hiện đúng quy định của pháp luật, tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp để thiết lập môi trường làm việc an toàn, cải tiến chất lượng chăm sóc và giảm thiểu rủi ro trong môi trường chăm sóc sức khỏe.

CĐR 2. Vận dụng được ngoại ngữ cơ bản, công nghệ thông tin cơ bản theo quy định để tìm kiếm tài liệu, xử lý thông tin trong công việc chuyên môn.

CĐR 3. Trình bày được các kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở về cấu tạo, chức năng và chuyển hóa của cơ thể trong điều kiện bình thường và bệnh lý.

CĐR 4. Vận dụng được các kiến thức về y học cơ sở, y học lâm sàng, khoa học về hành vi và tâm lý xã hội trong thực hành chăm sóc sức khỏe ban đầu và cộng đồng.

1.3.2. Kỹ năng

CĐR 5. Thực hiện được các kỹ năng giao tiếp, khai thác và thu thập được các thông tin của người bệnh liên quan đến chẩn đoán, điều trị, phục hồi về bệnh lý và tình trạng cấp cứu thường gặp ở tuyến y tế cơ sở.

CĐR 6. Thực hiện được các sơ cứu ban đầu; khám chữa các bệnh thông thường cho nhân dân tại trạm y tế và cộng đồng trong khu vực phụ trách.

CĐR 7. Phát hiện, lập kế hoạch xử lý, tham gia phòng, chống và báo cáo tình hình các bệnh truyền nhiễm sức khỏe tại cộng đồng

CĐR 8. Có khả năng phân tích, đưa ra quyết định kịp thời trong điều trị, chăm sóc người bệnh và hướng dẫn cho người bệnh, người nhà của người bệnh tự chăm sóc một số bệnh thông thường.

CĐR 9. Có khả năng sử dụng thuốc và kết hợp giữa YHCT với tây y vào việc điều trị bệnh.

CĐR 10. Có khả năng làm việc nhóm, giải quyết vấn đề độc lập và tổ chức triển khai những công việc chuyên môn được giao.

1.1.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

CĐR 11. Lắng nghe, đồng cảm, tôn trọng nhân phẩm, quyền tự quyết của người bệnh, người nhà của người bệnh; Có trách nhiệm bảo vệ thông tin của người bệnh và đảm bảo sự công bằng trong chăm sóc người bệnh

CĐR 12. Trao đổi thông tin chính xác, trung thực và hiệu quả với người bệnh và gia đình người bệnh về quyết định giải quyết vấn đề sức khỏe và thực hiện lấy cam kết đồng thuận (bằng văn bản).

CĐR13. Khiêm tốn, trung thực, cẩn thận, tôn trọng đồng nghiệp trong quá trình chăm sóc sức khỏe; có tinh thần cầu tiến, tự lên kế hoạch để học tập, nghiên cứu, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn.

1.4. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

MỤC TIÊU	CHUẨN ĐẦU RA												
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
MT 1			X	X									
MT 2				X	X	X							
MT 3	X												
MT 4						X	X	X			X	X	X
MT 5						X	X	X					
MT 6						X		X					
MT 7								X					
MT 8							X	X		X			
MT 9									X				
MT 10						X							
MT 11									X				
MT 12					X		X				X		
MT 13		X								X		X	X
MT 14		X											
MT 15											X		
MT 16											X	X	
MT 17												X	X
MT 18													X
MT 19													X

1.4. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo Y sĩ đa khoa trình độ cao đẳng, người học có khả năng đảm nhiệm công tác chăm sóc người bệnh, nghiên cứu khoa học và quản lý; đáp ứng yêu cầu công việc tại các vị trí sau:

- Tại các cơ sở Trung Tâm Y Tế tuyến huyện, Trung Tâm cấp cứu 115, Trạm Y Tế xã, phường, thị trấn

- Tại các viện nghiên cứu với chức danh nghiên cứu viên.

- Tại các cơ sở y tế, cơ quan quản lý hay tổ chức chuyên môn với công việc chuyên môn (chuyên viên y tế), tổ chức, quản lý và điều hành.

1.5. Khả năng học tập và nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp Y sĩ đa khoa, người học có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu ở các bậc học cao hơn ở trong và ngoài nước:

- Tham gia các công trình nghiên cứu về y học.
- Các khoá ngắn hạn, đào tạo liên tục.
- Bác sĩ Y khoa.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học **: 37 môn học**
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa **: 107 tín chỉ (2730giờ)**
- Khối lượng các môn học chung/đại cương **: 435 giờ**
- Khối lượng các môn học chuyên môn **: 2295 giờ**
- Khối lượng lý thuyết **: 907 giờ**
- Khối lượng thực hành, thực tập, thí nghiệm **: 1744 giờ**
- Giờ kiểm tra **: 79 giờ**

3. Nội dung chương trình:

TT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	Tổng		Thời gian học tập (giờ)		
			Số tín chỉ	Số giờ	Trong đó		
					LT	TH	Kiểm tra
I.		**Các môn học chung/đại cương**					
1	MH1	Giáo dục Chính trị	4	75	41	29	5
2	MH2	Tiếng Anh	5	120	42	72	6
3	MH3	Tin học	3	75	15	58	2
4	MH4	Pháp luật	2	30	18	10	2
5	MH5	Giáo dục thể chất*	2	60	5	51	4

TT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	Tổng		Thời gian học tập (giờ)		
			Số tín chỉ	Số giờ	Trong đó		
					LT	TH	Kiểm tra
6	MH6	Giáo dục quốc phòng - An ninh*	3	75	36	35	4
Tổng			**19**	**435**	**157**	**255**	**23**
II.		**Các môn học chuyên ngành**					
II.1		**Môn học cơ sở**					
1	MH07.YS	Hóa sinh	2	30	29	0	1
2	MĐ01.YS	Vi sinh - Ký sinh trùng	3	60	29	29	2
3	MĐ02.YS	Giải phẫu - Sinh lý	4	75	43	29	3
4	MĐ03.YS	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	2	30	29	0	1
5	MĐ04.YS	Điều dưỡng cơ sở và Cấp cứu ban đầu	3	90	29	59	2
6	MH08.YS	Dược lý	3	45	43	0	2
7	MĐ05.YS	Dinh dưỡng - VSATTP	2	30	29	0	1
8	MĐ06.YS	Kiểm soát nhiễm khuẩn	2	45	14	29	2
9	MĐ07.YS	Tâm lý y đức & giao tiếp – GDSK	2	30	29	0	1
10	MĐ08.YS	Môi trường và sức khỏe	2	30	29	0	1
11	MH09.YS	Chẩn đoán hình ảnh	2	30	29	0	1
Tổng			**27**	**495**	**332**	**146**	**17**
II.2		**Môn học chuyên ngành**					
1	MĐ09.YS	Bệnh học nội khoa	4	75	43	29	3
2	MĐ10.YS	Bệnh học ngoại khoa	4	75	43	29	3
3	MĐ11.YS	Sức khoẻ trẻ em	3	60	29	29	2
4	MĐ12.YS	Sức khoẻ sinh sản	3	60	29	29	2
5	MĐ13.YS	Dịch tễ học và các bệnh truyền nhiễm	3	45	43	0	2

TT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	Tổng		Thời gian học tập (giờ)		
			Số tín chỉ	Số giờ	Trong đó		
					LT	TH	Kiểm tra
6	MH10.YS	Y học gia đình	2	30	29	0	1
7	MĐ14.YS	Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	4	75	43	29	3
8	MH11.YS	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	2	30	29	0	1
9	MĐ15.YS	Quản lý - Tổ chức y tế	2	30	29	0	1
10	MĐ16.YS	Nghiên cứu khoa học	2	30	29	0	1
11	MĐ17.YS	Thực tập Điều dưỡng cơ sở và Cấp cứu ban đầu	2	90	0	88	2
12	MĐ18.YS	Thực tập lâm sàng Nội khoa	3	135	0	133	2
13	MĐ19.YS	Thực tập lâm sàng Ngoại khoa	3	135	0	133	2
14	MĐ20.YS	Thực tập lâm sàng Sức khỏe trẻ em	3	135	0	133	2
1	MĐ21.YS	Thực tập lâm sàng Sức khỏe sinh sản	3	135	0	133	2
2	MĐ22.YS	Thực tập lâm sàng Truyền nhiễm	2	90	0	88	2
4	MĐ23.YS	Thực tập lâm sàng Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	4	180	0	178	2
5	MĐ24.YS	Thực hành nghề nghiệp	4	180	0	178	2
6	MĐ25.YS	Khóa luận tốt nghiệp/Học môn thay thế	5	165	29	134	2
Tổng			**58**	**1755**	**375**	**1343**	**37**
II.3		**Môn học, mô đun tự chọn (sinh viên chọn 01 trong 02 môn)**					

TT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	Tổng		Thời gian học tập (giờ)		
			Số tín chỉ	Số giờ	Trong đó		
					LT	TH	Kiểm tra
1	MĐ26.YS	Bệnh chuyên khoa hệ ngoại (Răng hàm mặt - Tai mũi họng - Mắt)	3	45	43	0	2
2	MĐ27.YS	Bệnh chuyên khoa hệ nội (Da liễu/Lao/Tâm thần)	3	45	43	0	2
Tổng			**3**	**45**	**43**	**0**	**2**
TỔNG CỘNG			**107**	**2730**	**907**	**1744**	**79**

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

Chương trình đào tạo được thực hiện theo phương thức tích lũy mô đun, tín chỉ (*áp dụng theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành về việc Quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ)*

4.1. Các môn học chung

Để xây dựng thời gian đào tạo 06 môn học chung, Nhà trường đã xây dựng và áp dụng đối với trình độ cao đẳng theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Cụ thể:

- Thông tư 10/2018/TT–BLĐTBXH, ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội về việc Ban hành chương trình môn học Quốc phòng và An ninh đào tạo trình độ cao đẳng thuộc các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng;

- Thông tư số 13/2018/TT – BLĐTBXH, ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội về việc Ban hành chương trình môn học Pháp luật thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

- Thông tư số 11/2018/TT – BLĐTBXH, ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội về việc Ban hành chương trình môn học Tin học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

- Thông tư số 12/2018/TT – BLĐTBXH, ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội về việc Ban hành chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

- Thông tư 24/2018/TT – BLĐTBXH, ngày 6/12/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Ban hành chương trình môn học Giáo dục chính trị thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

- Thông tư 03/2019/TT – BLĐTBXH, ngày 17/1/2019 của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội về việc Ban hành chương trình môn học Tiếng anh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

4.2. Xếp lịch dạy học

Chương trình thực hiện theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ tổ chức đào tạo theo học kỳ, một năm tổ chức 2 học kỳ. Phòng Đào tạo cần phân định rõ các học phần/tín chỉ độc lập hay phụ thuộc:

Các học phần độc lập: là những học phần không cần điều kiện tiên quyết và sự nhận thức chúng không cần đến kiến thức của các học phần khác (học phần trước). Do vậy, có thể bố trí dạy các học phần này vào bất kì thời điểm nào trong quá trình đào tạo. Đó là các học phần giáo dục đại cương và một số học phần thuộc giáo dục chuyên nghiệp như Giải phẫu, Sinh lý, Pháp luật…

Các học phần phụ thuộc: Là những học phần cần trang bị trước những kiến thức của một hay một số học phần khác thì sinh viên mới có thể nhận thức được. Những học phần cần được trang bị trước là những học phần tiên quyết (học phần trước). Do vậy, cần bố trí các học phần này theo trình tự logic trước – sau một cách rõ ràng.

4.3. Xác định nội dung và thời gian dành cho khóa học

4.3.1. Về giờ học:

- 1 giờ học lý thuyết	=	45 phút
- 1 giờ học thực hành/tích hợp	=	60 phút

- 1 tín chỉ lý thuyết	=	15 giờ
- 1 tín chỉ thực hành (tại phòng thực hành, thảo luận ...)	=	30 giờ
- 1 tín chỉ thực hành (tại bệnh viện, trạm y tế	=	45 giờ

4.3.2. Một ngày học thực hành/tích hợp không quá 8 giờ. Một ngày học lý thuyết không quá 6 giờ. Mỗi tuần học không quá 40 giờ thực hành/tích hợp hoặc 30 giờ lý thuyết.

4.3.3. Tổ chức dạy/học lý thuyết và thực hành cơ bản/cơ sở được tiến hành tại trường, thực tập thực tế ngành được tiến hành tại các cơ sở ngoài trường.

4.3.4. Những nội dung khác thực hiện theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 Quy định về tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp của Bộ trưởng Bộ lao động - Thương binh và Xã hội.

4.3.5. Sau mỗi khóa học, Nhà trường sẽ lấy ý kiến người học, người sử dụng nguồn nhân lực Y sĩ do Nhà trường đào tạo để làm cơ sở cho việc điều chỉnh đề cương chi tiết môn học/học phần.

4.4. Tổ chức và phương pháp dạy học

4.4.1. Tổ chức lớp học

- Lớp học được tổ chức theo từng môn học, mô-đun dựa vào đăng ký khối lượng học tập của người học ở từng học kỳ; hiệu trưởng quy định số lượng người học tối thiểu cho mỗi lớp học tùy theo môn học, mô-đun được giảng dạy trong trường. Nếu số lượng người học đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu quy định thì lớp học sẽ không được tổ chức và người học phải đăng ký chuyển sang học những môn học, mô-đun khác có lớp, nếu chưa đảm bảo đủ quy định về khối lượng học tập tối thiểu cho mỗi học kỳ.

- Chương trình thực hiện theo phương thức tích lũy mô-đun, tín chỉ tổ chức đào tạo theo học kỳ, một năm tổ chức 2 học kỳ, tùy điều kiện cụ thể của từng trường.

- Học kỳ chính là học kỳ bắt buộc phải học, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi. Học kỳ phụ không bắt buộc phải học. Trong học kỳ phụ người học học các môn học, mô-đun chậm tiến độ ở học kỳ chính, hoặc học lại các môn học, mô-đun chưa đạt, hoặc để cải thiện điểm, hoặc học vượt các môn học, mô-đun có ở các học kỳ sau nếu trong kỳ phụ có lớp. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 5 tuần thực học và 1 tuần thi.

4.4.2. Lý thuyết

- Áp dụng phương pháp dạy học tích cực.

- Sinh viên được biết trước: lịch học lý thuyết và tài liệu tham khảo.

- Hướng dẫn sinh viên tìm đọc tài liệu dạy học và tài liệu lượng giá.

4.4.3. Thực tập tại trường

- Sử dụng phương pháp dạy/học tích cực, phù hợp mục tiêu dạy/học.

- Hướng dẫn thực hành theo nhóm nhỏ.

- Tăng cường đầu sách giáo khoa, sách tham khảo tại thư viện để cho sinh viên có điều kiện tự nghiên cứu tài liệu.

- Thực tập kết hợp trường - viện chặt chẽ.

- Tổ chức triển khai và giám sát, đánh giá thường xuyên, định kỳ việc thực hiện kế hoạch dạy/học.

4.4.4. Thực tập tại bệnh viện, Trung Tâm Y Tế

Sinh viên được đi thực hành lâm sàng tại Bệnh Viện, Trung Tâm Y Tế, trạm y tế xã, phường, thị trấn.

4.4.5. Thông báo cho sinh viên biết trước thông tin liên quan đến dạy – học:

Ngay đầu khóa học, trong tuần lễ sinh hoạt công dân, phải công bố cho sinh viên biết: Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ:

- Danh sách giảng viên giảng lý thuyết, thực hành tại trường và cơ quan thực tập;

- Các học phần bắt buộc;

- Các học phần tự chọn;

- Các học phần phụ thuộc/độc lập;

  + Đề cương môn học

  + Hình thức/phương pháp thi/đánh giá kết quả học tập;

4.5. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

Cần căn cứ vào điều kiện cụ thể, khả năng của mỗi trường và kế hoạch đào tạo hàng năm theo từng khóa học, lớp học và hình thức tổ chức đào tạo đã xác định trong chương trình đào tạo và công bố theo từng ngành, nghề để xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa đảm bảo đúng quy định.

4.6. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun:

- Căn cứ theo điều 12: tổ chức kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc môn học, mô-đun theo thông tư số: 04/2022/TT – BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022;

- Thời gian tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun cần được xác định và có hướng dẫn cụ thể theo từng môn học, mô đun trong chương trình đào tạo.

4.7. Khóa luận tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

4.7.1. Khóa luận

Điều kiện làm khóa luận:

- Sinh viên phải học hết chương trình đào tạo ngành Y sĩ đa khoa và tích lũy đủ số tín chỉ trong chương trình.
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học tới thời điểm xét cho sinh viên làm khóa luận phải đạt tối thiểu 2,0 theo thang điểm 4. Tùy vào tình hình thực tế của nhà trường, Hiệu trưởng sẽ quyết định điều kiện làm khóa luận cụ thể.
- Trường hợp sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận thì Hiệu trưởng sẽ quy định sinh viên học các môn thay thế cho Khóa luận, môn học thay thế sẽ có số tín chỉ tương đương khóa luận.

Hướng dẫn làm khóa luận: Khoa Y có trách nhiệm phân công giảng viên hướng dẫn sinh viên làm khóa luận theo quy định của Nhà trường.

4.7.2. Điều kiện tốt nghiệp

Kết thúc khóa học, hoặc khi người học tích lũy đủ số mô-đun, tín chỉ theo quy định trong chương trình, hiệu trưởng thành lập hội đồng xét tốt nghiệp cho người học.

- Người học được công nhận tốt nghiệp khi đủ các điều kiện sau:

+ Tích lũy đủ số mô-đun, tín chỉ quy định của chương trình;

+ Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4 đạt từ 2,0 trở lên;

+ Hoàn thành các yêu cầu bắt buộc khác theo quy định của chương trình;

+ Không trong thời gian bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

+ Có đơn đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian của chương trình.

- Trường hợp người học có hành vi vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm pháp luật chưa ở mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hiệu trưởng phải tổ chức xét kỷ luật trước khi xét điều kiện công nhận tốt nghiệp cho người học đó.
- Trường hợp người học bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn, hết thời gian bị kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức bị buộc thôi học thì được xét công nhận tốt nghiệp.

4.7.3. Xếp loại tốt nghiệp

- Xếp loại tốt nghiệp được xác định căn cứ điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa, như sau:

+ Công thức tính điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^{n} a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^{n} n_i}$$

Trong đó: - *A:* là điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học;

- *i:* là số thứ tự môn học, mô-đun;

- a_i: là điểm của môn học, mô-đun thứ i;

- n_i: là số tín chỉ của môn học, mô-đun thứ i;

- *n:* là tổng số môn học, mô-đun đã tích lũy

+ Quy đổi điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học

QUY ĐỔI	THANG ĐIỂM 10	TĐ 4
A	Từ 8,5 đến 10	4
B	từ 7,0 đến 8,4	3
C	từ 5,5 đến 6,9	2
D	từ 4,0 đến 5,4	1
F	dưới 4,0	0
I:	Chưa đủ điểm thành phần để đánh giá do được phép hoãn kiểm tra, thi;	
X	Chưa nhận được kết quả kiểm tra, thi;	
R	Đối với môn học, mô-đun được miễn hoặc được cho phép chuyển điểm kèm theo kết quả.	

Cách quy đổi điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học dựa vào điều 16 và điều 31 Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH.

+ Xếp loại tốt nghiệp: căn cứ vào điểm trung bình chung tích lũy theo thang điểm 4 như sau:

- Xuất sắc: từ 3,50 đến 4,00

- Giỏi: từ 3,00 đến 3,49

- Khá: từ 2,50 đến 2,99

- Trung bình: từ 2,00 đến 2,49

- Yếu: dưới 2,00

(Theo quy định tại điều 32 Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH)

- Người học có điểm xếp loại tốt nghiệp đạt từ loại giỏi trở lên sẽ bị giảm đi một mức xếp loại tốt nghiệp nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

+ Có 01 môn học hoặc mô-đun trong học kỳ phải thi lại đối với loại xuất sắc, 02 môn học hoặc mô-đun trở lên trong học kỳ phải thi lại đối với loại giỏi không tính môn học, mô-đun điều kiện; môn học, mô-đun được tạm hoãn học hoặc được miễn trừ;

+ Có khối lượng học tập phải học lại quá 10% thời lượng của chương trình đào tạo;

+ Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học tập tại trường, không tính mức kỷ luật được quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 17 của Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH.

HIỆU TRƯỞNG

(*Đã ký*)

TẠ THỊ NHẤT SƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

MỤC LỤC

Tên môn học: GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ 1

Tên môn học: TIẾNG ANH 18

Tên môn học: TIN HỌC 46

Tên môn học: PHÁP LUẬT 65

Tên môn học: GIÁO DỤC THỂ CHẤT 76

Tên môn học: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG- AN NINH 84

Tên môn học: HÓA SINH 104

Tên mô đun: VI SINH - KÝ SINH TRÙNG 112

Tên mô đun: GIẢI PHẪU SINH LÝ 126

Tên mô đun: SINH LÝ BỆNH – MIỄN DỊCH 150

Tên mô đun: ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ & CẤP CỨU BAN ĐẦU 162

Tên môn học: DƯỢC LÝ 187

Tên mô đun: DINH DƯỠNG - VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM 206

Tên mô đun: KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN 212

Tên mô đun: TÂM LÝ Y ĐỨC VÀ GIAO TIẾP, GIÁO DỤC SỨC KHỎE 222

Tên mô đun: MÔI TRƯỜNG VÀ SỨC KHỎE 239

Tên mô đun: CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH 252

Tên mô đun: BỆNH HỌC NỘI KHOA 266

Tên mô đun: BỆNH HỌC NGOẠI KHOA 287

Tên mô đun: SỨC KHỎE TRẺ EM 310

Tên mô đun: SỨC KHỎE SINH SẢN 333

Tên mô đun: DỊCH TỄ HỌC VÀ CÁC BỆNH TRUYỀN NHIỄM 356

Tên môn học: Y HỌC GIA ĐÌNH 374

Tên mô đun: Y HỌC CỔ TRUYỀN – PHỤC HỒI CHỨC NĂNG 387

Tên môn học: CHĂM SÓC SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG 401

Tên mô đun: QUẢN LÝ - TỔ CHỨC Y TẾ 413

Tên mô đun: NGHIÊN CỨU KHOA HỌC 425

Tên mô đun: THỰC TẬP ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ VÀ CẤP CỨU BAN ĐẦU 431

Tên mô đun: THỰC TẬP LÂM SÀNG NỘI KHOA 441

Tên mô đun: THỰC TẬP LÂM SÀNG NGOẠI KHOA 450

Tên mô đun: THỰC TẬP LÂM SÀNG SỨC KHỎE TRẺ EM 461
Tên mô đun: THỰC TẬP LÂM SÀNG SỨC KHỎE SINH SẢN 473
Tên mô đun: THỰC TẬP LÂM SÀNG TRUYỀN NHIỄM 479
Tên mô đun: THỰC TẬP LÂM SÀNG Y HỌC CỔ TRUYỀN – PHỤC HỒI CHỨC NĂNG 484
Tên mô đun: THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP 490
Tên mô đun: KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP 495
Tên mô đun: BỆNH CHUYÊN KHOA HỆ NGOẠI 500
Tên mô đun: BỆNH CHUYÊN KHOA HỆ NỘI 522

Tên môn học: GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ

Mã môn học: MH1

Thời gian thực hiện môn học: 75 giờ (Lý thuyết: 41 giờ; Thảo luận: 29 giờ; Kiểm tra: 05 giờ; Tự học: 97 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

- Vị trí: Môn học, mô đun Giáo dục chính trị là mô đun bắt buộc thuộc khối các môn học, mô đun chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

- Tính chất: Chương trình mô đun bao gồm khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; hình thành thế giới quan, nhân sinh quan khoa học và cách mạng cho thế hệ trẻ Việt Nam; góp phần đào tạo người lao động phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học, mô đun, người học đạt được:

- Về kiến thức: Trình bày được một số nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam và những nhiệm vụ chính trị của đất nước hiện nay; nội dung học tập, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

- Về kỹ năng: Vận dụng được được các kiến thức chung được học về quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước vào giải quyết các vấn đề của cá nhân, xã hội và các vấn đề khác trong quá trình học tập, lao động, hoạt động hàng ngày và tham gia xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực vận dụng các nội dung đã học để rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; thực hiện tốt quan điểm, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

STT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận, thực hành	Kiểm tra

1	Bài mở đầu 1. Vị trí, tính chất môn học, mô đun 2. Mục tiêu của môn học, mô đun 3. Nội dung chính 4. Phương pháp dạy học và đánh giá môn học, mô đun	2	2		
2	Bài 1: Khái quát về chủ nghĩa Mác – Lênin 1. Khái niệm chủ nghĩa Mác – Lênin 2. Một số nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2.1. Triết học Mác - Lênin 2.2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin 2.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học 3. Vai trò nền tảng tư tưởng, lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin	13	9	4	
3	Bài 2: Khái quát về tư tưởng Hồ Chí Minh 1. Khái niệm, nguồn gốc và quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh 1.1. Khái niệm 1.2. Nguồn gốc 1.3. Quá trình hình thành 2. Một số nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh 2.1. Tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại 2.2. Tư tưởng về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân 2.3. Tư tưởng về đại đoàn kết toàn dân 2.4. Tư tưởng về phát triển kinh tế và văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống vật	13	9	4	

	chất và tinh thần của nhân dân 2.5. Tư tưởng về đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư 2.6. Tư tưởng về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau 3. Vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam 4. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay 4.1. Sự cần thiết phải học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh 4.2. Nội dung chủ yếu của học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh				
4	Kiểm tra	2			2
5	Bài 3: Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng 1. Sự ra đời và lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với cách mạng Việt Nam 1.1. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam 1.2. Vai trò lãnh đạo của Đảng trong các giai đoạn cách mạng 2. Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng 2.1. Thắng lợi của đấu tranh giành và bảo vệ nền độc lập dân tộc 2.2. Thắng lợi của công cuộc đổi mới	5	3	2	
6	Bài 4: Đặc trưng và phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 1. Đặc trưng của xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	5	3	2	

	1.1. Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh 1.2. Do nhân dân làm chủ 1.3. Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp 1.4. Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc 1.5. Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện 1.6. Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển 2.1.7. Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo 1.8. Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới 2. Phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 2.1. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường 2.2. Phát triển nên kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa 2.3. Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội 2.4. Đảm bảo vững chắc quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội 2.5. Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập,				

	tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế 2.6. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết dân lộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất 2.7. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân 2.8. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh				
7	Bài 5: Phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam 1. Nội dung của chủ trương phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay 2. Giải pháp phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay 2.1. Nội dung phát triển kinh tế, xã hội 2.2. Nội dung phát triển văn hóa, con người	10	5	5	
8	Bài 6: Tăng cường quốc phòng an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế ở nước ta hiện nay 1. Bối cảnh Việt Nam và quốc tế 2. Quan điểm và những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối quốc phòng, an ninh 2.1. Quan điểm của Đảng về đường lối quốc phòng, an ninh 2.2. Những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối quốc phòng, an ninh 3. Quan điểm và những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối đối ngoại 3.1. Quan điểm của Đảng về đường lối đối	6	3	3	

	ngoại 3.2. Những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối đối ngoại				
9	Kiểm tra	2			2
10	Bài 7: Xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam 1. Bản chất và đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam 1.1. Bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam 1.2. Đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2. Phương hướng, nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2.1. Phương hướng xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2.2. Nhiệm vụ và giải pháp xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam	7	3	4	
11	Bài 8: Phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc 1. Tầm quan trọng của đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc 1.1. Cơ sở lý luận của đường lối, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc 1.2. Cơ sở thực tiễn của đường lối, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc	6	3	3	

	2. Quan điểm và phương hướng của Đảng về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc 2.1. Quan điểm của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc 2.2. Phương hướng và giải pháp phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc				
12	Bài 9: Tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt 1. Quan niệm về người công dân tốt, người lao động tốt 1.1. Người công dân tốt 1.2. Người lao động tốt 2. Nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt 2.1. Phát huy truyền thống yêu nước, trung thành với sự nghiệp cách mạng cửa nhân dân Việt Nam 2.2. Phấn đấu học tập nâng cao năng lực và rèn luyện phẩm chất cá nhân	3	1	2	
13	Kiểm tra	1			1
	Tổng cộng	**75**	**41**	**29**	**05**

2. Nội dung chi tiết:

Bài mở đầu **Thời gian: 2 giờ**

1. Mục tiêu:

- Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, phương pháp dạy học và đánh giá môn học, mô đun.

2. Nội dung:

2.1. Vị trí, tính chất môn học, mô đun

2.2. Mục tiêu của môn học, mô đun

2.3. Nội dung chính

2.4. Phương pháp dạy học và đánh giá môn học, mô đun

Bài 1: Khái quát về chủ nghĩa Mác – Lênin Thời gian: 13 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm, nội dung cơ bản, vai trò của chủ nghĩa Mác - Lênin trong nhận thức và thực tiễn đời sống xã hội;
- Bước đầu vận dụng được thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin vào giải quyết các vấn đề của cá nhân và xã hội.

2. Nội dung:

2.1. Khái niệm chủ nghĩa Mác – Lênin

2.2. Một số nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin

2.2.1. Triết học Mác - Lênin

2.2.2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin

2.2.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

2.3. Vai trò nền tảng tư tưởng, lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin

Bài 2: Khái quát về tư tưởng Hồ Chí Minh Thời gian: 13 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được một số điểm cơ bản về nguồn gốc, quá trình hình thành, nội dung cơ bản, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh; sự cần thiết, nội dung học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh;
- Có nhận thức đúng đắn, vận dụng tốt các kiến thức đã học vào việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức và phong cách của cá nhân.

2. Nội dung:

2.1. Khái niệm, nguồn gốc và quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Nguồn gốc

2.1.3. Quá trình hình thành

2.2. Một số nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh

2.2.1. Tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại

2.2.2. Tư tưởng về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân

2.2.3. Tư tưởng về đại đoàn kết toàn dân

2.2.4. Tư tưởng về phát triển kinh tế và văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân

2.2.5. Tư tưởng về đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư

2.2.6. Tư tưởng về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau

2.3. Vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam

2.4. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay

2.4.1. Sự cần thiết phải học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

2.4.2. Nội dung chủ yếu của học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

Bài 3: Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được quá trình ra đời và những thành tựu của cách mạng Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo;
- Khẳng định, tin tưởng và tự hào về sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng ở nước ta.

2. Nội dung:

2.1. Sự ra đời và lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với cách mạng Việt Nam

2.1.1. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

2.1.2. Vai trò lãnh đạo của Đảng trong các giai đoạn cách mạng

2.2. Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng

2.2.1. Thắng lợi của đấu tranh giành và bảo vệ nền độc lập dân tộc

2.2.2. Thắng lợi của công cuộc đổi mới

Bài 4: Đặc trưng và phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được đặc trưng và phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam;
- Có nhận thức đúng đắn và niềm tin vào việc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.

2. Nội dung:

2.1. Đặc trưng của xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

2.1.1. Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh

2.1.2. Do nhân dân làm chủ

2.1.3. Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp

2.1.4. Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc

2.1.5. Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện

2.1.6. Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển

2.1.7. Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo

2.1.8. Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới

2.2. Phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

2.2.1. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường

2.2.2. Phát triển nên kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

2.2.3. Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội

2.2.4. Đảm bảo vững chắc quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội

2.2.5. Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế

2.2.6. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết dân lộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất

2.2.7. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân

2.2.8. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh

Bài 5: Phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người Việt Nam

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được một số quan điểm và giải pháp xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay;

- Nhận thức được đường lối phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người của nước ta trong giai đoạn hiện nay là phù hợp và chủ động thực hiện đường lối đó.

2. Nội dung:

2.1. Nội dung của chủ trương phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay

2.2. Giải pháp phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay

2.2.1. Nội dung phát triển kinh tế, xã hội

2.2.2. Nội dung phát triển văn hóa, con người

Bài 6: Tăng cường quốc phòng an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế ở nước ta hiện nay

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được những quan điểm cơ bản về đường lối quốc phòng, an ninh và đối ngoại của Đảng ta hiện nay;
- Tin tưởng và tích cực thực hiện tốt đường lối quốc phòng, an ninh và đối ngoại hiện nay.

2. Nội dung:

2.1. Bối cảnh Việt Nam và quốc tế

2.2. Quan điểm và những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối quốc phòng, an ninh

2.2.1. Quan điểm của Đảng về đường lối quốc phòng, an ninh

2.2.2. Những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối quốc phòng, an ninh

2.3. Quan điểm và những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối đối ngoại

2.3.1. Quan điểm của Đảng về đường lối đối ngoại

2.3.2. Những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối đối ngoại

Bài 7: Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được bản chất, đặc trưng, phương hướng và nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Khẳng định được tính ưu việt của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam so với các kiểu nhà nước khác và xác định được nhiệm vụ của bản thân trong việc xây dựng và bảo vệ Nhà nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung:

2.1. Bản chất và đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.1. Bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.2. Đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2. Phương hướng, nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2.1. Phương hướng xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2.2. Nhiệm vụ và giải pháp xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Bài 8: Phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được tầm quan trọng và nội dung phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc;
- Khẳng định được tầm quan trọng và thực hiện tốt vai trò của cá nhân trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Nội dung:

2.1. Tầm quan trọng của đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.1.1. Cơ sở lý luận của đường lối, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.1.2. Cơ sở thực tiễn của đường lối, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.2. Quan điểm và phương hướng của Đảng về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.2.1. Quan điểm của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.2.2. Phương hướng và giải pháp phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Bài 9: Tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được quan niệm, nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt;

- Tích cực học tập và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

2. Nội dung:

2.1. Quan niệm về người công dân tốt, người lao động tốt

2.1.1. Người công dân tốt

2.1.2. Người lao động tốt

2.2. Nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt

2.2.1. Phát huy truyền thống yêu nước, trung thành với sự nghiệp cách mạng cửa nhân dân Việt Nam

2.2.2. Phấn đấu học tập nâng cao năng lực và rèn luyện phẩm chất cá nhân

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết: 1 phòng, diện tích 75m2, có đủ bàn ghế cho sinh viên, điều kiện ánh sáng đảm bảo.

2. Trang thiết bị máy móc: máy tính, máy chiếu, băng đĩa…

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Kế hoạch dạy học, Giáo trình Giáo dục chính trị và các tài liệu tham khảo liên quan.

4. Tiêu chuẩn, tiêu chí giảng viên: Tốt nghiệp các ngành Lý luận chính trị; trình độ từ đại học trở lên; có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên đại học, cao đẳng.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được nội dung cơ bản nhất về thế giới quan và phương pháp luận chủ nghĩa Mác - Lênin;

+ Trình bày nguồn gốc, nội dung cơ bản và ý nghĩa tư tưởng Hồ Chí Minh;

+ Trình bày được những nội dung cơ bản về đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam qua các thời kỳ (nhất là đường lối đổi mới của Đảng từ năm 1986 đến nay).

- Về kỹ năng:

+ Khả năng vận dụng các kiến thức đã học để giải thích và bình luận các hiện tượng mang tính phổ quát diễn ra trong lĩnh vực tự nhiên, xã hội và tư duy.

+ Khả năng vận dụng các kiến thức đã học để hiểu, giải thích và bình luận được các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và quốc tế.

+ Kỹ năng tư duy lôgic, khoa học.

+ Kỹ năng phân tích, so sánh, tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề khoa học đặc biệt có ý nghĩa quan trọng đối với việc nghiên cứu các môn khoa học pháp lý.

+ Các kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm.

+ Kỹ năng lập luận, thuyết trình.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Ý thức bảo vệ, phổ biến những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác -Lênin, đấu tranh chống những quan điểm sai trái.

+ Ý thức thực hiện tốt và tuyên truyền "Cuộc vận động học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh".

+ Ý thức, thái độ đúng đắn trong việc thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

+ Bản lĩnh chính trị, tính chủ động, tự tin của học sinh.

+ Niềm tin vào con đường mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã chọn.

2. Phương pháp đánh giá:

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư 04/2022/BLĐTBXH ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

a) Điểm môn học bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6;

b) Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm. Trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

c) Điểm môn học đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 4,0 đạt từ 2,00 trở lên (Quy đổi tại Điều 16 và Điều 31 Thông tư Thông tư 04/2022/BLĐTBXH ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

- Điểm quá trình (kí hiệu: QT): Kiểm tra theo hình thức bài viết tự luận, thảo luận hoặc trắc nghiệm.

+ Số lượng: 06 cột điểm: Trong đó, 01 cột điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1; 05 cột điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2.

- Điểm thi kết thúc môn học/mô đun

+ Hình thức: Thi tự luận hoặc trắc nghiệm.

+ Thời gian: từ 60 - 90 phút.

- Điểm môn học, mô đun tính theo công thức:

$$MH = \frac{QT \times 4 + THI \times 6}{10}$$

- Thang điểm: Theo thang điểm 04 và các thang điểm tiếp theo tại điều 31 Thông tư 04/2022/BLĐTBXH ngày 03 tháng 3 năm 2022.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học, mô đun:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Cho sinh viên năm thứ nhất.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học, mô đun:

- Đối với giảng viên: Thuyết trình, giảng giải, sử dụng các phương pháp dạy học tích cực, tăng cường thảo luận, đối thoại kết hợp nhiều phương pháp dạy học hiện đại.

- Đối với người học:

+ Nghiên cứu trước giáo trình, chuẩn bị các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng;

+ Sưu tầm, nghiên cứu các các tài liệu có liên quan đến nội dung của từng phần, từng chương, mục hay chuyên đề theo sự hướng dẫn của giáo viên;

+ Tham dự đầy đủ các giờ giảng của giảng viên và các buổi tổ chức thảo luận, đối thoại dưới sự hướng dẫn và điều khiển của giảng viên theo quy chế.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức.

- Những nguyên lý, quy luật của chủ nghĩa Mác - Lênin

- Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

- Một số nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh

- Đường lối đổi mới toàn diện đất nước của Đảng Cộng sản Việt Nam.

4. Tài liệu tham khảo:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (2014), Kết luận số 94-KL/TW, ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng "về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân".

- Ban Tuyên giáo Trung ương (2014), Hướng dẫn số 127-HD/BTGTW ngày 30/6/2014 của Ban Tuyên giáo Trung ương về việc triển khai thực hiện Kết luận số 94-KL/TW ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng "về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân".
- Ban Tuyên giáo Trung ương (2016), Những điểm mới trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.
- Ban Tuyên giáo Trung ương (2018), sổ tay các văn bản hướng dẫn thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15-5-2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
- Bộ Chính trị (2016), Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2018), Thông tư số 24/2018/QĐ-BLĐTBXH ngày 06/12/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Ban hành Chương trình môn học Giáo dục chính trị thuộc khối các môn học cung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành chương trình Các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), Thông tư số 11/2012/TT-BGDĐT, ngày 7/3/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình môn học Giáo dục chính trị dùng trong đào tạo trình độ trung cấp chuyên nghiệp.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.
- Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

- Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản về quản lý nhà nước, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
- Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
- Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận- Hành chính: Đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về các lĩnh vực của đời sống xã hội, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
- Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Nghiệp vụ công tác đảng ở cơ sở, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
- Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản về Đảng Cộng sản và lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội;
- Hội đồng Lý luận Trung ương (2017), Phê phán các quan điểm sai trái, bảo vệ nền tảng tư tưởng, cương lĩnh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
- Quốc hội (2013), Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.
- Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp (2020), Tài liệu dạy, học Giáo dục chính trị, chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, nhà xuất bản Lao động – xã hội.

Các tài liệu liên quan khác./.

VII. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Thực hiện theo quy định tại Thông tư 04/2022/BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

HIỆU TRƯỞNG

(*Đã ký*)

Tạ Thị Nhất Sương

Tên môn học: TIẾNG ANH

Tên môn học: MH2

Thời gian thực hiện môn học: 120 giờ (Lý thuyết: 42 giờ; Thảo luận, bài tập: 72 giờ; Kiểm tra và ôn tập: 6 giờ; Tự học: 120 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học

- Vị trí: Môn học Tiếng Anh là một trong các môn học ngoại ngữ bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.
- Tính chất: Chương trình môn học Tiếng Anh bao gồm các kiến thức, kỹ năng sử dụng tiếng Anh cơ bản trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp phù hợp với trình độ được đào tạo.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong chương trình ở trình độ cao đẳng, người học đạt được trình độ năng lực ngoại ngữ Bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, cụ thể:

- Về kiến thức:

Nhận biết và giải thích được các cấu trúc ngữ pháp cơ bản về thành phần của câu, cách sử dụng thì hiện tại đơn, tiếp diễn và hoàn thành, thì quá khứ đơn, tiếp diễn, thì tương lai, phân loại danh từ, đại từ và tính từ; phân biệt và giải thích được các từ vựng về những chủ đề quen thuộc như giới thiệu bản thân và người khác, các hoạt động hàng ngày, sở thích, địa điểm, thực phẩm và đồ uống, các sự kiện đặc biệt, kỳ nghỉ, các kế hoạch trong tương lai, ngoại hình và tính cách, sự phát triển của công nghệ và thói quen mua sắm.

- Về kỹ năng:

+ Kỹ năng nghe: Nghe và hiểu được những cụm từ và cách diễn đạt liên quan tới nhu cầu thiết yếu hằng ngày khi được diễn đạt chậm và rõ ràng về các chủ đề liên quan đến các thành viên gia đình, các hoạt động giải trí trong thời gian rảnh rỗi, vị trí đồ đạc trong nhà, các loại thức ăn và đồ uống phổ biến, các hoạt động trong các dịp lễ hoặc sự kiện đặc biệt, du lịch, các hoạt động hàng ngày, sở thích, kế hoạch trong tương lai, ngoại hình, tính cách và mua sắm; hiểu được ý chính trong các giao dịch quen thuộc hằng ngày khi được diễn đạt chậm và rõ ràng.

+ Kỹ năng nói: Giao tiếp một cách đơn giản và trực tiếp về các chủ đề quen thuộc hằng ngày liên quan tới tự giới thiệu bản thân, gia đình, nghề nghiệp, sở thích; chỉ

đường đến những địa điểm thông thường; đặt được câu hỏi về số lượng; giới thiệu được những ngày lễ, sự kiện đặc biệt, hoạt động du lịch, các kế hoạch cho các ngày lễ và sự kiện đặc biệt; mô tả tính cách và ngoại hình của bản thân và người khác; giới thiệu các sản phẩm công nghệ và công dụng; mô tả thói quen mua sắm; truyền đạt quan điểm, nhận định của mình trong các tình huống xã giao đơn giản, ngắn gọn.

+ Kỹ năng đọc: Đọc và phân tích được các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các vấn đề quen thuộc và cụ thể; đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết thông qua các bài đọc có liên quan đến giới thiệu bạn bè, các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, nơi chốn, các thức ăn và đồ uống phổ biến, các ngày lễ đặc biệt và kỳ nghỉ, các hoạt động hàng ngày và các sở thích, cách chào đón năm mới ở các quốc gia, sự phát triển của công nghệ và thói quen mua sắm.

+ Kỹ năng viết: Viết được các mệnh đề, câu đơn giản và kết nối với nhau bằng các liên từ cơ bản; viết đoạn văn ngắn về các chủ đề có liên quan đến bản thân, sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, mô tả nhà ở, thức ăn và đồ uống, các lễ hội và dịp đặc biệt, các kỳ nghỉ và các sở thích, kế hoạch và dự định cho việc chào đón năm mới, thiết bị công nghệ và thói quen mua sắm.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Nhận thức được tầm quan trọng của ngoại ngữ nói chung và Tiếng Anh nói riêng, có trách nhiệm trong việc sử dụng tiếng Anh trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;

+ Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng tiếng Anh vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên đơn vị bài học	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Gia đình và bạn bè (Family and friends) 1. Từ vựng (Vocabulary) 1.1. Gia đình; 1.2. Nghề nghiệp;	9	3	6	

	1.3. Các động từ thông dụng và các hoạt động. 2. Ngữ pháp (Grammar) 2.1. Động từ “to be”; 2.2. Tính từ sở hữu; 2.3. Đại từ và đại từ chỉ định; 2.4. Thì hiện tại đơn. 3. Kỹ năng nghe (Listening) 3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về thông tin cá nhân và gia đình; 3.2. Bài tập True/False. 4. Kỹ năng nói (Speaking) 4.1. Giới thiệu bản thân và gia đình; 4.2. Hỏi và trả lời. 5. Kỹ năng đọc (Reading) 5.1. Bài đọc: My friend Minh; 5.2. Bài tập trắc nghiệm; 5.3. Bài tập True/False. 6. Kỹ năng viết (Writing) - Viết đoạn văn giới thiệu bản thân (tối thiểu 50 từ).				
2	Bài 2: Thời gian rảnh rỗi (Leisure time) 1. Từ vựng (Vocabulary) 1.1. Các môn thể thao; 1.2. Các hoạt động trong thời gian rãnh rỗi. 2. Ngữ pháp (Grammar) 2.1. Trạng từ chỉ tần suất; 2.2. Động từ khiếm khuyết Can/can’t; 2.3. Cấu trúc How often...? 3. Kỹ năng nghe (Listening) 3.1. Nghe các cá nhân giới thiệu sở	9	3	6	

	thích và trả lời câu hỏi; 3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án chính xác; 3.3. Bài tập nghe và kết hợp đúng đối tượng và hoạt động. 4. Kỹ năng nói (Speaking) 4.1. Trình bày về sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi; 4.2. Phỏng vấn một người bạn trong lớp 5. Kỹ năng đọc (Reading) 5.1. Bài đọc: What does she usually do on Saturdays? 5.2. Đọc và trả lời câu hỏi; 5.3. Bài tập trắc nghiệm; 5.4. Bài tập True/False. 6. Kỹ năng viết (Writing) - Viết về các hoạt động yêu thích trong thời gian rảnh rỗi (tối thiểu 50 từ).				
3	Bài 3: Địa điểm (Places) 1. Từ vựng (Vocabulary) 1.1. Các địa điểm trong thành phố; 1.2. Các tính từ thông dụng; 1.3. Các đồ vật trong nhà; 2. Ngữ pháp (Grammar) 2.1. Cấu trúc There is/ There are; 2.2. Giới từ chỉ nơi chốn. 3. Kỹ năng nghe (Listening) 3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về vị trí các vật dụng trong nhà; 3.2. Bài tập nghe và chọn đáp án chính xác. 4. Kỹ năng nói (Speaking)	9	3	6	

	4.1. Mô tả vị trí các đồ vật và nơi chốn trong hình ảnh; 4.2. Bài tập điền hoàn chỉnh bảng câu hỏi. 5. Kỹ năng đọc (Reading) 5.1. Bài đọc: Da Nang City - a worth-living city in Viet Nam; 5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi. 6. Kỹ năng viết (Writing) - Viết đoạn văn ngắn mô tả một căn phòng trong nhà bạn (tối thiểu 50 từ).				
4	Bài 4: Các loại thực phẩm và đồ uống (Food and drink) 1. Từ vựng (Vocabulary) Các loại thực phẩm và đồ uống 2. Ngữ pháp (Grammar) 2.1. Danh từ đếm được và không đếm được; 2.2. Cấu trúc How much/ How many; 2.3. Cấu trúc Should/ Shouldn't; 2.4. Cấu trúc Would like. 3. Kỹ năng nghe (Listening) 3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về các loại thức ăn, đồ uống; 3.2. Bài tập True/False; 3.3. Bài tập trắc nghiệm. 4. Kỹ năng nói (Speaking) 4.1. Hỏi về số lượng trong mua sắm; 4.2. Bài tập điền hoàn chỉnh câu với much hoặc many; 4.3. Bài tập lựa chọn đáp án đúng; 4.4. Bài tập sửa lỗi câu.	9	3	6	

	5. Kỹ năng đọc (Reading) 5.1. Bài đọc: A restaurant menu; 5.2. Bài tập phân loại từ vựng; 5.3. Bài tập True/False. 6. Kỹ năng viết (Writing) - Viết đoạn văn ngắn nêu những việc nên làm và không nên làm để có sức khỏe tốt (tối thiểu 50 từ).				
5	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	4	2		2
6	Bài 5: Các sự kiện đặc biệt (Special occasions) 1. Từ vựng (Vocabulary) 1.1. Các ngày lễ quan trọng; 1.2. Từ vựng mô tả ngoại hình; 1.3. Quần áo và màu sắc. 2. Ngữ pháp (Grammar) 2.1. Thì hiện tại đơn; 2.2. Thì hiện tại tiếp diễn; 2.3. Giới từ chỉ thời gian. 3. Kỹ năng nghe (Listening) 3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về lễ hội và các thông tin có liên quan; 3.2. Bài tập lựa chọn đáp án đúng; 3.3. Thực hành theo cặp đôi; 3.4. Bài tập nghe và điền từ vào chỗ trống. 4. Kỹ năng nói (Speaking) 4.1. Thực hành nói về các hoạt động của gia đình trong các lễ hội và sự kiện đặc biệt; 4.2. Bài tập sắp xếp câu theo trật tự phù	9	3	6	

	hợp; 4.3. Thực hành nói với bạn trong lớp. 5. Kỹ năng đọc (Reading) 5.1. Bài đọc: Tet holiday; 5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi; 5.3. Thảo luận. 6. Kỹ năng viết (Writing) - Viết đoạn văn ngắn mô tả một lễ hội hoặc sự kiện đặc biệt (tối thiểu 50 từ)				
7	Bài 6: Kỳ nghỉ (Vacation) 1. Từ vựng (Vocabulary) 1.1. Các hoạt động liên quan đến kỳ nghỉ; 1.2. Các vật dụng liên quan đến kỳ nghỉ; 1.3. Các tính từ mô tả nơi chốn và cảm xúc. 2. Ngữ pháp (Grammar) 2.1. Thì quá khứ đơn; 2.2. Dạng quá khứ của động từ To be; 2.3. Dạng quá khứ của động từ Can; 2.4. Động từ hợp quy tắc. 3. Kỹ năng nghe (Listening) 3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về kỳ nghỉ; 3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng; 3.3. Bài tập nghe và kết hợp. 4. Kỹ năng nói (Speaking) 4.1. Thực hành đặt câu hỏi có liên quan đến kỳ nghỉ; 4.2. Bài tập sắp xếp câu theo trật tự phù hợp; 4.3. Thực hành với bạn trong lớp.	9	3	6	

	5. Kỹ năng đọc (Reading) 5.1. Bài đọc: My first trip to Hanoi; 5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi; 5.3. Bài tập True/False. 6. Kỹ năng viết (Writing) - Viết đoạn văn ngắn kể về kỳ nghỉ vừa qua của bạn (tối thiểu 50 từ).				
8	Bài 7: Các hoạt động hàng ngày (Activities) 1. Từ vựng (Vocabulary) 1.1. Các hoạt động hàng ngày; 1.2. Tính từ chỉ tính cách. 2. Ngữ pháp (Grammar) 2.1. Kết hợp thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp diễn; 2.2. To infinivive and Gerund. 3. Kỹ năng nghe (Listening) 3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài các hoạt động hàng ngày; 3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng; 3.3. Bài tập nghe và trả lời câu hỏi. 4. Kỹ năng nói (Speaking) 4.1. Nói về các hoạt động hàng ngày; 4.2. Thực hành nghe và lặp lại; 4.3. Thực hành theo cặp đôi. 5. Kỹ năng đọc (Reading) 5.1. Bài đọc: A letter; 5.2. Bài tập đọc và lựa chọn đáp án đúng. 6. Kỹ năng viết (Writing) - Viết đoạn văn mô tả hoạt động đang	9	3	6	

	diễn ra trong một bức tranh (tối thiểu 50 từ).				
9	Bài 8: Sở thích (Hobbies and interests) 1. Từ vựng (Vocabulary) 1.1. Sở thích; 1.2. Cấu trúc Play/go/do+ sport. 2. Ngữ pháp (Grammar) 2.1. Thì quá khứ đơn; 2.2. Thì quá khứ tiếp diễn; 2.3. Kết hợp thì quá khứ đơn và thì quá khứ tiếp diễn. 3. Kỹ năng nghe (Listening) 3.1. Nghe các cá nhân nói về sở thích và trả lời câu hỏi; 3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng. 4. Kỹ năng nói (Speaking) 4.1. Nói về sở thích trong quá khứ và hiện tại; 4.2. Thực hành nghe và lặp lại. 5. Kỹ năng đọc (Reading) 5.1. Bài đọc: What is a hobby?; 5.2. Bài tập True/False/Not given. 6. Kỹ năng viết (Writing) Viết đoạn văn ngắn mô tả các sở thích của bản thân (tối thiểu 80 từ).	9	3	6	
10	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	4	2		2
11	Bài 9: Các kế hoạch trong tương lai (Future plans) 1. Từ vựng (Vocabulary) 1.1. Lễ hội;	9	3	6	

	1.2. Tính từ mô tả địa điểm. 2. Ngữ pháp (Grammar) 2.1. Cấu trúc Will và going to; 2.2. Từ định lượng a little, a few, many, much và a lot of. 3. Kỹ năng nghe (Listening) 3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về nơi sinh sống; 3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng. 4. Kỹ năng nói (Speaking) 4.1. Nói về các dự định và kế hoạch cho một lễ hội và sự kiện đặc biệt; 4.2. Thực hành nghe và lặp lại; 4.3. Thực hành theo cặp đôi. 5. Kỹ năng đọc (Reading) 5.1. Bài đọc: New Year Celebrations; 5.2. Bài tập True/False/Not given. 6. Kỹ năng viết (Writing) Viết đoạn văn ngắn mô tả các dự định và kế hoạch chào đón năm mới (tối thiểu 80 từ).				
12	Bài 10: Ngoại hình và tính cách (Appearance and personality) 1. Từ vựng (Vocabulary) 1.1. Tính từ mô tả ngoại hình; 1.2. Tính từ mô tả tính cách. 2. Ngữ pháp (Grammar) 2.1. So sánh hơn (Comparative); 2.2. So sánh nhất (Superlative). 3. Kỹ năng nghe (Listening) 3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về tuổi, ghi	9	3	6	

	các tính từ mô tả hình dáng và tính cách một người; 3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng; 3.3. Bài tập nghe và điền hoàn chỉnh 4. Kỹ năng nói (Speaking) 4.1. Mô tả ngoại hình và tính cách các thành viên trong lớp học; 4.2. Thực hành nghe và lặp lại; 4.3. Thực hành theo cặp đôi. 5. Kỹ năng đọc (Reading) 5.1. Bài đọc: My travel page; 5.2. Bài tập True/False/Not given. 6. Kỹ năng viết (Writing) - Viết đoạn văn ngắn mô tả về một người bạn thân (tối thiểu 80 từ).				
13	Bài 11: Công nghệ (Technology) 1. Từ vựng (Vocabulary) 1.1. Các thiết bị công nghệ; 1.2. Công nghệ. 2. Ngữ pháp (Grammar) 2.1. Thì hiện tại hoàn thành; 2.2. Cấu trúc How long...?; 2.3. Giới từ For và since. 3. Kỹ năng nghe (Listening) 3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về đặc tính các loại thiết bị phổ biến trong gia đình; 3.2. Bài tập True/False. 4. Kỹ năng nói (Speaking) 4.1. Thực hành nói về các thiết bị công nghệ; 4.2. Thực hành nghe và lặp lại;	9	3	6	

	4.3. Thực hành theo cặp đôi. 5. Kỹ năng đọc (Reading) 5.1. Bài đọc: The Rise of Digital Media; 5.2. Bài tập True/False/Not given. 6. Kỹ năng viết (Writing) -Viết đoạn văn ngắn mô tả thiết bị công nghệ mà bạn yêu thích (tối thiểu 80 từ).				
14	Bài 12: Mua sắm (Shopping) 1. Từ vựng (Vocabulary) Các từ vựng liên quan đến mua sắm. 2. Ngữ pháp (Grammar) 2.1. Thì hiện tại hoàn thành; 2.2. Thì quá khứ đơn; 2.3. Kết hợp thì hiện tại hoàn thành và thì quá khứ đơn. 3. Kỹ năng nghe (Listening) 3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về mua sắm; 3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng. 4. Kỹ năng nói (Speaking) 4.1. Thực hành nói về kế hoạch mua sắm; 4.2. Thực hành nghe và lặp lại; 4.3. Thực hành theo cặp đôi. 5. Kỹ năng đọc (Reading) 5.1. Bài đọc: My Shopping Day; 5.2. Bài tập True/False/Not give 6. Kỹ năng viết (Writing) Viết đoạn văn ngắn kể về việc mua sắm tại chợ/siêu thị tuần trước và hiện tại (tối thiểu 80 từ).	9	3	6	
15	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation &	4	2		2

	test)				
	Tổng cộng	**120**	**42**	**72**	**6**

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1. Gia đình và bạn bè (Family and friends)

Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu:

- Nhận biết các động từ thông dụng và từ vựng về gia đình;
- Nhận biết và sử dụng được thì hiện tại đơn, tính từ sở hữu, đại từ và đại từ chỉ định;
- Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài gia đình;
- Nói về bản thân và gia đình;
- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về gia đình;
- Viết đoạn văn giới thiệu bản thân.

2. Nội dung của bài:

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Gia đình;

2.1.2. Nghề nghiệp;

2.1.3. Các động từ thông dụng và các hoạt động.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Động từ “to be”;

2.2.2. Tính từ sở hữu;

2.2.3. Đại từ và đại từ chỉ định;

2.2.4. Thì hiện tại đơn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về thông tin cá nhân và gia đình;

2.3.2. Bài tập True/False.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Giới thiệu bản thân và gia đình;

2.4.2. Hỏi và trả lời.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: My friend Minh;

2.5.2. Bài tập trắc nghiệm;

2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

- Viết đoạn văn giới thiệu bản thân (tối thiểu 50 từ).

Bài 2. Thời gian rảnh rỗi (Leisure time) Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu:

- Nhận biết và đặt ví dụ với các trạng từ chỉ tần suất (Adverbs of frequency), động từ khiếm khuyết can/can't và câu hỏi với How often?
- Sử dụng các từ vựng về sở thích, thể thao và hoạt động lúc rảnh rỗi;
- Nghe các cá nhân giới thiệu sở thích và trả lời câu hỏi;
- Trình bày về sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi;
- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về sở thích trong thời gian rảnh rỗi;
- Viết về các hoạt động yêu thích trong thời gian rảnh rỗi.

2. Nội dung của bài:

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các môn thể thao;

2.1.2. Các hoạt động trong thời gian rãnh rỗi.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Trạng từ chỉ tần suất;

2.2.2. Động từ khiếm khuyết Can/can't;

2.2.3. Cấu trúc How often...?

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe các cá nhân giới thiệu sở thích và trả lời câu hỏi;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án chính xác;

2.3.3. Bài tập nghe và kết hợp đúng đối tượng và hoạt động.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Trình bày về sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi;

2.4.2. Phỏng vấn một người bạn trong lớp

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: What does she usually do on Saturdays?

2.5.2. Đọc và trả lời câu hỏi;

2.5.3. Bài tập trắc nghiệm;

2.5.4. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

- Viết về các hoạt động yêu thích trong thời gian rảnh rỗi (tối thiểu 50 từ).

Bài 3. Địa điểm (Places) Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu:

- Nhận biết và đặt ví dụ với There is/there are, giới từ chỉ nơi chốn và các từ vựng về vật dụng trong nhà, các địa điểm phổ biến và các tính từ phổ biến;
- Nghe và trả lời câu hỏi về vị trí các vật dụng trong nhà;
- Hỏi đường và chỉ đường;
- Đọc hiểu bài đọc giới thiệu về thành phố và các địa điểm nổi bật;
- Viết đoạn văn ngắn giới thiệu về quê hương của bạn.

2. Nội dung của bài:

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các địa điểm trong thành phố;

2.1.2. Các tính từ thông dụng;

2.1.3. Các đồ vật trong nhà;

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Cấu trúc There is/ There are;

2.2.2. Giới từ chỉ nơi chốn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về vị trí các vật dụng trong nhà;

2.3.2. Bài tập nghe và chọn đáp án chính xác.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Mô tả vị trí các đồ vật và nơi chốn trong hình ảnh;

2.4.2. Bài tập điền hoàn chỉnh bảng câu hỏi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: Da Nang City - a worth-living city in Viet Nam;

2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

- Viết đoạn văn ngắn mô tả một căn phòng trong nhà bạn (tối thiểu 50 từ).

Bài 4. Các loại thực phẩm và đồ uống (Food and drink) Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu:

- Nhận biết và đặt ví dụ với danh từ đếm được và không đếm được (Countable and uncountable nouns), cấu trúc How much/how many, động từ khiếm khuyết Should / shouldn't, cấu trúc Would like và các từ vựng về các loại thức ăn và đồ uống;
- Nghe và trả lời câu hỏi về các loại thức ăn, đồ uống;
- Hỏi về số lượng;
- Đọc hiểu một số thức ăn và đồ uống trong thực đơn;
- Viết đoạn văn ngắn nêu những việc nên làm và không nên làm để có sức khỏe tốt.

2. Nội dung của bài:

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

Các loại thực phẩm và đồ uống

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Danh từ đếm được và không đếm được;

2.2.2. Cấu trúc How much/ How many;

2.2.3. Cấu trúc Should/ Shouldn't;

2.2.4. Cấu trúc Would like.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về các loại thức ăn, đồ uống;

2.3.2. Bài tập True/False;

2.3.3. Bài tập trắc nghiệm.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Hỏi về số lượng trong mua sắm;

2.4.2. Bài tập điền hoàn chỉnh câu với much hoặc many;

2.4.3. Bài tập lựa chọn đáp án đúng;

2.4.4. Bài tập sửa lỗi câu.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: A restaurant menu;

2.5.2. Bài tập phân loại từ vựng;

2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

- Viết đoạn văn ngắn nêu những việc nên làm và không nên làm để có sức khỏe tốt (tối thiểu 50 từ).

Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)

Bài 5. Các sự kiện đặc biệt (Special occasions) **Thời gian: 9 giờ**

1. Mục tiêu:

- Sử dụng thì Present simple và Present continuous, giới từ chỉ thời gian (prepositions of time) và các từ vựng về quần áo, màu sắc, lễ hội và sự kiện đặc biệt và tính từ mô tả ngoại hình;
- Nghe và trả lời câu hỏi về lễ hội và các thông tin có liên quan;
- Thực hành nói về các hoạt động của gia đình trong các lễ hội và sự kiện đặc biệt;
- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về các hoạt động trong ngày Tết truyền thống Việt Nam;
- Viết đoạn văn ngắn mô tả một lễ hội hoặc sự kiện đặc biệt.

2. Nội dung của bài:

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các ngày lễ quan trọng;

2.1.2. Từ vựng mô tả ngoại hình;

2.1.3. Quần áo và màu sắc.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì hiện tại đơn;

2.2.2. Thì hiện tại tiếp diễn;

2.2.3. Giới từ chỉ thời gian.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về lễ hội và các thông tin có liên quan;

2.3.2. Bài tập lựa chọn đáp án đúng;

2.3.3. Thực hành theo cặp đôi;

2.3.4. Bài tập nghe và điền từ vào chỗ trống.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Thực hành nói về các hoạt động của gia đình trong các lễ hội và sự kiện đặc biệt;

2.4.2. Bài tập sắp xếp câu theo trật tự phù hợp;

2.4.3. Thực hành nói với bạn trong lớp.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: Tet holiday;

2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi;

2.5.3. Thảo luận.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

- Viết đoạn văn ngắn mô tả một lễ hội hoặc sự kiện đặc biệt (tối thiểu 50 từ).

Bài 6. Kỳ nghỉ (Vacation) Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu:

- Sử dụng thì quá khứ đơn (Past simple), các cụm từ chỉ thời gian, các vật dụng và hoạt động liên quan đến kỳ nghỉ, tính từ mô tả nơi chốn và cảm xúc;
- Nghe và trả lời câu hỏi về kỳ nghỉ;
- Thực hành đặt câu hỏi có liên quan đến kỳ nghỉ;
- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về một chuyến du lịch đã thực hiện;
- Viết đoạn văn ngắn kể về kỳ nghỉ vừa qua của bạn.

2. Nội dung của bài:

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các hoạt động liên quan đến kỳ nghỉ;

2.1.2. Các vật dụng liên quan đến kỳ nghỉ;

2.1.3. Các tính từ mô tả nơi chốn và cảm xúc.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì quá khứ đơn;

2.2.2. Dạng quá khứ của động từ To be;

2.2.3. Dạng quá khứ của động từ Can;

2.2.4. Động từ hợp quy tắc.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về kỳ nghỉ;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;

2.3.3. Bài tập nghe và kết hợp.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Thực hành đặt câu hỏi có liên quan đến kỳ nghỉ;

2.4.2. Bài tập sắp xếp câu theo trật tự phù hợp;

2.4.3. Thực hành với bạn trong lớp.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: My first trip to Hanoi;

2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi;

2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

- Viết đoạn văn ngắn kể về kỳ nghỉ vừa qua của bạn (tối thiểu 50 từ).

Bài 7. Các hoạt động hàng ngày (Activities) Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu:

- Sử dụng kết hợp thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp; to infinitive và gerund và từ vựng về các hoạt động hàng ngày; các tính từ chỉ tính cách;
- Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài các hoạt động hàng ngày;
- Nói về các hoạt động hàng ngày;
- Đọc hiểu bức thư giới thiệu về một chuyến du lịch;
- Viết đoạn văn mô tả hoạt động đang diễn ra trong một bức tranh.

2. Nội dung của bài:

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các hoạt động hàng ngày;

2.1.2. Tính từ chỉ tính cách.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Kết hợp thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp diễn;

2.2.2. To infinivive and Gerund.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài các hoạt động hàng ngày;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;

2.3.3. Bài tập nghe và trả lời câu hỏi.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Nói về các hoạt động hàng ngày;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: A letter;

2.5.2. Bài tập đọc và lựa chọn đáp án đúng.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

- Viết đoạn văn mô tả hoạt động đang diễn ra trong một bức tranh (tối thiểu 50 từ).

Bài 8. Sở thích (Hobbies and interests) Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu:

- Sử dụng kết hợp thì quá khứ đơn (Past simple) và thì quá khứ tiếp diễn (Past continuous) các từ vựng về sở thích , các môn thể thao đi chung với động từ: play, go và do;
- Nghe các cá nhân nói về sở thích và trả lời câu hỏi;
- Nói về sở thích trong quá khứ và hiện tại;
- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về sở thích;
- Viết đoạn văn ngắn mô tả các sở thích của bản thân.

2. Nội dung của bài:

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Sở thích;

2.1.2. Cấu trúc Play/go/do+ sport.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì quá khứ đơn;

2.2.2. Thì quá khứ tiếp diễn;

2.2.3. Kết hợp thì quá khứ đơn và thì quá khứ tiếp diễn.\

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe các cá nhân nói về sở thích và trả lời câu hỏi;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Nói về sở thích trong quá khứ và hiện tại;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: What is a hobby?;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả các sở thích của bản thân (tối thiểu 80 từ).

Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)

Bài 9. Các kế hoạch trong tương lai (Future plans) Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu:

- Sử dụng cấu trúc Will và going to; các từ định lượng a little, a few, many, much và a lot of và các từ vựng về các hoạt động trên lễ hội và sự kiện đặc biệt; các tính từ mô tả địa điểm;
- Nghe và trả lời câu hỏi về nơi sinh sống;

- Nói về các dự định và kế hoạch cho một lễ hội và sự kiện đặc biệt;
- Đọc hiểu bài đọc về các cách chào đón năm mới ở một số quốc gia và trả lời câu hỏi;
- Viết đoạn văn ngắn mô tả các dự định và kế hoạch chào đón năm mới.

2. Nội dung của bài:

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Lễ hội;

2.1.2. Tính từ mô tả địa điểm.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Cấu trúc Will và going to;

2.2.2. Từ định lượng a little, a few, many, much và a lot of.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về nơi sinh sống;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Nói về các dự định và kế hoạch cho một lễ hội và sự kiện đặc biệt;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: New Year Celebrations;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả các dự định và kế hoạch chào đón năm mới (tối thiểu 80 từ).

Bài 10. Ngoại hình và tính cách (Appearance and personality) Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu:

- Sử dụng cấu trúc so sánh hơn (comparative), so sánh nhất (superlative); và các tính từ mô tả ngoại hình và tính cách;
- Nghe và trả lời câu hỏi về tuổi, ghi các tính từ mô tả hình dáng và tính cách một người;
- Mô tả ngoại hình và tính cách các thành viên trong lớp học;
- Đọc hiểu bài đọc về đề tài du lịch và trả lời câu hỏi;
- Viết đoạn văn ngắn mô tả một người bạn thân.

2. Nội dung của bài:

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Tính từ mô tả ngoại hình;

2.1.2. Tính từ mô tả tính cách.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. So sánh hơn (Comparative);

2.2.2. So sánh nhất (Superlative).

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về tuổi, ghi các tính từ mô tả hình dáng và tính cách một người;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;

2.3.3. Bài tập nghe và điền hoàn chỉnh.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Mô tả ngoại hình và tính cách các thành viên trong lớp học;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: My travel page;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

- Viết đoạn văn ngắn mô tả về một người bạn thân (tối thiểu 80 từ).

Bài 11. Công nghệ (Technology) Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu:

- Sử dụng thì hiện tại hoàn thành (Present perfect); cấu trúc How long...?, for và since và các từ vựng về các thiết bị công nghệ và ứng dụng;
- Nghe và trả lời câu hỏi về đặc tính các loại thiết bị phổ biến trong gia đình;
- Thực hành nói về các thiết bị công nghệ;
- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về sự phát triển của công nghệ kỹ thuật số;
- Viết đoạn văn ngắn mô tả thiết bị công nghệ mà bạn yêu thích.

2. Nội dung của bài:

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các thiết bị công nghệ;

2.1.2. Công nghệ.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì hiện tại hoàn thành;

2.2.2. Cấu trúc How long...?;

2.2.3. Giới từ For và since.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về đặc tính các loại thiết bị phổ biến trong gia đình;

2.3.2. Bài tập True/False.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Thực hành nói về các thiết bị công nghệ;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: The Rise of Digital Media;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

-Viết đoạn văn ngắn mô tả thiết bị công nghệ mà bạn yêu thích (tối thiểu 80 từ).

Bài 12. Mua sắm (Shopping) Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu:

- Sử dụng thì hiện tại hoàn thành (Present perfect) và thì quá khứ đơn (Past simple) và từ vựng về các loại thực phẩm;
- Nghe và trả lời câu hỏi về mua sắm;
- Thực hành nói về kế hoạch mua sắm;
- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi thói quen mua sắm;
- Viết đoạn văn ngắn kể về việc mua sắm tại chợ/siêu thị tuần trước và hiện tại.

2. Nội dung của bài:

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

Các từ vựng liên quan đến mua sắm.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì hiện tại hoàn thành;

2.2.2. Thì quá khứ đơn;

2.2.3. Kết hợp thì hiện tại hoàn thành và thì quá khứ đơn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về mua sắm;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Thực hành nói về kế hoạch mua sắm;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: My Shopping Day;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn kể về việc mua sắm tại chợ/siêu thị tuần trước và hiện tại (tối thiểu 80 từ).

Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn/nhà xưởng: Phòng học được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng; Bàn, ghế rời cho từng sinh viên;Bàn ghế giáo viên, bảng, máy chiếu, phấn (hoặc bút bảng).

2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, hệ thống âm thanh.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo viên sử dụng giáo trình dùng chung và tham khảo các tài liệu giảng dạy khác hỗ trợ bài giảng.

4. Các điều kiện khác: Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học nghe nhìn và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Về kiến thức: Các kiến thức về từ vựng và cấu trúc ngữ pháp theo từng chủ đề liên quan trong chương trình.

-Về kỹ năng:

+ Kỹ năng nghe: Nghe và xác định thông tin về gia đình, bạn bè, các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt, vị trí và nơi chốn, và các sở thích, kế hoạch trong tương lai, ngoại hình, tính cách và mua sắm theo yêu cầu.

+ Kỹ năng nói: Tự giới thiệu về bản thân, gia đình, công việc, sở thích và các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt; mô tả tính cách và ngoại hình của bản

thân và người khác; giới thiệu các sản phẩm công nghệ và công dụng; mô tả thói quen mua sắm theo yêu cầu.

+ Kỹ năng đọc: Đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết của các bài đọc ngắn theo yêu cầu.

+ Kỹ năng viết: Viết câu và đoạn văn ngắn về các chủ đề khác nhau theo yêu cầu.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Làm việc độc lập hoặc theo nhóm.

2. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư 04/2022/BLĐTBXH ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

a) Điểm môn học bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun có trọng số 0,6;

b) Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm. Trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

c) Điểm môn học đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 4,0 đạt từ 2,00 trở lên (Quy đổi tại Điều 16 và Điều 31 Thông tư Thông tư 04/2022/BLĐTBXH ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

- Điểm quá trình (kí hiệu: QT) là các bài trắc nghiệm.

+ Số lượng: 07 cột điểm. Trong đó, 01 cột điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1; 06 cột điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2.

- Điểm thi kết thúc học phần (kí hiệu KTHP)

+ Hình thức: Thi trắc nghiệm.

+ Thời gian: từ 60 - 90 phút.

- Điểm học phần (kí hiệu HP), tính theo công thức:

$$MH = \frac{QT \times 4 + KTHP \times 6}{10}$$

- Thang điểm: Theo thang điểm 04 và các thang điểm tiếp theo tại điều 31 Thông tư 04/2022/BLĐTBXH ngày 03 tháng 3 năm 2022.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn học Tiếng Anh là một trong các môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng. Tùy theo đặc thù của các ngành, nghề đào tạo, các trường lựa chọn môn học Tiếng Anh hoặc môn học ngoại ngữ khác theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để giảng dạy.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giảng viên: Giảng viên vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; chú trọng phương pháp giao tiếp trong giảng dạy; áp dụng đa dạng các kỹ thuật dạy học; lấy người học làm trung tâm; tổ chức các hoạt động nghe, nói, đọc và viết sinh động nhằm tăng cường sự tham gia của người học; tổ chức các hoạt động đa dạng với sự hỗ trợ của các học liệu, giáo cụ trực quan sinh động phục vụ mục tiêu bài học.
- Đối với người học: Quan sát, hoạt động nhóm, thao tác theo hướng dẫn của giảng viên và làm bài tập về nhà.
- Chương trình môn học tiếng Anh trình độ cao đẳng có thể chia thành 02 (hai) phần để giảng dạy, mỗi phần 60 giờ.
- Khuyến khích việc tổ chức dạy và học trực tuyến môn học, kết hợp với các phần mềm tự học trực tuyến nhằm nâng cao chất lượng dạy và học.
- Bên cạnh việc học 120 giờ trên lớp, giáo viên xây dựng nội dung và mục tiêu tự học thêm 180 giờ cho người học thông qua hệ thống bài tập bổ sung, phần mềm hoặc ứng dụng tiếng Anh hỗ trợ tự học, tài liệu tham khảo khác nhằm giúp người học đạt được năng lực ngoại ngữ theo quy định sau khi tốt nghiệp trình độ cao đẳng.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Giảng viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy.
- Để giúp sinh viên tự học, giảng viên cần hướng dẫn sinh viên:

+ Xác định lĩnh vực kiến thức hay kỹ năng trong hoặc ngoài chương trình chính thức mình cần phải nâng cao hay quan tâm học hỏi. Ví dụ: sinh viên quan tâm đến chuyên ngành có thể muốn học thêm từ vựng có liên quan về các vấn đề chăm sóc bệnh nhân cao tuổi (Caring for the elderly) hay nâng cao kiến thức về chủ đề này thông qua đọc các bài báo bằng tiếng Anh.

+ Xác định mục tiêu mình cần đạt đối với kiến thức và kỹ năng đã được chọn. Ví dụ: sinh viên quan tâm mở rộng kiến thức về cách chăm sóc bệnh nhân cao tuổi có thể đặt mục tiêu hiểu chi tiết các bài báo mình đọc (reading for details).

+ Lập kế hoạch thực hiện để đạt được mục tiêu đề ra. Ví dụ: với mục đích đọc hiểu chi tiết bài báo về cách chăm sóc bệnh nhân cao tuổi, sau khi đọc sinh viên sẽ viết tóm tắt lại những chi tiết mình quan tâm.

+ Hỗ trợ sinh viên trong quá trình thực hiện kế hoạch. Ví dụ: giúp sinh viên tìm nguồn tài liệu trên internet hay giải quyết các khó khăn về đọc hiểu mà sinh viên gặp phải.

+ Hướng dẫn sinh viên tự đánh giá mức độ đạt được và tổ chức cho sinh viên đánh giá kết quả lẫn nhau. Ví dụ: có thể tổ chức buổi trình bày kết quả tự học, để sinh viên có cơ hội đánh giá và học hỏi lẫn nhau về các kỹ năng tự học

4. Tài liệu tham khảo

- Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dung cho Việt Nam.

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng.

- Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

- Tim Falla and Paul A. Davies, Solutions Elementary (02nd edition), Oxford University Press, 2012.

- Miles Craven, Breakthrough Plus 1, MacMillan Education, 2013.

- Herbert Puchta and Jeff Stranks, More! 1, Cambridge University Press, 2008.

- Jack C. Richards, Tactics for Listening (02nd edition), Oxford University Press, 2015.

VII. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học

Thực hiện theo quy định tại Thông tư 04/2022/BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Quy định việc tổ chức đào tạo trình độ

trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

HIỆU TRƯỞNG

(*Đã ký*)

Tạ Thị Nhất Sương

Tên môn học: TIN HỌC

Mã môn học: MH3

Thời gian thực hiện: 75 giờ, (lý thuyết: 15 giờ; thực hành, thảo luận, bài tập: 58 giờ; kiểm tra: 2 giờ; tự học: 59 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học

- Vị trí: Môn học Tin học là môn học, mô đun bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo cao đẳng.

- Tính chất: Chương trình môn học, mô đun bao gồm nội dung cơ bản về máy tính và công nghệ thông tin, cũng như việc sử dụng máy tính trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp sau này.

II. Mục tiêu của môn học

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông, cụ thể:

- Về kiến thức

Trình bày và giải thích được được kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin; sử dụng máy tính, xử lý văn bản; sử dụng bảng tính, trình chiếu, Internet.

- Về kỹ năng

+ Nhận biết được các thiết bị cơ bản của máy tính, mạng máy tính; phân loại phần mềm; lập trình; phần mềm thương mại và phần mềm nguồn mở;

+ Sử dụng được hệ điều hành Windows để tổ chức, quản lý thư mục, tập tin trên máy tính và sử dụng máy in;

+ Sử dụng được phần mềm soạn thảo để soạn thảo được văn bản hành chính theo đúng quy định về kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính;

+ Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính để tạo trang tính và các hàm cơ bản để tính các bài toán thực tế;

+ Sử dụng được phần mềm trình chiếu để xây dựng và trình chiếu được các nội dung cần thiết;

+ Sử dụng được một số dịch vụ Internet cơ bản như: Trình duyệt Web, thư điện tử, tìm kiếm thông tin và một số dạng truyền thông số thông dụng;

+ Nhận biết và áp dụng biện pháp phòng tránh các loại nguy cơ đối với an toàn dữ liệu, mối nguy hiểm tiềm năng khi sử dụng các trang mạng xã hội, an toàn và bảo mật, bảo vệ thông tin;

+ Thực hiện đúng các quy định về an toàn bảo mật thông tin; an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong việc sử dụng máy tính và ứng dụng công nghệ thông tin.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

+ Nhận thức được tầm quan trọng và thực hiện đúng quy định của pháp luật, có trách nhiệm trong việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;

+ Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Tên chương	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương I. Hiểu biết về công nghệ thông tin cơ bản 1. Kiến thức cơ bản về máy tính 1.1. Thông tin và xử lý thông tin 1.2. Phần cứng 2. Phần mềm 2.1. Phần mềm hệ thống 2.2. Phần mềm ứng dụng 2.3. Một số phần mềm ứng dụng thông dụng 2.4. Phần mềm nguồn mở 3. Biểu diễn thông tin trong máy tính 3.1. Biểu diễn thông tin trong máy tính 3.2. Đơn vị thông tin và dung lượng bộ nhớ	5	3	2	

	4. Mạng cơ bản 4.1. Những khái niệm cơ bản 4.2. Internet, Intranet, Extranet 4.3. Truyền dữ liệu trên mạng 4.4. Phương tiện truyền thông 4.5. Download, Upload 5. Các ứng dụng của công nghệ thông tin – truyền thông 5.1. Một số ứng dụng công nghệ thông tin và ứng dụng trong kinh doanh 5.2. Một số ứng dụng phổ biến để liên lạc, truyền thông 6. An toàn lao động và bảo vệ môi trường trong sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông 6.1. An toàn lao động 6.2. Bảo vệ môi trường 7. Các vấn đề an toàn thông tin cơ bản khi làm việc với máy tính 7.1. Kiểm soát truy nhập, bảo đảm an toàn cho dữ liệu 7.2. Phần mềm độc hại (malware) 8. Một số vấn đề cơ bản liên quan đến pháp luật trong sử dụng công nghệ thông tin 8.1. Bản quyền/ Sở hữu trí tuệ 8.2. Bảo vệ dữ liệu				
2	Chương II. Sử dụng máy tính cơ bản 1. Làm việc với hệ điều hành 1.1. Windows là gì? 1.2. Khởi động và thoát khỏi	6	2	4	

	Windows 1.3. Desktop 1.4. Thanh tác vụ (Taskbar) 1.5. Menu Start 1.6. Khởi động và thoát khỏi một ứng dụng 1.7. Chuyển đổi giữa các cửa sổ ứng dụng 1.8. Thu nhỏ một cửa sổ, đóng cửa sổ một ứng dụng 1.9. Sử dụng chuột 2. Quản lý thư mục và tập tin 2.1. Khái niệm thư mục và tập tin 2.2. Xem thông tin, di chuyển, tạo đường tắt đến nơi lưu trữ thư mục và tập tin 2.3. Tạo, đổi tên tập tin và thư mục, thay đổi trạng thái và hiển thị thông tin về tập tin 2.4. Chọn, sao chép, di chuyển tập tin và thư mục 2.5. Xóa, khôi phục tập tin và thư mục 2.6. Tìm kiếm tập tin và thư mục 3. Sử dụng Control Panel 3.1. Khởi động Control Panel 3.2. Region and Language 3.3. Devices and Printers 3.4. Programs and Features 4. Một số phần mềm tiện ích 4.1. Phần mềm nén, giải nén tập tin 4.2. Phần mềm diệt virus				

	5. Sử dụng tiếng Việt 5.1. Các bộ mã tiếng Việt 5.2. Cách thức nhập tiếng Việt 5.3. Chọn phần mềm nhập tiếng Việt 6. Chuyển đổi định dạng tập tin 7. Đa phương tiện 8. Sử dụng máy in 8.1. Lựa chọn máy in 8.2. In				
3	Chương III. Xử lý văn bản cơ bản 1. Khái niệm văn bản và xử lý văn bản 1.1. Khái niệm văn bản. 1.2. Khái niệm xử lý văn bản. 2. Sử dụng Microsoft Word 2.1. Giới thiệu Microsoft Word 2.2. Thao tác với tập tin Microsoft Word 2.3. Định dạng văn bản 2.4. In văn bản 2.5. Phân phối văn bản 2.6. Soạn thông báo, thư mời 2.7. Soạn và xử lý văn bản hành chính mẫu	17	2	15	
4	Kiểm tra	1			1
5	Chương IV. Sử dụng bảng tính cơ bản 1. Kiến thức cơ bản về bảng tính (Workbook) 2.1. Khái niệm bảng tính 2.2. Các bước xây dựng bảng tính thông thường	29	4	25	

	2. Sử dụng Microsoft Excel 2.1. Làm việc với phần mềm Microsoft Excel 2.2. Thao tác trên tập tin bảng tính 3. Thao tác với ô 3.1. Các kiểu dữ liệu 3.2. Cách nhập dữ liệu 3.3. Chỉnh sửa dữ liệu 4. Làm việc với trang tính (Worksheet) 4.1. Dòng và cột 4.2. Trang tính 5. Định dạng ô, dãy ô 5.1. Định dạng kiểu số, ngày, tiền tệ 5.2. Định dạng văn bản 5.3. Căn chỉnh, hiệu ứng viền 6. Biểu thức và hàm 6.1. Biểu thức số học 6.2. Hàm 7. Biểu đồ 7.1. Tạo biểu đồ 7.2. Chỉnh sửa, cắt dán, di chuyển, xóa biểu đồ 8. Kết xuất và phân phối trang tính, bảng tính 8.1. Trình bày trang tính để in 8.2. Kiểm tra và in 8.3. Phân phối trang tính				
6	Chương V. Sử dụng trình chiếu cơ bản 1. Kiến thức cơ bản về bài thuyết trình	11	2	9	

	1.1. Khái niệm bài thuyết trình 1.2. Các bước cơ bản để tạo một bài thuyết trình 2. Sử dụng phần mềm Microsoft PowerPoint 2.1. Các thao tác tạo trình chiếu cơ bản 2.2. Hiệu ứng, trình chiếu và in bài thuyết trình				
7	Chương VI. Sử dụng Internet cơ bản 1. Kiến thức cơ bản về Internet 1.1. Tổng quan về Internet 1.2. Dịch vụ WWW (World Wide Web) 1.3. Bảo mật khi làm việc với Internet 2. Khai thác và sử dụng Internet 2.1. Sử dụng trình duyệt Web 2.2. Sử dụng Web 2.3. Thư điện tử (Email) 3. Một số dạng truyền thông số thông dụng 3.1. Dịch vụ nhắn tin tức thời 3.2. Cộng đồng trực tuyến 3.3. Thương mại điện tử và ngân hàng điện tử 4. Kiến thức cơ bản về an toàn và bảo mật thông tin trên mạng 4.1. Nguồn gốc các nguy cơ đối với việc đảm bảo an toàn dữ liệu và thông tin 4.2. Tác dụng và hạn chế chung của	5	2	3	

	phần mềm diệt virus, phần mềm an ninh mạng 4.3. An toàn thông tin khi sử dụng các loại thiết bị di động và máy tính trên internet 4.4. An toàn khi sử dụng mạng xã hội				
8	Kiểm tra	1			1
	Tổng cộng	**75**	**15**	**58**	**2**

2. Nội dung chi tiết:

Chương I. Hiểu biết về công nghệ thông tin cơ bản **Thời gian: 5 giờ**

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về máy tính, phần mềm, biểu diễn thông tin trong máy tính, mạng cơ bản; các quy định liên quan đến việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin;
- Nhận biết được các thiết bị phần cứng chủ yếu, hệ điều hành, phần mềm ứng dụng; tuân thủ đúng các quy định trong việc sử dụng máy tính và ứng dụng công nghệ thông tin.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về máy tính

2.1.1. Thông tin và xử lý thông tin

2.1.1.1. Thông tin

2.1.1.2. Dữ liệu

2.1.1.3. Xử lý thông tin

2.1.2. Phần cứng

2.1.2.1. Đơn vị xử lý trung tâm

2.1.2.2. Thiết bị nhập

2.1.2.3. Thiết bị xuất

2.1.2.4. Bộ nhớ và thiết bị lưu trữ

2.2. Phần mềm

2.2.1. Phần mềm hệ thống

2.2.2. Phần mềm ứng dụng

2.2.3. Một số phần mềm ứng dụng thông dụng

2.2.4. Phần mềm nguồn mở

2.3. Biểu diễn thông tin trong máy tính

2.3.1. Biểu diễn thông tin trong máy tính

2.3.2. Đơn vị thông tin và dung lượng bộ nhớ

2.4. Mạng cơ bản

2.4.1. Những khái niệm cơ bản

2.4.2. Internet, Intranet, Extranet

2.4.3. Truyền dữ liệu trên mạng

2.4.3.1. Truyền dữ liệu trên mạng

2.4.3.2. Tốc độ truyền

2.4.3.3. Các số đo (bps, Kbps, Mbps, Gbps…)

2.4.4. Phương tiện truyền thông

2.4.4.1. Giới thiệu về phương tiện truyền thông

2.4.4.2. Băng thông

2.4.4.3. Phân biệt các phương tiện truyền dẫn có dây

2.4.5. Download, Upload

2.5. Các ứng dụng của công nghệ thông tin – truyền thông

2.5.1. Một số ứng dụng công nghệ thông tin và ứng dụng trong kinh doanh

2.5.2. Một số ứng dụng phổ biến để liên lạc, truyền thông

2.6. An toàn lao động và bảo vệ môi trường trong sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông

2.6.1. An toàn lao động

2.6.2. Bảo vệ môi trường

2.7. Các vấn đề an toàn thông tin cơ bản khi làm việc với máy tính

2.7.1. Kiểm soát truy nhập, bảo đảm an toàn cho dữ liệu

2.7.2. Phần mềm độc hại (malware)

2.8. Một số vấn đề cơ bản liên quan đến pháp luật trong sử dụng công nghệ thông tin

2.8.1. Bản quyền/ Sở hữu trí tuệ

2.8.2. Bảo vệ dữ liệu

Chương II. Sử dụng máy tính cơ bản **Thời gian: 6 giờ**

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về hệ điều hành Windows, quản lý thư mục, tập tin; phần mềm tiện ích và đa phương tiện, sử dụng tiếng Việt trong máy tính, sử dụng máy in;
- Khởi động, tắt được máy tính, máy in theo đúng quy trình. Thực hiện được việc quản lý thư mục, tập tin; cài đặt, gỡ bỏ và sử dụng được một số phần mềm tiện ích thông dụng.

2. Nội dung

2.1. Làm việc với hệ điều hành

2.2. Quản lý thư mục và tập tin

2.3. Sử dụng Control Panel

2.4. Một số phần mềm tiện ích

2.5. Sử dụng tiếng Việt

2.6. Chuyển đổi định dạng tập tin

2.7. Đa phương tiện

2.8. Sử dụng máy in

Chương III. Xử lý văn bản cơ bản **Thời gian: 17 giờ**

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về văn bản, soạn thảo và xử lý văn bản, sử dụng phần mềm Microsoft Word trong soạn thảo văn bản, kết xuất và phân phối văn bản;
- Soạn thảo được văn bản bảo đảm đúng các yêu cầu về kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính; in ấn và phân phối văn bản bảo đảm đúng quy định.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm văn bản và xử lý văn bản

2.1.1. Khái niệm văn bản.

2.1.2. Khái niệm xử lý văn bản.

2.2. Sử dụng Microsoft Word

2.2.1. Giới thiệu Microsoft Word

2.2.1.1. Mở, đóng Microsoft Word

2.2.1.2. Giới thiệu giao diện Microsoft Word

2.2.2. Thao tác với tập tin Microsoft Word

2.2.2.1. Mở một tập tin có sẵn

2.2.2.2. Tạo một tập tin mới

2.2.2.3. Lưu tập tin

2.2.2.4. Đóng tập tin

2.2.3. Định dạng văn bản

2.2.3.1. Định dạng văn bản (Text)

2.2.3.2. Định dạng đoạn văn

2.2.3.2.1. Định dạng đoạn (Paragraph)

2.2.3.2.2. Định dạng Bullets, Numbering

2.2.3.2.3. Thiết lập điểm dừng (Tab)

2.2.3.2.4. Định dạng khung và nền (Borders and Shading)

2.2.3.3. Kiểu dáng (Style)

2.2.3.4. Chèn (Insert) các đối tượng vào văn bản

2.2.3.4.1. Bảng (Table)

2.2.3.4.2. Chèn hình ảnh (Picture)

2.2.3.4.3. Chèn chữ nghệ thuật (WordArt)

2.2.3.4.4. Chèn ký tự đặc biệt

2.2.3.4.5. Chèn đối tượng Shapes

2.2.3.5. Hộp văn bản (Textbox)

2.2.3.6. Tham chiếu (Reference)

2.2.3.7. Hoàn tất văn bản

2.2.3.7.1. Căn lề toàn bộ văn bản

2.2.3.7.2. Thêm, bỏ ngắt trang

2.2.3.7.3. Tạo tiêu đề trang (Header & Footer)

2.2.4. In văn bản

2.2.5. Phân phối văn bản

2.2.6. Soạn thông báo, thư mời

2.2.7. Soạn và xử lý văn bản hành chính mẫu

Chương IV. Sử dụng bảng tính cơ bản **Thời gian: 29 giờ**

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về bảng tính, trang tính; về sử dụng phần mềm Microsoft Excel;
- Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính Microsoft Excel để tạo bảng tính, trang tính; nhập và định dạng dữ liệu; sử dụng các biểu thức toán học, các hàm cơ bản để tính toán các bài toán thực tế.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về bảng tính (Workbook)

2.2.1. Khái niệm bảng tính

2.2.2. Các bước xây dựng bảng tính thông thường

2.2. Sử dụng Microsoft Excel

2.2.1. Làm việc với phần mềm Microsoft Excel

2.2.1.1. Mở, đóng phần mềm

2.2.1.2. Giao diện Microsoft Excel

2.2.2. Thao tác trên tập tin bảng tính

2.2.2.1. Mở tập tin bảng tính

2.2.2.2. Lưu bảng tính

2.2.2.3. Đóng bảng tính

2.3. Thao tác với ô

2.3.1. Các kiểu dữ liệu

2.3.2. Cách nhập dữ liệu

2.3.3. Chỉnh sửa dữ liệu

2.3.3.1. Xóa dữ liệu

2.3.3.2. Khôi phục dữ liệu

2.4. Làm việc với trang tính (Worksheet)

2.4.1. Dòng và cột

2.4.1.1. Thêm dòng và cột

2.4.1.2. Xoá dòng và cột

2.4.1.3. Hiệu chỉnh kích thước ô, dòng, cột

2.2.1.4. Ẩn/hiện, cố định (freeze)/ thôi cố định (unfreeze) tiêu đề dòng, cột

2.4.2. Trang tính

2.4.2.1. Tạo, xóa, di chuyển, sao chép các trang tính

2.4.2.2. Thay đổi tên trang tính

2.4.2.3. Mở nhiều trang tính

2.4.2.4. Tính toán trên nhiều trang tính

2.5. Định dạng ô, dãy ô

2.5.1. Định dạng kiểu số, ngày, tiền tệ

2.5.2. Định dạng văn bản

2.5.3. Căn chỉnh, hiệu ứng viền

2.6. Biểu thức và hàm

2.6.1. Biểu thức số học

2.6.1.1. Khái niệm biểu thức số học

2.6.1.2. Tạo biểu thức số học đơn giản

2.6.1.3. Các lỗi thường gặp

2.6.2. Hàm

2.6.2.1. Khái niệm hàm, cú pháp hàm, cách nhập hàm

2.6.2.2. Toán tử so sánh =, < , >

2.6.2.3. Các hàm cơ bản (SUM, AVERAGE, MIN, MAX, COUNT, COUNTA, ROUND, INT, MOD, RANK)

2.6.2.4. Hàm điều kiện IF

2.6.2.5. Các hàm logic (AND, OR)

2.6.2.6. Các hàm ngày (DAY, MONTH, YEAR, NOW)

2.6.2.7. Các hàm chuỗi (LEFT, RIGHT, MID, LEN, UPPER, PROPER, LOWER, VALUE)

2.6.2.8. Các hàm tìm kiếm (VLOOKUP, HLOOKUP)

2.6.2.9. Các hàm có điều kiện (COUNTIF, SUMIF)

2.7. Biểu đồ

2.7.1. Tạo biểu đồ

2.7.2. Chỉnh sửa, cắt dán, di chuyển, xóa biểu đồ

2.8. Kết xuất và phân phối trang tính, bảng tính

2.8.1. Trình bày trang tính để in

2.8.2. Kiểm tra và in

2.8.3. Phân phối trang tính

Chương V. Sử dụng trình chiếu cơ bản **Thời gian: 11 giờ**

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về sử dụng máy tính và sử dụng phần mềm Microsoft PowerPoint trong việc thiết kế và trình chiếu thông tin;
- Sử dụng được phần mềm trình chiếu Microsoft PowerPoint để soạn thảo nội dung, thiết kế và trình chiếu các nội dung cần thiết cho một bài thuyết trình thông thường.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về bài thuyết trình

2.1.1. Khái niệm bài thuyết trình

2.1.2. Các bước cơ bản để tạo một bài thuyết trình

2.2. Sử dụng phần mềm Microsoft PowerPoint

2.2.1. Các thao tác tạo trình chiếu cơ bản

2.2.1.1. Giới thiệu Microsoft PowerPoint

2.2.1.2. Tạo một bài thuyết trình cơ bản

2.2.1.3. Các thao tác trên slide

2.2.1.4. Chèn Picture

2.2.1.5. Chèn Shapes, WordArt và Textbox

2.2.1.6. Chèn Table, Chart, SmartArt

2.2.1.7. Chèn Audio, Video

2.2.2. Hiệu ứng, trình chiếu và in bài thuyết trình

2.2.2.1. Tạo các hiệu ứng hoạt hình cho đối tượng

2.2.2.2. Tạo các hiệu ứng chuyển slide

2.2.2.3. Cách thực hiện một trình diễn

2.2.2.4. Lặp lại trình diễn

2.2.2.5. In bài thuyết trình

Chương VI. Sử dụng internet cơ bản **Thời gian: 5 giờ**

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về Internet, WWW (World Wide Web), các thao tác với thư điện tử;
- Sử dụng được các thao tác xử lý cơ bản trên Internet, thư điện tử và tìm kiếm thông tin.

- Nhận biết và thực hiện được các biện pháp an toàn bảo mật thông tin khi sử dụng các thiết bị, trang thông tin liên quan đến Internet.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về Internet

2.1.1. Tổng quan về Internet

2.1.2. Dịch vụ WWW (World Wide Web)

2.1.3. Bảo mật khi làm việc với Internet

2.2. Khai thác và sử dụng Internet

2.2.1. Sử dụng trình duyệt Web

2.2.1.1. Thao tác duyệt web cơ bản

2.2.1.2. Thiết đặt (setting)

2.2.1.3. Chuyển hướng từ nguồn nội dung Internet này qua nguồn khác

2.2.1.4. Đánh dấu

2.2.2. Sử dụng Web

2.2.2.1. Biểu mẫu và sử dụng một số dịch vụ công

2.2.2.2. Tìm kiếm, bộ tìm kiếm (máy tìm kiếm)

2.2.2.3. Lưu nội dung

2.2.2.4. In

2.2.3. Thư điện tử (Email)

2.2.3.1. Khái niệm thư điện tử

2.2.3.2. Viết và gửi thư điện tử

2.2.3.3. Nhận và trả lời thư điện tử

2.2.3.4. Quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng thư điện tử

2.3. Một số dạng truyền thông số thông dụng

2.3.1. Dịch vụ nhắn tin tức thời

2.3.2. Cộng đồng trực tuyến

2.3.3. Thương mại điện tử và ngân hàng điện tử

2.4. Kiến thức cơ bản về an toàn và bảo mật thông tin trên mạng

2.4.1. Nguồn gốc các nguy cơ đối với việc đảm bảo an toàn dữ liệu và thông tin

2.4.2. Tác dụng và hạn chế chung của phần mềm diệt virus, phần mềm an ninh mạng

2.4.3. An toàn thông tin khi sử dụng các loại thiết bị di động và máy tính trên internet

2.4.4. An toàn khi sử dụng mạng xã hội

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn/nhà xưởng

- Phòng máy tính có cấu hình phù hợp (đảm bảo mỗi sinh viên 1 máy). Phòng được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng và thoáng mát.
- Bàn, ghế cho sinh viên (mỗi bàn đặt 1 bộ máy tính).
- Bàn ghế giảng viên, bảng, máy chiếu, bút bảng.

2. Trang thiết bị máy móc

- Máy tính cài hệ điều hành Windows, Microsoft Office (Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint), phần mềm tiện ích và có kết nối Internet.
- Các thiết bị phần cứng máy tính gồm: Mainboard, CPU, Ram, Ổ cứng, Card màn hình, Card âm thanh, Card mạng, Vỏ máy tính, Nguồn máy tính, Màn hình, Bàn phím, Chuột, Loa; Các thiết bị mạng cơ bản: Bridge, Repeater, Hub, Switch, Router và Gateway.
- Có một máy server quản lý toàn bộ máy con có kết nối mạng LAN và một máy cho giảng viên.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

Giáo trình, bài giảng, hệ thống bài tập, tài liệu tham khảo.

4. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá

1. Nội dung:

- Về kiến thức: Đánh giá kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin; sử dụng máy tính, xử lý văn bản; sử dụng bảng tính, trình chiếu, Internet.
- Về kỹ năng:

+ Biết được các thiết bị cơ bản của máy tính, mạng máy tính; phân loại phần mềm; lập trình; phần mềm thương mại và phần mềm nguồn mở;

+ Sử dụng được hệ điều hành Windows để tổ chức, quản lý thư mục, tập tin trên máy tính và sử dụng máy in;

+ Sử dụng được phần mềm soạn thảo để soạn thảo được văn bản hành chính theo đúng quy định về kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính;

+ Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính để tạo trang tính và các hàm cơ bản để tính các bài toán thực tế;

+ Sử dụng được phần mềm trình chiếu để xây dựng và trình chiếu được các nội dung cần thiết;

+ Sử dụng được một số dịch vụ Internet cơ bản như: Trình duyệt Web, thư điện tử, tìm kiếm thông tin và một số dạng truyền thông số thông dụng;

+ Nhận biết và áp dụng biện pháp phòng tránh các loại nguy cơ đối với an toàn dữ liệu, mối nguy hiểm tiềm năng khi sử dụng các trang mạng xã hội, an toàn và bảo mật, bảo vệ thông tin;

+ Thực hiện đúng các quy định về an toàn bảo mật thông tin; an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong việc sử dụng máy tính và ứng dụng công nghệ thông tin.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Nhận thức được tầm quan trọng và thực hiện đúng quy định của pháp luật, có trách nhiệm trong việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;

+ Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

2. Phương pháp đánh giá:

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư 04/2022/BLĐTBXH ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp. Người học thực hiện thao tác trực tiếp trên máy tính. Giảng viên lấy điểm theo hình thức chấm điểm thực hành.

a) Điểm môn học bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6;

b) Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm. Trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

c) Điểm môn học đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 4,0 đạt từ 2,00 trở lên (Quy đổi tại Điều 16 và Điều 31 Thông tư Thông tư 04/2022/BLĐTBXH ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương

trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

- Điểm quá trình (kí hiệu: QT): Kiểm tra 15 phút và 45 phút

+ Số lượng: 03 cột điểm. Trong đó, 01 cột điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1; 02 cột điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2.

- Điểm thi kết thúc MH: Thi thực hành trên máy

- Điểm môn học tính theo công thức:

$$MH = \frac{QT \times 4 + THI \times 6}{10}$$

- Thang điểm: Theo thang điểm 04 và các thang điểm tiếp theo tại điều 31 Thông tư 04/2022/BLĐTBXH ngày 03 tháng 3 năm 2022.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

- Thực hiện theo Thông tư 04/2022/BLĐTBXH ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học Tin học là môn học, mô đun bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Áp dụng linh hoạt các phương pháp dạy học trực quan, thuyết trình, gợi mở, vấn đáp, thảo luận. Phát hiện và giải quyết vấn đề. Đan xen hoạt động nhóm.

- Đối với người học: Chuẩn bị đầy đủ Giáo trình, sổ ghi chép. Trong quá trình học, học sinh lắng nghe, ghi chép, trả lời và hỏi giáo viên, giảng viên.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Thực hành thường xuyên: Việc thực hành và làm bài tập có vai trò rất quan trọng trong việc củng cố kiến thức và nâng cao kỹ năng. Nên dành thời gian thực hành thường xuyên và tham gia vào các dự án thực tế để rèn luyện kỹ năng.

4. Tài liệu tham khảo

- Quyết định số 392/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chương trình mục tiêu phát triển công nghiệp công nghệ thông tin đến 2020, tầm nhìn 2025".

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 31/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án "Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hoạt động dạy và học nghề đến năm 2020".

- Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

- Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/06/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin.

- Thông tư số 44/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về việc công nhận chứng chỉ công nghệ thông tin của tổ chức nước ngoài sử dụng ở Việt Nam đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin

- Nguyễn Đăng Tỵ, Hồ Thị Phương Nga, Giáo trình Tin học Đại cương, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2015.

- Huyền Trang, Sử dụng Internet an toàn, NXB Phụ nữ, 2014.

- Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiển, Giáo trình thực hành Microsoft Word, NXB Thanh Niên, 2016.

- Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiển, Giáo trình thực hành Excel, NXB Thanh Niên, 2017.

- Joan Lambert and Curtis Frye, Microsoft Office 2016 Step by Step 1st Edition, Microsoft, 2015.

- Peter Weverka, Office 2016 All-In-One For Dummies 1st Edition, John Wiley & Sons, 2016./.

VII. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Thực hiện theo quy định tại Thông tư 04/2022/BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

HIỆU TRƯỞNG

(*Đã ký*)

Tạ Thị Nhất Sương

Tên môn học: PHÁP LUẬT

Mã môn học: MH4

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 18 giờ; thảo luận: 10 giờ; kiểm tra: 2 giờ; tự học: 41 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học Pháp luật là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

- Tính chất: Chương trình môn học bao gồm một số nội dung về nhà nước và pháp luật; giúp người học có nhận thức đúng và thực hiện tốt các quy định của pháp luật.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được những nội dung cơ bản trong các bài học;

+ Giải thích được các khái niệm, các thuật ngữ pháp lý cơ bản về hệ thống pháp luật Việt Nam.

- Về kỹ năng: Phân biệt được tính hợp pháp và không hợp pháp của các hành vi từ đó áp dụng các quy định của pháp luật vào đời sống, vào quá trình học tập và lao động.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Thể hiện ý thức công dân, tôn trọng pháp luật, rèn luyện tác phong sống, làm việc theo hiến pháp và pháp luật.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lýthuyết	Thảo luận	Kiểm tra
1	Bài 1: Một số vấn đề chung về nhà nước và pháp luật. 1. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 1.1. Bản chất, chức năng của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 1.2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	2	1	1	

	1.3. Bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2. Hệ thống pháp luật Việt Nam 2.1. Các thành tố của hệ thống pháp luật 2.2. Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam 2.3. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật				
2	Bài 2: Hiến pháp 1. Hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam 1.1. Khái niệm hiến pháp 1.2. Vị trí của hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam 2. Một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 2.1. Chế độ chính trị 2.2. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân 2.3. Kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường	2	1	1	
3	Bài 3: Pháp luật dân sự 1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật dân sự 2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật dân sự 3. Một số nội dung của Bộ luật dân sự 3.1. Quyền sở hữu và quyền khác đối với tài sản 3.2. Hợp đồng	5	3	2	

4	Bài 4: Pháp luật lao động 1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật lao động 2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật lao động 3. Một số nội dung của Bộ luật lao động 3.1. Quyền và nghĩa vụ của người lao động 3.2. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động 3.3. Hợp đồng lao động 3.4. Tiền lương 3.5. Bảo hiểm xã hội 3.6. Thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi 3.7. Kỷ luật lao động 3.8. Tranh chấp lao động 3.9. Công đoàn	7	5	2	
5	Bài 5: Pháp luật hành chính 1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật hành chính 2. Vi phạm và xử lý vi phạm hành chính 2.1. Vi phạm hành chính 2.2. Xử lý vi phạm hành chính	4	3	1	
6	Bài 6: Pháp luật hình sự 1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật hình sự 2. Một số nội dung cơ bản của Bộ luật hình sự 2.1.Tội phạm	5	3	2	

	2.2. Hình phạt				
7	Bài 7: Pháp luật phòng, chống tham nhũng 1. Khái niệm tham nhũng 2. Nguyên nhân, hậu quả của tham nhũng 3. Ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phòng, chống tham nhũng 4. Trách nhiệm của công dân trong việc phòng, chống tham nhũng 5. Giới thiệu Luật Phòng, chống tham nhũng	2	1	1	
8	Bài 8: Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 1. Quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng 2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với người tiêu dùng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	1	1	0	
9	Kiểm tra	2			2
	Tổng cộng	**30**	**18**	**10**	**2**

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1 : Một số vấn đề chung về nhà nước và pháp luật

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- Nhận biết được bản chất, chức năng, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Nhận biết được các thành tố của hệ thống pháp luật và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam.

2. Nội dung bài học:

2.1. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.1. Bản chất, chức năng của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2.1.3. Bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2. Hệ thống pháp luật Việt Nam

2.2.1. Các thành tố của hệ thống pháp luật

2.2.1.1. Quy phạm pháp luật

2.2.1.2. Chế định pháp luật

2.2.1.3. Ngành luật

2.2.2. Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam

2.2.3. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật

2.2.3.1. Khái niệm văn bản quy phạm pháp luật

2.2.3.2. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam hiện nay

Bài 2: Hiến Pháp **Thời gian: 2 giờ**

1. Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm, vị trí của hiến pháp và một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Nhận thức được trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc thi hành và bảo vệ Hiến pháp.

2. Nội dung bài học:

2.1. Hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam

2.1.1. Khái niệm hiến pháp

2.1.2. Vị trí của hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam

2.2. Một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013

2.2.1. Chế độ chính trị

2.2.2. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

2.2.3. Kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường

Bài 3: Pháp luật dân sự **Thời gian: 5 giờ**

1. Mục tiêu:

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật dân sự.

- Nhận biết được quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản và các vấn đề cơ bản về hợp đồng.

2. Nội dung bài học:

2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật dân sự

2.2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật dân sự

2.3. Một số nội dung của Bộ luật dân sự

2.3.1. Quyền sở hữu và quyền khác đối với tài sản

2.3.2. Hợp đồng

Bài 4: Pháp luật lao động **Thời gian: 7 giờ**

1. Mục tiêu:

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật lao động.
- Nhận biết được quyền, nghĩa vụ của người lao động, người sử dụng lao động và một số vấn đề cơ bản khác trong pháp luật lao động.

2. Nội dung bài học:

2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật lao động

2.2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật lao động

2.3. Một số nội dung của Bộ luật lao động

2.3.1. Quyền và nghĩa vụ của người lao động

2.3.2. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động

2.3.3. Hợp đồng lao động

2.3.4. Tiền lương

2.3.5. Bảo hiểm xã hội

2.3.6. Thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi

2.3.7. Kỷ luật lao động

2.3.8. Tranh chấp lao động

2.3.9. Công đoàn

Bài 5: Pháp luật hành chính **Thời gian: 4 giờ**

1. Mục tiêu:

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật hành chính;
- Nhận biết được các dấu hiệu vi phạm hành chính, nguyên tắc và các hình thức xử lý vi phạm hành chính.

2. Nội dung bài học:

2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật hành chính

2.2. Vi phạm và xử lý vi phạm hành chính

2.2.1. Vi phạm hành chính

2.2.2. Xử lý vi phạm hành chính

Bài 6: Pháp luật hình sự **Thời gian: 5 giờ**

1. Mục tiêu:

- Trình bày được một số nội dung cơ bản của Luật hình sự.
- Nhận biết được các loại tội phạm và các hình phạt.

2. Nội dung bài học:

2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật hình sự

2.2. Một số nội dung cơ bản của Bộ luật hình sự

2.2.1.Tội phạm

2.2.2. Hình phạt

Bài 7: Pháp luật phòng, chống tham nhũng **Thời gian: 2 giờ**

1. Mục tiêu:

- Trình bày được một số nội dung về phòng, chống tham nhũng và các điểm chính của Luật Phòng, chống tham nhũng;
- Nhận thức đúng quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của công dân trong công tác phòng, chống tham nhũng.

2. Nội dung bài học:

2.1. Khái niệm tham nhũng

2.2. Nguyên nhân, hậu quả của tham nhũng

2.3. Ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phòng, chống tham nhũng

2.4. Trách nhiệm của công dân trong việc phòng, chống tham nhũng

2.5. Giới thiệu Luật Phòng, chống tham nhũng

Bài 8: Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng **Thời gian: 1 giờ**

1. Mục tiêu:

- Trình bày được quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng;
- Nhận thức được trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với người tiêu dùng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

2. Nội dung bài học:

2.1. Quyền và nghĩa vụ của người tiêu

2.2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với người tiêu dùng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết: 1 phòng, diện tích 75m2, có đủ bàn ghế cho sinh viên, điều kiện ánh sáng đảm bảo.

2. Trang thiết bị máy móc: máy tính, máy chiếu…

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Phim, tranh ảnh minh họa các tình huống pháp luật, tài liệu phát tay cho người học, tài liệu tham khảo

4. Tiêu chuẩn, tiêu chí giảng viên: Tốt nghiệp chuyên ngành Luật, Lý luận chính trị trình độ từ đại học trở lên; có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên đại học, cao đẳng.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, sinh viên cần đạt các yêu cầu sau:

+ Trình bày đầy đủ hệ thống kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật

+ Trình bày được đầy đủ kiến thức pháp luật chuyên ngành liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động

- Về kỹ năng: Đánh giá kỹ năng của người học thông qua việc thực hành các bài tập tình huống pháp luật

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học

+ Chuyên cần, say mê môn học

+ Thái độ tuân thủ pháp luật trong thực tiễn

2. Phương pháp đánh giá:

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

- Điểm quá trình: Kiểm tra theo hình thức bài viết tự luận, thảo luận hoặc trắc nghiệm

+ Số lượng: 03 cột điểm: Trong đó, 1 cột điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, 2 cột điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

- Điểm thi kết thúc môn học: 1 cột;

+ Hình thức: Thi trắc nghiệm hoặc tự luận;

+ Thời gian: 60 phút.

- Điểm môn học, mô đun tính theo công thức:

$$MH = \frac{QT \times 4 + THI \times 6}{10}$$

- Thang điểm: Điểm môn học theo thang điểm 4, quy đổi điểm môn học thành điểm chữ và thang điểm 4 theo Điều 31 thông tư 04/2022/TT - BLĐTBXH.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng của môn học: cho sinh viên năm thứ nhất.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên: Đây là môn học gắn liền với thực tế đời sống nên giảng viên cần áp dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm gây được hứng thú cho sinh viên, làm cho sinh viên chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức nhằm đạt được mục tiêu của môn học.

- Đối với người học: Đọc trước giáo trình, bài giảng và các tài liệu tham khảo liên quan trước mỗi buổi học. Tham dự giờ giảng một cách tích cực. Thảo luận, luyện tập tình huống pháp luật nhằm mục đích củng cố, ghi nhớ, khắc sâu kiến thức đã học.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Nội dung của Luật Hiến pháp là quan trọng nên khi giảng dạy các bài khác cần trích dẫn và làm rõ vị trí của Hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

- Một số nội dung cơ bản của Luật Hành chính, Luật Lao động, Luật Hình sự, Luật Dân sự, Luật Phòng, chống tham nũng, Luật Bảo vệ người tiêu dùng.

4. Tài liệu cần tham khảo:

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.

- Bộ Luật lao động, 2019.

- Bộ Luật dân sự, 2015.

- Bộ Luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, 2010.

- Luật Phòng, chống tham nhũng, 2005.
- Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, sửa đổi bổ sung năm 2020.
- Quyết định số 1309/QĐ-TTg ngày 05/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân.
- Quyết định số 1997/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển các hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng giai đoạn 2016 – 2020.
- Chỉ thị số 10/CT- TTg ngày 12/06/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, đào tạo từ năm học 2013-2014.
- Thông tư số 08/2014/TT-BLĐTBXH ngày 22/04/2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành chương trình, giáo trình môn học Pháp luật dùng trong đào tạo trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Pháp luật đại cương, Nhà Xuất bản Đại học Sư phạm, 2017.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo: Tài liệu giảng dạy về phòng, chống tham nhũng dùng cho các trường đại học, cao đẳng không chuyên về luật (Phê duyệt kèm theo Quyết định số 3468/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm 2014).
- Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học Kinh tế - Luật: Giáo trình Luật Lao động, năm 2016.
- Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Tài liệu dạy học môn Pháp luật trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, nhà xuất bản Lao động – xã hội, năm 2020.
- Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật, Nhà Xuất bản Tư pháp, năm 2018.
- Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2017.
- Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật Lao động Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2018.
- Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2015.

- Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật dân sự Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2017.
- Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật hành chính Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2015.
- Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Xây dựng văn bản pháp luật, Nhà Xuất bản Tư pháp, năm 2016.
- Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, năm 2017.
- Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, năm 2017.
- Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Luật hành chính Việt Nam, năm 2018.

VII. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Thực hiện theo quy định tại Thông tư 04/2022/BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

HIỆU TRƯỞNG

(*Đã ký*)

Tạ Thị Nhất Sương

Tên môn học: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Mã môn học: MH5

Thời gian thực hiện: 60 giờ (Lý thuyết: 05 giờ; Thực hành: 51 giờ; Kiểm tra: 04 giờ; Tự học 36 giờ)

I. Vị trí, tính chất môn học:

- Vị trí: Môn học Giáo dục thể chất là môn học điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.
- Tính chất: Chương trình môn học bao gồm một số nội dung cơ bản về thể dục, thể thao; giúp người học tập luyện để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

II. Mục tiêu môn học:

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

- Về kiến thức: Trình bày được tác dụng, các kỹ thuật cơ bản và một số quy định của luật môn thể dục thể thao được học để rèn luyện sức khỏe, phát triển thể lực chung
- Về kỹ năng: Tự tập luyện, rèn luyện đúng các yêu cầu về kỹ thuật, quy định của môn thể dục thể thao được học.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có ý thức tự giác và hình thành thói quen tập luyện thể dục thể thao hàng ngày để góp phần bảo đảm sức khỏe trong học tập, lao động và trong các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Chương/ bài		Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Thực hành	Kiểm tra
1	Bài mở đầu 1. Vị trí, tính chất môn học, mô đun 2. Mục tiêu của môn học, mô đun 3. Nội dung chính 4. Tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập	1	1			

	Chương I: Giáo dục thể chất chung					
2	Bài 1: Thể dục cơ bản 1. Giới thiệu về thể dục cơ bản 2. Thể dục tay không liên hoàn 2.1. Tác dụng của thể dục tay không liên hoàn 2.2. Các động tác kỹ thuật	13	1		12	
3	Bài 2: Điền kinh 1. Chạy cự ly ngắn 1.1. Tác dụng của chạy cự ly ngắn 1.2. Các động tác kỹ thuật 1.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về chạy cự ly ngắn 2. Chạy cự ly trung bình 2.1. Tác dụng của chạy cự ly trung bình 2.2. Các động tác kỹ thuật 2.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về chạy cự ly trung bình	14	1		13	
4	Kiểm tra giáo dục thể chất chung	2				2
6	Chương II: Chuyên đề giáo dục thể chất tự chọn Chuyên đề 3: Môn bóng chuyền 1. Tác dụng của môn Bóng	30	2		26	2

	chuyền 2. Các động tác kỹ thuật 2.1. Tư thế cơ bản, các bước di chuyển 2.2. Kỹ thuật chuyền bóng cao tay cơ bản (chuyền bước 2) 2.3. Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay cơ bản (chuyền bước 1) 2.4. Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt 2.5. Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt 2.6. Kỹ thuật chắn bóng 2.7. Kỹ thuật đập bóng theo phương lấy đà 3. Một số quy định của Luật Bóng chuyền					
	Tổng cộng	**60**	**5**		**51**	**4**

2. Nội dung chi tiết:

Bài mở đầu **Thời gian: 1 giờ**

1. Mục tiêu:

Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, phương pháp dạy học và đánh giá môn học, mô đun.

2. Nội dung bài học:

2.1. Vị trí, tính chất môn học, mô đun

2.2. Mục tiêu của môn học, mô đun

2.3. Nội dung chính

2.4. Tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập

Chương I: Giáo dục thể chất chung

Bài 1: Thể dục cơ bản **Thời gian: 13 giờ**

1. Mục tiêu:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật cơ bản của một số bài thể dục cơ bản;
- Thực hiện được đúng động tác kỹ thuật của các bài thể dục được học

2. Nội dung bài học:

2.1. Giới thiệu về thể dục cơ bản

2.2. Thể dục tay không liên hoàn

2.2.1. Tác dụng của thể dục tay không liên hoàn

2.2.2. Các động tác kỹ thuật

Bài 2: Điền kinh **Thời gian: 14 giờ**

1. Mục tiêu:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật cơ bản và một số nội dung trong Luật Điền kinh như: Chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình, nhảy xa.
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật và bảo đảm các yêu cầu khác của môn điền kinh được học.

2. Nội dung bài học:

2.1. Chạy cự ly ngắn

2.1.1. Tác dụng của chạy cự ly ngắn

2.1.2. Các động tác kỹ thuật

2.1.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về chạy cự ly ngắn

2.2. Chạy cự ly trung bình

2.2.1. Tác dụng của chạy cự ly trung bình

2.2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về chạy cự ly trung bình

Kiểm tra giáo dục thể chất chung **Thời gian: 02 giờ**

Chương II: Chuyên đề giáo dục thể chất tự chọn

Chuyên đề 3: Môn bóng chuyền **Thời gian: 30 giờ**

1. Mục tiêu:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng chuyền;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bóng chuyền.

2. Nội dung bài học:

2.1. Tác dụng của môn Bóng chuyền

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.3. Một số quy định của Luật Bóng chuyền

Kiểm tra môn bóng chuyền **Thời gian: 2 giờ**

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa: Sân điền kinh, sân Bóng chuyền, sân đá cầu.

2. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Hồ sơ lên lớp của giáo viên: (Kế hoạch dạy học, giáo trình, sổ tay giáo viên), Bóng chuyền, đồng hồ bấm giây, còi thể thao

3. Tiêu chuẩn, tiêu chí giảng viên: Cử nhân giáo dục thể chất, trình độ đại học trở lên, có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên đại học, cao đẳng.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

Đây là học phần được xem như chỉ có thực hành

1. Nội dung:

- Thực hiện bài thể dục liên hoàn
- Chạy 100m
- Thực hiện kỹ thuật chuyền bóng cao tay bàng 2 tay trước mặt, kỹ thuật đệm bóng thấp tay bằng 2 tay
- Thực hiện kỹ thuật phát bóng

2. Phương pháp đánh giá:

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số Thông tư 04/2022/BLĐTBXH ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

a) Điểm môn học bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun có trọng số 0,6;

b) Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm. Trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

c) Điểm môn học đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 4,0 đạt từ 2,00 trở lên (Quy đổi tại Điều 16 và Điều 31 Thông tư Thông tư 04/2022/BLĐTBXH ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo

phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

- Điểm quá trình (kí hiệu: QT) là các bài thực hành.

+ Số lượng: 05 cột điểm. Trong đó, 01 cột điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1; 04 cột điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2.

- Điểm thi kết thúc môn học

+ Hình thức: Thi thực hành.

+ Thời gian: từ 45 - 60 phút.

- Điểm MH tính theo công thức:

$$MH = \frac{QT \times 4 + THI \times 6}{10}$$

- Thang điểm: Theo thang điểm 04 và các thang điểm tiếp theo tại điều 31 Thông tư 04/2022/BLĐTBXH ngày 03 tháng 3 năm 2022.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học, mô đun

1. Phạm vi áp dụng môn học, mô đun: Cho sinh viên năm nhất.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học, mô đun:

2.1 Đối với quá trình giảng dạy:

- Đối với giảng viên: Hướng dẫn, làm mẫu, thị phạm động tác…

- Tuyệt đối đảm bảo an toàn trong giảng dạy, học tập.

- Sử dụng hợp lý lượng vận động với từng loại đối tượng, vận dụng có hiệu quả nguyên tắc đối xử cá biệt trong quá trình thực hiện chương trình.

- Đánh giá kết quả học tập của sinh viên trong từng học kỳ, để điều chỉnh lượng vận động và phương pháp giảng dạy cho phù hợp.

- Đảm bảo cân đối giữa trang bị kiến thức và kỹ năng vận động.

- Đảm bảo dụng cụ, sân bãi, phương tiện giảng dạy cho quá trình học tập.

2.2. Đối với sinh viên

- Quan sát, chú ý nhìn, nghe và làm theo, tự giác tập luyện

- Thực hiện nghiêm túc yêu cầu trong giờ học chính khóa và tích cực tham gia tập luyện TDTT ngoại khóa.

- Phải tham gia các buổi học đầy đủ, tự giác, tích cực trong quá trình học tập.

- Đảm bảo yêu cầu về trang phục học tập môn học Giáo dục Thể chất.

3. Những trọng tâm cơ bản cần chú ý:

- Tác dụng, phát triển thể lực, thể kình của một số kỷ thuật của bài thể dục phát triển chung;
- Các kỷ thuật của môn Điền kình và một số luật Điền kinh cần chú ý;
- Các kỷ thuật cơ bản của môn Bóng chuyền và một số Luật cơ bản của môn Bóng chuyền.

4. Tài liệu cần tham khảo:

- Nghị định số 11/2015/NĐ-CP ngày 32/01/2015 của Chính phủ Quy định về Giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường.
- Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025;
- Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Cầu lông, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2000.
- Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bơi thể thao, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.
- Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Thể dục, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2009.
- Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bóng chuyền, Nhà xuất bản Thể dục thể thao, năm 2006.
- Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Điền kinh (sách giáo khoa), năm 2006.
- Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bóng đá, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2007.
- Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bơi thể thao, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.
- Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình điền kinh, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.
- Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng rổ, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.
- Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng đá, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2017.
- Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bơi lội (tập 1, tập 2), Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.

- Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng bàn, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2014.
- Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Điền kinh, năm 2016.
- Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh: Giáo trình Bóng chuyền, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2014.
- Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình thể dục (tập 1, tập 2) Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2014.
18. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình điền kinh, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2014.
- Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình bóng bàn, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.
- Luật các môn thể thao và các tài liệu tham khảo khác./.

VII. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Thực hiện theo quy định tại Thông tư 04/2022/BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

HIỆU TRƯỞNG

(*Đã ký*)

Tạ Thị Nhất Sương

Tên môn học: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG- AN NINH

Mã môn học: MH6

Thời gian thực hiện: 75 giờ (Lý thuyết: 36 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 35 giờ; Kiểm tra: 04 giờ; tự học 90 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh là môn học điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo cao đẳng.

- Tính chất: Chương trình môn học bao gồm những nội dung cơ bản về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; có kiến thức cơ bản về phòng thủ dân sự, rèn luyện kỹ năng quân sự; sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc.

II. Mục tiêu môn học:

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam;

+ Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;

+ Trình bày được một số nội dung cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng;

+ Trình bày được những vấn đề cơ bản về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh;

+ Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội; tác dụng, tính năng, cấu tạo và cách thức sử dụng của một số loại vũ khí bộ binh thông thường; kỹ thuật cấp cứu chuyển thương.

- Về kỹ năng:

+ Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay;

+ Nhận biết được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;

+ Xác định được một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam;

+ Nhận thức đúng đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh;

+ Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị; kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh; cấp cứu chuyển thương.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Luôn có tinh thần cảnh giác cao trước những âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch; chấp hành tốt mọi đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh;

+ Rèn luyện bản lĩnh chính trị, đạo đức, hình thành lối sống có kỷ luật, có ý thức tự giác và tác phong nhanh nhẹn trong các hoạt động;

+ Sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc và các hoạt động xã hội góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc;

+ Có ý thức, trách nhiệm trong việc xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; chiến tranh nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân phối thời gian:

TT	Tên bài	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Thực hành	Kiểm tra
1	Bài 1: Nhập môn Giáo dục quốc phòng và an ninh 1. Vị trí, tính chất, mục tiêu của môn học: 2. Các nội dung chính 3. Một số yêu cầu cơ bản về lễ tiết	2	2			

TT	Tên bài	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Thực hành	Kiểm tra
	tác phong quân nhân cho người học: 4. Điều kiện thực hiện môn học, mô đun 5. Tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập					
2	Bài 2: Phòng chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam 1. Chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội 2. Chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam 3. Quan điểm và phương châm của Đảng, Nhà nước về phòng chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ 4. Những giải pháp phòng chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ ở Việt Nam hiện nay 5. Thảo luận	4	3	1		
3	Bài 3: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên	4	3	1		

TT	Tên bài	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Thực hành	Kiểm tra
	1. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ 2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên 3. Thảo luận					
4	Bài 4: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia 1. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia 2. Quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia 3. Một số giải pháp cơ bản của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia 4. Trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia 5. Thảo luận	4	3	1		
5	Bài 5: Một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo 1. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc 2. Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo	4	3	1		

TT	Tên bài	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Thực hành	Kiểm tra
	3. Quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam 4. Thảo luận					
6	Bài 6: Những vấn đề cơ bản về Phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội 1. Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm 2. Công tác phòng chống tệ nạn xã hội 3. Thảo luận	4	3	1		
7	Kiểm tra	1				1
8	Bài 7: Đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước Việt Nam về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng 1. Quan điểm và tư tưởng chỉ đạo của Đảng về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng 2. Nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng: 3. Những giải pháp cơ bản về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng 4. Thảo luận	5	3	2		
9	Bài 8: Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ	5	3	2		

TT	Tên bài	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Thực hành	Kiểm tra
	nghĩa 1. Những vấn đề chung về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc: 2. Quan điểm của Đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quố 3. Một số nội dung chủ yếu của chiến tranh nhân dân 4. Thảo luận					
10	Bài 9: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam 1. Khái niệm, đặc điểm và những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân 2. Phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong giai đoạn mới 3. Những biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân 4. Thảo luận	5	3	2		
11	Bài 10: Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh 1. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh ở Việt Nam 2. Nội dung kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường,	5	3	2		

TT	Tên bài	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Thực hành	Kiểm tra
	củng cố quốc phòng và an ninh với đối ngoại ở nước ta hiện nay 3. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh ở Việt Nam hiện nay 4. Thảo luận					
12	Kiểm tra	1				1
13	Bài 11: Đội ngũ đơn vị 1. Đội hình tiểu đội 2. Đội hình trung đội: 3. Đổi hướng đội hình: 4. Thực hành	4	1		3	
14	Bài 12: Giới thiệu và hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh 1. Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh 2. Hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh: 3. Thực hành	19	5		14	
15	Bài 13: Kỹ thuật cấp cứu và chuyển thương 1. Cầm máu tạm thời 2. Cố định tạm thời xương gãy 3. Hô hấp nhân tạo 4. Kỹ thuật chuyển thương 5. Thực hành	6	1		5	

TT	Tên bài	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Thực hành	Kiểm tra
16	Kiểm tra	2				2
	Tổng cộng	**75**	**36**	**13**	**22**	**4**

* Ghi chú: Thời gian kiểm tra lý thuyết được tính vào giờ lý thuyết, kiểm tra thực hành được tính vào giờ thực hành.

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Nhập môn giáo dục quốc phòng an ninh **Thời gian: 2 giờ**

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, điều kiện thực hiện, yêu cầu về kiểm tra đánh giá môn học; các yêu cầu tối thiểu về lễ tiết tác phong quân nhân cho người học môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh;
- Nâng cao ý thức, trách nhiệm của người học trong học tập môn học, nhận thức được tầm quan trọng của công tác quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung bài học:

2.1. Vị trí, tính chất, mục tiêu của môn học:

2.2. Các nội dung chính:

2.3. Một số yêu cầu cơ bản về lễ tiết tác phong quân nhân cho người học:

2.4. Điều kiện thực hiện môn học, mô đun:

2.5. Tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập:

Bài 2: Phòng chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với các nước xã hội chủ nghĩa và Việt Nam;
- Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay.

2. Nội dung bài học:

2.1. Chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội:

2.2. Chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam:

2.3. Quan điểm và phương châm của Đảng, Nhà nước về phòng chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ:

2.4. Những giải pháp phòng chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ ở Việt Nam hiện nay:

2.5. Thảo luận:

Bài 3: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên;
- Phân biệt được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên.

2. Nội dung bài học:

2.1. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ:

2.2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên:

2.3. Thảo luận:

Bài 4: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia, quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia;
- Phân biệt được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia.

2. Nội dung bài học:

2.1. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia:

2.2. Quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia:

2.3. Một số giải pháp cơ bản của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia:

2.4. Trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia:

2.5. Thảo luận:

Bài 5: Một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những nội dung chính về dân tộc, tôn giáo; vấn đề dân tộc, tôn giáo theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước hiện nay;
- Xác định rõ quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.

2. Nội dung bài học:

2.1. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc:

2.2. Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo:

2.3. Quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam:

2.4. Thảo luận:

Bài 6: Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những nội dung cơ bản về công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội;
- Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội hiện nay.

2. Nội dung bài học:

2.1. Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm

2.2. Công tác phòng chống tệ nạn xã hội:

2.3. Thảo luận:

Bài 7: Đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước Việt Nam về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa tư tưởng

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về đường lối quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng;
- Nhận thức đúng đường lối quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng.

2. Nội dung bài học:

2.1. Quan điểm và tư tưởng chỉ đạo của Đảng về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng:

2.2. Nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng:

2.3. Những giải pháp cơ bản về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.4. Thảo luận:

Bài 8: Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được các nội dung cơ bản về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;
- Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung bài học:

2.1. Những vấn đề chung về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc:

2.2. Quan điểm của Đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc:

2.3. Một số nội dung chủ yếu của chiến tranh nhân dân:

2.4. Thảo luận:

Bài 9: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những vấn đề cơ bản về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam;
- Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.

2. Nội dung bài học:

2.1. Khái niệm, đặc điểm và những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân:

2.2. Phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong giai đoạn mới:

2.3. Những biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

2.4. Thảo luận:

Bài 10: Kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng an ninh

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những vấn đề cơ bản về việc kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh;
- Nhận thức đúng trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh.

2. Nội dung bài học:

2.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh ở Việt Nam:

2.2. Nội dung kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh với đối ngoại ở nước ta hiện nay:

2.3. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh ở Việt Nam hiện nay:

2.4. Thảo luận:

Bài 11: Đội ngũ đơn vị **Thời gian: 4 giờ**

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội;
- Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội.

2. Nội dung bài học:

2.1. Đội hình tiểu đội:

2.2. Đội hình trung đội:

2.3. Đổi hướng đội hình:

2.4. Thực hành:

Bài 12: Giới thiệu và hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh

Thời gian: 19 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, tính năng chiến đấu, cấu tạo, chuyển động của một số loại vũ khí bộ binh;
- Thực hiện đúng động tác tháo lắp súng bộ binh và kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh;
- Có ý thức giữ gìn, bảo quản và sử dụng vũ khí bộ binh trong tập luyện và chiến đấu.

2. Nội dung bài học:

2.1. Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh:

2.2. Hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh:

2.3. Thực hành:

Bài 13: Kỹ thuật cấp cứu, chuyển thương **Thời gian: 6 giờ**

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về kỹ thuật cấp cứu, chuyển thương;
- Thực hiện đúng các bước cấp cứu, chuyển thương.

2. Nội dung bài học:

2.1. Cầm máu tạm thời:

2.2. Cố định tạm thời xương gãy:

2.3. Hô hấp nhân tạo:

2.4. Kỹ thuật chuyển thương:

2.5. Thực hành:

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Địa điểm học tập: Phòng học, thao trường, bãi tập và các địa điểm khác đáp ứng điều kiện thực hiện môn học.

Phòng học lý thuyết: 1 phòng, diện tích 75m2, có đủ bàn ghế cho sinh viên, điều kiện ánh sáng đảm bảo.

2. Trang thiết bị máy móc:

2.1. Tài liệu:

Giáo trình Giáo dục quốc phòng và an ninh và các tài liệu tham khảo khác do Hiệu trưởng nhà trường quyết định theo quy định của pháp luật.

2.2. Tranh, phim ảnh:

- Sơ đồ tổ chức Quân đội và Công an;
- Cấu tạo, sử dụng một số loại lựu đạn;
- Kỹ thuật băng bó cấp cứu, chuyển thương;
- Súng tiểu liên AK, súng trường CKC, súng trung liên RPĐ, súng diệt tăng B41;
- Các tư thế, động tác bắn súng AK, CKC;
- Cấu tạo và động tác sử dụng lựu đạn Φ1, lựu đạn cần 97;
- Phim ảnh về giáo dục quốc phòng và an ninh.

2.3. Mô hình vũ khí:

- Mô hình súng AK-47, CKC, RPĐ, B41 cắt bổ;
- Mô hình súng tiểu liên AK-47, CKC luyện tập;
- Mô hình lựu đạn lựu đạn Φ1, lựu đạn cần 97 cắt bổ;
- Mô hình lựu đạn lựu đạn Φ1, lựu đạn cần 97 luyện tập.

2.4. Máy bắn tập:

- Máy bắn MBT-03;
- Thiết bị tạo tiếng nổ và lực giật cho máy bắn tập MBT-03 TNAK-12;
- Thiết bị theo dõi đường ngắm RDS-07;
- Lựu đạn tập nổ nhiều lần sử dụng CO2 lỏng (LĐT-15).

2.5. Thiết bị khác:

- Bao đạn, túi đựng lựu đạn;
- Bộ bia (khung + mặt bia số 4);
- Giá đặt bia đa năng;
- Kính kiểm tra đường ngắm;
- Đồng tiền di động;

- Mô hình đường đạn trong không khí;
- Hộp dụng cụ huấn luyện;
- Thiết bị tạo tiếng súng và tiếng nổ giả;
- Dụng cụ băng bó cứu thương;
- Cáng cứu thương;
- Giá súng và bàn thao tác;
- Tủ đựng súng và thiết bị.

2.6. Trang phục:

- Trang phục giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục quốc phòng và an ninh

+ Trang phục mùa hè;
+ Trang phục dã chiến;
+ Mũ Kêpi;
+ Mũ cứng;
+ Mũ mềm;
+ Thắt lưng;
+ Giầy da;
+ Tất sợi;
+ Sao mũ Kêpi giáo dục quốc phòng và an ninh;
+ Sao mũ cứng giáo dục quốc phòng và an ninh;
+ Sao mũ mềm giáo dục quốc phòng và an ninh;
+ Nền cấp hiệu giáo dục quốc phòng và an ninh;
+ Nền phù hiệu giáo dục quốc phòng và an ninh;
+ Biển tên;
+ Ca vát.

- Trang phục người học giáo dục quốc phòng và an ninh

+ Trang phục hè;
+ Mũ cứng;
+ Mũ mềm;
+ Giầy vải;
+ Tất sợi;
+ Sao mũ cứng giáo dục quốc phòng và an ninh;
+ Thắt lưng;

+ Sao mũ mềm giáo dục quốc phòng và an ninh.

4. Tiêu chuẩn, tiêu chí giảng viên: Giảng viên giảng dạy quốc phòng - an ninh

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam; những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;

+ Trình bày được một số nội dung cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng;

+ Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội; tác dụng, tính năng, cấu tạo và cách thức sử dụng của một số loại vũ khí bộ binh thông thường; kỹ thuật cấp cứu chuyển thương.

- Về kỹ năng:

+ Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay;

+ Nhận biết được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;

+ Xác định được một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam;

+ Nhận thức đúng đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh;

+ Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị; kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh; cấp cứu chuyển thương.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Tinh thần cảnh giác cao trước những âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch; chấp hành tốt mọi đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh;

+ Rèn luyện bản lĩnh chính trị, đạo đức, hình thành lối sống có kỷ luật, có ý thức tự giác và tác phong nhanh nhẹn trong các hoạt động;

+ Sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc và các hoạt động xã hội góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc;

+ Ý thức, trách nhiệm trong việc xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; chiến tranh nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh.

2. Phương pháp đánh giá:

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư 04/2022/BLĐTBXH ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

a) Điểm môn học bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6;

b) Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm. Trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

c) Điểm môn học đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 4,0 đạt từ 2,00 trở lên (Quy đổi tại Điều 16 và Điều 31 Thông tư Thông tư 04/2022/BLĐTBXH ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

- Điểm quá trình (kí hiệu: QT): Kiểm tra theo hình thức bài viết tự luận, thảo luận, trắc nghiệm hoặc thực hành.

+ Số lượng: 05 cột điểm: Trong đó, 01 cột điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1; 04 cột điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

- Điểm thi kết thúc môn học:

+ Hình thức: Thi tự luận, trắc nghiệm hoặc thực hành.

+ Thời gian: từ 60 - 90 phút.

- Điểm môn học, tính theo công thức:

$$MH = \frac{QT \times 4 + THI \times 6}{10}$$

- Thang điểm: Theo thang điểm 04 và các thang điểm tiếp theo tại điều 31 Thông tư 04/2022/BLĐTBXH ngày 03 tháng 3 năm 2022.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: cho sinh viên năm thứ nhất

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên: giáo viên, giảng viên cần áp dụng các phương pháp dạy học tích cực, kết hợp giữ lý thuyết và thực hành nhằm gây được hứng thú cho sinh viên, làm cho sinh viên chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức, rèn luyện ký năng nhằm đạt được mục tiêu của môn học.

- Đối với người học: Đọc trước giáo trình, bài giảng và các tài liệu tham khảo liên quan trước mỗi buổi học. Tham dự giờ giảng một cách tích cực. Tích cực, chủ động tham gia thảo luận, luyện tập, thực hành các tình huống quốc phòng – an ninh dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam;

- Những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;

- Nội dung cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng;

+ Tác dụng, tính năng, cấu tạo và cách thức sử dụng của một số loại vũ khí bộ binh thông thường; kỹ thuật cấp cứu chuyển thương.

4. Tài liệu tham khảo:

- Chỉ thị 12-CT/TW ngày 03/05/2007 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Giáo dục quốc phòng và an ninh trong tình hình mới.

- Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII", Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016.

- Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.
- Luật Biên giới quốc gia, 2004.
- Luật nghĩa vụ quân sự, 2015.
- Luật an ninh quốc gia, 2004.
- Bộ luật hình sự, 2015.
- Luật phòng chống tham nhũng, 2005; sửa đổi bổ sung năm 2018.
- Luật tín ngưỡng, tôn giáo, 2016.
- Luật Quốc phòng, 2006; sửa đổi, bổ sung năm 2018.
- Luật giáo dục quốc phòng và an ninh, 2013.
- Luật biển Việt Nam, 2012.
- Luật Dân quân tự vệ, 2009.
- Luật phòng, chống ma túy, năm 2000; sửa đổi, bổ sung năm 2009.
- Pháp lệnh số 10/2003/PL-UBTVQH11 ngày 17/03/2003 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về phòng, chống mại dâm.
- Nghị định số 116/2006/NĐ-CP ngày 06/10/2006 của Chính phủ về động viên quốc phòng.
- Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc.
- Nghị định số 25/2014/NĐ-CP ngày 07/04/2014 quy định về phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác có sử dụng công nghệ cao.
- Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết về biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh.
- Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ.
- Thông tư số 01/2018/TT-BGDĐT ngày 26/01/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn học giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (có cấp trung học phổ thông), trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.
- Thông tư số 02/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung học phổ thông.

- Thông tư số 08/2015/TT-BLĐTBXH ngày 27/02/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Ban hành chương trình, giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh dùng cho trình độ trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề.
- Thông tư số 03/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1, tập 2 dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng, Nhà xuất bản Giáo dục 2007.
- Học viện chính trị: Phòng, chống "diễn biến hòa bình" ở Việt Nam - những vấn đề lý luận và thực tiễn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2009.
- Giáo trình Giáo dục an ninh - trật tự, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam 2012.
- Điều lệnh quản lý bộ đội, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 2011.
- Sách dạy bắn súng tiểu liên AK, Cục quân huấn, BTTM, năm 1997.
- Sách dạy bắn súng trung liên RPĐ, Cục quân huấn, BTTM, năm 2000.
- Sách dạy bắn súng diệt tăng B41, Cục quân huấn, BTTM, năm 2002./.

VII. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Thực hiện theo quy định tại Thông tư 04/2022/BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

HIỆU TRƯỞNG

(*Đã ký*)

Tạ Thị Nhất Sương

Tên môn học: HÓA SINH

Mã môn học: **MH07.YS**

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 29 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 0 giờ; Kiểm tra: 1 giờ, giờ tự học:30 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: là môn học cơ cơ sở ngành

- Tính chất: Mô đun này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về hóa học của các loại chất chủ yếu của cơ thể sống; các quá trình chuyển hóa của chúng ở tế bào, các xúc tác sinh học và năng lượng sinh học và hóa sinh các mô và các dịch sinh vật.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được những kiến thức cơ bản về hóa học của các loại chất chủ yếu của cơ thể sống.

+ Trình bày được quá trình chuyển hóa của chúng ở tế bào, các xúc tác sinh học và năng lượng sinh học.

+ Trình bày được hóa sinh các mô và các dịch sinh vật.

- Về kỹ năng:

- Về kỹ năng:

+ Có khả năng làm việc nhóm

+ Giải quyết vất đề độc lập

+ Phân tích được thông số hóa sinh máu, nước tiểu

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Vận dụng và liên hệ được các kiến thức trên vào việc học tập, nghiên cứu các môn khoa học cơ sở có liên quan và các môn y học lâm sàng..

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	**Tên chương, mục**	**Thời gian (giờ)**			
		Tổng số	**Lý thuyết**	**Thực hành, thảo luận**	**Kiểm tra**
1	Bài 1: Hóa học và chuyển hóa	4	4	0	

	Glucid 1. Glucid 1.1. Đại cương 1.2. Monosaccarid 1.3. Oligosaccarid 1.4. Polysaccarid 2. Chuyển hóa Glucid 2.1. Đại cương 2.2. Tiêu hóa, hấp thu và nhu cầu Glucid 2.3. Chuyển hóa Glycogen 2.4. Chuyển hóa Glucose 2.5. Điều hòa và rối loạn chuyển hoá Glucid				
2	Bài 2: Hóa học và chuyển hóa Lipid 1. Lipid 1.1. Đại cương 1.2. Thành phần cấu tạo Lipid 1.3. Cấu tạo Lipid thuần 1.4. Lipid tạp 2. Chuyển hóa Lipid 2.1. Đại cương 2.2. Sự tiêu hóa, hấp thu và vận chuyển 2.3. Chuyển hóa acid béo 2.4. Chuyển hóa triglycerid 2.5. Chuyển hóa phospholipid 2.6. Chuyển hóa cholesterol 2.7. Điều hòa và rối loạn chuyển hóa lipid	4	4	0	
3	Bài 3: Hóa học và chuyển hóa Protein	4	4	0	

	1. Hóa học Acid amin, Peptid, Protein 1.2. Đại cương 1.3. Acid amin 1.4. Peptid 1.5. Protein 2. Chuyển hóa Protein 2.1. Thoái hóa protein 2.2. Chuyển hóa acid amin 2.3. Sinh tổng hợp protien đặc hiệu				
4	Bài 4: Hóa học và chuyển hóa Hemoglobin 1. Hóa học Hemoglobin 1.1. Cấu tạo của Hemoglobin 1.2. Tính chất của Hemoglobin 1.3. Một số Porphyrinoprotein khác 2. Chuyển hóa Hemoglobin 2.1. Tổng hợp Hemoglobin 2.2. Sự thoái hóa của Hemoglobin và sự hình thành sắc tố mật 2.3. Rối loạn chuyển hóa Hemoglobin	4	4	0	
5	Bài 5: Enzym; Hormon; Vitamin 1. Enzym 1.1. Đại cương 1.2. Bản chất của sự xúc tác 1.3. Phân loại, danh pháp enzym 1.4. Cấu tạo enzym 1.5. Tiền enzym 2. Hormon 2.1. Định nghĩa 2.2. Phân loại	8	8	0	

	2.3. Hormon có cấu tạo là protein và peptid 2.4. Hormon là dẫn suất của acid amin 2.5. Hormon steroid				
6	Bài 6: Hóa sinh gan, thận, nước tiểu 1. Hóa sinh gan 2. Hóa sinh thận 3. Hóa sinh nước tiểu	5	5	0	
7	Kiểm tra	1			1
Cộng		30	29	0	1

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Hóa học và chuyển hóa Glucid **Thời gian: 4 giờ**

1. Mục tiêu:

- Định nghĩa, phân loại và nêu được vai trò của glucid.
- Giải thích được cơ chế phản ứng và nêu được ý nghĩa của từng chu trình chuyển hóa glucid.
- Giải thích được các cơ chế điều hòa liên quan đến rối loạn chuyển hóa glucid đặc biệt là trong bệnh đái đường tụy.

2. Nội dung chương:

2.1. Glucid

2.1.1. Đại cương

2.1.2. Monosaccarid

2.1.3. Oligosaccarid

2.1.4. Polysaccarid

2. Chuyển hóa Glucid

2.2.1. Đại cương

2.2.2. Tiêu hóa, hấp thu và nhu cầu Glucid

2.2.3. Chuyển hóa Glycogen

2.2.4. Chuyển hóa Glucose

2.2.5. Điều hòa và rối loạn chuyển hoá Glucid

2.2.6. Chuyển hoá Ethanol

Chương 2: Hóa học và chuyển hóa Lipid **Thời gian: 4 giờ**

1. Mục tiêu:

- Định nghĩa, phân loại được lipid
- Nêu ra được vai trò, tính chất hóa sinh của lipid
- Trình bày được quá trình thoái hóa, tổng hợp lipid
- Nêu ra được sự điều hòa và rối loạn chuyển hóa lipid

2. Nội dung

2.1. Lipid

2.1.1. Đại cương

2.1.2. Thành phần cấu tạo Lipid

2.1.3. Cấu tạo Lipid thuần

2.1.4. Lipid tạp

2.2. Chuyển hóa Lipid

2.2.1. Đại cương

2.2.2. Sự tiêu hóa, hấp thu và vận chuyển

2.2.3. Chuyển hóa acid béo

2.2.4. Chuyển hóa triglycerid

2.2.5. Chuyển hóa phospholipid

2.2.6. Chuyển hóa cholesterol

2.2.7. Điều hòa và rối loạn chuyển hóa lipid

Chương 3: Hóa học và chuyển hóa Protein **Thời gian: 4 giờ**

- Phân loại được acid amin.
- Trình bày được 4 bậc cấu trúc của phân tử protein. Nêu được những tính chất và vai trò sinh học quan trọng của peptid, protein.
- Mô tả được các quá trình vận chuyển amoniac trong cơ thể và viết được sơ đồ tổng hợp urê.

2. Nội dung

2.1. Hóa học Acid amin, Peptid, Protein

2.1.2. Đại cương

2.1.3. Acid amin

2.1.4. Peptid

2.1.5. Protein

2.2. Chuyển hóa Protein

2.2.1. Thoái hóa protein

2.2.2. Chuyển hóa acid amin

2.2.3. Sinh tổng hợp protien đặc hiệu

Chương 4: Hóa học và chuyển hóa Hemoglobin **Thời gian: 4 giờ**

1. Mục tiêu:

- Vẽ và trình bày được công thức cấu tạo của hemoglobin.
- Kể được các tính chất hóa học và sinh học quan trọng của hemoglobin
- Mô tả được quá trình thoái hóa và tổng hợp hemoglobin.
- Vẽ sơ đồ và trình bày được sự thoái hóa hemoglobin và hình thành sắc tố mật.
- Biện luận được sự thay đổi các chỉ số hóa sinh của chuyển hóa hemoglobin trong một số trường hợp vàng da.

2. Nội dung:

2.1. Hóa học Hemoglobin

2.1.1. Cấu tạo của Hemoglobin

2.1.2. Tính chất của Hemoglobin

2.1.3. Một số Porphyrinoprotein khác

2.2. Chuyển hóa Hemoglobin

2.2.1. Tổng hợp Hemoglobin

2.2.2. Sự thoái hóa của Hemoglobin và sự hình thành sắc tố mật

2.2.3. Rối loạn chuyển hóa Hemoglobin

Chương 5: Enzym; Hormon; Enzym **Thời gian: 8 giờ**

1. Mục tiêu:

- Trình bày được thành phần cấu tạo, danh pháp, phân loại enzym và coenzym
- Trình bày được các khái niệm cơ bản liên quan đến hormon, cách phân loại hormon, cơ chế điều hòa của hormon

2. Nội dung:

2.1. Enzym

2.1.1. Đại cương

2.1.2. Bản chất của sự xúc tác

2.1.3. Phân loại, danh pháp enzym

2.1.4. Cấu tạo enzym

2.1.5. Tiền enzym

2.2. Hormon

2.2.1. Định nghĩa

2.2.2. Phân loại

2.2.3. Hormon có cấu tạo là protein và peptid

2.2.4. Hormon là dẫn suất của acid amin

2.2.5. Hormon steroid

Chương 6: Hóa sinh gan, thân, nước tiểu **Thời gian: 5 giờ**

1. Mục tiêu:

- Trình bày được 3 chức năng hóa sinh của gan và 4 chức năng hóa sinh của thận.
- Phân tích được ý nghĩa lâm sàng của các chất bất thường trong nước tiểu

2. Nội dung:

2.1. Hóa sinh gan

2.2. Hóa sinh thận

2.3. Hóa sinh nước tiểu

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học lý thuyết
2. Trang thiết bị máy móc: máy tính, máy chiếu, …

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được những kiến thức cơ bản về hóa học của các loại chất chủ yếu của cơ thể sống.

+ Trình bày được quá trình chuyển hóa của chúng ở tế bào, các xúc tác sinh học và năng lượng sinh học.

+ Trình bày được hóa sinh gan, thân, nước tiểu.

- Về kỹ năng:

+ Có khả năng làm việc nhóm

+ Giải quyết vất đề độc lập

+ Phân tích được thông số hóa sinh nước tiểu

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Vận dụng và liên hệ được các kiến thức trên vào việc học tập, nghiên cứu các môn cơ sở có liên quan và các môn y học lâm sàng..

2. Phương pháp đánh giá:

- Điểm quá trình: Kiểm tra theo hình thức trắc nghiệm hoặc tự luận

+ Số lượng: 02 cột điểm: Trong đó, 1 cột điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1 và 1 cột điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

- Điểm thi kết thúc môn học: Thi trắc nghiệm, thời gian: 60 phút

- Điểm mô-đun: Bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc mô-đun có trọng số 0,6;

- Thang điểm: Điểm môn học, thang điểm 4 (Điều 31 thông tư 04/2022/TT – BLĐTBXH)

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Cho sinh viên cao đẳng hệ chính quy**.**

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên: Thuyết trình.

- Đối với người học:

+ Đọc trước bài giảng và các tài liệu tham khảo liên quan trước mỗi buổi học.

+ Tham dự giờ giảng một cách tích cực.

+ Làm đủ các bài tập nhóm trên lớp và ở nhà.

3. Những trọng tâm cần chú ý

- Cấu trúc và chuyển hóa của glucid, lipid, protein, hemoglobin; Enzym, hormone; Hóa sinh gan, thân, nước tiểu.

4. *Tài liệu tham khảo*

- *Nguyễn Văn Rư, 2015, Hóa sinh học, NXB Y học, Hà Nội.*

- *Nguyễn Nghiêm Luật, 2012, Hóa sinh, NXB Y học, Hà Nội.*

- *Nguyễn Văn Thắng, 2007,Hóa sinh học, NXB Y học, Hà Nội.*

5. Ghi chú và giải thích:

HIỆU TRƯỞNG

(*Đã ký*)

Tạ Thị Nhất Sương

Tên mô đun: VI SINH - KÝ SINH TRÙNG

Mã mô đun: MĐ01.YS

Thời gian thực hiện mô đun: 60 giờ (Lý thuyết: 29 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 29 giờ; Kiểm tra: 2 giờ: Tự học 45 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: là môn học cơ sở ngành

- Tính chất: Mô đun này cung cấp cho người học các đặc điểm cơ bản của vi sinh và ký sinh trùng y học, mối tương tác giữa vi sinh vật, cơ thể, môi trường, chi phối sự gây bệnh, chẩn đoán vi sinh vật và nguyên tắc phòng bệnh và các phương pháp khử nhiễm (bao gồm làm sạch, khử trùng và tiệt trùng và lấy được các bệnh phẩm).

+ Cung cấp kiến thức về những đặc điểm, hình thể, sinh lý, sinh thái, ký sinh và cấu tạo cơ quan của các loại ký sinh trùng gây bệnh và truyền dịch bệnh ở người và các phương pháp chẩn đoán, các nguyên tắc, biện pháp phòng chống các bệnh ký sinh trùng.

II. Mục tiêu mô đun:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được các đặc điểm cơ bản của vi sinh và ký sinh trùng y học.

+ Trình bày được mối tương tác giữa vi sinh vật, cơ thể, môi trường, chi phối sự gây bệnh, chẩn đoán vi sinh vật và nguyên tắc phòng bệnh.

+ Trình bày được các phương pháp khử nhiễm (bao gồm làm sạch, khử trùng và tiệt trùng và lấy được các bệnh phẩm.

+ Mô tả được những đặc điểm về hình thể, sinh lý, sinh thái, ký sinh và cấu tạo cơ quan của các loại ký sinh trùng gây bệnh và truyền dịch bệnh ở người.

+ Trình bày được các phương pháp chẩn đoán, các nguyên tắc, biện pháp phòng chống các bệnh ký sinh trùng.

+ Phân biệt và mô tả một số tiêu bản về vi khuẩn và ký sinh trùng.

- Về kỹ năng:

+ Thực hiện được các kỹ thuật lấy và bảo quản mẫu bệnh phẩm

+ Thực hiện được phương pháp nhuộm vi khuẩn Gram

+ Lập kế hoạch và tư vấn các biện pháp phòng bệnh do vi sinh-ký sinh trùng gây ra trong cộng đồng.

+ Có khả năng làm việc nhóm

+ Sử dụng được kính hiển vi

+ Nhận dạng được một số hình thể vi khuẩn, ký sinh trùng gây bệnh dưới kính hiển vi

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Vận dụng và liên hệ được các kiến thức trên vào việc học tập, nghiên cứu các môn cơ sở có liên quan và các môn y học lâm sàng.

III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	**Lý thuyết**	**Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập**	**Kiểm tra**
1	Bài 1: Đại cương về vi sinh-ký sinh trùng 1. Các thuật ngữ thường dùng trong ký sinh trùng 2. Đặc điểm hình thể và cấu tạo cơ quan của ký sinh trùng 3. Đặc điểm ký sinh và sinh sản của ký sinh trùng 4. Phân loại chu kỳ sống và ý nghĩa thực tiễn 5. Phân loại sơ bộ ký sinh trùng và cách ghi danh pháp/tên ký sinh trùng 6. Bệnh học ký sinh trùng, miễn dịch trong nhiễm và bệnh ký sinh trùng 7. Tác hại của ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng 8. Dịch tễ học bệnh ký sinh trùng 9. Tình hình ký sinh trùng 10. Chẩn đoán bệnh ký sinh trùng 11. Điều trị bệnh ký sinh trùng	2	2	0	0

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	**Lý thuyết**	**Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập**	**Kiểm tra**
	12. Phòng chống ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng				
2	Bài 2: Đại cương về miễn dịch và ứng dụng trong y học 1. Đại cương về miễn dịch 2. Ứng dụng trong y học 2.1. Vaccine 2.2. Huyết thanh	4	4	0	0
3	Bài 3: Một số vi khuẩn gây bệnh thường gặp và cơ chế kháng thuốc của vi khuẩn 1. Đại cương về vi khuẩn 2. Một số vi khuẩn thương gặp 2.1. Vi khuẩn lỵ 2.2. Vi khuẩn tả 2.3. Vi khuẩn thương hàn 2.4. Vi khuẩn giang mai 2.5. Vi khuẩn lao 3. Kháng sinh, tác động của kháng sinh và cơ chế kháng thuốc của vi khuẩn	5	5	0	0
4	Bài 4: Một số virus gây bệnh thường gặp 1. Đại cương về virus. 2. Một số virus gây bệnh thường gặp. 2.1. Virus cúm. 2.2. Virus viêm gan. 2.3. Virus HIV. 2.4. Virus sốt xuất huyết.	4	4	0	0

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	**Lý thuyết**	**Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập**	**Kiểm tra**
	2.5. Virus viêm não Nhật Bản.				
5	Bài 5: Amip, trùng roi, trùng long 1. Đại cương về đơn bào 2. Amip (*Entamoeba histolytica)* 3. Trùng roi 4. Trùng lông	2	2	0	0
6	Bài 6: Ký sinh trùng sốt rét 1. Đặc điểm của ký sinh trùng sốt rét. 2. Bệnh sốt rét. 2.1. Triệu chứng. 2.2. Điều trị. 3. Dịch tễ học bệnh sốt rét. 4. Phòng chống bệnh sốt rét.	3	3	0	0
7	Bài 7: Một số loại giun tròn gây bệnh thường gặp 1. Đại cương về giun sán. 2. Giun đũa. 2.1. Hình thể. 2.2. Sinh thái. 2.3. Bệnh học. 2.4. Điều trị và phòng chống. 3. Giun tóc. 3.1. Hình thể. 3.2. Sinh thái. 3.3. Bệnh học. 3.4. Điều trị và phòng chống.	4	4	0	0

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	4. Giun kim. 4.1. Hình thể. 4.2. Sinh thái. 4.3. Bệnh học. 4.4. Điều trị và phòng chống. 5. Giun móc. 5.1. Hình thể. 5.2. Sinh thái. 5.3. Bệnh học. 5.4. Điều trị và phòng chống. 6. Giun chỉ. 6.1. Hình thể. 6.2. Sinh thái. 6.3. Bệnh học. 6.4. Điều trị và phòng chống				
8	Bài 8: Sán lá, sán dây 1. Sán lá. 1.1. Sán lá ruột. 1.2. Sán lá gan. 1.3. Sán lá phổi. 2. Sán dây. 2.1. Sán dây lợn. 2.2. Sán dây bò.	2	2	0	0
9	Bài 9: Vi nấm 1. Đặc điểm chung về vi nấm 2. Phân loại và vai trò của vi nấm	2	2	0	0

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	**Lý thuyết**	**Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập**	**Kiểm tra**
9	Kiểm tra	1			1
10	Bài 10: Phương pháp lấy bệnh phẩm, bảo quản bệnh phẩm để làm xét nghiệm vi sinh – ký sinh trùng 1. Lấy bệnh phẩm là máu. 2. Cách lấy đờm, phân, mủ để xét nghiệm. 3. Cách lấy nước tiểu xét nghiệm.	7	1	6	0
11	Bài 11: Nhận dạng một số hình thể vi khuẩn, ký sinh trùng gây bệnh 1. Quan sát hình thể E. coli. 2. Quan sát hình thể trứng và con trưởng thành các loại giun (đũa, tóc, móc, kim, chỉ), sán (sán lá phổi, ruột, gan).	12	0	12	0
12	Bài 12: Làm tiêu bản nhuộm vi khuẩn 1. Phương pháp nhuộm Gram..	11	0	11	
13	Kiểm tra	1			1
Tổng		**60**	**29**	**29**	**2**

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Đại cương về vi sinh - ký sinh trùng **Thời gian: 2 giờ**

1. Mục tiêu:

- Trình bày các khái niệm cơ bản về ký sinh trùng.
- Mô tả đặc điểm chung về hình thái, cấu tạo và đặc điểm ký sinh của ký sinh trùng.
- Trình bày phân loại khái quát ký sinh trùng.
- Nêu các kiểu chu kỳ chung của các loại ký sinh trùng.

- Phân tích nguyên tắc và các biện pháp phòng chống bệnh do ký sinh trùng.

2. Nội dung chương:

2.1. Các thuật ngữ thường dùng trong ký sinh trùng

2.2. Đặc điểm hình thể và cấu tạo cơ quan của ký sinh trùng

2.3. Đặc điểm ký sinh và sinh sản của ký sinh trùng

2.4. Phân loại chu kỳ sống và ý nghĩa thực tiễn

2.5. Phân loại sơ bộ ký sinh trùng và cách ghi danh pháp/tên ký sinh trùng

2.6. Bệnh học ký sinh trùng, miễn dịch trong nhiễm và bệnh ký sinh trùng

2.7. Tác hại của ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng

2.8. Dịch tễ học bệnh ký sinh trùng

2.9. Tình hình ký sinh trùng

2.10. Chẩn đoán bệnh ký sinh trùng

2.11. Điều trị bệnh ký sinh trùng

2.12. Phòng chống ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng

Chương 2: Đại cương về miễn dịch và ứng dụng trong y học. Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

- Phân được miễn dịch tự nhiên và miễn dịch thu được.
- Trình bày được nguyên tắc sử dụng vaccin, huyết thanh.
- Nêu ứng dụng

2. Nội dung chương:

2.1. Đại cương về miễn dịch

2.2. Ứng dụng trong y học

2.2.1. Vaccine

2.2.2. Huyết thanh

Chương 3: Một số vi khuẩn gây bệnh thường gặp và cơ chế kháng thuốc của vi khuẩn

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được các thành phần cấu trúc của vi khuẩn và các chức năng chính của các thành phần cấu trúc đó.
- Mô tả được đặc điểm sinh học chính của các vi khuẩn: thương hàn, tả, lỵ, lao, giang mai.
- Trình bày được khả năng gây bệnh của các vi khuẩn: thương hàn, tả, lỵ, lao, giang mai.

- Nêu được cách phòng và điều trị các vi khuẩn: thương hàn, tả, lỵ, lao, giang mai.
- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế kháng thuốc kháng sinh của vi khuẩn

2. Nội dung

2.1. Đại cương về vi khuẩn

2.2. Một số vi khuẩn thương gặp

2.2.1. Vi khuẩn lỵ

2.2.2. Vi khuẩn tả

2.2.3. Vi khuẩn thương hàn

2.2.4. Vi khuẩn giang mai

2.2.5. Vi khuẩn lao

2.3. Kháng sinh, tác động của kháng sinh và cơ chế kháng thuốc của vi khuẩn

Chương 4: Một số virus gây bệnh thường gặp Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được các thành phần cấu trúc của virus và các chức năng chính của các thành phần cấu trúc đó.
- Trình bày được 5 giai đoạn nhân lên của virus và 7 hậu quả khi có sự xâm nhập của virus vào tế bào.
- Mô tả được đặc điểm sinh học chính của các virus (Cúm, Viêm gan, HIV, Sốt xuất huyết, Viêm não Nhật Bản)
- Trình bày được khả năng gây bệnh, phương pháp lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm, nguyên tắc phòng, điều trị bệnh do các virus(Cúm, Viêm gan, HIV, Sốt xuất huyết, Viêm não Nhật Bản).

2. Nội dung

2.1. Đại cương về virus.

2.2. Một số virus gây bệnh thường gặp.

2.2.1. Virus cúm.

2.2.2. Virus viêm gan.

2.2.3. Virus HIV.

2.2.4. Virus sốt xuất huyết.

2.2.5. Virus viêm não Nhật Bản.

Chương 5: Amip, trùng roi, trùng lông Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- Nêu được khái niệm cơ bản về đơn bào ký sinh.
- Trình bày được hình thể của amip, trùng lông, trùng roi.
- Trình bày được cơ chế gây bệnh, điều trị và phương pháp phòng chống các bệnh do amip, trùng lông, trùng roi gây ra.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương về đơn bào

2.2. Amip (*Entamoeba histolytica)*

2.3. Trùng roi

2.4. Trùng lông

Chương 6: Ký sinh trùng sốt rét Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:
- Nêu được các loài ký sinh trùng sốt rét.
- Trình bày được hình thể của ký sinh trùng sốt rét.
- Trình bày được chu kỳ phát triển và dịch tễ học của KST.
- Nêu nguyên tắc phòng và điều trị KST sốt rét.

2. Nội dung:

2.1. Đặc điểm của ký sinh trùng sốt rét.

2.2. Bệnh sốt rét.

2.2.1. Triệu chứng.

2.2.2. Điều trị.

2.3. Dịch tễ học bệnh sốt rét.

2.4. Phòng chống bệnh sốt rét.

Chương 7: Một số loại giun tròn gây bệnh thường gặp Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:
- Mô tả được đặc điểm con trưởng thành, đặc điểm trứng của các loại giun đũa, móc, tóc, kim, chỉ.
- Trình bày chu kỳ phát triển của các loại giun đũa, móc, tóc, kim, chỉ.
- Trình bày được phương pháp lấy bệnh phẩm để chẩn đoán các loại giun đũa, móc, tóc, kim, chỉ.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương về giun sán.

2.2. Giun đũa.

2.2.1. Hình thể.

2.2.2. Sinh thái.

2.2.3. Bệnh học.

2.2.4. Điều trị và phòng chống.

2.3. Giun tóc.

2.3.1. Hình thể.

2.3.2. Sinh thái.

2.3.3. Bệnh học.

2.3.4. Điều trị và phòng chống.

2.4. Giun kim.

2.4.1. Hình thể.

2.4.2. Sinh thái.

2.4.3. Bệnh học.

2.4.4. Điều trị và phòng chống.

2.5. Giun móc.

2.5.1. Hình thể.

2.5.2. Sinh thái.

2.5.3. Bệnh học.

2.5.4. Điều trị và phòng chống.

2.6. Giun chỉ.

2.6.1. Hình thể.

2.6.2. Sinh thái.

2.6.3. Bệnh học.

2.6.4. Điều trị và phòng chống.

Chương 8: Sán lá, sán dây **Thời gian: 2 giờ**

1. Mục tiêu:

- Mô tả hình thể của các sán dây, sán lá.
- Trình bày được chu kỳ phát triển của các sán dây, sán lá.
- Nêu được biện pháp phòng chống các bệnh do sán dây, sán lá gây ra.

2. Nội dung:

2.1. Sán lá.

2.1.1. Sán lá ruột.

2.1.2. Sán lá gan.

2.1.3. Sán lá phổi.

2.2. Sán dây.

2.2.1. Sán dây lợn.

2.2.2. Sán dây bò.

Chương 9: Vi nấm **Thời gian: 2 tiết**

1. Mục tiêu:

- Mô tả đặc điểm chung của vi nấm gây bệnh.
- Trình bày được vai trò của vi nấm trong y học
- Trình bày được những biện pháp phòng bệnh do vi nấm gây ra.

2. Nội dung:

2.1. Đặc điểm chung về vi nấm

2.2. Phân loại và vai trò của vi nấm

2.3. Đặc điểm vi nấm gây bệnh và biện pháp phòng bệnh

Chương 10: Phương pháp lấy bệnh phẩm, bảo quản bệnh phẩm để làm xét nghiệm vi sinh – ký sinh trùng

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

- Thực hiện đúng các thao tác lấy bệnh phẩm.
- Nêu được nguyên tắc và các bước bảo quản mẫu bệnh phẩm

2. Nội dung:

- Lấy bệnh phẩm là máu.
- Cách lấy đờm, phân, mủ để xét nghiệm.
- Cách lấy nước tiểu xét nghiệm.

Chương 11: Nhận dạng một số hình thể vi khuẩn, ký sinh trùng gây bệnh

Thời gian: 12 giờ

1. Mục tiêu:

- Nhận dạng được hình thể các vi khuẩn gây bệnh thường gặp.
- Phân biệt được hình thể của các loại ký sinh trùng thường gặp.

2. Nội dung:

- Quan sát hình thể E. coli.

- Quan sát hình thể trứng và con trưởng thành các loại giun (đũa, tóc, móc, kim, chỉ), sán (sán lá phổi, ruột, gan).

Chương 12: Làm tiêu bản nhuộm vi khuẩn **Thời gian: 11 giờ**

1. Mục tiêu:

- Thực hiện được phương pháp nhuộm vi khuẩn Gram.
- Nêu được nguyên tắc các bước nhuộm Gram.

2. Nội dung

- Phương pháp nhuộm Gram..

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học lý thuyết - phòng thực hành

2. Trang thiết bị máy móc:

- Phòng lý thuyết: máy chiếu, máy tính, màn chiếu, phấn, bảng.
- Phòng thực hành: phòng thực hành vi sinh-ký sinh trùng (phụ lục cơ sở vật chất).

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Hồ sơ lên lớp của giáo viên (Kế hoạch dạy học, sổ tay GV)
- Giáo trình

4. Điều kiện khác:

- Giảng viên: là cử nhân xét nghiệm trình độ đại học, Bác sĩ đa khoa, Thạc sỹ chuyên ngành Ký sinh trùng.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được các đặc điểm cơ bản của vi sinh và ký sinh trùng y học.

+ Trình bày được mối tương tác giữa vi sinh vật, cơ thể, môi trường, chi phối sự gây bệnh, chẩn đoán vi sinh vật và nguyên tắc phòng bệnh.

+ Trình bày được các phương pháp khử nhiễm (bao gồm làm sạch, khử trùng và tiệt trùng và lấy được các bệnh phẩm.

+ Mô tả được những đặc điểm về hình thể, sinh lý, sinh thái, ký sinh và cấu tạo cơ quan của các loại ký sinh trùng gây bệnh và truyền dịch bệnh ở người.

+ Trình bày được các phương pháp chẩn đoán, các nguyên tắc, biện pháp phòng chống các bệnh ký sinh trùng.

+ Phân biệt và mô tả một số tiêu bản về vi khuẩn và ký sinh trùng.

- Về kỹ năng:

+ Thực hiện được các kỹ thuật lấy và bảo quản mẫu bệnh phẩm

+ Lập kế hoạch và tư vấn các biện pháp phòng bệnh do vi sinh-ký sinh trùng gây ra trong cộng đồng.

+ Có khả năng làm việc nhóm

+ Giải quyết vất đề độc lập

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Vận dụng và liên hệ được các kiến thức trên vào việc học tập, nghiên cứu các môn cơ sở có liên quan và các môn y học lâm sàng.

2. Phương pháp đánh giá:

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 03 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

- Điểm quá trình: Kiểm tra theo hình thức bài viết tự luận, trắc nghiệm hoặc thực hành

+ Số lượng: 04 cột điểm: Trong đó, 2 cột điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, 2 cột điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

- Điểm thi kết thúc mô đun: Hình thức: Thi trắc nghiệm; Thời gian: từ 60 - 90phút.

- Điểm mô đun: Bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc mô-đun có trọng số 0,6;

- Thang điểm: Điểm mô đun theo thang điểm 4, quy đổi điểm mô đun thành điểm chữ và thang điểm 4 theo Điều 31 thông tư 04/2022/TT - BLĐTBXH.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Cho sinh viên hệ chính quy.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên: Thuyết trình, tao tác mẫu cho sinh viên quan sát và hướng dẫn từng thao tác thực hiện.

- Đối với người học: Đọc trước bài giảng và các tài liệu tham khảo liên quan trước mỗi buổi học. Tham dự giờ giảng một cách tích cực. Làm đủ các bài tập trên lớp và ở nhà.

3. Những trọng tâm cần chú ý.

- Hình thể, có chế gây bệnh, biện pháp phòng chống và điều trị do một số virus, vi khuẩn gây bệnh thường gặp.

- Hình thể, có chế gây bệnh, biện pháp phòng chống và điều trị do một số loại ký sinh trùng gây bệnh thường gặp.

- Nhuộm tiêu bản, thực hiện được các lấy và bảo quản mẫu bệnh phẩm.

4. Tài liệu tham khảo

- *Trần Xuân Mai, 2013, Ký sinh trùng y học, NXB Y học, Tp HCM.*

- *Phạm Văn Thân, 2007, Ký sinh trùng, NXB Giáo dục, Hà Nội.*

- *Bộ Y tế Vụ khoa học và Đào tạo, 2006, Vi sinh- Ký sinh trùng, NXB Y học, Hà Nội* -

Điểm học phần (kí hiệu: HP): tính theo công thức sau:

HIỆU TRƯỞNG

(*Đã ký*)

Tạ Thị Nhất Sương

Tên mô đun: GIẢI PHẪU SINH LÝ

Mã mô đun: MĐ02.YS

Thời gian thực hiện mô đun: 75 giờ (Lý thuyết: 43 giờ; Thực hành: 29 giờ; kiểm tra 3 giờ: Tự học: 118 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Đây là mô đun cơ sở ngành, được bố trí vào học kỳ I của khóa học

- Tính chất: Mô đun này giúp sinh viên hiểu được các đặc điểm về giải phẫu – sinh lý của các cơ quan trong cơ thể, từ đó, áp dụng được vào trong các môn học chuyên ngành để điều trị và phòng bệnh.

II. Mục tiêu của mô đun:

- Về kiến thức:

+ Mô tả được những đặc điểm giải phẫu các bộ phận và cơ quan trong cơ thể.

+ Trình bày được chức năng của các cơ quan, hệ thống các cơ quan trong cơ thể

- Về kỹ năng:

+ Xác định được các chi tiết giải phẫu trên tranh ảnh, trên mô hình, trên người sống.

+ Ứng dụng các hiểu biết về giải phẫu học và sinh lý vào các môn y học khác để phòng bệnh và điều trị.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm.

+ Phải nghiên cứu giáo trình, chuẩn bị các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng. Chuẩn bị thảo luận và đọc, sưu tầm các tư liệu có liên quan đến nội dung của chương.

+ Dành thời gian cho việc nghiên cứu trước bài giảng dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

+ Tham dự các buổi thảo luận, các buổi lên lớp theo quy định.

III. Nội dung mô đun:

1.Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian.

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương 1. Đại cương Giải phẫu sinh lý	2	2	0	2

	1. Đại cương về giải phẫu – sinh lý 1.1. Định nghĩa giải phẫu học 1.2. Thuật ngữ giải phẫu học 1.3. Phạm vi nghiên cứu của giải phẫu học 1.4. Đối tượng nghiên cứu của giải phẫu y học. 1.5. Vai trò của giải phẫu học. 1.6. Thuật ngữ giải phẫu học. 2. Đặc điểm của cơ thể sống 2.1. Chuyển hoá 2.2. Đặc điểm chịu kích thích 2.3. Sự sinh sản 4. Đại cương tế bào. 4.1. Đại cương. 4.2. Cấu tạo tế bào. 4.3. Sự phân chia tế bào.				
2	Chương 2. Giải phẫu Hệ Cơ Xương Khớp 1. Xương đầu mặt 1.1. Xương sọ 1.2. Xương mặt 2. Xương thân 2.1.Xương cột sống 2.2. Xương lồng ngực 3. Cơ, mạch máu, thần kinh vùng đầu mặt cổ và thân mình 3.1. Vùng đầu mặt 3.2. Vùng cổ 3.3. Vùng thân mình 4. Xương chi trên, xương chi dưới 4.1. Xương chi trên	10	6	4	

	4.2. Xương chi dưới 5. Cơ, mạch máu, thần kinh chi trên và chi dưới 5.1. Cơ, mạch máu, thần kinh chi trên 5.2. Cơ, mạch máu, thần kinh chi dưới 6. Thực hành giải phẫu hệ cơ – xương – khớp.				
3	Chương 3. Sinh lý máu 1. Các thành phần của máu 1.1. Huyết cầu 1.2. Huyết Tương 2. Máu đông 2.1. Cơ chế đông máu 2.2 Những yếu tố ảnh hưởng đến đông máu 3. Nhóm máu 3.1. Hệ thống nhóm máu ABO 3.2. Hệ thống nhóm máu Rh 4. Chức năng của máu 4.1. Chức năng hô hấp 4.2. Chức năng dinh dưỡng 4.3. Chức năng đào thải 4.4. Chức năng điều hòa nhiệt độ cơ thể 4.5. Chức năng bảo vệ cơ thể 4.6. Chức năng thống nhất cơ thể	3	3	0	
4	Chương 4. Giải phẫu sinh lý hệ tuần hoàn 1. Đại cương 2. Giải phẫu - Sinh lý tim 2.1. Hình thể ngoài và liên quan 2.2. Hình thể trong, hình đối chiếu của	9	5	4	

	tim và van tim trên thành ngực 2.3. Cấu tạo tim 2.4. Mạch máu 2.5. Hoạt động của tim 2.6. Tiếng tim 2.7. Tính tự động của tim, hệ thống nút 3. Tuần hoàn mạch máu 3.1. Sơ đồ tuần hoàn mạch máu 3.2. Sự chuyển động của máu trong mạch máu 4. Huyết áp 4.1. Huyết áp động mạch 4.2. Huyết áp tĩnh mạch 5. Mạch đập 6. Nguyên nhân chuyển máu từ tĩnh mạch về tim 6.1. Sức bóp của cơ tim 6.2. Sức hút của lồng ngực 6.3. Sức ép của cơ hoành 6.4. Động mạch đập 6.5. Sức co cơ 6.6. Trọng lực 7. Điều hòa tuần hoàn 7.1. Hệ thần kinh giao cảm 7.2. Hệ thần kinh phó giao cảm 7.3. Cơ chế điều hòa 8. Thực hành giải phẫu – sinh lý hệ tuần hoàn				
5	Chương 5. Giải phẫu sinh lý hệ hô hấp 1. Đặc điểm giải phẫu, mô học hệ hô hấp	8	4	4	

	1.1. Mũi 1.2. Họng 1.3. Thanh quản 1.4. Khí quản 1.5. Phổi 2. Chức năng của đường dẫn khí 2.1. Chức năng dẫn khí 2.2. Chức năng bảo vệ 2.3. Chức năng làm ấm và bão hoà hơi nước của không khí khi hít vào 2.4. Các chức năng khác của đường dẫn khí. 3. Chức năng thông khí của phổi 3.1. Các động tác hô hấp 3.2. Các thể tích, dung tích và lưu lượng thở 4. Chức năng vận chuyển và trao đổi không khí của máu 4.1. Các yếu tố ảnh huởng đến tốc dộ khuếch tán khí qua màng hô hấp 4.2. Máu vận chuyển và trao đổi oxy 4.3. Vận chuyển và trao đổi CO2 trong máu 5. Điều hòa hô hấp 5.1. Cấu tạo và hoạt động của trung tâm hô hấp 5.2. Các yếu tố tham gia điều hòa hô hấp 6. Thực hành giải phẫu – sinh lý hệ hô hấp				
6	Chương 6. Giải phẫu sinh lý hệ tiêu hóa	8	4	4	

	1. Miệng 1.1. Tiền đình miệng 1.2. Cung lợi – răng 1.3. Buồng miệng 2. Thực quản 2.1. Hình thể và cấu tạo 2.2. Liên quan 3. Dạ dày 3.1. Hình thể ngoài và liên quan 3.2. Cấu tạo 4. Ruột 4.1. Tá tràng 4.2. Ruột non 4.3. Ruột già 5. Sinh lý hệ tiêu hóa 5.1. Tiêu hóa ở miệng và thực quản 5.2. Tiêu hóa ở dạ dày 5.3. Tiêu hóa ở ruột non 5.4. Tiêu hóa ở ruột già 6. Gan 6.1. Vị trí 6.2. Hình thể ngoài và liên quan 6.3. Cấu tạo cơ bản của gan 6.4. Sinh lý gan 7. Tuyến tụy 7.1. Vị trí 7.2. Hình thể ngoài và liên quan 7.3. Hình thể trong và cấu tạo 7.4. Sinh lý tuyến tụy 8. Màng bụng 8.1. Cấu tạo của màng bụng 8.2. Màng bụng và phân khu ổ bụng				

	9. Thực hành giải phẫu - sinh lý hệ tiêu hóa				
7	Chương 7. Giải phẫu sinh lý hệ tiết niệu 1. Thận 1.1. Hình thể ngoài và liên quan 1.2. Hình thể trong và cấu tạo cơ bản 2. Niệu quản 2.1. Hình thể ngoài 2.2. Phân đoạn và liên quan 2.3. Cấu tạo 3. Bàng quang 3.1. Vị trí 3.2. Hình thể ngoài và liên quan 3.3. Hình thể trong và cấu tạo 4. Niệu đạo 4.1. Hình thể ngoài 4.2. Phân đoạn và liên quan 4.3. Cấu tạo 5. Sinh lý tiết niệu 5.1. Cơ chế tạo nước tiểu ở thận 5.2. Chức năng của thận 5.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến sự tạo thành nước tiểu. 6. Thực hành giải phẫu – sinh lý hệ tiết niệu	7	4	3	
8	Chương 8. Giải phẫu sinh lý hệ sinh dục 1. Đặc điểm giải phẫu cơ quan sinh dục nam 1.1. Tinh hoàn 1.2. Các đường dẫn tinh	8	4	4	

	1.3. Tuyến tiền liệt 1.4. Dương vật 1.5. Mạch máu và thần kinh của cơ quan sinh dục nam 2. Chức năng của tinh hoàn 2.1. Chức năng ngoại tiết 2.2. Chức năng nội tiết 3. Chức năng của túi tinh 4. Chức năng của tiền liệt tuyến 5. Tinh dịch 6. Đặc điểm giải phẫu – sinh lý cơ quan sinh dục nữ. 6.1. Buồng trứng 6.2. Vòi tử cung 6.3. Tử cung 6.4. Âm đạo 6.5. Âm hộ 7. Chức năng của buồng trứng 7.1. Chức năng ngoại tiết 7.2. Chức năng nội tiết 8. Chu kỳ kinh nguyệt 8.1. Cơ chế của kinh nguyệt 8.2. Tính chất của kinh nguyệt 8.3. Đặc điểm của kinh nguyệt 9. Dậy thì và mãn kinh 9.1. Dậy thì 9.2. Mãn kinh 10. Thực hành giải phẫu – sinh lý hệ sinh dục				
9	Chương 9. Giải phẫu sinh lý hệ thần kinh 1. Đại cương	7	4	3	

	2. Đặc điểm cấu tạo và chức năng của tế bào thần kinh 2.1. Đặc điểm cấu tạo 2.2. Các loại neuron 2.3. Đặc điểm dẫn truyền xung động thần kinh trên sợi trục 2.4. Quá trình dẫn truyền xung động thần kinh qua synap 2.5. Một số chất truyền đạt thần kinh 3. Tủy sống 3.1. Đặc điểm hình thái và cấu tạo của tủy sống 3.2. Chức năng của tủy sống 3.3. Rối loạn do tổn thương ở tủy 4. Não 4.1. Hành – cầu não 4.2. Não giữa (trung não) 4.3. Cấu tạo lưới 4.4. Não trung gian (Gian não) 4.5. Tiểu não 4.6. Võ não 4.7. Thần kinh sọ và thần kinh thực vật 5. Một số chức năng cao cấp của hệ thần kinh 5.1. Trí nhớ 5.2. Giấc ngủ 5.3. Ý thức 5.4. Cảm xúc 6. Thực hành giải phẫu – sinh lý hệ thần kinh				
10	Chương 10. Sinh Lý nội tiết Chuyển	3	3	0	

	hóa Điều hòa thân nhiệt. 1. Tuyến nội tiết 1.1. Tuyến yên. 1.2. Tuyến giáp 1.3. Tuyến cận giáp 1.4. Tuyến thượng thận. 2. Chuyển hóa và Thân nhiệt 2.1. Đại cương về chuyển hóa 2.2. Thân nhiệt.				
11	Chương 11: Giải phẫu hệ giác quan (Da, Mắt, Tai) 1. Đại cương 2. Cơ quan thị giác 2.1. Hình thể của nhãn cầu 2.2. Cấu tạo bên trong của nhãn cầu 2.3. Các cấu tạo phụ của nhãn cầu 2.4. Mạch máu và thần kinh của nhãn cầu 2.5. Đường dẫn truyền thị giác 3. Cơ quan thính giác 3.1. Cấu tạo của tai 3.2. Đường dẫn truyền thính giác 3.3. Cơ chế nghe 3.4. Chức năng thăng bằng 4. Cơ quan khứu giác 4.1. Cấu trúc bộ phận nhận cảm và đường dẫn truyền khứu giác 4.2. Cơ chế cảm nhận khứu giác. 5. Cảm giác vị giác 5.1.Cơ quan nhận cảm vị giác và đường dẫn truyền vị giác 5.2.Cảm giác vị giác cơ bản	7	4	3	

	6. Cảm giác xúc giác 6.1.Các thụ cảm thể xúc giác 6.2.Cảm giác về xúc giác 6.3. Cảm giác về nhiệt độ 6.4. Cảm giác đau 7. Thực hành giải phẫu – sinh lý hệ các Giác quan				
	Tổng	75	43	29	3

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1. Đại cương

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày định nghĩa về Giải phẫu học – Sinh lý học.
- Nêu được vai trò vị trí của giải phẫu học và sinh lý học trong y học.
- Trình bày được năm nguyên tắc đặc tên trong giải phẫu học.
- Trình bày được các đặc điểm của cơ thể sống.

2. Nội dung chương:

2.1. Đại cương về giải phẫu – sinh lý

2.1.1. Định nghĩa giải phẫu học

2.1.2. Thuật ngữ giải phẫu học

2.1.3. Phạm vi nghiên cứu của giải phẫu học

2.1.4. Đối tượng nghiên cứu của giải phẫu y học.

2.1.5. Vai trò của giải phẫu học.

2.1.6. Thuật ngữ giải phẫu học.

2.2. Đặc điểm của cơ thể sống

2.2.1. Chuyển hoá

2.2.2. Đặc điểm chịu kích thích

2.2.3. Sự sinh sản

2.4. Đại cương tế bào.

2.4.1. Đại cương.

2.4.2. Cấu tạo tế bào.

2.4.3. Sự phân chia tế bào.

Chương 2. Giải phẫu Hệ Cơ – Xương – Khớp

Thời gian: 10 giờ (Lý Thuyết: 6 giờ; Thực Hành: 4 giờ)

1. Mục tiêu:

- Mô tả được đặc điểm các cơ vùng đầu mặt cổ
- Mô tả được đặc điểm cơ thân mình.
- Trình bày đặc điểm cấu tạo của xương vùng đầu mặt cổ thân mình
- Trình bày đặc điểm cấu tạo và các mốc giải của xương chi trên chi dưới
- Phân biệt được các loại khớp
- Vận dụng kiến thức trên vào việc điều trị và chăm sóc bệnh nhân

2. Nội dung chương.

2.1. Xương đầu mặt

2.1.1. Xương sọ

2.1.2. Xương mặt

2.2. Xương thân

2.2.1.Xương cột sống

2.2.2. Xương lồng ngực

2.3. Cơ, mạch máu, thần kinh vùng đầu mặt cổ và thân mình

2.3.1. Vùng đầu mặt

2.3.2. Vùng cổ

2.3.3. Vùng thân mình

2.4. Xương chi trên, xương chi dưới

2.4.1. Xương chi trên

2.4.2. Xương chi dưới

2.5. Cơ, mạch máu, thần kinh chi trên và chi dưới

2.5.1. Cơ, mạch máu, thần kinh chi trên

2.5.2. Cơ, mạch máu, thần kinh chi dưới

2.6. Thực hành giải phẫu hệ cơ – xương – khớp.

Chương 3. Sinh lý máu

Thời gian: 03 giờ; Lý thuyết: 03 giờ; Thực hành: 00 giờ

1. Mục tiêu:

- Nắm được các thành phần của máu, số lượng và chức năng của từng thành phần đó.

- Trình bày được cơ chế đông máu, thời gian máu chảy máu đông và ứng dụng trên thực tế lâm sàng.
- Trình bày các chức năng của máu.
- Trình bày bản chất của các loại nhóm máu.
- Hiểu được các bước tiến hành xét nghiệm nhóm máu và đếm số lượng hồng cầu, bạch cầu.

2. Nội dung.

2.1. Các thành phần của máu

2.1.1. Huyết cầu

2.1.2. Huyết Tương

2.2. Máu đông

2.2.1. Cơ chế đông máu

2.2.2 Những yếu tố ảnh hưởng đến đông máu

2.3. Nhóm máu

2.3.1. Hệ thống nhóm máu ABO

2.3.2. Hệ thống nhóm máu Rh

2.4. Chức năng của máu

2.4.1. Chức năng hô hấp

2.4.2. Chức năng dinh dưỡng

2.4.3. Chức năng đào thải

2.4.4. Chức năng điều hòa nhiệt độ cơ thể

2.4.5. Chức năng bảo vệ cơ thể

2.4.6. Chức năng thống nhất cơ thể

Chương 4. Giải phẩu - Sinh lý hệ tuần hoàn

Thời gian: 09 giờ: Lý thuyết: 05 giờ; Thực hành: 04 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được cấu tạo của tim, các mạch máu và các vòng tuần hoàn.
- Trình bày được các tính chất sinh lý của tim, chu kì hoạt động của tim, lưu lượng tim, điều hòa hoạt động của tim bằng cơ chế thần kinh và cơ chế thể dịch.
- Trình bày được các tính chất sinh lý của động mạch, huyết áp động mạch, các yếu tố ảnh hưởng tới huyết áp động mạch, điều hòa tuần hoàn động mạch bằng cơ chế thần kinh và cơ thể dịch.

- Trình bày được quá trình trao đổi chất ở mao mạch và điền hòa tuần hoàn mao mạch.

2. Nội dung.

2.1. Đại cương

2.2. Giải phẫu - Sinh lý tim

2.2.1. Hình thể ngoài và liên quan

2.2.2. Hình thể trong, hình đối chiếu của tim và van tim trên thành ngực

2.2.3. Cấu tạo tim

2.2.4. Mạch máu

2.2.5. Hoạt động của tim

2.2.6. Tiếng tim

2.2.7. Tính tự động của tim, hệ thống nút

2.3. Tuần hoàn mạch máu

2.3.1. Sơ đồ tuần hoàn mạch máu

2.3.2. Sự chuyển động của máu trong mạch máu

2.4. Huyết áp

2.4.1. Huyết áp động mạch

2.4.2. Huyết áp tĩnh mạch

2.5. Mạch đập

2.6. Nguyên nhân chuyển máu từ tĩnh mạch về tim

2.6.1. Sức bóp của cơ tim

2.6.2. Sức hút của lồng ngực

2.6.3. Sức ép của cơ hoành

2.6.4. Động mạch đập

2.6.5. Sức co cơ

2.6.6. Trọng lực

2.7. Điều hòa tuần hoàn

2.7.1. Hệ thần kinh giao cảm

2.7.2. Hệ thần kinh phó giao cảm

2.7.3. Cơ chế điều hòa

2.8. Thực hành giải phẫu – sinh lý hệ tuần hoàn

Chương 5. Giải phẫu – Sinh lý hệ hô hấp

Thời gian: 08 giờ; Lý thuyết: 04 giờ; Thực hành: 04 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được cấu tạo giải phẫu có liên quan đến chức năng của bộ máy hô hấp.
- Trình bày được cơ chế các động tác hô hấp.
- Trình bày được các thể tích, dung tích và lưu lượng thở.
- Trình bày được sự vận chuyển khí của máu
- Trình bày được điều hòa hô hấp

2. Nôi dung.

2.1. Đặc điểm giải phẫu, mô học hệ hô hấp

2.1.1. Mũi

2.1.2. Họng

2.1.3. Thanh quản

2.1.4. Khí quản

2.1.5. Phổi

2.2. Chức năng của đường dẫn khí

2.2.1. Chức năng dẫn khí

2.2.2. Chức năng bảo vệ

2.2.3. Chức năng làm ấm và bão hoà hơi nước của không khí khi hít vào

2.2.4. Các chức năng khác của đường dẫn khí.

2.3. Chức năng thông khí của phổi

2.3.1. Các động tác hô hấp

2.3.2. Các thể tích, dung tích và lưu lượng thở

2.4. Chức năng vận chuyển và trao đổi không khí của máu

2.4.1. Các yếu tố ảnh huởng đến tốc dộ khuếch tán khí qua màng hô hấp

2.4.2. Máu vận chuyển và trao đổi oxy

2.4.3. Vận chuyển và trao đổi CO2 trong máu

2.5. Điều hòa hô hấp

2.5.1. Cấu tạo và hoạt động của trung tâm hô hấp

2.5.2. Các yếu tố tham gia điều hòa hô hấp

2.6. Thực hành giải phẫu – sinh lý hệ hô hấp

Chương 6. Giải phẫu – Sinh lý hệ tiêu hóa

Thời gian: 08 giờ; Lý thuyết: 04 giờ; Thực hành: 04 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được cấu tạo giải phẫu của ống tiêu hóa và các tuyến tiêu hóa.
- Trình bày được các hoạt động cơ học của miệng, thực quản, dạ dày,ruột non và ruột già.
- Trình bày được hoạt động bài tiết của miệng, thực quản, dạ dày,ruột non, ruột già.
- Trình bày được cơ chế điều hòa bài tiết dịch vị,dịch tủy, dịch mật.
- Trình bày được quá trình hấp thu các chất ở ruột non, ruột già.
- Trình bày được cấu tạo và vai trò của màng bụng.
- Trình bày được một số chức năng của gan.

2. Nôi dung.

2.1. Miệng

2.1.1. Tiền đình miệng

2.1.2. Cung lợi – răng

2.1.3. Buồng miệng

2.2. Thực quản

2.2.1. Hình thể và cấu tạo

2.2.2. Liên quan

2.3. Dạ dày

2.3.1. Hình thể ngoài và liên quan

2.3.2. Cấu tạo

2.4. Ruột

2.4.1. Tá tràng

2.4.2. Ruột non

2.4.3. Ruột già

2.5. Sinh lý hệ tiêu hóa

2.5.1. Tiêu hóa ở miệng và thực quản

2.5.2. Tiêu hóa ở dạ dày

2.5.3. Tiêu hóa ở ruột non

2.5.4. Tiêu hóa ở ruột già

2.6. Gan

2.6.1. Vị trí

2.6.2. Hình thể ngoài và liên quan

2.6.3. Cấu tạo cơ bản của gan

2.6.4. Sinh lý gan

2.7. Tuyến tụy

2.7.1. Vị trí

2.7.2. Hình thể ngoài và liên quan

2.7.3. Hình thể trong và cấu tạo

2.7.4. Sinh lý tuyến tụy

2.8. Màng bụng

2.8.1. Cấu tạo của màng bụng

2.8.2. Màng bụng và phân khu ổ bụng

2.9. Thực hành giải phẫu - sinh lý hệ tiêu hóa

Chương 7: Giải phẫu – Sinh lý hệ tiết niệu

Thời gian: 07 giờ: Lý thuyết: 04 giờ; Thực hành: 03 giờ

1. Mục tiêu:

- Mô tả được hình thể, cấu tạo cơ bản và sự liên quan của thận.
- Trình bày được hình thể, liên quan của niệu quản.
- Trình bày được hình thể, liên quan và cấu tạo của bàng quang.
- Mô tả, so sánh được đường đi, phân đoạn niệu đạo nam và niệu đạo nữ.
- Trình bày được các cơ chế bài tiết nước tiểu và chức năng của thận trong duy trì hằng tính nội môi.
- Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng đến sự bài tiết nước tiểu của thận.

2. Nội dung.

2.1. Thận

2.1.1. Hình thể ngoài và liên quan

2.1.2. Hình thể trong và cấu tạo cơ bản

2.2. Niệu quản

2.2.1. Hình thể ngoài

2.2.2. Phân đoạn và liên quan

2.2.3. Cấu tạo

2.3. Bàng quang

2.3.1. Vị trí

2.3.2. Hình thể ngoài và liên quan

2.3.3. Hình thể trong và cấu tạo

2.4. Niệu đạo

2.4.1. Hình thể ngoài

2.4.2. Phân đoạn và liên quan

2.4.3. Cấu tạo

2.5. Sinh lý tiết niệu

2.5.1. Cơ chế tạo nước tiểu ở thận

2.5.2. Chức năng của thận

2.5.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến sự tạo thành nước tiểu.

2.6. Thực hành giải phẫu – sinh lý hệ tiết niệu

Chương 8. Giải phẫu – Sinh lý hệ Sinh dục

Thời gian: 08 giờ: Lý thuyết: 04 giờ; Thực hành: 04 giờ.

1. Mục tiêu:

- Trình bày được giải phẫu và chức năng của các bộ phận thuộc hệ thống sinh dục nam.
- Trình bày được giãi phẫu các bộ phận thuộc hệ thống sinh dục nữ.
- Trình bày được chức năng của buồng trứng.
- Trình bày được chu kỳ kinh nguyệt.
- Trình bày được cơ chế, các biểu hiện của dậy thì và mãn kinh.

2. Nội dung

2.1. Đặc điểm giải phẫu cơ quan sinh dục nam

2.1.1. Tinh hoàn

2.1.2. Các đường dẫn tinh

2.1.3. Tuyến tiền liệt

2.1.4. Dương vật

2.1.5. Mạch máu và thần kinh của cơ quan sinh dục nam

2.2. Chức năng của tinh hoàn

2.2.1. Chức năng ngoại tiết

2.2.2. Chức năng nội tiết

2.3. Chức năng của túi tinh

2.4. Chức năng của tiền liệt tuyến

2.5. Tinh dịch

2.6. Đặc điểm giải phẫu – sinh lý cơ quan sinh dục nữ.

2.6.1. Buồng trứng

2.6.2. Vòi tử cung

2.6.3. Tử cung

2.6.4. Âm đạo

2.6.5. Âm hộ

2.7. Chức năng của buồng trứng

2.7.1. Chức năng ngoại tiết

2.7.2. Chức năng nội tiết

2.8. Chu kỳ kinh nguyệt

2.8.1. Cơ chế của kinh nguyệt

2.8.2. Tính chất của kinh nguyệt

2.8.3. Đặc điểm của kinh nguyệt

2.9. Dậy thì và mãn kinh

2.9.1. Dậy thì

2.9.2. Mãn kinh

2.10. Thực hành giải phẫu – sinh lý hệ sinh dục

Chương 9. Giải phẫu – Sinh lý hệ thần kinh

Thời gian: 7 giờ: Lý thuyết: 04 giờ; Thực hành: 03 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được các đặc điểm cấu tạo và chức năng của neuron.
- Trình bày được chức năng của tủy sống, hành – cầu não, não giữa, não trung gian, tiểu não và các vùng chức năng của vỏ não.
- Trình bày được đặc điểm cấu tạo của hệ thần kinh thực vật.
- Trình bày định nghĩa và phân loại trí nhớ
- Trình bày được vai trò của các cấu trúc thần kinh và các chất truyền đạt thần kinh đối với hoạt động cảm xúc.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Đặc điểm cấu tạo và chức năng của tế bào thần kinh

2.2.1. Đặc điểm cấu tạo

2.2.2. Các loại neuron

2.2.3. Đặc điểm dẫn truyền xung động thần kinh trên sợi trục

2.2.4. Quá trình dẫn truyền xung động thần kinh qua synap

2.2.5. Một số chất truyền đạt thần kinh

2.3. Tủy sống

2.3.1. Đặc điểm hình thái và cấu tạo của tủy sống

2.3.2. Chức năng của tủy sống

2.3.3. Rối loạn do tổn thương ở tủy

2. 4. Não

2.4.1. Hành – cầu não

2.4.2. Não giữa (trung não)

2.4.3. Cấu tạo lưới

2.4.4. Não trung gian (Gian não)

2.4.5. Tiểu não

2.4.6. Võ não

2.4.7. Thần kinh sọ và thần kinh thực vật

2.5. Một số chức năng cao cấp của hệ thần kinh

2.5.1. Trí nhớ

2.5.2. Giấc ngủ

2.5.3. Ý thức

2.5.4. Cảm xúc

2.6. Thực hành giải phẫu – sinh lý hệ thần kinh

Chương 10. Sinh lý nội tiết, Chuyển hóa, Điều hòa thân nhiệt

Thời gian: 03 giờ; Lý thuyết: 03 giờ; Thực hành: 0 giờ

1.Mục tiêu:

- Trình bày được vị trí hình thể, chức năng của các tuyến nội tiết .
- Giải thích được tóm tăt sự chuyển hóa của cơ thể
- Trình bày về thân nhiệt và điều hòa thân nhiệt

2. Nội dung.

2.1. Tuyến nội tiết

2.1.1. Tuyến yên.

2.1.2. Tuyến giáp

2.1.3. Tuyến cận giáp

2.1.4. Tuyến thượng thận.

2.2. Chuyển hóa và Thân nhiệt

2.2.1. Đại cương về chuyển hóa

2.2.2. Thân nhiệt.

Chương 11. Giải phẫu – Sinh lý các Giác quan

Thời gian: 07 giờ: Lý thuyết: 04 giờ; Thực hành: 03 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được các đặc điểm cấu tạo giải phẫu và mô học liên quan đến chức năng của mắt, tai, mũi, luỡi.
- Trình bày được sự điều tiết của mắt, các tật về khúc xạ của mắt, cơ chế cảm thụ ánh sang và cơ chế nhìn màu.
- Trình bày được sự dẫn truyền âm thanh và cảm giác thính giác. Cảm giác thăng bằng của bộ máy tiền đình.
- Trình bày được các đuờng dẫn truyền cảm giác khứu giác và cơ chế nhận cảm khứu giác.
- Trình bày được các đường dẫn truyền cảm giác vị giác và các cơ chế nhận cảm giác vị giác cơ bản.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Cơ quan thị giác

2.2.1. Hình thể của nhãn cầu

2.2.2. Cấu tạo bên trong của nhãn cầu

2.2.3. Các cấu tạo phụ của nhãn cầu

2.2.4. Mạch máu và thần kinh của nhãn cầu

2.2.5. Đường dẫn truyền thị giác

2.3. Cơ quan thính giác

2.3.1. Cấu tạo của tai

2.3.2. Đường dẫn truyền thính giác

2.3.3. Cơ chế nghe

2.3.4. Chức năng thăng bằng

2.4. Cơ quan khứu giác

2.4.1. Cấu trúc bộ phận nhận cảm và đường dẫn truyền khứu giác

2.4.2. Cơ chế cảm nhận khứu giác.

2.5. Cảm giác vị giác

2.5.1.Cơ quan nhận cảm vị giác và đường dẫn truyền vị giác

2.5.2.Cảm giác vị giác cơ bản

2.6. Cảm giác xúc giác

2.6.1.Các thụ cảm thể xúc giác

2.6.2.Cảm giác về xúc giác

2.6.3. Cảm giác về nhiệt độ

2.6.4. Cảm giác đau

3. Thực hành giải phẫu – sinh lý hệ các Giác quan

IV. Điều kiện thực hiện mô-đun

1. Phòng học lý thuyết

- Diện tích tối thiểu: 75m^2;

- Trang thiết bị máy móc: máy chiếu, máy tính, màn chiếu, phấn, bảng.

2. Phòng học thực hành:

- Diện tích tối thiểu: 45m^2;

- Có khu thực hành chuyên biệt đảm bảo đạt tiêu chuẩn về diện tích, ánh sáng, có lavabo, hệ thống điện nước, vệ sinh

- Có hệ thống mô hình, tranh ảnh, tiêu bản, máy móc và hóa chất để thực hành.

2. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Hồ sơ lên lớp của giáo viên (Kế hoạch dạy học, sổ tay GV)

- Giáo trình

3. Điều kiện khác:

- Giảng viên: Bác sỹ, cử nhân chuyên ngành trình độ đại học trở lên.

V. Nội dung, phương pháp đánh giá.

1. Nội dung.

- Về kiến thức:

+ Mô tả được những đặc điểm giải phẫu các bộ phận và cơ quan trong cơ thể.

+ Trình bày được chức năng của các cơ quan, hệ thống các cơ quan trong cơ thể

- Về kỹ năng:

+ Xác định được các chi tiết giải phẫu trên tranh ảnh, trên mô hình, trên người sống.

+ Ứng dụng các hiểu biết về giải phẫu học và sinh lý vào các môn y học khác để phòng bệnh và điều trị.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm.

+ Phải nghiên cứu giáo trình, chuẩn bị các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng. Chuẩn bị thảo luận và đọc, sưu tầm các tư liệu có liên quan đến nội dung của chương.

+ Dành thời gian cho việc nghiên cứu trước bài giảng dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

+ Tham dự các buổi thảo luận, các buổi lên lớp theo quy định.

2. Phương pháp.

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 03 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

- Điểm quá trình: Kiểm tra theo hình thức trắc nghiệm hoặc thực hành

+ Số lượng: 05 cột điểm: Trong đó, 2 cột điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1 và 3 cột điểm kiểm tra định kỳ (1 LT; 2TH) tính hệ số 2;

- Điểm thi kết thúc mô-đun: Thi trắc nghiệm; Thời gian: 60 phút

- Điểm mô-đun: Bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc mô-đun có trọng số 0,6;

- Thang điểm: Điểm mô đun theo thang điểm 4, quy đổi điểm mô đun thành điểm chữ và thang điểm 4 theo Điều 31 thông tư 04/2022/TT – BLĐTBXH

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun.

1. Phạm vi áp dụng mô đun.

- Cho sinh viên cao đẳng hệ chính quy, được phân bổ vào học kỳ I.

2. Hướng dẫn phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

- Đối với giáo viên, giảng viên: Lồng ghép đa dạng các phương pháp dạy học tích cực phù hợp với mô đun: Thuyết trình, vấn đáp, nhóm…vv

- Đối với người học: Phải nghiên cứu giáo trình, chuẩn bị các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng. Chuẩn bị thảo luận và đọc, sưu tầm các tư liệu có liên quan đến nội dung của chương.

- Dành thời gian cho việc nghiên cứu trước bài giảng dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

- Tham dự các buổi thảo luận, các buổi lên lớp theo quy định.

3. Những trọng tâm cần chú ý trong các bài học, giáo viên nhấn mạnh và nhắc nhở người học.

4 . Tài liệu học tập:

- Giáo trình Giải phẫu sinh lý do Bộ môn biên soạn.

- Sách tham khảo:

+ Bài giảng Giải phẫu sinh lý người TS Nguyễn Xuân Trường NXB Giáo dục Việt nam 2009.

+ Bài giảng giải phẫu học Tập 1, 2 GS Nguyễn Quang Quyền NXB Y học năm 1997.

+ Bài giảng Sinh lý học y khoa Tập 1,2. Giáo sư Phạm Đình Lựu Nhà Xuất Bản Y học 2012

HIỆU TRƯỞNG

(*Đã ký*)

Tạ Thị Nhất Sương

Tên mô đun: SINH LÝ BỆNH – MIỄN DỊCH

Mã mô đun: MĐ03.YS

Thời gian thực hiện mô đun: 30 giờ; (Lý thuyết: 29 giờ; Kiểm tra: 1 giờ: Tự học 58 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Là môn học cơ sở ngành

- Tính chất: Môn học này cung cấp cho người học kiến thức về các cơ chế miễn dịch tự nhiên và thu được của cơ thể trước sự xâm nhập các tác nhân gây bệnh có trong môi trường sống cũng như các quá trình đáp ứng miễn dịch dịch thể và miễn dịch qua trung gian tế bào và vận dụng vào thực tế qua công tác dự phòng và chẩn đoán bệnh

II. Mục tiêu mô đun:

- Về kiến thức

+ Trình bày các cơ chế miễn dịch tự nhiên và thu được của cơ thể trước sự xâm nhập các tác nhân gây bệnh có trong môi trường sống.

+ Trình bày các quá trình đáp ứng miễn dịch dịch thể và miễn dịch qua trung gian tế bào và vận dụng vào thực tế qua công tác dự phòng và chẩn đoán.

+ Trình bày được các khái niệm cơ bản về bệnh, về quá trình bệnh lý, về bệnh nguyên - bệnh sinh, về các quy luật cơ bản của sinh lý người trong trạng thái bị bệnh

+ Trình bày các cơ chế gây bệnh và giải thích được những nguyên tắc cơ bản trong việc dự phòng, chẩn đoán bệnh và điều trị bệnh.

+ Trình bày cơ chế của một số hội chứng bệnh, một số bệnh thường gặp ở người Việt Nam, và vận dụng vào thực tiễn lâm sàng

- Về kỹ năng: Vận dụng các kiến thức sinh lý bệnh vào thực tế qua công tác dự phòng và chẩn đoán bệnh và thực tiễn lâm sàng

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập, tích lũy kiến thức kinh nghiệm để vận dụng vào thực tế lâm sàng

III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)

		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Các khái niệm về bệnh 1. Quan điểm về bệnh trong lịch sử y học 2. Khái niện về bệnh nguyên và phân loại bệnh nguyên 3. Khái niệm về bệnh sinh và các yếu tố ảnh hưởng đến tính phản ứng của cơ thể. 4. Quan hệ nhân quả và vòng xoắn bệnh lý trong bệnh sinh học	1	1	0	0
2	Bài 2: Rối loạn chuyển hóa Protid- Glucid- Lipid 1. RLCH protid 1.1. Đại cương về chuyển hóa protid 1.2. Các rối loạn chuyển hóa protid 2. RLCH glucid 2.1. Đại cương về chuyển hóa glucid 2.2. Các rối loạn chuyển hóa glucid 3. RLCH lipid 3.1. Đại cương về chuyển hóa lipid 3.2. Các rối loạn chuyển hóa lipid	4	4	0	0

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
3	Bài 3: Sinh lý bệnh điều hòa thân nhiệt - quá trình viêm – T 1 Các hình thái của rối loạn thân nhiệt và các giai đoạn của sốt, các nguyên nhân gây sốt. 2 Cơ chế gây sốt và ảnh hưởng của sốt đối với cơ thể 3. Khái niệm quá trình viêm và các nguyên nhân gây viêm 4 Vai trò của nước - điện giải trong cơ thể và các rối loạn bệnh lý trong mất nước, ứ nước 5 Ý nghĩa của pH máu và điều hòa pH máu 6 Các bệnh lý thường gặp gây nhiễm acid và kiềm máu	3	3	0	0
4	Bài 4: Sinh lý bệnh cơ quan tạo máu 1. Rối loạn sinh hồng cầu 2. Phân loại thiếu máu theo cơ chế bệnh sinh 3. Các nguyên nhân gây tăng, giảm bạch cầu 4. Rối cấu tạo tiểu cầu và các nguyên nhân gây rối loạn đông máu.	3	3	0	0

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	1. Rối loạn sinh hồng cầu 2. Phân loại thiếu máu theo cơ chế bệnh sinh 3. Các nguyên nhân gây tăng, giảm bạch cầu 4. Rối cấu tạo tiểu cầu và các nguyên nhân gây rối loạn đông máu.				
5	Bài 5: Sinh lý bệnh cơ quan tuần hoàn 1. Khả năng thích nghi của hệ tuần hoàn 2. Các rối loạn bệnh lý trong suy tim 3. Các rối loạn hoạt động của hệ mạch máu	3	3	0	0
6	Bài 6: Sinh lý bệnh cơ quan hô hấp 1. Các hình thái của thiếu ô xy trong bệnh lý hô hấp 2. Các kiểu rối loạn thông khí 3. Các biểu hiện của suy hô hấp và sự thích nghi của cơ thể trong suy hô hấp	3	3	0	0
7	Chương 7: Sinh lý học cơ quan tiêu hóa 1. Cơ chế bệnh sinh của loét	4	4	0	0

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	dạ dày – tá tràng 2. Các rối loạn tiết dịch, co bóp và hấp thu tại ruột 3. Cơ chế rối loạn chức phận chuyển hóa, chống độc, bài tiết mật của gan. 4. Các mức độ rối loạn chức năng gan trong suy gan				
8	Bài 8: Sinh lý bệnh cơ quan tiết niệu 1. Đại cương về chức năng thận và các biểu hiện bệnh lý ở nước tiểu và máu 2. Nguyên nhân, cơ chế của rối loạn chức năng cầu thận 3. Cơ chế suy thận cấp, suy thận mãn. 4. Nguyên nhân, cơ chế của rối loạn chức năng ống thận	3	3	0	0
9	Bài 9: Sinh lý bệnh miễn dịch 1. Hệ thống miễn dịch không đặc hiệu 2. Hệ thống miễn dịch đặc hiệu 3. Các thành phần và phương thức đáp ứng miễn dịch đặc hiệu	3	3	0	0

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	4. KN – KT – BT và các phản ứng kết hợp KN – KT				
10	Bài 10. Một số kỹ thuật miễn dịch lâm sàng 1.Định lượng immunoglobulin 2.Định tính immunoglobulin 3. Kháng thể đối với kháng nguyên ngoại sinh 4. Phát hiện tự kháng thể 5. Khảo sát bổ thể 6. Khảo sát phức hợp miễn dịch 7. Khảo sát lympho bào 8. Đánh giá tế bào trung tính và tế bào mono	2	2	0	0
	Kiểm tra	1	0	0	1
Cộng		30	29	0	1

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Các khái niệm về bệnh **Thời gian: 1 giờ**

1. Mục tiêu:

- Trình bày được những quan điểm sai lầm về bệnh nguyên trong lịch sử y học, quan điểm về bệnh nguyên hiện nay và phân loại bệnh nguyên.
- Trình bày được tính phản ứng trong bệnh sinh, vấn đề toàn thân tại chỗ trong bệnh sinh, quan hệ nhân quả và vòng xoắn bệnh lý trong bệnh sinh.

2. Nội dung:

2.1. Quan điểm về bệnh trong lịch sử y học

2.2. Khái niện về bệnh nguyên và phân loại bệnh nguyên

2.3. Khái niệm về bệnh sinh và các yếu tố ảnh hưởng đến tính phản ứng của cơ thể.

2.4. Quan hệ nhân quả và vòng xoắn bệnh lý trong bệnh sinh học

Chương 2: Rối loạn chuyển hóa protid – glucid - lipid Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được chuyển hóa bình thường của protid và các RLCH protid thường gặp.
- Trình bày được chuyển hóa bình thường của glucid và các RLCH glucid thường gặp.
- Trình bày được chuyển hóa bình thường của lipid và các RLCH lipid thường gặp.

2. Nội dung:

2.1. RLCH protid

2.1.1. Đại cương về chuyển hóa protid

2.1.2. Các rối loạn chuyển hóa protid

2.2. RLCH glucid

2.2.1. Đại cương về chuyển hóa glucid

2.2.2. Các rối loạn chuyển hóa glucid

2.3. RLCH lipid

2.3.1. Đại cương về chuyển hóa lipid

2.3.2. Các rối loạn chuyển hóa lipid

Chương 3: Sinh lý bệnh điều hòa thân nhiệt và quá trình viêm – Rối loạn chuyển hóa nươc điện giải và thăng bằng Acid - Base Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được các hình thái của rối loạn thân nhiệt và các giai đoạn của sốt, các nguyên nhân gây sốt.
- Nêu được cơ chế gây sốt và các ảnh hưởng của sốt đối với cơ thể .
- Trình bày được khái niệm, nguyên nhân gây viêm
- Mô tả được các biến đổi chủ yếu trong quá trình viêm.
- Trình bày được vai trò của nước và điện giải trong cơ thể và các rối loạn bệnh lý trong mất nước, ứ nước.
- Nêu ý nghĩa của pH máu và cơ chế điều hòa pH máu

2. Nội dung

2.1 Các hình thái của rối loạn thân nhiệt và các giai đoạn của sốt, các nguyên nhân gây sốt.

2.2 Cơ chế gây sốt và ảnh hưởng của sốt đối với cơ thể

2.3. Khái niệm quá trình viêm và các nguyên nhân gây viêm

2.4 Vai trò của nước - điện giải trong cơ thể và các rối loạn bệnh lý trong mất nước, ứ nước

2.5 Ý nghĩa của pH máu và điều hòa pH máu

2.6 Các bệnh lý thường gặp gây nhiễm acid và kiềm máu

Chương 4: Sinh lý bệnh cơ quan tạo máu Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được các hình thái bệnh lý của rối loạn sinh hồng cầu và phân loại thiếu máu theo cơ chế bệnh sinh.
- Trình bày được nguyên nhân chính gây tăng, giảm bạch cầu.
- Trình bày được nguyên nhân chính gây rối loạn đông máu

2. Nội dung:

2.1. Rối loạn sinh hồng cầu

2.2. Phân loại thiếu máu theo cơ chế bệnh sinh

2.3. Các nguyên nhân gây tăng, giảm bạch cầu

2.4. Rối cấu tạo tiểu cầu và các nguyên nhân gây rối loạn đông máu.

Chương 5: Sinh lý bệnh cơ quan tuần hoàn Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được khả năng thích nghi của hệ tuần hoàn và các rối loạn bệnh lý trong suy tim
- Trình bày được các rối loạn hoạt động của hệ mạch máu

2. Nội dung

2.1. Khả năng thích nghi của hệ tuần hoàn

2.2. Các rối loạn bệnh lý trong suy tim

2.3. Các rối loạn hoạt động của hệ mạch máu

Chương 6: Sinh lý bệnh cơ quan hô hấp Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được các hình thái của thiếu ô xy trong bệnh lý hô hấp
- Trình bày được các kiểu rối loạn thông khí
- Trình bày được các biểu hiện của suy hô hấp và sự thích nghi của cơ thể trong suy hô hấp.

2. Nội dung:

2.1. Các hình thái của thiếu ô xy trong bệnh lý hô hấp

2.2. Các kiểu rối loạn thông khí

2.3. Các biểu hiện của suy hô hấp và sự thích nghi của cơ thể trong suy hô hấp

Chương 7: Sinh lý bệnh cơ quan tiêu hóa Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được cơ chế bệnh sinh của loét dạ dày – tá tràng.
- Trình bày được các rối loạn tiết dịch, co bóp và hấp thu tại ruột
- Giải thích được cơ chế rối loạn chức phận chuyển hóa, chống độc, bài tiết mật của gan.
- Trình bày được các mức độ rối loạn chức năng gan trong suy gan.

2. Nội dung:

2.1. Cơ chế bệnh sinh của loét dạ dày – tá tràng

2.2. Các rối loạn tiết dịch, co bóp và hấp thu tại ruột

2.3. Cơ chế rối loạn chức phận chuyển hóa, chống độc, bài tiết mật của gan.

2.4. Các mức độ rối loạn chức năng gan trong suy gan

Chương 8: Sinh lý bệnh cơ quan tiết niệu Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được nguyên nhân cơ chế của rối loạn chức năng cầu thận.
- Trình bày được cơ chế suy thận cấp, suy thận mãn
- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế, của rối loạn chức năng ống thận

2. Nội dung:

2.1. Đại cương về chức năng thận và các biểu hiện bệnh lý ở nước tiểu và máu

2.2. Nguyên nhân, cơ chế của rối loạn chức năng cầu thận

2.3. Cơ chế suy thận cấp, suy thận mãn.

2.4. Nguyên nhân, cơ chế của rối loạn chức năng ống thận

Chương 9: Sinh lý bệnh hệ miễn dịch Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được các cơ chế không chuyên biệt và chuyên biệt tham gia vào miễn dịch không đặc hiệu và các thuộc tính cơ bản của miễn dịch đặc hiệu.
- Trình bày được các thành phần và phương thức đáp ứng miễn dịch đặc hiệu.
- Trình bày được định nghĩa kháng nguyên – kháng thể - bổ thể và các phản ứng kết hợp KN - KT .
- Trình bày được các quá trình điều hòa đáp ứng miễn dịch.

2. Nội dung:

2.1. Hệ thống miễn dịch không đặc hiệu

2.2. Hệ thống miễn dịch đặc hiệu

2.3. Các thành phần và phương thức đáp ứng miễn dịch đặc hiệu

2.4. KN – KT – BT và các phản ứng kết hợp KN – KT

Chương 10: Các kỹ thuật miễn dịch lâm sàng Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- Thực hiện được kỹ thuật định lượng, định tính immunoglobulin.
- Thực hiên được kỹ thuật phát hiện tự kháng thể, bổ thể, phức hợp miễn dịch.
- Đánh giá được tế bào tế bào trung tính, mono, lym pho bào

2. Nội dung:

2.1.Định lượng immunoglobulin

2.2.Định tính immunoglobulin

2.3. Kháng thể đối với kháng nguyên ngoại sinh

2.4. Phát hiện tự kháng thể

2.5. Khảo sát bổ thể

2.6. Khảo sát phức hợp miễn dịch

2.7. Khảo sát lympho bào

2.8. Đánh giá tế bào trung tính và tế bào mono

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học: giảng đường lý thuyết

2. Trang thiết bị máy móc:

- Phòng lý thuyết: máy chiếu, máy tính, màn chiếu, phấn, bảng.
- Phòng thực hành: phòng thực hành sinh lý bệnh-miễn dịch *(phụ lục cơ sở vật chất)*.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Hồ sơ lên lớp của giáo viên (Kế hoạch dạy học, sổ tay GV)
- Giáo trình

4. Điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức

+ Trình bày các cơ chế miễn dịch tự nhiên và thu được của cơ thể trước sự xâm nhập các tác nhân gây bệnh có trong môi trường sống.

+ Trình bày các quá trình đáp ứng miễn dịch dịch thể và miễn dịch qua trung gian tế bào và vận dụng vào thực tế qua công tác dự phòng và chẩn đoán.

+ Trình bày được các khái niệm cơ bản về bệnh, về quá trình bệnh lý, về bệnh nguyên - bệnh sinh, về các quy luật cơ bản của sinh lý người trong trạng thái bị bệnh

+ Trình bày các cơ chế gây bệnh và giải thích được những nguyên tắc cơ bản trong việc dự phòng, chẩn đoán bệnh và điều trị bệnh.

+ Trình bày cơ chế của một số hội chứng bệnh, một số bệnh thường gặp ở người Việt Nam, và vận dụng vào thực tiễn lâm sàng

- Về kỹ năng:Vận dụng các kiến thức sinh lý bệnh vào thực tế qua công tác dự phòng và chẩn đoán bệnh và thực tiễn lâm sàng

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập, tích lũy kiến thức kinh nghiệm để vận dụng vào thực tế lâm sàng

2. Phương pháp đánh giá:

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 03 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

- Điểm quá trình: Kiểm tra theo hình thức trắc nghiệm hoặc tự luận

+ Số lượng: 02 cột điểm: Trong đó, 1 cột điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1 và 1 cột điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

- Điểm thi kết thúc môn học: Thi tự luận hoặc trắc nghiệm, thời gian: 60 phút

- Điểm môn học, mô-đun: Bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun có trọng số 0,6;

- Thang điểm: Điểm môn học, mô đun theo thang điểm 4, quy đổi điểm môn học, mô đun thành điểm chữ và thang điểm 4 theo Điều 31 thông tư 04/2022/TT – BLĐTBXH.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Cho sinh viên năm thứ hai

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giảng viên: Thuyết trình, phương pháp dạy học tích cực.

- Đối với người học: Đọc trước bài giảng và các tài liệu tham khảo liên quan trước mỗi buổi học. Tham dự giờ giảng một cách tích cực. Làm đủ các bài tập trên lớp và ở nhà.

3. Những trọng tâm cần chú ý

- Các khái niệm về bệnh
- Cơ chế bệnh sinh một số bệnh thường gặp của các hệ cơ quan
- Các rối loạn chuyển hóa protid, glucid, lipid, nước và điện giải
- Miễn dịch, và các kỹ thuật miễn dịch

4. Tài liệu tham khảo

- *Vũ Triệu An. 2000. Đại cương Sinh lý bệnh học. NXB Y Học, Hà Nội.*
- *Bộ môn Miễn dịch học - Sinh lý bệnh trường Đại học Y khoa Hà Nội (2002). Sinh lý bệnh. Nhà xuất bản Y học*
- *Bộ môn Miễn dịch học - Sinh lý bệnh trường Đại học Y khoa TPHCM. (2000). Sinh lý bệnh. Nhà xuất bản Y học.*
- *Bộ môn Miễn dịch học-Sinh lý bệnh trường Đại học Y Dược Huế (2006). Bài giảng Sinh lý bệnh.*
- *Bộ môn Miễn dịch học-Sinh lý bệnh trường Đại học Y Dược Huế (2006). Bài giảng Miễn dịch học.*
- *Nguyễn Ngọc Lanh. 2002. Khái niệm về bệnh. Trong: Sinh lý bệnh (Nguyễn Ngọc Lanh chủ biên). Trang 16-30. NXB Y Học, Hà Nội.*

5. Ghi chú và giải thích

HIỆU TRƯỞNG

(*Đã ký*)

Tạ Thị Nhất Sương

Tên mô đun: ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ & CẤP CỨU BAN ĐẦU

Mã mô đun: MĐ04.YS

Thời gian thực hiện mô đun: **90 giờ** (Lý thuyết: 29 giờ; Thực hành: 59 giờ; Kiểm tra: 2 giờ; Tự học: 103 giờ)

I. Vị trí, tính chất mô đun:

- Vị trí: Đào tạo cho sinh viên năm thứ nhất, sau khi sinh viên học xong các mô đun: Giải phẫu - Sinh lý, Vi sinh – Ký sinh trùng, Sinh lý bệnh.

- Tính chất: mô đun này giới thiệu những kiến thức lý luận chung về điều dưỡng cơ bản, là nền tảng liên quan đến các quá trình chăm sóc người bệnh cũng như người khỏe mạnh đồng thời trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về các kỹ thuật chăm sóc người bệnh, sơ cấp cứu ban đầu nhằm phục vụ cho việc chăm sóc, điều trị, phòng và xử trí các biến chứng có thể xãy ra, giúp người bệnh mau chóng khỏe mạnh trở về hòa nhập với cộng đồng.

II. Mục tiêu mô đun:

- Kiến thức:

+ Trình bày được sơ lược lịch sử điều dưỡng Thế giới và Việt Nam.

+ Phân tích được định hướng phát triển ngành nghề điều dưỡng, hộ sinh

+ Trình bày được vai trò và chức năng của điều dưỡng, hộ sinh

+ Trình bày mục đích, nguyên tắc áp dụng và không áp dụng các kỹ thuật chăm sóc người bệnh.

+ Mô tả quy trình của các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản.

+ Trình bày được nguyên nhân, cơ chế gây nên các tai nạn thương tích tại cộng đồng để đưa ra hướng xử trí phù hợp trong việc cấp cứu ban đầu an toàn và hiệu quả.

- Kỹ năng:

+ Nhận định được tình trạng của người bệnh và lập kế hoạch chăm sóc phù hợp.

+ Thực hiện đúng các quy trình Kỹ thuật CSNB theo bảng kiểm.

+ Giao tiếp hiệu quả để người bệnh và người nhà người bệnh an tâm hợp tác trong quá trình chăm sóc.

+ Thực hiện và xử trí được sơ cấp cứu ban đầu đối với gười bệnh gãy xương, các vết thương phần mềm, vết thương mạch máu.

+ Sơ cấp cứu được người bệnh ngừng hô hấp, ngừng tuần hoàn

- Thái độ:

+ Luôn có ý thức phát huy vai trò chức năng, đạo đức của người điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh.

+ Rèn luyện tác phong cẩn thận, tự tin, khẩn trương, chính xác trong khi thực hiện quy trình chăm sóc người bệnh.

III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	TÊN BÀI GIẢNG	Thời gian (giờ)			
		TS	LT	TH	Kiểm tra
1	Bài 1: Giới thiệu lịch sử ngành điều dưỡng thế giới và Việt Nam 1. Sơ lược lịch sử ngành điều dưỡng thế giới 2. Sơ lược lịch sử ngành điều dưỡng Việt Nam 3. Sự ra đời của hội điều dưỡng Việt nam	1	1	0	
2	Bài 2: Định hướng phát triển ngành điều dưỡng; 1. Hướng đi mới của điều dưỡng quốc tế 1.1. Sự thay đổi về nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người bệnh 1.2. Mở rộng kỹ thuật cao 1.3. Tăng cường tính tự chủ 2. Quan điểm chung của các nước khu vực về dịch vụ điều dưỡng 3. Những đặc điểm hiện tại của điều dưỡng việt nam 3. 1. Những thuận lợi 3.2. Những khó khăn 3.3. Những thành tựu đạt được 3.4. Những tồn tại và thách thức 4. Những bất cập đối với tương lai điều dưỡng 5. Mục tiêu phát triển điều dưỡng 6. Các giải pháp.	1	1	0	
3	Bài 3: Vai trò và chức năng của điều dưỡng cao đẳng 1. Yêu cầu phẩm chất cá nhân của người điều dưỡng	1	1	0	

	1.1. Phẩm chất về đạo đức 1.2. Phẩm chất về trí tuệ 1.3. Phẩm chất về mỹ thuật 2. Nghĩa vụ nghề nghiệp của người điều dưỡng 2.1. điều dưỡng với người bệnh 2.2. điều dưỡng nghề nghiệp 2.3. Người điều dưỡng với sự phát triển nghề nghiệp 2.4. điều dưỡng với đồng nghiệp				
4	Bài 4: Nhu cầu cơ bản của con người 1. Khái niệm 2. Nhu cầu của con người 3. Sự liên quan giữa nhu cầu và nguyên tắc điều dưỡng 4. Nhu cầu cơ bản của người bệnh và chăm sóc	1	1	0	
5	Bài 5: Quy trình điều dưỡng 1. Định nghĩa 2. Mục đích 3. Quy trình điều dưỡng 3.1. Nhận định 3.2. Phỏng vấn 3.3. Khám thực thể 3.4. Chẩn đoán điều dưỡng 3.5. lập kế hoạch chăm sóc 3.6. Thực hiện kế hoạch 3.7. Đánh giá kế hoạch chăm sóc	3	1	2	
6	Bài 6: Chuẩn bị giường bệnh 2. Nguyên Tắc trải giường 2. Kỹ thuật trải giường 2.1. Kỹ thuật trải giường đợi bệnh 2.2. Kỹ thuật trải giường có người bệnh nằm	3	1	2	
7	Bài 7: Chăm sóc vệ sinh hàng ngày cho bệnh nhân; 1. Đại cương 2. Những kỹ thuật chăm sóc vệ sinh cho người bệnh	3	1	2	

	2.1. Chăm sóc răng miệng 2.2. Rửa mặt 2.3. Gội đầu 2.4. Tắm cho người bệnh tại giường				
8	Bài 8: Hồ sơ người bệnh và cách ghi chép 1. Mục đích và nguyên tắc chung 2. Các loại giấy tờ hồ sơ và cách ghi chép	3	1	2	
9	Bài 9: Tiếp nhận người bệnh đến khám, nhập viện, chuyển viện và xuất viện 1. Tiếp đón người bệnh vào viện 1.1. Mục đích 1.2. Các thủ tục hành chính khi người bệnh vào viện 1.3. Quy trình nhập viện 2. Chuyển người bệnh vào khoa phòng chuyển viện. 2.1. Mục đích 2.2. Các thủ tục chuyển khoa chuyển viện 3. Người bệnh ra viện.	1	1		
10	Bài 10: Dấu hiệu sinh tồn 1. Đại cương 2. Quy trình kỹ thuật đo nhiệt độ 3. Quy trình kỹ thuật đếm mạch 4. Quy trình đo huyết áp 5. Quy trình đếm nhịp thở	5	1	4	
11	Bài 11: Cho người bệnh uống thuốc, nhỏ mắt, nhỏ mũi, nhỏ tai 1. Nguyên tắc chung khi cho người bệnh dùng thuốc 2. Một số kiến thức cần thiết khi cho người bệnh dùng thuốc 3. Kỹ thuật cho người bệnh uống thuốc 4. Thuốc dùng ngoài da, niêm mạc 5. Tai biến và cách đề phòng	3	1	2	
12	Bài 12: Kỹ thuật tiêm thuốc	7	1	6	

	1. Quy trình kỹ thuật tiêm trong da 2. Quy trình kỹ thuật tiêm dưới da 3. Quy trình kỹ thuật tiêm bắp 4. Quy trình kỹ thuật tiêm tĩnh mạch				
13	Bài 13: Kỹ thuật truyền dịch – truyền máu 1. Kỹ thuật truyền dung dịch đường tĩnh mạch 1.1. Mục đích 1.2. Nguyên tắc 1.3. các trường hợp áp dụng 1.4. các trường hợp không áp dụng 1.5. Các loại dung dịch thường dùng 1.6. Tai biến và các biện pháp đề phòng 2. Kỹ thuật truyền máu 2.1. Mục đích 2.2. Nguyên tăc 2.3. các trường hợp áp dụng 2.4. các trường hợp không áp dụng 2.5. Tai biến và các biện pháp đề phòng	5	1	4	
14	Bài 14: Lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm 1. Đại cương 2. Kỹ thuật lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm 2.1. Kỹ thuật lấy máu tĩnh mạch 2.2. Kỹ thuật lấy máu mao mạch 2.3. Kỹ thuật lấy phân 2.4. Kỹ thuật lấy nước tiểu 2.5. Kỹ thuật lấy đờm giải, dịch tiết	3	1	2	
15	Bài 15: Chăm sóc vết thương 1. Đại cương 1.1. Sự lành của vết thương 1.2. Phân loại vết thương 2. Quy trình thay băng rửa vết thương 2.1. Mục đích	4	1	3	

	2.2. Nguyên tắc 2.3. Kỹ thuật thay băng rửa vết thương				
16	Bài 16: Chườm nóng, chườm lạnh 1. Chườm lạnh 1.1. Mục đích 1.2. Tác dụng 1.3. Các trường hợp áp dụng 1.4. Quy trình kỹ thuật 2. Chườm nóng 2.1. Mục đích 2.2. Tác dụng 2.3. Các trường hợp áp dụng 2.4. Quy trình kỹ thuật	3	1	2	
17	Bài 17: Kỹ thuật đưa thức ăn vào cơ thể 1. Các đường đưa thức ăn vào cơ thể 2. Kỹ thuật cho người bệnh ăn qua đường miệng 2.1. Mục đích 2.2. Áp dụng 2.3. Không áp dụng 3. Kỹ thuật cho người bệnh ăn qua ống thông 3.1. Mục đích 3.2. Áp dụng 3.3. Không áp dụng 4. Quy trình kỹ thuật 5. Các tai biến có thể xảy ra	3	1	2	
18	Bài 18: Thụt tháo, thụt giữ 1. Mục đích 2. Chỉ định 3. Chống chỉ định 4. Tai biến 5. Quy trình kỹ thuật 6. Một số điều cần lưu ý	3	1	2	

19	Bài 19: Rửa dạ dày 1. Khái niệm 2. Mục đích 3. Chỉ định 4. Chống chỉ định 5. Tai biến 6. Quy trình kỹ thuật	3	1	2	
20	Bài 20: Hút dịch dạ dày- tá tràng 1. Mục đích 2. Áp dụng 3. Không áp dụng 4. Quy trình kỹ thuật 4.1. Chuẩn bị điều dưỡng 4.2. Chuẩn bị người bệnh 4.3. Các bước tiến hành	3	1	2	
21	Bài 21: Thông tiểu, dẫn lưu nước tiểu, rửa bàng quang 1 Thông tiểu 1.1. Mục đích 1.2. các trường hợp áp dụng 1.3. Các trường hợp không áp dụng 1.4. Quy trình kỹ thuật	4	1	3	
22	Bài 22: Hút đờm dãi 1. Đại cương 1.1. Khái niệm 1.2. mục đích 1.3. Áp dụng 1.4. Tai biến và cách đề phòng 2. Quy trình kỹ thuật 2.1. Chuẩn bị điều dưỡng 2.2. Chuẩn bị người bệnh 2.3. Các bước tiến hành	3	1	2	
23	Bài 23: Thở oxy	3	1	2	

	1. Các nguyên nhân làm cơ thể thiếu oxy 2. Triệu chứng thiếu oxy 3. Nguyên tắc sử dụng oxy 3.1. Đảm bảo vô khuẩn 3.2. Phòng tránh khô đường hô hấp 3.3. Phòng chống cháy nổ. 4. Các nguy cơ và tai biến của oxy liệu pháp 5. Quy trình kỹ thuật				
24	Bài: Sơ cứu cấp cứu nạn nhân gãy xương 1. Định nghĩa 2.Nguyên nhân 3. Phân loại gãy xương 4. Triệu chứng chung của gãy xương 5. Mục đích của bất động gãy xương 6. Dụng cụ 7. Kỹ thuật sơ cứu một bệnh nhân gãy xương 7.1. Gãy xương cẳng tay. 7.2. Gãy xương cánh tay 7.3. Gãy xương đòn 7.4. Gãy xương cẳng chân 7.5. Gãy xương đùi	4	1	3	
25	Bài 25: Sơ cứu vết thương phần mềm, garo cầm máu 1. Vết thương phần mềm 1.1. Định nghĩa 1.2. Mục đích 1.3. Nguyên tăc 1.4. Sơ cứu vết thương 1.4.1. Vết thương phần mềm 1.4.2. Vết thương bụng 1.4.3. Vết thương ngực 1.4.4. Vết thương đầu. 2. Vết thương mạch máu	3	1	2	

	2.1. Phân biệt các loại vết thương và xử trí 2.2.Dấu hiệu và triệu chứng của mất máu nhiều 2.3. Các kỹ thuật cầm máu 2.3.1. Chỉ định 2.3.2. Nguyên tắc đặt garo 2.3.3. Băng ép động mạch cảnh 2.3.4. Xử trí đứt động mạch bẹn				
26	Bài 26: Kỹ thuật băng bó 1. Mục đích 2. Nguyên tắc 3. Các loại băng 4. Các kiểu băng cơ bản và ứng dụng 5. Băng một số vị trí trên cơ thể	3	1	2	
27	Bài 27: Cấp cứu ngừng hô hấp , ngừng tuần hoàn 1. Cấp cứu ngừng hô hấp 1.1. Mục đích 1.2. Nguyên nhân 1.3. Các dấu hiệu và triệu chứng của ngừng thở đột ngột. 1.4. Xử trí 2. Cấp cứu ngừng tuần hoàn 2.1. Mục đích 2.2. Xác định ngừng tim 2.3. Xử trí	5	1	4	
28	Bài 28: Vận chuyển người bệnh 1. Chuẩn bị điều dưỡng 2. Chuẩn bị người bệnh 3. Chuẩn bị dụng cụ 4. Tiến hành quy trình vận chuyển người bệnh theo bảng kiểm	3	1	2	
29	Kiểm tra	2			2
TỔNG CỘNG		**90**	**29**	**59**	**2**

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Giới thiệu lịch sử ngành điều dưỡng thế giới và Việt Nam 1 giờ

1. Mục tiêu:

- Mô tả các giai đoạn của lịch sử thế giới và của ngành điều dưỡng Việt nam
- Nhận thức rõ trách nhiệm của Điều dưỡng để phấn đấu cho sự nghiệp điều dưỡng Việt Nam.

2. Nội dung:

2.1. Sơ lược lịch sử ngành điều dưỡng thế giới

2.2. Sơ lược lịch sử ngành điều dưỡng Việt Nam

2.3. Sự ra đời của hội điều dưỡng Việt nam

Bài 2. Định hướng phát triển ngành điều dưỡng 1 giờ

1. Mục Tiêu:

- Phân tích các hướng đi mới của điều dưỡng quốc tế
- Trình bày quan điểm chung về dịch vụ điều dưỡng của các nước khu vực
- Phân tích kế hoạch định hướng điều dưỡng Việt Nam và tầm nhìn 2030

2. Nội dung

2.1. Hướng đi mới của điều dưỡng quốc tế

2.1.1. Sự thay đổi về nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người bệnh

2.1.2. Mở rộng kỹ thuật cao

2.1.3. Tăng cường tính tự chủ

2.2. Quan điểm chung của các nước khu vực về dịch vụ điều dưỡng

2.3. Những đặc điểm hiện tại của điều dưỡng việt nam

2.3. 1. Những thuận lợi

2.3.2. Những khó khăn

2.3.3. Những thành tựu đạt được

2.3.4. Những tồn tại và thách thức

2.4. Những bất cập đối với tương lai điều dưỡng

2.5. Mục tiêu phát triển điều dưỡng

2.6. Các giải pháp.

Bài 3. Vai trò và chức năng của điều dưỡng cao đẳng 1 giờ

1. Mục tiêu:

- Mô tả các yêu cầu về phẩm chất cá nhân của người điều dưỡng

- Giải thích được 4 nghĩa vụ nghề nghiệp cơ bản của người điều dưỡng

2. Nội dung

2.1. Yêu cầu phẩm chất cá nhân của người điều dưỡng

2.1.1. Phẩm chất về đạo đức

2.1.2. Phẩm chất về trí tuệ

2.1.3. Phẩm chất về mỹ thuật

2.2. Nghĩa vụ nghề nghiệp của người điều dưỡng

2.2.1. điều dưỡng với người bệnh

2.2.2. điều dưỡng nghề nghiệp

2.2.3. Người điều dưỡng với sự phát triển nghề nghiệp

2.2.4. điều dưỡng với đồng nghiệp

Bài 4. Nhu cầu cơ bản của con người và mối liên quan đến công tác điều dưỡng

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được các nhu cầu cơ bản của con người theo Maslow
- Trình bày được mối liên quan giữa nhu cầu và nguyên tắc điều dưỡng
- Trình bày được 14 nhu cầu của con người theo Virginia Henderson
- Áp dụng được nhu cầu cơ bản vào quá trình chăm sóc người bệnh

2. Nội dung

2.1. Khái niệm

2.2. Nhu cầu của con người

2.3. Sự liên quan giữa nhu cầu và nguyên tắc điều dưỡng

2.4. Nhu cầu cơ bản của người bệnh và chăm sóc

Bài 5. Quy trình điều dưỡng 3 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được định nghĩa và mục đích của quy trình điều dưỡng
- Trình bày được 5 bước của quy trình điều dưỡng
- Ứng dụng được quy trình điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh

2. Nội dung:

2.1. Định nghĩa

2.2. Mục đích

2.3. Quy trình điều dưỡng

2.3.1. Nhận định

2.3.2. Phỏng vấn

2.3.3. Khám thực thể

2.3.4. Chẩn đoán điều dưỡng

2.3.5. lập kế hoạch chăm sóc

2.3.6. Thực hiện kế hoạch

2.3.7. Đánh giá kế hoạch chăm sóc

Bài 6. Chuẩn bị giường bệnh 3 giờ

1. Mục tiêu:

2. Nội dung

2.1. Nguyên Tắc trải giường

2.2. Kỹ thuật trải giường

2.2.1. Kỹ thuật trải giường đợi bệnh

2.2.2. Kỹ thuật trải giường có người bệnh nằm

Bài 7. Chăm sóc vệ sinh hàng ngày cho bệnh nhân 3 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được mục đích của việc chăm sóc vệ sinh hàng ngày cho bệnh nhân.
- Thực hiện đúng những kỹ thuật chăm sóc, vệ sinh cho bệnh nhân.
- Ý thức được việc chăm sóc vệ sinh hàng ngày cho bệnh nhân trong kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương

2.2. Những kỹ thuật chăm sóc vệ sinh cho người bệnh

2.2.1. Chăm sóc răng miệng

2.2.2. Rửa mặt

2.2.3. Gội đầu

2.2.4. Tắm cho người bệnh tại giường

Bài 8. Hồ sơ người bệnh và cách ghi chép 3 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được mục đích và nguyên tắc ghi chép hồ sơ bệnh án
- Mô tả được các loại giấy tờ hồ sơ bệnh án
- Ghi chép được phiếu chăm sóc điều dưỡng

- Bảo quản được hồ sơ bệnh án theo đúng quy định

2. Nội dung:

2.1. Mục đích và nguyên tắc chung

2.2. Các loại giấy tờ hồ sơ và cách ghi chép

Bài 9. Tiếp nhận người bệnh đến khám, nhập viện, chuyển viện và xuất viện

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được mục đích và các thủ tục cần thiết của việc tiếp đón người bệnh vào viện, chuyển viện, ra viện.
- Trình bày được các quy trình tiếp đón người bệnh vào viện, chuyển viện, ra viện.
- Tiếp đón được người bệnh vào viện, chuyển viện ra viện đúng quy trình
- Ân cần, tôn trọng người bệnh trong quá trình tiếp đón.

2. Nội dung:

2.1. Tiếp đón người bệnh vào viện

2.1.1. Mục đích

2.1.2. Các thủ tục hành chính khi người bệnh vào viện

2.1.3. Quy trình nhập viện

2.2. Chuyển người bệnh vào khoa phòng chuyển viện.

2.2.1. Mục đích

2.2.2. Các thủ tục chuyển khoa chuyển viện

2.3. Người bệnh ra viện.

Bài 10. Các tư thế nghỉ ngơi trị liệu thông thường

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được 3 mục đích đặt người bệnh ở các tư thế nghỉ ngơi trị liệu
- Mô tả được các tư thế nghỉ ngơi trị liệu, các trường hợp áp dụng, không áp dụng.
- Áp dụng được các tư thế nghỉ ngơi trị liệu trong chăm sóc người bệnh và cộng đồng
- Đảm bảo được sự an toàn, thoải mái và tôn trọng người bệnh trong chăm sóc

2. Nội dung:

2.1. Mục đích

2.2. Chuẩn bị người bệnh

2.3. Chuẩn bị dụng cụ

2.4. Các tư thế nghỉ ngơi trị liệu

2.5. Những điểm cần lưu ý

Bài 11. Dấu hiệu sinh tồn 5 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được mục đích, chỉ định, nguyên tắc đo mạch, nhiệt độ, huyết áp, nhịp thở.
- Mô tả được các giới hạn bình thường của mạch, nhiệt độ, huyết áp, nhịp thở.
- Kể được các yếu tố ảnh hưởng và các vị trí đếm mạch, đo nhiệt độ cơ thể, đo huyết áp, đếm nhịp thở..
- Ứng dụng đúng quy trình kỹ thuật trong chăm sóc người bệnh
- Thể hiện được sự ân cần, chính xác, trung thực và tôn trọng người bệnh trong chăm sóc

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Quy trình kỹ thuật đo nhiệt độ

2.3. Quy trình kỹ thuật đếm mạch

2.4. Quy trình đo huyết áp

2.5. Quy trình đếm nhịp thở

Bài 12. Cho người bệnh uống thuốc, nhỏ mắt, nhỏ mũi, nhỏ tai 3 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được nguyên tắc chung, những yêu cầu cần thiết khi cho người bệnh dùng thuốc.
- Trình bày được nguyên tắc, các trường hợp chỉ định, chống chỉ định khi cho người bệnh uống thuốc
- Mô tả được các tai biến và cách đề phòng tai biến khi cho người bệnh uống thuốc, bôi thuốc, nhỏ thuốc.
- Ứng dụng đúng quy trình kỹ thuật khi cho người bệnh dùng thuốc.
- Đảm bảo an toàn, tôn trọng người bệnh trong quá trình chăm sóc

2. Nội dung

2.1. Nguyên tắc chung khi cho người bệnh dùng thuốc

2.2. Một số kiến thức cần thiết khi cho người bệnh dùng thuốc

2.3. Kỹ thuật cho người bệnh uống thuốc

2.4. Thuốc dùng ngoài da, niêm mạc

2.5. Tai biến và cách đề phòng

Bài 13. Kỹ thuật tiêm thuốc 7 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được các trường hợp chỉ định, chống chỉ định khi tiêm trong da, dưới da, tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch.
- Mô tả được các vị trí tiêm trong da, dưới da, tiêm bắp, tĩnh mạch
- Kể được các đường tiêm thuốc, tai biến và biện pháp đề phòng
- Xử trí Hộ sinh được một số tai biến có thể xảy ra
- Ứng dụng đúng kỹ năng trong chăm sóc người bệnh.
- Đảm bảo an toàn, chính xác, trung thực và tôn trọng người bệnh

2. Nội dung

2.1. Quy trình kỹ thuật tiêm trong da

2.2. Quy trình kỹ thuật tiêm dưới da

2.3. Quy trình kỹ thuật tiêm bắp

2.4. Quy trình kỹ thuật tiêm tĩnh mạch.

Bài 14. Kỹ thuật truyền dung dịch đường tĩnh mạch, truyền máu 5 giờ

1. Mục tiêu

- Giải thích được mục đích và các nguyên tắc truyền dịch, truyền máu
- Trình bày được các trường hợp chỉ định, chống chỉ định khi truyền dịch, truyền máu
- Mô tả được công thức tính dịch truyền và các loại dung dịch thường dùng
- Trình bày được các tai biến và cách đề phòng tai biến khi truyền dịch , truyền máu
- Đảm bảo an toàn, trung thực và tôn trọng người bệnh.

2. Nội dung:

2.1. Kỹ thuật truyền dung dịch đường tĩnh mạch

2.1.1. Mục đích

2.1.2. Nguyên tắc

2.1.3. các trường hợp áp dụng

2.1.4. các trường hợp không áp dụng

2.1.5. Các loại dung dịch thường dùng

2.1.6. Tai biến và các biện pháp đề phòng

2.2. Kỹ thuật truyền máu

2.2.1. Mục đích

2.2.2. Nguyên tăc

2.2.3. các trường hợp áp dụng

2.2.4. các trường hợp không áp dụng

2.2.5. Tai biến và các biện pháp đề phòng

Bài 15. Lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm 3 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được mục đích của kỹ thuật lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm.
- Thực hiện được đúng quy trình kỹ thuật lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Kỹ thuật lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm

Bài 16. Chăm sóc vết thương 4 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được sự lành của vết thương và các yếu tố ảnh hưởng đến sự lành của vết thương
- Phân biệt được các loại vết thương
- Trình bày được mục đích, nguyên tắc chăm sóc vết thương
- Mô tả được các loại dung dịch rửa vết thương
- Trình bày được các bước quy trình kỹ thuật chăm sóc vết thương thông thường, vết thương nhiễm khuẩn
- Áp dụng đúng quy trình chăm vết thương cho người bệnh tại phòng thực hành
- Thể hiện sự nhanh nhẹn, chính xác, cẩn thận

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.1.1. Sự lành của vết thương

2.1.2. Phân loại vết thương

2.2. Quy trình thay băng rửa vết thương

2.2.1. Mục đích

2.2.2. Nguyên tắc

2.2.3. Kỹ thuật thay băng rửa vết thương

Bài 17. Chườm nóng - chườm lạnh 3 giờ

1. Mục tiêu:

- Kể được tác dụng, những trường hợp áp dụng, không áp dụng cho chườm nóng, chườm lạnh.

- Thực hiện chườm nóng, chườm lạnh đúng quy trình kỹ thuật.

2. Nội dung:

2.1. Chườm lạnh

2.2. Chườm nóng

Bài 18. Kỹ thuật đưa thức ăn vào cơ thể 3 giờ

1. Mục tiêu

- Kể được 5 đường đưa thức ăn vào cơ thể
- Kể được những trường hợp áp dụng – không áp dụng của cho ăn bằng đường miệng và ăn qua ống thông mũi - miệng vào dạ dày.
- Mô tả được các bước của các quy trình kỹ thuật cho Nb ăn qua đường miệng và qua ống thông
- Nhận biết được tâm lý và những khó khăn của người bệnh khi tiến hành quy trình kỹ thuật đặt ống thông qua đường mũi (miệng) – dạ dày.

2. Nội dung:

2.1. Các đường đưa thức ăn vào cơ thể

2.2. Kỹ thuật cho người bệnh ăn qua đường miệng

2.2.1. Mục đích

2.2.2. Áp dụng

2.2.3. Không áp dụng

2.3. Kỹ thuật cho người bệnh ăn qua ống thông

2.3.1. Mục đích

2.3.2. Áp dụng

2.3.3. Không áp dụng

2.4. Quy trình kỹ thuật

2.5. Các tai biến có thể xảy ra

Bài 19. Thụt tháo, thụt giữ 3 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được mục đích, chỉ định, chống chỉ định của thụt tháo, thụt giữ
- Trình bày được tai biến thụt tháo thụt giữ
- Áp dụng đúng quy trình trong chăm sóc người bệnh

2. Nội dung

2.1. Mục đích

2.2. Chỉ định

2.3. Chống chỉ định

2.4. Tai biến

2.5. Quy trình kỹ thuật

2.6. Một số điều cần lưu ý

Bài 20. Rửa dạ dày 3 giờ

1. Mục tiêu:

- Kể được mục đích của rửa dạ dày, trường hợp áp dụng và không áp dụng rửa dạ dày.
- Trình bày được các tai biến của rửa dạ dày và cách đề phòng.
- Thực hiện rửa dạ dày đúng quy trình kỹ thuật.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm

2.2. Mục đích

2.3. Chỉ định

2.4. Chống chỉ định

2.5. Tai biến

2.6. Quy trình kỹ thuật

Bài 21. Hút dịch dạ dày- tá tràng 3 giờ

1. Mục tiêu

- Kể được mục đích hút dịch dạ dày, trường hợp áp dụng và không áp dụng hút dịch dạ dày.
- Trình bày được các tai biến của hút dịch dạ dày và cách đề phòng.
- Thực hiện hút dịch dạ dày đúng quy trình kỹ thuật.

2. Nội dung

2.1. Mục đích

2.2. Áp dụng

2.3. Không áp dụng

2.4. Quy trình kỹ thuật

2.4.1. Chuẩn bị điều dưỡng

2.4.2. Chuẩn bị người bệnh

2.4.3. Các bước tiến hành

Bài 22. Thông tiểu, dẫn lưu nước tiểu, rửa bàng quang 3 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày mục đích của thông tiểu.
- Kể được các trường hợp áp dụng và không áp dụng thông tiểu.
- Tiến hành thông tiểu và rửa bàng quang cho người bệnh đúng quy trình kỹ thuật.

2. Nội dung

2.1 Thông tiểu

2.1.1. Mục đích

2.1.2. các trường hợp áp dụng

2.1.3. Các trường hợp không áp dụng

2.1.4. Quy trình kỹ thuật

Bài 23. Hút đờm dãi 3 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được mục đích và các trường hợp áp dụng hút đờm giải cho người bệnh
- Trình bày được các tai biến và cách đề phòng tai biến khi hút đờm giải cho người bệnh
- Trình bày được quy trình kỹ thuật hút thông đường hô hấp trên và đường hô hấp dưới
- Nhận định được tình trạng người bệnh và lập kế hoạch chăm sóc phù hợp.
- Áp dụng đúng quy trình trong chăm sóc người bệnh
- Đảm bảo nhẹ nhàng, không làm tổn thương thêm cho người bệnh khi hút dịch

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. mục đích

2.1.3. Áp dụng

2.1.4. Tai biến và cách đề phòng

2.2. Quy trình kỹ thuật

2.2.1. Chuẩn bị điều dưỡng

2.2.2. Chuẩn bị người bệnh

2.2.3. Các bước tiến hành

Bài 24. Thở oxy 3 giờ

1. Mục tiêu

- Kể được các nguyên nhân làm cho cơ thể thiếu oxy
- Nhận biết được các triệu chứng thiếu oxy
- Trình bày được các nguyên tắc sử dụng oxy

- Trình bày được quy trình kỹ thuật cho người bệnh thở oxy
- Ứng dụng đúng các nguyên tắc và quy trình kỹ thuật khi thực hành tại skillslab
- Tuân thủ đúng nguyên tắc khi cho người bệnh thở oxy

2. Nội dung

2.1. Các nguyên nhân làm cơ thể thiếu oxy

2.2. Triệu chứng thiếu oxy

2.3. Nguyên tắc sử dụng oxy

2.3.1. Đảm bảo vô khuẩn

2.3.2. Phòng tránh khô đường hô hấp

2.3.3. Phòng chống cháy nổ.

2.4. Các nguy cơ và tai biến của oxy liệu pháp

2.5. Quy trình kỹ thuật

Bài 25. Sơ cứu cấp cứu nạn nhân gãy xương 5 giờ

1. Mục tiêu.
- Trình bày được nguyên nhân, phân loại, triệu chứng chung của gãy xương.
- Trình bày được 3 mục đích và 8 nguyên tắc bất động gãy xương
- Mô tả được các kỹ thuật sơ cứu gãy xương
- Nhận thức được vai trò của người cấp cứu viên.

2. Nội dung

2.1. Định nghĩa

2.2.Nguyên nhân

2.3. Phân loại gãy xương

2.4. Triệu chứng chung của gãy xương

2.5. Mục đích của bất động gãy xương

2.6. Dụng cụ

2.7. Kỹ thuật sơ cứu một bệnh nhân gãy xương

2.7.1. Gãy xương cẳng tay.

2.7.2. Gãy xương cánh tay

2.7.3. Gãy xương đòn

2.7.4. Gãy xương cẳng chân

2.7.5. Gãy xương đùi

Bài 26. Sơ cứu vết thương phần mềm, garo cầm máu 4 giờ

1. Mục tiêu

- Kể được 4 mục đích, 2 nguyên tắc của sơ cứu vết thương.
- Trình bày được dấu hiệu và triệu chứng vết thương bụng, đầu, ngực và phần mềm.
- Trình bày được cách sơ cứu vết thương bụng, đầu, ngực và phần mềm.
- Phân biệt được các loại vết thương mạch máu
- Trình bày được dấu hiệu của người mất nhiều máu
- Trình bày đúng chỉ định và nguyên tắc đặt garo
- Trình bày được các phương pháp cầm máu tạm thời và phương pháp garo
- Nhận định được tình trạng người bệnh để xử trí và sơ cứu vết thương phần mềm, bụng đầu, ngực đúng quy trình kỹ thuật
- Nhận định được tình trạng người bệnh, lập kế hoạch và đặt garo đúng quy trình kỹ thuật.
- Giao tiếp hiệu quả với người bệnh để họ yên tâm hợp tác.
- Nhanh nhẹn, khẩn trương và chính xác trong quá trình sơ cấp cứu người bệnh

2. Nội dung

2.1. Vết thương phần mềm

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Mục đích

2.1.3. Nguyên tăc

2.1.4. Sơ cứu vết thương

2.1.4.1. Vết thương phần mềm

2.1.4.2. Vết thương bụng

2.1.4.3. Vết thương ngực

2.1.4.4. Vết thương đầu.

2.2. Vết thương mạch máu

2.2.1. Phân biệt các loại vết thương và xử trí

2.2.2.Dấu hiệu và triệu chứng của mất máu nhiều

2.2.3. Các kỹ thuật cầm máu

2.2.3.1. Chỉ định

2.2.3.2. Nguyên tắc đặt garo

2.2.3.3. Băng ép động mạch cảnh

2.2.3.4. Xử trí đứt động mạch bẹn

Bài 27. Kỹ thuật băng bó **3 giờ**

1. Mục tiêu

- Trình bày mục đích, nguyên tắc của băng bó.
- Kể được các loại băng cơ bản và áp dụng.

2. Nội dung

2.1. Mục đích

2.2. Nguyên tắc

2.3. Các loại băng

2.4. Các kiểu băng cơ bản và ứng dụng

2.5. Băng một số vị trí trên cơ thể

Bài 28. Cấp cứu ngừng hô hấp , ngừng tuần hoàn 5 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày mục đích – nguyên tắc cấp cứu người bị ngừng hô hấp, ngừng tuần hoàn.
- Trình bày được kỹ thuật kiểm tra hơi thở và kiểm tra mạch đập
- Mô tả được và áp dụng kỹ thuật ép tim, thổi ngạt và kỹ thuật kết hợp ép tim + thổi ngạt
- Nhận định được tình trạng người bệnh, lập kế hoạch và tiến hành ép tim thổi ngạt đúng quy trình kỹ thuật.
- Giao tiếp hiệu quả với người bệnh để họ yên tâm hợp tác.
- Nhanh nhẹn, khẩn trương và chính xác trong quá trình sơ cấp cứu người bệnh

2. Nội dung

2.1. Cấp cứu ngừng hô hấp

2.1.1. Mục đích

2.1.2. Nguyên nhân

2.1.3. Các dấu hiệu và triệu chứng của ngừng thở đột ngột.

2.1.4. Xử trí

2.2. Cấp cứu ngừng tuần hoàn

2.2.1. Mục đích

2.2.2. Xác định ngừng tim

2.2.3. Xử trí

Bài 29. Vận chuyển người bệnh 3 giờ

1. Mục tiêu

- Nhận định được tình trạng người bệnh để thực hiện quy trình vận chuyển người bệnh phù hợp.

- Thực hiện thành thạo các quy trình vận chuyển người bệnh vào viện, ra viện, chuyển viện tại phòng thực hành.
- Ứng dụng được quy trình vận chuyển người bệnh tại bệnh viện.
- Giao tiếp hiệu quả để người bệnh an tâm hợp tác.
- Thể hiện được sự ân cần, nhẹ nhàng và đảm bảo an toàn cho người bệnh khi vận chuyển.

2. Nội dung

2.1. Chuẩn bị điều dưỡng

2.2. Chuẩn bị người bệnh

2.3. Chuẩn bị dụng cụ

2.4. Tiến hành quy trình vận chuyển người bệnh theo bảng kiểm

IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học:

- Lý thuyết: 1 phòng, Đảm bảo diện tích (75m^2), số lượng ghế ngồi đủ cho SV, đảm bảo ánh sáng.
- Phòng học thực hành: 02, Có khu thực hành chuyên biệt đảm bảo đạt tiêu chuẩn về diện tích (60m^2), ánh sáng, có lavabo, hệ thống điện nước, như bệnh viện.

2. Trang thiết bị: Máy chiếu , máy tính, băng đĩa.., dụng cụ, mô hình học thực hành (phụ lục kèm theo)

3. Học liệu:

- Hồ sơ lên lớp của giáo viên (Kế hoạch dạy học, giáo trình, sổ tay Gv)
- Mô hình chuyên ngành, dụng cụ chuyên môn, bảng kiểm, các bộ tranh

4. Các điều kiện khác: Sinh viên phải học xong các môn học tiên quyết, có thời gian tự học, chuẩn bị cá nhân trước khi vào học, được hướng dẫn cách tìm và sử dụng tài liệu tham khảo.

5. Giáo viên:

- Lý thuyết: Cử nhân Hộ sinh, điều dưỡng trình độ đại học trở lên
- Thực hành: Cử nhân Hộ sinh, điều dưỡng trình độ cao đẳng trở lên có 3 năm kinh nghiệm
- Có sư phạm y học và kỹ năng giảng dạy lâm sàng

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

+ Lịch sử điều dưỡng Thế giới và Việt Nam.

+ Định hướng phát triển ngành nghề điều dưỡng

+ Vai trò và chức năng của điều dưỡng.

+ Mục đích, nguyên tắc áp dụng và không áp dụng, tai biến các kỹ thuật chăm sóc người bệnh.

- Kỹ năng:

+ Nhận định được tình trạng của người bệnh và lập kế hoạch chăm sóc phù hợp.

+ Thực hiện đúng các quy trình Kỹ thuật CSNB theo bảng kiểm.

+ Giao tiếp hiệu quả để người bệnh và người nhà người bệnh an tâm hợp tác trong quá trình chăm sóc.

2. Phương pháp:

- Điểm quá trình: được tính bằng trung bình cộng của các cột điểm kiểm tra, trong đó tính hệ số 1, định kỳ hệ số 2.

+ Điểm thường xuyên: 2 cột, được đánh giá bất kỳ ở thời điểm nào trong quá trình học, do Gv quyết định.

+ Điểm định kỳ: 2 cột (LT 1; TH 1) được đánh giá theo giờ quy định trong môn học

- Hình thức:

+ Kiến thức: kiểm tra bằng test trắc nghiệm, Thời gian 45 – 60 phút

+ Kỹ năng: Kiểm tra năng lực tay nghề trên mô hình tại phòng thực hành, thời gian do Gv quy định

**** Điểm thi kết thúc mô đun:***

- Được thực hiện bằng

+ Lý thuyết: Thi viết trắc nghiệm. Thời gian từ 60 – 90 phút.

**** Điểm tổng kết mô đun:***

- Điểm mô-đun: Bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc mô-đun có trọng số 0,6;

- Thang điểm: Điểm mô đun theo thang điểm 4, quy đổi điểm mô đun thành điểm chữ và thang điểm 4 theo Điều 31 thông tư 04/2022/TT – BLĐTBXH

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Sinh viên năm thứ I

2. Phương pháp dạy học, học tập:

- Đối với giáo viên: Thuyết trình, thảo luận, bài tập, trình diễn mẫu kỹ năng, cầm tay chỉ việc.

- Đối với học sinh:

+ Nghiên cứu tài liệu trước khi đến lớp.

+ Dự lớp lý thuyết: tối thiểu 70%

+ Dự lớp thực hành: 100%

+ Tự học theo nội dung hướng dẫn.

+ Nộp đầy đủ các bài kiểm tra.

+ Thực hành các kỹ thuật Hộ sinh dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

3. Trọng tâm cần chú ý: Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ vật liệu dạy học thực hành cho đủ số lượng sinh viên, Sinh viên phải có đủ thời gian chuẩn bị cá nhân và hoàn thành các bài tập được giao trước khi vào học thực hành.

4. Tài liệu tham khảo:

- *Công văn 1138/KCB – TT, ngày 18/9/2018 của cục quản lý khám bệnh, chữa bệnh về việc tổ chức khóa đào tạo Tiêm truyền trị liệu cơ bản.*
- *Bộ Y Tế(2007), Hộ sinh cơ bản 1, NXBYH*
- *Bộ y tế (2013), Hướng dẫn quy trình chống NK bệnh viện, tập I,NXBYH*
- *Bộ y tế(2002), Hướng dẫn quy trình chăm sóc người bệnh - tập I, NXBYH*
- *Bộ y tế(2004), Hướng dẫn quy trình chăm sóc người bệnh - tập II, NXBYH*
- *Tài liệu nhiễm khuẩn bệnh viện của CDC*
- *Quyết định 3474/QĐ-BYT, ngày 28 tháng 12 năm 2022 về việc phê duyệt tài liệu Chuẩn năng lực cơ bản của cử nhân Điều dưỡng Việt Nam.*
- *Bộ y tế (2020), Chương trình đào tạo thực hành lâm sàng cho Điều dưỡng viên mới, NXBYH.*

HIỆU TRƯỞNG

(*Đã ký*)

Tạ Thị Nhất Sương

Tên mô đun: DƯỢC LÝ

Mã môn học: MH08.YS

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ (Lý thuyết: 43 giờ; Thực hành: 0 giờ; Kiểm tra: 2 giờ;)

I. Vị trí, tính chất môn học:

- Vị trí: Đào tạo cho sinh viên năm thứ nhất, sau khi sinh viên học xong các môn học: Giải phẫu - Sinh lý, Vi sinh - Ký sinh trùng, Sinh lý bệnh.

- Tính chất:

Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên Cao đẳng Y sĩ các kiến thức cơ bản về sự hấp thụ, phân phối, chuyển hóa và sự thải trừ thuốc trong cơ thể.

Trình bày được tác dụng, tác dụng phụ, cơ chế tác dụng và cách sử dụng các thuốc thông dụng, nhận biết được hình dạng, tính chất, tác dụng của một số thuốc cơ bản tại phòng thực hành, vận dụng được những hiểu biết về thuốc vào việc sử dụng thuốc an toàn cho người bệnh, hình thành và rèn luyện được thái độ nghiêm túc, thận trọng trong việc sử dụng thuốc khi chăm sóc người bệnh.

II. Mục tiêu môn học:

- Trình bày được cơ chế tác dụng, cách sử dụng và bảo quản các thuốc.
- Trình bày được tác dụng không mong muốn của thuốc và cách xử trí.
- Hướng dẫn và sử dụng thuốc an toàn, hợp lý trong phòng bệnh và điều trị.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

	TÊN BÀI GIẢNG	Thời gian (giờ)			
		TS	LT	TH	Kiểm tra
1	Bài 1: Đại cương Dược lý học 1 Khái niệm về Dược lý học 1.1 Theo cổ điển 1.2 Theo hiện đại 1.3 Theo cách chia: dược động học, dược lực học, dược độc học 2 Khái niệm về thuốc 3 Quan điểm dùng thuốc	2	2	0	2

	4 . Vai trò của thuốc trong điều trị 5. Mục tiêu của dược lý học				
2	Bài 2: Thuốc tác dụng lên thần kinh trung ương 1 Các chất trung gian dẫn truyền của hệ thần kinh trung ương: 1.1 Nhóm có phân tử nhỏ: 1.2 Nhóm có phân tử lớn: 2 Các nhóm thuốc tác dụng trên thần kinh trung ương 2.1 Thuốc ức chế thần kinh trung ương 2.2 Thuốc kích thích thần kinh trung ương	2	2	0	
3	Bài 3: Thuốc tác dụng trên hệ thần kinh thực vật 1 Mục tiêu: 2. Ý nghĩa: 3. Nội dung: Thực tập các nhóm thuốc tác dụng trên hệ thần kinh thực vật 4. Đánh giá:	2	2	0	
4	Bài 4: Thuốc tác dụng trên hệ hô hấp 1. Thuốc giảm ho 1.1. Khái niệm 1.2. Phân loại thuốc giảm ho 1.3. Các thuốc thông thường 2 Thuốc long đờm 2.1 Khái niệm 2.2 Phân loại thuốc long đờm 2.3 Các thuốc thông thường 3 Hen phế quản 3.1. Khái niệm 3.2. Phân loại thuốc trị hen phế quản 3.3 Các thuốc thông thường	3	3	0	

5	Bài 5: Thuốc tác dụng trên hệ tiêu hóa 1. Bệnh loét dạ dày – tá tràng 1.1. Khái niệm 1.1. Phân loại thuốc 1.3. Các thuốc thường dùng 2. Bệnh nhuận tràng: 2.2.1 Khái niệm 2.2. Cơ chế tác dụng 3.3. Phân loại thuốc 3.4. Các thuốc thông dụng 3. Thuốc tẩy 3.1. Khái niệm 3.2 Cơ chế tác dụng 3.3 Phân loại thuốc 3.4 Các thuốc thông dụng 4 Thuốc lợi mật 4.1 Khái niệm 4.2 Cơ chế tác dụng 4.3 Phân loại thuốc 4.4 Các thuốc thông dụng	4	4	0	
6	Bài 6: Thuốc trợ tim 1 Khái niệm 2 Phân loại suy tim 3 Thuốc trợ tim 3.1 Glycosid trợ tim 3.2 Các thuốc trợ tim khác:	4	4	0	
7	Bài 7: Thuốc nội tiết 1 Khái niệm 2 Phân loại 2.1 Hormon tuyến yên: 2.2 Hormon tuyến giáp: 2.3 Hormon tuyến cận giáp: 2.4 Hormon tuyến tụy:	2	2	0	

	2.5 Hormon tuyến dạ dày – ruột: 2.6 Hormon tuyến thượng thận: 2.7 Hormon tuyến sinh dục: 3 Nguyên tắc sử dụng thuốc nội tiết 4. Các thuốc thường dùng 4.1 Oxytocin 4.2 Thyroxin 4.3 Insulin 4.4 Cortisol/ Hydrocortison 4.5 Estrogen/ Progesteron 4.6 Testosteron				
8	Bài 8: Thuốc kháng sinh, sulfamid và thuốc sát khuẩn 1 Thuốc kháng sinh - sulfamid 1.1 Khái niệm 1.2 Phân loại 1.3 Các thuốc thông thường 1.4 Nguyên tắc sử dụng của thuốc sát khuẩn, tẩy uế 2 Thuốc sát khuẩn, tẩy uế 2.1 Khái niệm 2.2 Phân loại 2.3 Các thuốc thông thường 2.4 Nguyên tắc sử dụng của thuốc sát khuẩn, tẩy uế	8	8	0	
9	Bài 9: Thuốc chống lao, phong, sốt rét 1 Thuốc chống Lao – phong 1.1 Khái niệm - Bệnh Lao: - Bệnh Phong: 1.2 Phân loại thuốc - Thuốc chống Lao:	4	4	0	

	- Thuốc chống Phong: - Các thuốc thông thường: 1.3 Nguyên tắc sử dụng của thuốc chống lao – phong 2 Thuốc chống sốt rét 2.1 Khái niệm 2.2 Phân loại 2.3 Các thuốc thông thường 2.4 Nguyên tắc sử dụng của thuốc chống sốt rét				
10	Bài 10: Thuốc chống dị ứng 1 Thuốc chống dị ứng 1.1 Khái niệm dị ứng và Histamin - Dị ứng: - Histamin: - Tác dụng của Histamin: 1.2 Phân loại thuốc: 1.3 Cơ chế tác dụng của thuốc kháng Histamin 1.4 Các thuốc thông thường: 2. Nguyên tắc sử dụng thuốc chống dị ứng	2	2	0	
11	Bài 11: Thuốc Vitamin và khoáng chất 1 Vitamin và khoáng chất 1.1 Khái niệm - Vitamin: - Khoáng chất: - Vai trò sinh học của Vitamin và khoáng chất: 1.2 Phân loại thuốc: 2. Nguyên tắc sử dụng thuốc vitamin và khoáng chất 3. Các vitamin và khoáng chất	2	2	0	

	thông thường:				
12	Bài 12. Thuốc tiêm truyền 1 Thuốc tiêm truyền 1.1 Khái niệm 1.2 Mục đích sử dụng thuốc tiêm truyền: 2 Phân loại dịch truyền: 3 Nguyên tắc sử dụng thuốc tiêm truyền 4 Các loại dung dịch thường dùng	2	2	0	
13	Bài 13: Chế phẩm thay thế máu 1 Thuốc thay thế máu 1.1 Khái niệm 1.2 Mục đích sử dụng thuốc thay thế máu: 2 Phân loại thuốc: 3 Nguyên tắc sử dụng thuốc thay thế máu 4 Các thuốc thông thường:	2	2	0	
14	Bài 14: Thuốc cầm máu và chống thiếu máu 1 Thuốc cầm máu 1.1 Khái niệm 1.2 Phân loại thuốc 2 Thuốc chống thiếu máu 2.1 Khái niệm 2.2 Phân loại 2.3 Các thuốc thông thường	2	2	0	
15	Bài 15: Thuốc dùng trong chuyên khoa 1. Thuốc chữa bệnh về mắt 1.1. Đại cương 1.2. Phân loại 1.3. Các thuốc thường dùng: argyrol, NaCl 0,9%, tetracyclin, Cloramphenicol 2. Thuốc chữa bệnh về tai – mũi – họng 2.1. Đại cương	2	2	0	

	2.2. Phân loại 2.3. Các thuốc thường dùng: H_2O_2, Naphazolin, Sulfarin, ... 3. Thuốc chữa bệnh về da liễu 3.1. Đại cương 3.2. Phân loại 3.3. Các thuốc thường dùng: DEP, ASA, BSI, 4. Thuốc chữa bệnh về sản – phụ khoa 4.1. Đại cương 4.2. Phân loại 4.3. Các thuốc thường dùng: oxytocin, estrogen, progesteron, ...				
	TỔNG CỘNG	45	43	0	2

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Đại cương Dược lý học **Thời gian: 2 giờ**

1. Mục tiêu:

- Khái niệm về Dược lý học
- Cách phân loại thuốc, quan niệm dùng thuốc
- Mục tiêu của môn học Dược lý

2. Nội dung bài học:

2.1 Khái niệm về Dược lý học

2.1.1 Theo cổ điển

2.1.2 Theo hiện đại

2.1.3 Theo cách chia: dược động học, dược lực học, dược độc học

2.2 Khái niệm về thuốc

2.3 Quan điểm dùng thuốc

2.4 Vai trò của thuốc trong điều trị

2.5 Mục tiêu của dược lý học

Bài 2: Thuốc tác dụng lên thần kinh trung ương **Thời gian: 2 giờ**

1. Mục tiêu:

- Trình bày được các chất trung gian dẫn truyền của hệ thần kinh trung ương
- Nêu được các nhóm thuốc tác dụng trên hệ thần kinh trung ương

2. Nội dung bài học:

2.1 Các chất trung gian dẫn truyền của hệ thần kinh trung ương:

2.1.1 Nhóm có phân tử nhỏ:

- Achetylcholin
- Noradrenalin
- Dopamin
- Seretonin
- Acid glutamic và acid aspartic
- GABA và glycin

2.1.2 Nhóm có phân tử lớn:

- Endophin
- Vasopressin
- Dynorphin

2.2 Các nhóm thuốc tác dụng trên thần kinh trung ương

2.2.1 Thuốc ức chế thần kinh trung ương

- Thuốc gây mê, gây tê
- Thuốc an thần, gây ngủ
- Thuốc giảm đau trung ương
- Thuốc điều trị động kinh

2.2.2 Thuốc kích thích thần kinh trung ương

- Thuốc ức chế tâm thần
- Thuốc chống trầm cảm

Bài 3: Thuốc tác dụng trên hệ thần kinh thực vật **Thời gian: 2 giờ**

1. Mục tiêu:

- Trình bày được định nghĩa hệ thần kinh thực vật
- Phân loại được các thuốc tác dụng trên hệ thần kinh thực vật

2. Thực hành: Nhận thức dạng thuốc và cách dùng Thời gian: 2 giờ

2.1 Mục tiêu: Nhận dạng, phân biệt, đọc đúng tên thuốc, sơ bộ đánh giá chất lượng thuốc bằng cảm quan.

2.2 Ý nghĩa: Sử dụng thuốc, an toàn – hợp lý

2.3 Nội dung: Thực tập các nhóm thuốc tác dụng trên hệ thần kinh thực vật

2.4 Đánh giá:

Trả lời đúng tên thuốc, nồng độ hàm lượng, cách sử dụng 10 thuốc bất kỳ

Bài 4: Thuốc tác dụng trên hệ hô hấp Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm, phân loại các thuốc chữa ho và hen phế quản
- Trình bày được tác dụng, tác dụng phụ, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng và bảo quản của các thuốc tác dụng trên cơ quan hô hấp
- Hướng dẫn được cho người bệnh và cộng đồng sử dụng thuốc đường hô hấp an toàn, hợp lý

2. Nội dung bài học:

2.1 Thuốc giảm ho

2.1.1 Khái niệm

2.1.2 Phân loại thuốc giảm ho

2.1.3 Các thuốc thông thường

- Codein phosphate
- Dextromethophan
- Alimemazin

2.2 Thuốc long đờm

2.2.1 Khái niệm

2.2.2 Phân loại thuốc long đờm

2.2.3 Các thuốc thông thường

- Terpin hydrat
- Natri benzoate
- N-acetylcystein

2.3 Hen phế quản

2.3.1 Khái niệm

2.3.2 Phân loại thuốc trị hen phế quản

2.3.3 Các thuốc thông thường

- Salbutamol
- Terbutalin
- Cromolyn

- Ipratropium
- Theophyllin
- Corticoid

Bài 5: Thuốc tác dụng trên hệ tiêu hóa **Thời gian: 4 giờ**

1. Mục tiêu

- Trình bày được khái niệm về bệnh loét dạ dày và phân loại thuốc chữa đau dạ dày
- Trình bày được phân loại và cơ chế tác dụng của thuốc có tác dụng nhuận tràng, tẩy, lợi mật
- Trình bày được tác dụng, tác dụng phụ, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng và bảo quản của các thuốc tác dụng trên cơ quan tiêu hóa
- Hướng dẫn được cho người bệnh và cộng đồng sử dụng thuốc đường tiêu hóa an toàn, hợp lý

2. Nội dung bài học

2.1 Bệnh loét dạ dày – tá tràng

2.1.1 Khái niệm

2.1.2 Phân loại thuốc

2.1.3 Các thuốc thường dùng

- Thuốc kháng acid: Cimetidin, Nizatidin, Famotidin, Omeprazol, pantoprazol, …
- Thuốc chống co thắt giảm đau: papaverin, drotaverin, atropine, alverin, …
- Thuốc trung hòa acid tại chỗ: nhôm hydroxyd, magnesi hdroxyd, …
- Thuốc diệt HP: Kháng sinh

2.2 Bệnh nhuận tràng:

2.2.1 Khái niệm

2.2.2 Cơ chế tác dụng

2.3.3 Phân loại thuốc

2.3.4 Các thuốc thông dụng

- Nhuận tràng thẩm thấu: glycerin, sorbitol
- Nhuận tràng cơ học: thạch, gôm, …
- Nhuận tràng kích thích: Bisacodyl, senna, …

2.3 Thuốc tẩy

2.3.1 Khái niệm

2.3.2 Cơ chế tác dụng

2.3.3 Phân loại thuốc

2.3.4 Các thuốc thông dụng

- Các muối vô cơ: MgSO4, Na2SO4

- Các muối hữu cơ: glycoside, anthranoid, …

2.4 Thuốc lợi mật

2.4.1 Khái niệm

2.4.2 Cơ chế tác dụng

2.4.3 Phân loại thuốc

2.4.4 Các thuốc thông dụng

- Thuốc kích thích gan gây tăng tiết mật: nghệ, muối mật, artiso, …

- Thuốc lợi mật gây tăng tiết mật loãng: sorbitol, magnesi sulfat, …

Bài 6: Thuốc trợ tim **Thời gian: 4 giờ**

1. Mục tiêu:

- Trình bày được cách phân loại, đặc điểm chung, tác dụng của thuốc trợ tim

- Trình bày được tác dụng, tác dụng phụ, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng và bảo quản của các thuốc trợ tim

- Hướng dẫn được cho người bệnh và cộng đồng sử dụng thuốc trợ tim an toàn, hợp lý

2. Nội dung bài học

2.1 Khái niệm

2.2 Phân loại suy tim

2.3 Thuốc trợ tim

2.3.1 Glycosid trợ tim

- Đặc điểm chung

- Các Glycosid loại Digitalis: Digoxin, Digitoxin, …

- Các Glycosid loại Strophanthus: Uabain

- Các chất cường giao cảm: Isoproterenol, Dobutamin, Dopamin,

2.3.2 Các thuốc trợ tim khác:

- Thuốc lợi tiểu: Thiazid

- Thuốc giãn mạch: Hydralazin, Natrinitroprussiat, …

- Thuốc chẹn Beta: Atenolon, Prapronolon, …

Bài 7 : Thuốc nội tiết **Thời gian : 2 giờ**

1. Mục tiêu

- Trình bày được khái niệm, phân loại và nguyên tắc sử dụng thuốc nội tiết

- Trình bày được tác dụng, tác dụng phụ, chỉ định, cách dùng, liều dùng và bảo quản các thuốc trong bài học

2. Nội dung bài học

2.1 Khái niệm nội tiết tố hay còn gọi là Hormon:

2.2 Phân loại

2.2.1 Hormon tuyến yên:

2.2.2 Hormon tuyến giáp:

2.2.3 Hormon tuyến cận giáp:

2.2.4 Hormon tuyến tụy:

2.2.5 Hormon tuyến dạ dày – ruột:

2.2.6 Hormon tuyến thượng thận:

2.2.7 Hormon tuyến sinh dục:

2.3 Nguyên tắc sử dụng thuốc nội tiết

2.4. Các thuốc thường dùng

2.4.1 Oxytocin

2.4.2 Thyroxin

2.4.3 Insulin

2.4.4 Cortisol/ Hydrocortison

2.4.5 Estrogen/ Progesteron

2.4.6 Testosteron

Bài 8: Thuốc kháng sinh và sulfamid, Thuốc sát khuẩn Thời gian 8 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được khái niệm, phân loại, nguyên tắc sử dụng của thuốc kháng sinh - sulfamid và thuốc sát khuẩn, tẩy uế

- Trình bày được tác dụng, tác dụng phụ, chỉ định, cách dùng, liều dùng và bảo quản các thuốc trong bài học

2. Nội dung bài học

2.1 Thuốc kháng sinh - sulfamid

2.1.1 Khái niệm

- Kháng sinh :

- Sulfamid :

2.1.2 Phân loại

- Kháng sinh :

- Sulfamid :

2.1.3 Các thuốc thông thường

- KS họ penicilin: benzyl peni, ampicilin, amoxicillin, augmentin …

- KS họ cephalosporin: cephalexin, cefaclor, cefixim, cefepim, …

- KS họ Aminosid: gentamycin, tobramycin, …

- KS họ phenicol: cloramphenicol, thiamph., …

- KS họ Tetracyclin: Tetracyclin, doxycyclin, …

- KS họ Macrolid: Erythromycin, clarithromycin,

- KS họ Quinolon: OF, CPF, Norfloxacin, …

- Sulfamid: Sulfacetamid Natri, Sulfaguanidin, Sulfadiazin, Sulfamethoxazol, …

2.1.4 Nguyên tắc sử dụng của thuốc sát khuẩn, tẩy uế

2.2 Thuốc sát khuẩn, tẩy uế

2.2.1 Khái niệm

2.2.2 Phân loại

2.2.3 Các thuốc thông thường

- Hợp chất HC: ethanol, formol, phenol, ...

- Các acid hữu cơ: acid salicylic, ...

- Các HC của Clor, Iod: Iod, Cloramin, ...

- Các muối KL nặng: Bạc nitrat, $ZnSO_4$, ...

- Các chất màu: Thuốc đỏ, xanh methyl, ...

- Các chất oxy hóa: H_2O_2, $KMnO_4$, ...

2.2.4 Nguyên tắc sử dụng của thuốc sát khuẩn, tẩy uế

Bài 9: Thuốc chống lao, phong, sốt rét **Thời gian: 4 giờ**

1. Mục tiêu

- Trình bày được khái niệm, phân loại của thuốc chống Lao – phong

- Trình bày được khái niệm, phân loại của thuốc chống sốt rét

- Trình bày được tác dụng, tác dụng phụ, chỉ định, cách dùng, liều dùng và bảo quản các thuốc trong bài học

2. Nội dung bài học

2.1 Thuốc chống Lao – phong

2.1.1 Khái niệm

- Bệnh Lao:

- Bệnh Phong:

2.1.2 Phân loại thuốc

- Thuốc chống Lao:

- Thuốc chống Phong:

- Các thuốc thông thường:

+ Thuốc tổng hợp hóa học: Chỉ nhạy cảm với trực khuẩn lao và phong.

+ Kháng sinh Streptomycin, Rifampicin, Kanamycin, Cycloserin: Hoạt phổ rộng, ngoài trực khuẩn lao còn nhạy cảm với nhiều vi khuẩn khác.

+ Chống phong: nhóm Sulfon, Dapson, Clofazimin, …

2.1.3 Nguyên tắc sử dụng của thuốc chống lao – phong

2.2 Thuốc chống sốt rét

2.2.1 Khái niệm

2.2.2 Phân loại

2.2.3 Các thuốc thông thường

- Thuốc cắt cơn SR: artermisinin, quinin, artesunat, mefloquin, cloroquin ...

- Thuốc chống SR tái phát: primaquin, plasmoquin, pyrimethamin, ..

- Thuốc phòng SR: cloroquin, fansidar, …

- Thuốc chống lây truyền SR: primaquin, plasmoquin, plasmocid, cloroquin, cloroguanid …

2.2.4 Nguyên tắc sử dụng của thuốc chống sốt rét

Bài 10: Thuốc chống dị ứng **Thời gian: 2 giờ**

1. Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm, phân loại, cơ chế tác dụng và nguyên tắc sử dụng thuốc chống dị ứng

- Trình bày được tác dụng, tác dụng phụ, chỉ định, cách dùng, liều dùng và bảo quản các thuốc trong bài học

2. Nội dung bài học:

2.1 Thuốc chống dị ứng

2.1.1 Khái niệm dị ứng và Histamin

- Dị ứng:

- Histamin:

- Tác dụng của Histamin:

2.1.2 Phân loại thuốc:

- Thuốc kháng histamine H1:

- Thuốc kháng Histamin H2:

2.1.3 Cơ chế tác dụng của thuốc kháng Histamin

2.1.4 Các thuốc thông thường:

- Clorpheniramin,

- Diphenhydramin,

- Promethazin

- Loratadin …

2.2 Nguyên tắc sử dụng thuốc chống dị ứng

Bài 11: Thuốc Vitamin và khoáng chất **Thời gian: 2 giờ**

1. Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm, phân loại và nguyên tắc sử dụng vitamin và khoáng chất

- Trình bày được tác dụng, tác dụng phụ, chỉ định, cách dùng, liều dùng và bảo quản các thuốc trong bài học

2. Nội dung bài học:

2.1 Vitamin và khoáng chất

2.1.1 Khái niệm

- Vitamin:

- Khoáng chất:

- Vai trò sinh học của Vitamin và khoáng chất:

2.1.2 Phân loại thuốc:

- Vitamin tan trong nước: vitamin C, vitamin nhóm B

- Vitamin tan trong dầu: vitamin A, vitamin nhóm D, vitamin K, vitamin E

- Khoáng chất :

2.2 Nguyên tắc sử dụng thuốc chống dị ứng

2.3 Các thuốc thông thường:

- Vitamin tan trong nước: vitamin C, vitamin PP, vitamin B1 – B6 – B12, …

- Vitamin tan trong dầu: vitamin A, vitamin nhóm D, vitamin K, vitamin E

- Khoáng chất : Ca, Fe, Cu, Se, Zn, Iod, …

Bài 12: Thuốc tiêm truyền **Thời gian: 2 giờ**

1. Mục tiêu

- Trình bày được khái niệm, phân loại và nguyên tắc sử dụng thuốc tiêm truyền
- Trình bày được tác dụng, tác dụng phụ, chỉ định, cách dùng, liều dùng và bảo quản các thuốc trong bài học

2. Nội dung bài học:

2.1 Thuốc tiêm truyền

2.1.1 Khái niệm

2.1.2 Mục đích sử dụng thuốc tiêm truyền:

2.2 Phân loại thuốc:

- DD bù nước và điện giải: NaCl, KCl, Ringerlactat, ORS, ...
- DD cung cấp chất dinh dưỡng: moriamin, alvesin, glucose, …
- DD chống toan huyết: NaHCO3 1,4% ...

2.3 Nguyên tắc sử dụng thuốc tiêm truyền

2.4 Các thuốc thông thường:

- NaCl
- Ringerlactat
- Glucose 5%
- Moriamin
- NaHCO3 1,4%, …

Bài 13: Thuốc thay thế máu **Thời gian: 1 giờ**

1. Mục tiêu

- Trình bày được khái niệm, phân loại và nguyên tắc sử dụng thuốc thay thế máu
- Trình bày được tác dụng, tác dụng phụ, chỉ định, cách dùng, liều dùng và bảo quản các thuốc trong bài học

2. Nội dung bài học:

2.1 Thuốc thay thế máu

2.1.1 Khái niệm

2.1.2 Mục đích sử dụng thuốc thay thế máu:

2.2 Phân loại thuốc:

2.3 Nguyên tắc sử dụng thuốc thay thế máu

2.4 Các thuốc thông thường:

- Dextran
- Plasma sec
- Huyết tương khô
- Dung dịch cao phân tử, …

Bài 14: Thuốc cầm máu và thuốc chống thiếu máu Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được khái niệm, phân loại của thuốc cầm máu
- Trình bày được khái niệm, phân loại của thuốc chống thiếu máu
- Trình bày được tác dụng, tác dụng phụ, chỉ định, cách dùng, liều dùng và bảo quản các thuốc trong bài học

2. Nội dung bài học

2.1 Thuốc cầm máu

2.1.1 Khái niệm

2.1.2 Phân loại thuốc

- Các thuốc thông thường:

2.2 Thuốc chống thiếu máu

2.2.1 Khái niệm

2.2.2 Phân loại

2.2.3 Các thuốc thông thường

Bài 15: Thuốc dùng trong chuyên khoa Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được đại cương, phân loại thuốc về mắt, tai – mũi – họng, da liễu, sản phụ khoa
- Trình bày đúng cách sử dụng 1 số thuốc nhỏ mắt, tai – mũi – họng, da liễu, sản phụ khoa thường dùng

2. Nội dung bài học

2.1. Thuốc chữa bệnh về mắt

2.1.1. Đại cương

2.1.2. Phân loại

2.1.3. Các thuốc thường dùng: argyrol, NaCl 0,9%, tetracyclin, Cloramphenicol

2.2. Thuốc chữa bệnh về tai – mũi – họng

2.2.1. Đại cương

2.2.2. Phân loại

2.2.3. Các thuốc thường dùng: H_2O_2, Naphazolin, Sulfarin, ...

2.3. Thuốc chữa bệnh về da liễu

2.3.1. Đại cương

2.3.2. Phân loại

2.3.3. Các thuốc thường dùng: DEP, ASA, BSI,

2.4. Thuốc chữa bệnh về sản – phụ khoa

2.4.1. Đại cương

2.4.2. Phân loại

2.4.3. Các thuốc thường dùng: oxytocin, estrogen, progesteron, ...

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học Lý thuyết: Đảm bảo diện tích, số lượng ghế ngồi, đảm bảo ánh sáng

2. Trang thiết bị: Máy chiếu, máy tính, băng đĩa ...

3. Học liệu:

- Hồ sơ lên lớp của giáo viên (Kế hoạch dạy học, giáo trình, sổ tay giảng viên)
- Mô hình mẫu thuốc, các bộ tranh ảnh, bao bì, nhãn, hộp lọ thuốc

4. Các điều kiện khác: Sinh viên phải học xong các môn học tiên quyết, có thời gian tự học, chuẩn bị cá nhân trước khi vào học, được hướng dẫn cách tìm và sử dụng tài liệu tham khảo.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: kiểm tra bằng test trắc nghiệm
- Kỹ năng: Kiểm tra nhận thức dạng thuốc và cách dung.
- Năng lực tự chủ: Giao bài tập đánh giá bằng bài tiểu luận, kỹ năng làm việc nhóm

2. Phương pháp:

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 03 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy môn học hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

- Điểm quá trình: Kiểm tra theo hình thức trắc nghiệm hoặc tự luận

+ Số lượng: 04 cột điểm: Trong đó, 2 cột điểm kiểm tra thường xuyên, 2 cột điểm kiểm tra định kỳ;

- Điểm thi kết thúc môn học: Thi tự luận hoặc trắc nghiệm, thời gian: 60 phút

- Điểm mô-đun: Bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc mô-đun có trọng số 0,6;

- Thang điểm: Điểm môn học theo thang điểm 4, quy đổi điểm môn học thành điểm chữ và thang điểm 4 theo Điều 31 thông tư 04/2022/TT – BLĐTBXH

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Sinh viên cao đẳng năm thứ 1

2. Phương pháp dạy học, học tập:

- Đối với giáo viên: Thuyết trình, thảo luận, bài tập, trình diễn mẫu kỹ năng, cầm tay chỉ việc.
- Đối với học sinh:

+ Nghiên cứu tài liệu trước khi đến lớp.

+ Dự lớp lý thuyết: 100%

+ Tự học theo nội dung hướng dẫn.

3. Trọng tâm cần chú ý

4. Tài liệu tham khảo

HIỆU TRƯỞNG

(*Đã ký*)

Tạ Thị Nhất Sương

Tên mô đun: DINH DƯỠNG - VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM

Mã mô đun:**MĐ05. YS**

Thời gian môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 29 giờ; Kiểm tra: 01 giờ; Tự học:58 giờ)

I. Vị trí và tính chất

- Vị trí: là môn học cơ sở chuyên ngành, dành cho sinh viên năm hai khối ngành sức khỏe trình độ Cao đẳng

- Tính chất: Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức khoa học cơ bản về dinh dưỡng như giá trị của các chất dinh dưỡng, vai trò và nhu cầu các chất dinh dưỡng, xây dựng khẩu phần ăn, tiết chế dinh dưỡng, an toàn vệ sinh thực phẩm

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

+ Trình bày định nghĩa về dinh dưỡng và các thành phần dinh dưỡng cơ bản của thực phẩm.

+ Trình bày nhu cầu dinh dưỡng của cơ thể cho một số đối tượng và cách tính để cung cấp năng lượng cho cơ thể

+ Trình bày một số bệnh lý liên quan đến dinh dưỡng thường gặp và cách phòng chống

+ Trình bày nguyên tắc dinh dưỡng cho một số bệnh lý mạn tính thường gặp.

- Về kỹ năng:

+ Trình bày công thức BMI và áp dụng để tính chỉ số khối cơ thể.

+ Xây dựng được khẩu phần ăn cho người bình thường

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Áp dụng những kiến thức đã học vào thực tế chăm sóc dinh dưỡng cho người bệnh và cộng đồng.

III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	**Tên chương/mục**	**Thời gian**			
		Tổng số	**Lý thuyết**	**Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập**	**Kiểm tra**
1	Bài mở đầu: Đại cương về dinh dưỡng	5	5	0	0

2	Bài 1: Dinh dưỡng cơ bản 1. Nhu cầu dinh dưỡng các chất hữu cơ, vitamin, khoáng chất 1.1. Nhu cầu chất sinh năng lượng 1.2. Nhu cầu vitamin và khoáng chất 1.3. Nước uống 2. Các thành phần dinh dưỡng thực phẩm: 2.1. Nhóm thực phẩm cung cấp chất đạm 2.2. Nhóm thực phẩm cung cấp chất béo 2.3. Nhóm thực phẩm cung cấp chất đường-tinh bột 2.4. Nhóm thực phẩm cung cấp vitamin và chất khoáng 3. Xây dựng khẩu phần dinh dưỡng: 3.1. Tính nhu cầu dinh dưỡng 3.2. Xây dựng khẩu phần dinh dưỡng	10	10	0	0
3	Bài 2: Dinh dưỡng bệnh lý 1. Đánh giá tình trạng dinh dưỡng người bệnh 1.1. Tiêu chuẩn đánh giá 1.2. Cách đánh giá 2. Vai trò dinh dưỡng điều trị: 2.1. Rối loạn chuyển hóa: 2.2. Bệnh lý tim mạch, gan mật 2.3. Bệnh lý dạ dày – tá tràng 2.4. Dinh dưỡng các giai đoạn bệnh 3. Các bệnh lý liên quan đến dinh dưỡng 3.1. Suy dinh dưỡng 3.2. Thiếu vitamin A 3.3. Thiếu máu 3.4. Thiếu I-ốt	10	10	0	
4	Bài 3: Dinh dưỡng cộng đồng	4	4	0	

	1. Vệ sinh an toàn thực phẩm 1.1. Khái niệm 1.2. Biện pháp đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm 2. Ngộ độc thức ăn 2.1. Các loại ngộ độc thức ăn và nguyên nhân 2.2. Biện pháp phòng ngừa				
5	Kiểm tra	1	0		1
	Cộng	**30**	**29**		**1**

2. Nội dung chi tiết:

Bài mở đầu: Đại cương về dinh dưỡng **Thời gian: 5 giờ**

Chương 1: Dinh dưỡng cơ bản **Thời gian: 10 giờ**

1. Mục tiêu:

- Nhu cầu dinh dưỡng
- Các thành phần dinh dưỡng thực phẩm
- Xây dựng khẩu phần

2. Nội dung chương:

2.1. Nhu cầu dinh dưỡng các chất hữu cơ, vitamin, khoáng chất

2.1.1. Nhu cầu chất sinh năng lượng

2.1.2. Nhu cầu vitamin và khoáng chất

2.1.3. Nước uống

2.2. Các thành phần dinh dưỡng thực phẩm:

2.2.1. Nhóm thực phẩm cung cấp chất đạm

2.2.2. Nhóm thực phẩm cung cấp chất béo

2.2.3. Nhóm thực phẩm cung cấp chất đường-tinh bột

2.2.4. Nhóm thực phẩm cung cấp vitamin và chất khoáng

2.3. Xây dựng khẩu phần dinh dưỡng:

2.3.1. Tính nhu cầu dinh dưỡng

2.3.2. Xây dựng khẩu phần dinh dưỡng

Chương 2: Dinh dưỡng bệnh lý **Thời gian: 10 giờ**

1. Mục tiêu:

- Đánh giá dinh dưỡng người bệnh
- Vai trò dinh dưỡng điều trị
- Các bệnh lý liên quan dinh dưỡng

2. Nội dung chương:

2.1. Đánh giá tình trạng dinh dưỡng người bệnh

2.1.1. Tiêu chuẩn đánh giá

2.1.2. Cách đánh giá

2.2. Vai trò dinh dưỡng điều trị:

2.2.1. Rối loạn chuyển hóa:

2.2.2. Bệnh lý tim mạch, gan mật

2.2.3. Bệnh lý dạ dày – tá tràng

2.2.4. Dinh dưỡng các giai đoạn bệnh

2.3. Các bệnh lý liên quan đến dinh dưỡng

2.3.1. Suy dinh dưỡng

2.3.2. Thiếu vitamin A

2.3.3. Thiếu máu

2.3.4. Thiếu I-ốt

Chương 3: Dinh dưỡng cộng đồng **Thời gian: 4 giờ**

1. Mục tiêu:

- Vệ sinh an toàn thực phẩm
- Ngộ độc thức ăn

2. Nội dung chương:

2.1. Vệ sinh an toàn thực phẩm

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Biện pháp đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm

2.2. Ngộ độc thức ăn

2.2.1. Các loại ngộ độc thức ăn và nguyên nhân

2.2.2. Biện pháp phòng ngừa

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/ nhà xưởng: phòng học lý thuyết, nhà dinh dưỡng

2. Trang thiết bị máy móc: máy chiếu, máy vi tính

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Giáo trình dinh dưỡng, tập ghi chép, bút, bảng, phấn, giấy A0
- Máy tính cầm tay
- Dụng cụ thực hành dinh dưỡng: dụng cụ nhà bếp, thực phẩm

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung đánh giá:

- Kiến thức: định nghĩa về dinh dưỡng và các thành phần dinh dưỡng cơ bản của thực phẩm; nhu cầu dinh dưỡng của cơ thể cho một số đối tượng và cách tính để cung cấp năng lượng cho cơ thể; bệnh lý liên quan đến dinh dưỡng thường gặp và cách phòng chống; nguyên tắc dinh dưỡng cho một số bệnh lý mạn tính thường gặp.
- Kỹ năng: chỉ số BMI, xây dựng khẩu phần dinh dưỡng
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: áp dụng vào chăm sóc người bệnh và giáo dục sức khỏe cộng đồng.

2. Phương pháp đánh giá:

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 03 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

- Điểm quá trình: Kiểm tra theo hình thức trắc nghiệm hoặc tự luận

+ Số lượng: 02 cột điểm: Trong đó, 1 cột điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1 và 1 cột điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

- Điểm thi kết thúc môn học: Thi tự luận hoặc trắc nghiệm, thời gian: 60 phút
- Điểm môn học, mô-đun: Bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun có trọng số 0,6;
- Thang điểm: Điểm môn học, mô đun theo thang điểm 4, quy đổi điểm môn học, mô đun thành điểm chữ và thang điểm 4 theo Điều 31 thông tư 04/2022/TT – BLĐTBXH

VI. Hướng dẫn sử dụng:

1. Phạm vi áp dụng môn học: sinh viên cao đẳng Hộ sinh, hộ sinh năm thứ 2, sau khi đã hoàn thành các môn học Giải phẫu sinh lý, hóa sinh, Hộ sinh cơ sở 1,2

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập môn học:

- Đối với giáo viên: giới thiệu, đặt câu hỏi ngắn cho người học, tổng kết nội dung

- Đối với người học: đọc giáo trình và tài liệu tham khảo trước khi lên lớp, hoàn thành các bài tập yêu cầu.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Kiến thức tốt về dinh dưỡng là cơ sở để xây dựng được khẩu phần dinh dưỡng
- Người học có thái độ tích cực đối với dinh dưỡng đời sống

4. Tài liệu tham khảo:

- *Thông tư 18/2020/TT – BYT ngày 22/11/2020 về việc quy định hoạt động dinh dưỡng trong bệnh viện*
- *Giáo trình Dinh dưỡng người (2005), Nguyễn Minh Thuỷ, Trường ĐH Cần Thơ.*
- *Bảng thành phần thực phẩm Việt Nam (2007), Viện dinh dưỡng, NXB Y học.*
- *Human Nutrition and Dietetics (2000), 10th edition, J S Garrow, WPT James, A Ralph-Churchill Living Stone.*

HIỆU TRƯỞNG

(*Đã ký*)

Tạ Thị Nhất Sương

Tên mô đun: KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN

Mã mô đun: MĐ06. YS

Thời gian thực hiện mô đun: 45 tiết (Lý thuyết 14, Thực hành 29, Kiểm tra 2, Tự học: 45 giờ)

I. Vị trí, tính chất mô đun:

- Vị trí: Cho sinh viên năm thứ nhất khối ngành sức khỏe trình độ cao đẳng;

- Tính chất mô đun: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự an toàn của người bệnh trong môi trường bệnh viện, các nhiễm khuẩn mắc phải trong bệnh viện, các quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn, sử dụng bằng chứng liên quan đến nhiễm khuẩn, vai trò của nhân viên y tế trong kiểm soát nhiễm khuẩn.

II. Mục tiêu mô đun:

- Về kiến thức:

+ Trình bày hệ thống tổ chức kiểm soát nhiễm khuẩn tại các cơ sở y tế.

+ Trình bày được các phương pháp khử khuẩn – tiệt khuẩn, quản lý chất thải y tế

+ Trình bày được các nhiễm khuẩn mắc phải trong bênh viện, cách phòng ngừa phơi nhiễm nghề nghiệp cho nhân viên y tế

- Về Kỹ năng:

+ Thực hiện đúng, có hiệu quả các can thiệp quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện

+ Thực hiện các can thiệp về vô khuẩn – tiệt khuẩn để kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện và xử lý chất thải y tế.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Hiểu được vai trò của người nhân viên y tế trong kiểm soát nhiễm khuẩn

+ Hợp tác tốt với các thành viên trong nhóm chăm sóc khi đưa ra các chương trình kiểm soát nhiễm khuẩn và xử trí được các tai nạn rủi ro nghề nghiệp

III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

TT	TÊN BÀI HỌC	Phân bổ thời gian			
		TS	LT	TH	Kiểm tra
1.	Bài 1: Đại cương về kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở y tế. 1. Đại cương 2. Dịch tễ học nhiễm khuẩn bệnh viện	2	2	0	2

TT	TÊN BÀI HỌC	Phân bổ thời gian			
		TS	LT	TH	Kiểm tra
	3. Các tác nhân vi sinh vật 4. Đường lây truyền nhiễm khuẩn bệnh viện 5. Nguồn lây nhiễm khuẩn bệnh viện 6. Các nhiễm khuẩn thường gặp ở bệnh viện 7. Các văn bản quy phạm pháp luật về/liên quan đến kiểm soát nhiễm khuẩn 8. Chương trình KSNK và những giải pháp cụ thể				
2.	Bài 2: Hệ thống tổ chức và điều kiện thực hiện công tác kiểm soát nhiễm khuẩn 1. Hệ thống KSNK trong bệnh viện 2. Điều kiện thực hiện công tác KSNK	1	1	0	
3.	Bài 3: Phòng ngừa chuẩn và phòng ngừa dựa trên đường lây truyền. 1. Các đường lây truyền bệnh truyền nhiễm 2. Các biện pháp phòng ngừa 2.1. Phòng ngừa chuẩn 2.2. Phòng ngừa qua đường tiếp xúc: 3. Kỹ thuật áp dụng trong PNC và phòng ngừa bổ sung 4. Sử dụng phương tiện phòng hộ cá nhân (PTPHCN)	10	2	8	
4.	Bài 4: Khử khuẩn - tiệt khuẩn 1. Đại cương 2. Định nghĩa 3. Nguy cơ nhiễm khuẩn. 4. Một số yếu tố ảnh hưởng tới quá trình khử khuẩn, tiệt khuẩn 5. Phương pháp khử khuẩn-tiệt khuẩn	6	2	4	
5.	Bài 5: Quản lý chất thải rắn y tế 1. Một số khái niệm cơ bản 2. Phân nhóm chất thải rắn y tế	6	2	4	

TT	TÊN BÀI HỌC	Phân bổ thời gian			
		TS	LT	TH	Kiểm tra
	3. Phân loại và nhận dạng các chất 4. Hệ thống mã màu các dụng cụ đựng chất thải 5. Nguyên tắc phân loại chất thải 6. Thu gom và lưu giữ chất thải 7. Vận chuyển chất thải trong cơ sở y tế 8. Nơi lưu giữ chất thải rắn trong cơ sở khám chữa bệnh: 9. Các phương pháp tiêu hủy chất thải rắn y tế: 10. Tái chế, tái sử dụng chất thải thông thường				
6.	Bài 6: Tiêm an toàn 1. Định nghĩa tiêm an toàn 2. Những hành vi nguy cơ liên quan đến tiêm và các lưu ý 3. Phòng nhiễm khuẩn trong thực hành tiêm 4. Sắp xếp xe tiêm	3	1	2	
7.	Bài 7: Phòng và xử trí phơi nhiễm với máu, dịch cơ thể, vật sắc nhọn trong tiêm. 1. Đại cương 2. Phương thức phơi nhiễm nghề nghiệp 3. Phòng phương thức phơi nhiễm nghề nghiệp 4. Quy trình xử trí sau phơi nhiễm với máu hoặc dịch cơ thể và tai nạn rủi do vật sắc nhọn.	3	1	2	
8.	Bài 8: Vệ sinh môi trường bệnh viện. 1. Vệ sinh bề mặt môi trường buồng bệnh 2. Phân vùng các khu vực vệ sinh 3. Các quy định vệ sinh bề mặt môi trường chăm sóc người bệnh. 4. Quy trình thực hiện vệ sinh bề mặt môi trường buồng bệnh	5	1	4	
9.	Bài 9: Giám sát nhiễm khuẩn bệnh viện.	6	1	5	

TT	TÊN BÀI HỌC	Phân bổ thời gian			
		TS	LT	TH	Kiểm tra
	1. Đại cương về giám sát nhiễm khuẩn bệnh viện 2. Các phương pháp giám sát nhiễm khuẩn bệnh viện 3. Giám sát ca bệnh nhiễm khuẩn bệnh viện thường sử dụng 4. Quy trình giám sát nhiễm khuẩn bệnh viện				
10.	Bài 10: Phòng ngừa và kiểm soát các bệnh nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp 1. Mở đầu 2. Căn nguyên gây nhiễm khuẩn bệnh viện 3. Tiêu chuẩn chẩn đoán nhiễm khuẩn bệnh viện 4. Nguyên tắc phòng ngừa nhiễm khuẩn bệnh viện: nội dung này tham khảo ở bài 5. Biện pháp phòng ngừa các nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp	1	1		
TỔNG CỘNG		**45**	**14**	**29**	**2**

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Đại cương về kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở y tế

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở y tế.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương

2.2. Dịch tễ học nhiễm khuẩn bệnh viện

2.3. Các tác nhân vi sinh vật

2.4. Đường lây truyền nhiễm khuẩn bệnh viện

2.5. Nguồn lây nhiễm khuẩn bệnh viện

2.6. Các nhiễm khuẩn thường gặp ở bệnh viện

2.7. Các văn bản quy phạm pháp luật về/liên quan đến kiểm soát nhiễm khuẩn

2.8. Chương trình KSNK và những giải pháp cụ thể

Bài 2 Hệ thống tổ chức và điều kiện thực hiện công tác KSNK

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học bài này học viên có khả năng:

1.1. Mô tả được hệ thống tổ chức kiểm soát nhiễm khuẩn và phương thức hoạt động trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

1.2. Trình bày được yêu cầu cơ sở hạ tầng phù hợp để thực hiện KSNK

1.3. Liệt kê được các phương tiện để đảm bảo thực hành kiểm soát nhiễm khuẩn

2. Nội dung:

2.1. Hệ thống KSNK trong bệnh viện

2.2. Điều kiện thực hiện công tác KSNK

Bài 3: Phòng ngừa chuẩn và phòng ngừa dựa trên đường lây truyền

Thời gian:10 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Kể được các đường lây truyền của vi sinh vật.

1.2. Trình bày được định nghĩa và những nội dung phòng ngừa chuẩn.

1.3. Thực hiện được phòng ngừa lây truyền bệnh qua các đường: đường tiếp xúc đường giọt bắn và đường không khí.

1.4. Thực hiện được các kỹ thuật: VST thường quy, vệ sinh hô hấp và sử dụng các phương tiện phòng hộ cá nhân.

2. Nội dung:

2.1. Các đường lây truyền bệnh truyền nhiễm

2.2. Các biện pháp phòng ngừa

2.2.1. Phòng ngừa chuẩn

2.2.2. Phòng ngừa qua đường tiếp xúc:

2.3. Kỹ thuật áp dụng trong PNC và phòng ngừa bổ sung

2.4. Sử dụng phương tiện phòng hộ cá nhân (PTPHCN)

Bài 4: Khử khuẩn - tiệt khuẩn **Thời gian: 6 giờ**

1. Mục tiêu:

1.1. Nêu được định nghĩa khử khuẩn, tiệt khuẩn và các khái niệm về nguy cơ nhiễm khuẩn.

1.2. Biết phân loại dụng cụ và các phương pháp khử khuẩn,tiệt khuẩn.

1.3. Trình bày được các phương pháp khử khuẩn, tiệt khuẩn dụng cụ y tế .

1.4. Hiểu được tầm quan trọng của khử khuẩn, tiệt khuẩn trong kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương

2.2. Định nghĩa

2.3. Nguy cơ nhiễm khuẩn.

2.4. Một số yếu tố ảnh hưởng tới quá trình khử khuẩn, tiệt khuẩn

2.5. Phương pháp khử khuẩn-tiệt khuẩn

Bài 5: Quản lý chất thải rắn y tế **Thời gian: 7 giờ**

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được khái niệm cơ bản chất thải rắn trong các cơ sở y tế

1.2. Liệt kê được 5 nhóm chất thải rắn y tế và 4 nhóm chất thải lây nhiễm.

1.3. Nêu được nguyên tắc phân loại chất thải rắn trong cơ sở y tế.

1.4. Thực hiện đúng quy trình thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế.

2. Nội dung:

2.1. Một số khái niệm cơ bản

2.2. Phân nhóm chất thải rắn y tế

2.3. Phân loại và nhận dạng các chất

2.4. Hệ thống mã màu các dụng cụ đựng chất thải

2.5. Nguyên tắc phân loại chất thải

2.6. Thu gom và lưu giữ chất thải

2.7. Vận chuyển chất thải trong cơ sở y tế

2.8. Nơi lưu giữ chất thải rắn trong cơ sở khám chữa bệnh:

2.9. Các phương pháp tiêu hủy chất thải rắn y tế:

2.10. Tái chế, tái sử dụng chất thải thông thường

Bài 6: Tiêm an toàn **Thời gian: 3 giờ**

1. Mục tiêu:

1.1. Phát biểu đúng định nghĩa tiêm an toàn.

1.2. Kể được các hành vi tiêm chưa an toàn, nguy cơ và đề xuất các giải pháp thay đổi hành vi nhằm đảm bảo an toàn trong tiêm.

1.3. Trình bày được nguyên tắc thực hành KSNK trong tiêm

1.4. Thống nhất nguyên tắc sắp xếp một xe tiêm tại đơn vị

1.5. Mô phỏng đủ, đúng quy trình xử trí sau phơi nhiễm với máu hoặc dịch cơ thể và tai nạn rủi do do mũi kim tiêm.

2. Nội dung:

2.1. Định nghĩa tiêm an toàn

2.2. Những hành vi nguy cơ liên quan đến tiêm và các lưu ý

2.3. Phòng nhiễm khuẩn trong thực hành tiêm

2.4. Sắp xếp xe tiêm

Bài 7: Phòng và xử trí phơi nhiễm với máu hoặc dịch cơ thể, vật sắc nhọn

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Phát biểu đúng định nghĩa tiêm an toàn.

1.2. Kể được các phương thức phơi nhiễm nghề nghiệp và biện pháp phòng rủi ro do vật sắc nhọn cho nhân viên y tế

1.3. Mô phỏng đủ, đúng quy trình xử trí sau phơi nhiễm với máu hoặc dịch cơ thể và tai nạn rủi do do mũi kim tiêm.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương

2.2. Phương thức phơi nhiễm nghề nghiệp

2.3. Phòng phương thức phơi nhiễm nghề nghiệp

2.4. Quy trình xử trí sau phơi nhiễm với máu hoặc dịch cơ thể và tai nạn rủi do vật sắc nhọn.

Bài 8: Vệ sinh môi trường bệnh viện **Thời gian: 5 giờ**

1. Mục tiêu:

1.1. Kể được mục đích và nội dung vệ sinh trong các cơ sở y tế.

1.2. Trình bày được nguyên tắc làm vệ sinh, những quy định chung và cách phân vùng vệ sinh đúng

1.3. Liệt kê được các dụng cụ, phương tiện cần thiết phục vụ cho công tác vệ sinh và tần suất vệ sinh tại các bề mặt trong bệnh viện.

1.4. Ý thức được tầm quan trọng của vệ sinh môi trường bệnh viện trong kiểm soát nhiễm khuẩn

2. Nội dung:

2.1. Vệ sinh bề mặt môi trường buồng bệnh

2.2. Phân vùng các khu vực vệ sinh

2.3. Các quy định vệ sinh bề mặt môi trường chăm sóc người bệnh.

2.4. Quy trình thực hiện vệ sinh bề mặt môi trường buồng bệnh

Bài 9: Giám sát nhiễm khuẩn bệnh viện Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Kể được tên các phương pháp giám sát NKBV cơ bản.

1.2. Lựa chọn được việc lựa chọn phương pháp giám sát phù hợp, biết phân tích kết quả giám sát.

1.3. Mô tả và xác định được đúng ca bệnh nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp.

1.4. Sử dụng được bộ công cụ giám sát trong thực hành.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương về giám sát nhiễm khuẩn bệnh viện

2.2. Các phương pháp giám sát nhiễm khuẩn bệnh viện

2.3. Giám sát ca bệnh nhiễm khuẩn bệnh viện thường sử dụng

2.4. Quy trình giám sát nhiễm khuẩn bệnh viện

Bài 10: Phòng ngừa và kiểm soát các bệnh NKBV thường gặp

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Kể tên được các bệnh nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp và các yếu tố ảnh hưởng đến nguy cơ nhiễm khuẩn đó.

1.2. Trình bày được tiêu chuẩn chẩn đoán nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp

1.3. Kể được được nguyên được nguyên tắc và các biện pháp phòng ngừa nhiễm khuẩn trong chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung:

2.1. Mở đầu

2.2. Căn nguyên gây nhiễm khuẩn bệnh viện

2.3. Tiêu chuẩn chẩn đoán nhiễm khuẩn bệnh viện

2.4. Nguyên tắc phòng ngừa nhiễm khuẩn bệnh viện: nội dung này tham khảo ở bài

2.5. Biện pháp phòng ngừa các nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học:

- Lý thuyết: Đảm bảo diện tích, số lượng ghế ngồi, đảm bảo ánh sáng

- Phòng học thực hành: Có khu thực hành chuyên biệt đảm bảo đạt tiêu chuẩn về diện tích, ánh sáng, có lavabo, hệ thống điện nước, như bệnh viện.

2. Trang thiết bị: Máy chiếu , máy tính, băng đĩa..

3. Học liệu:

- Hồ sơ lên lớp của giáo viên (Kế hoạch dạy học, giáo trình, sổ tay giáo viên)
- Dụng cụ chuyên môn, bảng kiểm, các bộ tranh

4. Các điều kiện khác: Sinh viên phải học xong các môn học tiên quyết, có thời gian tự học, chuẩn bị cá nhân trước khi vào học, được hướng dẫn cách tìm và sử dụng tài liệu tham khảo.

V. Nội dung và phương pháp đáng giá:

1. Nội dung:

+ Trình bày hệ thống tổ chức kiểm soát nhiễm khuẩn tại các cơ sở y tế.

+ Trình bày được các phương pháp khử khuẩn – tiệt khuẩn, quản lý chất thải y tế

+ Trình bày được các nhiễm khuẩn mắc phải trong bênh viện, cách phòng ngừa phơi nhiễm nghề nghiệp cho nhân viên y tế

- Về Kỹ năng:

+ Thực hiện đúng, có hiệu quả các can thiệp quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện

+ Thực hiện các can thiệp về vô khuẩn – tiệt khuẩn để kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện và xử lý chất thải y tế.

2. Phương pháp:

- Điểm quá trình: Kiểm tra theo hình thức trắc nghiệm hoặc tự luận

+ Số lượng: 03 cột điểm: Trong đó, 1 cột điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1 và 2 cột điểm kiểm tra định kỳ (1 LT; 1 TH) tính hệ số 2;

- Điểm thi kết thúc mô đun: Thi trắc nghiệm, thời gian: 60 phút
- Điểm mô-đun: Bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc mô-đun có trọng số 0,6;
- Thang điểm: Điểm mô đun theo thang điểm 4, quy đổi điểm mô đun thành điểm chữ và thang điểm 4 theo Điều 31 thông tư 04/2022/TT – BLĐTBXH

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Sinh viên cao đẳng chuyên ngành Y sĩ đa khoa năm 1.

2. Phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Nhiệm vụ của giảng viên:

+ Chuẩn bị đầy đủ phương tiện dạy học

- Nhiệm vụ của sinh viên:

+ Hoàn thành các bài tập được giáo viên giao

+ Tham gia đầy đủ các buổi lý thuyết và thực hành tại trường

+ Đọc trước bài giảng và các tài liệu tham khảo liên quan trước mỗi buổi học, tham dự giờ giảng một cách tích cực.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

- *Thông tư số 16/2018/TT – BYT, ngày 20/7/2018 Quy định về kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở khám, chữa bệnh.*
- *Quyết định 3671/QĐ – BYT, ngày 27/9/2012 về phê duyệt các hướng dẫn kiểm soát nhiễm khuẩn*
- *Quyết định 4290/QĐ – BYT, ngày 15/10/2015 Hướng dẫn vệ sinh môi trường bề mặt khu phẫu thuật*
- *Quyết định 3916/QĐ – BYT, ngày 28/8/2017 Phê duyệt các hướng dẫn kiểm soát nhiễm khuẩn trong bệnh viện.*
- *Quyết định 1426/QĐ – Byt, ngày 15/4/2016 về việc phê duyệt kế hoạch hành động quốc gia về kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh giai đoạn 2016 -2020*
- *Thông tư 58/2015/TTLT – BYT- BTNMT, ngày 31/12/2015 Quy định về quản lý chất thải y tế*
- *Quyết định 3671/QĐ – BYT, ngà27/9/2012 về hướng dẫn Tiêm an toàn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.*
- *Tài liệu đào tạo Kiểm soát nhiễm khuẩn cho nhân viên y tế tuyến cơ sở - Bộ Y tế*
- *Tài liệu hướng dẫn Thực hiện kiểm soát nhiễm khuẩn - Bệnh viện Trung TW Huế.*
- *Hướng dẫn quy trình chăm sóc người bệnh – 2009 - Bộ Y tế*

HIỆU TRƯỞNG

(*Đã ký*)

Tạ Thị Nhất Sương

Tên mô đun: TÂM LÝ Y ĐỨC VÀ GIAO TIẾP, GIÁO DỤC SỨC KHỎE

Mã mô đun: MĐ07.YS

Thời gian thực hiện mô đun: 30 giờ (Lý thuyết: 29 giờ; Kiểm tra: 1 giờ; Tự học: 86 giờ)

I. Vị trí, tính chất mô đun:

- Vị trí: học vào năm thứ nhất

- Tính chất: Cung cấp cho sinh viên thuộc đối tượng cao đẳng khối ngành sức khỏe: Điều dưỡng, Hộ sinh, Dược, Y sĩ, PHCN…, các kiến thức cơ bản về tâm lý y học, đạo đức của người thầy thuốc, các kỹ năng giao tiếp, giáo dục sức khỏe, hiệu quả bằng lời và không lời khi tiếp xúc với người bệnh, gia đình và các nhân viên y tế khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau. Giúp sinh viên hình thành các kỹ năng giao tiếp cần thiết để thiết lập mối quan hệ giữa người bệnh và nhân viên y tế, lấy người bệnh là trung tâm khi phát triển các mối quan hệ giao tiếp. Từ đó tự hình thành phong cách và kỹ thuật giao tiếp.

II. Mục tiêu mô đun:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được các kiến thức cơ bản về các kỹ năng giao tiếp hiệu quả bằng lời và không lời khi tiếp xúc với người bệnh, gia đình và đồng nghiệp.

+ Trình bày các kiến thức cơ bản về tâm lý y học, tầm quan trọng của tác động tâm lý tới sức khỏe.

+ Phân tích nội dung đặc trưng của đạo đức người thầy thuốc, phấn đấu để trở thành người thầy thuốc có đủ phẩm chất đạo đức.

- Về Kỹ năng:

+ Áp dụng được các kỹ năng giao tiếp trong các tình huống khác nhau.

+ Ứng dụng công nghệ thông tin vào tư vấn giáo dục sức khỏe.

- Về thái độ:

+ Nhận biết tâm lý và nhu cầu của người bệnh qua những biêu hiện nét mặt và ngôn ngữ cơ thể của người bệnh.

+ Tự lập kế hoạch học tập, có ý thức, thái độ tốt khi tiếp xúc với bệnh nhân.

+ Phát huy được tầm quan trọng trong việc ứng dụng công nghệ thông tin vào tư vấn giáo dục sức khỏe.

III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	LT	TH	KT
	CHƯƠNG 1: TÂM LÝ Y ĐỨC	**10**			
1	Bài 1: Đại cương về tâm lý học và tâm lý học y học 1. Khái niệm chung về hiện tượng tâm lý 1.1. Bản chất của hiện tượng tâm lý 1.2. Đặc điểm chung của hiện tượng tâm lý 2. Vị trí, đối tượng nghiên cứu tâm lý y học 3. Đối tượng chủ yếu của tâm lý y học 4 . Nhiệm vụ của tâm lý y học 4.1 Nhiệm vụ nghiên cứu của tâm lý người bệnh 4.2. Nhiệm vụ nghiên cứu tâm lý thầy thuốc và nhân viên y tế 4.3 Một số nhiệm vụ chung của tâm lý y học: Nghiên cứu: 4.4 Nội dung nghiên cứu của tâm lý y học 5. Cấu trúc tâm lý y học 6. Phương pháp nghiên cứu tâm lý y học 6.1 Phần mở đầu cuộc khám 6.2 Phần khám các triệu chứng khách quan 6.3 Phần kết luận	2	2		
2	Bài 2: Các quá trình và trạng thái tâm lý 1. Các loại hiện tượng tâm lý theo thời gian tồn tại 1.1. Quá trình tâm lý 1.2. Trạng thái tâm lý 1.3. Thuộc tính tâm lý 2. Các quá trình tâm lý: 2.1. Cảm giác	2	2		

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	LT	TH	KT
	2.2. Tri giác 2.3. Biểu tượng 2.4. Tư duy 3. Sự hình thành và phát triển ý thức 3.1. Khái niệm chung về ý thức 3.2. Sự hình thành và phát triển ý thức 2.3. Các cấp độ ý thức 4. Hoạt động 4.1.Khái niệm chung về hoạt động 4.2 Những nét đặc trưng của hoạt động 4.3 Phân loại hoạt động 4.4 Cấu trúc của hoạt động				
3	Bài 3: Tâm lý học nhân cách 1. Khái niệm về nhân cách 2. Các mức độ và đặc điểm nhân cách 2.1 Các mức độ của nhân cách 2.2 Các đặc điểm cơ bản của nhân cách 3. Cấu trúc nhân cách 3.1. Các quan niệm về cấu trúc nhân cách 3.2 Cấu trúc nhân cách đức và tài: 3.3.Giá trị nhân cách 4. Con đường hình thành nhân cách 4.1. Giáo dục nhân cách 4.2. Hoạt động và nhân cách 4.3. Giao lưu và nhân cách 5. Tập thể và nhân cách	2	2		
4	Bài 4: Tâm lý bệnh nhân 1. Khái niệm về bệnh tật 2. Ảnh hưởng của bệnh tật:	1	1		

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	LT	TH	KT
	3. Quá trình nhận thức và phản ứng của bệnh nhân 3.1 Nhận thức cảm tính: 3.2 Nhận thức lý tính: 3.3 Các loại nhận thức: 3.4 Các loại phản ứng 4. Tâm lý chung khi mắc bệnh 5. Các yếu tố ảnh hưởng tâm lý người bệnh 6. Tìm hiểu nhân cách bệnh nhân				
5	Bài 5: Tâm lý người thầy thuốc 1. Đặc điểm hoạt động của nghề y 2. Một số phẩm chất nhân cách người thầy thuốc/Hộ sinh 3. Hình thành và phát triển nhân cách người thầy thuốc 4. Phẩm chất của người thầy thuốc/Hộ sinh 4.1 Các phẩm chất đạo đức 4.2. Các phẩm chất nghề nghiệp 4.3 Một số phẩm chất tâm lý khác	1	1		
6	Bài 6: Khái niệm đạo đức và đạo đức nghề nghiệp 1. Khái niệm về đạo đức xã hội 2. Khái niệm về đạo đức nghề nghiệp và đạo đức y học 2.1. Đạo đức nghề nghiệp: 2.2. Đạo đức y học 2.3. Vị trí, tầm quan trọng của y đức	1	1		
7	Bài 7: Những nội dung đặc trưng của đạo đức người thầy thuốc Việt Nam, 12 điều y đức 1. Đặc trưng của đạo đức y học XHCN	1	1		

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	LT	TH	KT
	2. Đạo đức của người cán bộ y tế 2.1. Các yêu cầu về đạo đức cá nhân của người Hộ sinh 2.2. Nghĩa vụ nghề nghiệp của người Hộ sinh: 3. Những quy định về y đức- 12 điêu y đức				
	CHƯƠNG 2: GIAO TIẾP	**10**			
8	Bài 8: Khái quát chung về giao tiếp 1. Khái niệm về giao tiếp 2. Phân loại giao tiếp 3. Chức năng của giao tiếp 4. Vai trò của giao tiếp	2	2		
9	Bài 9: Cấu trúc quá trình giao tiếp 1.Cấu trúc quá trình giao tiếp 2.Bản chất, đặc điểm của quá trình giao tiếp	2	2		
10	Bài 10: Các kỹ năng giao tiếp cơ bản 1. Tầm quan trọng của kỹ năng giao tiếp 2. Các kỹ năng giao tiếp cơ bản 3. Kỹ năng lắng nghe	2	2		
11	Bài 11: Giao tiếp với người bệnh 1. Biện pháp cơ bản để giao tiếp tốt với người bệnh 2. Diễn biến tâm lý người bệnh khi đến khám bệnh 3. Diễn biến tâm lý của người bệnh khi nằm điều trị 4. Liệu pháp điều trị 5. Liệu pháp tâm lý 6. Những điều cần lưu ý khi giao tiếp với người bệnh.	2	2		

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	LT	TH	KT
	7. Các nguyên tắc giao tiếp của Hộ sinh với người bệnh				
12	Bài 12: Giao tiếp với người nhà 1. Một số đặc điểm về trạng thái tâm lý của người nhà 2. Văn hóa giao tiếp của người Việt Nam	1	1		
13	Bài 13: Giao tiếp với đồng nghiệp 1. Giao tiếp trực tiếp 2. Giao tiếp gián tiếp 3. Các yếu tố tác động của thông tin đến đồng nghiệp. 4. Các kỹ năng trao đổi với đồng nghiệp	1	1		
	CHƯƠNG 3: GIÁO DỤC SỨC KHỎE	**9**			
14	Bài 14: Khái niệm - vị trí - vai trò của giáo dục sức khỏe trong chăm sóc sức khỏe ban đầu 1. Khái niệm Giáo dục sức khỏe 2. Bản chất của quá trình giáo dục sức khỏe 2.1. Giáo dục sức khỏe làm thay đổi hành vi sức khỏe: 2.2. Giáo dục sức khỏe là một quá trình truyền thông 2.3. Giáo dục sức khỏe là một quá trinh tác động tâm lý 3. Mục đích của Truyền thông - Giáo dục sức khỏe. 4. Vai trò của Truyền thông - giáo dục sức khỏe. 4.1. Vai trò của truyền thông 4.2. Vai trò của giáo dục sức khỏe 5. Vị trí của giáo dục sức khỏe	3	3		

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	LT	TH	KT
15	Bài 15: Kỹ năng Truyền thông – Tư vấn, giáo dục sức khỏe 1. Kỹ năng Truyền thông - Giáo dục sức khỏe 1.1. Một số yêu cầu cần thiết làm cho Truyền thông - Giáo dục sức khỏe có hiệu quả. 1.2. Các kỹ năng thường sử dụng trong Truyền thông - Giáo dục sức khỏe . 1.3. Kỹ năng đóng vai để Truyền thông - Giáo dục sức khỏe 2. Một số nội dung cần giáo dục sức khỏe tại cộng đồng. 2.1. Giáo dục bảo vệ sức khỏe bà mẹ trẻ em 2.2. Giáo dục dinh dưỡng 2.3. Giáo dục sức khỏe ở trường học 2.4. Giáo dục vệ sinh và bảo vệ môi trường 2.5. Giáo dục vệ sinh lao động, phòng chống tại nạn và bệnh nghề nghiệp. 2.6. Giáo dục phòng chống bệnh tật nói chung	3	3		
16	Bài 16: Lập kế hoạch truyền thông giáo dục sức khỏe 1. Khái niệm về lập kế hoạch giáo dục sức khỏe 2. Một số nguyên tắc cơ bản trong lập kế hoạch giáo dục sức khỏe 3. Các bước lập kế hoạch Giáo dục sức khỏe	3	3		
17	Kiểm tra				1
Cộng		**30**	**29**		**1**

2. Nội dung chi tiết:

CHƯƠNG 1: TÂM LÝ Y ĐỨC

Bài 1: Đại cương về tâm lý học và tâm lý học y học **Thời gian: 2 giờ**

1. Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệmvà bản chất của hiện tượng tâm lý
- Trình bày được các đặc điểm của hiện tượng tâm lý
- Trình bày được khái niệm, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu cơ bản của tâm lý y học.

2. Nội dung bài:

2.1. Khái niệm chung về hiện tượng tâm lý

2.1.1. Bản chất của hiện tượng tâm lý

2.1.2. Đặc điểm chung của hiện tượng tâm lý

2.2. Vị trí, đối tượng nghiên cứu tâm lý y học

2.3. Đối tượng chủ yếu của tâm lý y học

2.4 . Nhiệm vụ của tâm lý y học

2.4.1 Nhiệm vụ nghiên cứu của tâm lý người bệnh

2.4.2. Nhiệm vụ nghiên cứu tâm lý thầy thuốc và nhân viên y tế

2.4.3 Một số nhiệm vụ chung của tâm lý y học: Nghiên cứu:

2.4.4 Nội dung nghiên cứu của tâm lý y học

2.5. Cấu trúc tâm lý y học

2.6. Phương pháp nghiên cứu tâm lý y học

2.6.1 Phần mở đầu cuộc khám

2.6.2 Phần khám các triệu chứng khách quan

2.6.3 Phần kết luận

Bài 2: Các quá trình và trạng thái tâm lý **Thời gian: 2 giờ**

1. Mục tiêu:

- Trình bày được cách phân loại hiện tượng tâm lý theo thời gian tồn tại
- Phân biệt được các hiện tượng tâm lý thuộc quá trình tâm lý
- Phân tích được hiện tượng ý thức

2. Nội dung bài:

2.1. Các loại hiện tượng tâm lý theo thời gian tồn tại

2.1.1. Quá trình tâm lý

2.1.2. Trạng thái tâm lý

2.1.3. Thuộc tính tâm lý

2.2. Các quá trình tâm lý:

2.2.1. Cảm giác

2.2.2. Tri giác

2.2.3. Biểu tượng

2.2.4. Tư duy

2.3. Sự hình thành và phát triển ý thức

2.3.1. Khái niệm chung về ý thức

2.3.2. Sự hình thành và phát triển ý thức

2.3.3. Các cấp độ ý thức

2.4. Hoạt động

2.4.1.Khái niệm chung về hoạt động

2.4.2 Những nét đặc trưng của hoạt động

2.4.3 Phân loại hoạt động

2.4.4 Cấu trúc của hoạt động

Bài 3: Tâm lý học nhân cách **Thời gian: 2 giờ**

1. Mục tiêu:

- Trình bày được các khái niệm về nhân cách.
- Trình bày được mức độ, đặc điểm các loại cấu trúc nhân cách
- Phân tích được sự hình thành nhân cách

2. Nội dung bài:

2.1. Khái niệm về nhân cách

2.2. Các mức độ và đặc điểm nhân cách

2.2.1 Các mức độ của nhân cách

2.2.2 Các đặc điểm cơ bản của nhân cách

2.3. Cấu trúc nhân cách

2.3.1. Các quan niệm về cấu trúc nhân cách

2.3.2 Cấu trúc nhân cách đức và tài:

2.3.3.Giá trị nhân cách

2.4. Con đường hình thành nhân cách

2.4.1. Giáo dục nhân cách

2.4.2. Hoạt động và nhân cách

2.4.3. Giao lưu và nhân cách

2.5. Tập thể và nhân cách

Bài 4: Tâm lý bệnh nhân **Thời gian: 1 giờ**

1. Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm về bệnh tật và những ảnh hưởng của bệnh tật
- Phân tích được những thay đổi về nhận thức và phản ứng khi bị bệnh
- Trình bày được những biểu hiện tâm lý chung khi bị bệnh, nhân cách bệnh nhân

2. Nội dung bài:

2.1. Khái niệm về bệnh tật

2.2. Ảnh hưởng của bệnh tật:

2.3. Quá trình nhận thức và phản ứng của bệnh nhân

2.3.1 Nhận thức cảm tính:

2.3.2 Nhận thức lý tính:

2.3.3 Các loại nhận thức:

2.3.4 Các loại phản ứng

2.4. Tâm lý chung khi mắc bệnh

2.5. Các yếu tố ảnh hưởng tâm lý người bệnh

2.6. Tìm hiểu nhân cách bệnh nhân

Bài 5: Tâm lý người thầy thuốc **Thời gian: 1 giờ**

1. Mục tiêu:

- Trình bày được các đặc điểm hoạt động của nghề y
- Trình bày được một số phẩm chất nhân cách người thầy thuốc/Hộ sinh
- Trình bày được sự hình thành và phát triển nhân cách của người thầy thuốc/Hộ sinh

2. Nội dung bài:

2.1. Đặc điểm hoạt động của nghề y

2.2. Một số phẩm chất nhân cách người thầy thuốc/Hộ sinh

2.3. Hình thành và phát triển nhân cách người thầy thuốc

2.4. Phẩm chất của người thầy thuốc/Hộ sinh

2.4.1 Các phẩm chất đạo đức

2.4.2. Các phẩm chất nghề nghiệp

2.4.3 Một số phẩm chất tâm lý khác

Bài 6: Khái niệm đạo đức và đạo đức nghề nghiệp **Thời gian: 1 giờ**

1. Mục tiêu:

- Trình bày được các khái niệm về đạo đức xã hội, đạo đức nghề nghiệp
- Trình bày được các đặc điểm cơ bản của đạo đức y học

2. Nội dung bài:

2.1. Khái niệm về đạo đức xã hội

2.2. Khái niệm về đạo đức nghề nghiệp và đạo đức y học

2.2.1. Đạo đức nghề nghiệp:

2.2.2. Đạo đức y học

2.2.3. Vị trí, tầm quan trọng của y đức

Bài 7: Những nội dung đặc trưng của đạo đức người thầy thuốc việt nam & 12 điều y đức

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được 3 đặc trưng của bản chất đạo đức y học XHCN.
- Trình bày được đạo đức của người thầy thuốc Việt Nam
- Trình bày được 12 điều y đức của người thầy thuốc Việt Nam

2. Nội dung bài:

2.1. Đặc trưng của đạo đức y học XHCN

2.2. Đạo đức của người cán bộ y tế

2.2.1. Các yêu cầu về đạo đức cá nhân của người Hộ sinh

2.2.2. Nghĩa vụ nghề nghiệp của người Hộ sinh:

2.3. Những quy định về y đức- 12 điêu y đức

CHƯƠNG 2: GIAO TIẾP

Bài 8: Khái quát chung về giao tiếp **Thời gian: 2 giờ**

1. Mục tiêu:

- Trình bày được các khái niệm về giao tiếp, chức năng của giao tiếp.
- Biết cách phân loại giao tiếp.
- Thực hiện tốt các hoạt động giao lưu và giao tiếp.
- Ý thức được tầm quan trọng của giao tiếp trong thực hành Hộ sinh

2. Nội dung bài:

2.1. Khái niệm về giao tiếp

2.2. Phân loại giao tiếp

2.3. Chức năng của giao tiếp

2.4. Vai trò của giao tiếp

Bài 9: Cấu trúc quá trình giao tiếp **Thời gian: 2 giờ**

1. Mục tiêu:

- Nêu được các thành tố cấu thành nên quá trình giao tiếp
- Trình bày được bản chất, đặc điểm của quá trình giao tiếp

2. Nội dung:

2.1.Cấu trúc quá trình giao tiếp

2.2.Bản chất, đặc điểm của quá trình giao tiếp

Bài 10: Các kỹ năng giao tiếp cơ bản **Thời gian: 2 giờ**

1. Mục tiêu:

- Trình bày được tầm quan trọng của kỹ năng giao tiếp.
- Vận dụng được các kỹ năng giao tiếp trong thực hành Hộ sinh một cách hiệu quả.

2. Nội dung:

2.1. Tầm quan trọng của kỹ năng giao tiếp

2.2. Các kỹ năng giao tiếp cơ bản

2.3. Kỹ năng lắng nghe

Bài 11: Giao tiếp với người bệnh **Thời gian: 2 giờ**

1. Mục tiêu:

- Trình bày được 4 biện pháp cơ bản để giao tiếp tốt với người bệnh.
- Trình bày được những điều cần lưu ý khi giao tiếp với người bệnh.
- Nêu được 10 nguyên tắc giao tiếp của Hộ sinh viên với người bệnh.

2. Nội dung:

2.1. Biện pháp cơ bản để giao tiếp tốt với người bệnh

2.2. Diễn biến tâm lý người bệnh khi đến khám bệnh

2.3. Diễn biến tâm lý của người bệnh khi nằm điều trị

2.4. Liệu pháp điều trị

2.5. Liệu pháp tâm lý

2.6. Những điều cần lưu ý khi giao tiếp với người bệnh.

2.7. Các nguyên tắc giao tiếp của Hộ sinh với người bệnh

Bài 12: Giao tiếp với người nhà **Thời gian: 1 giờ**

1. Mục tiêu:

- Nêu được một số đặc điểm về trạng thái tâm lý của người nhà.

- Trình bày được một số đặc điểm chung trong văn hóa giao tiếp của người Việt Nam

2. Nội dung:

2.1. Một số đặc điểm về trạng thái tâm lý của người nhà

2.2. Văn hóa giao tiếp của người Việt Nam

Bài 13: Giao tiếp với đồng nghiệp Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

- Vận dụng được hình thức giao tiếp trực tiếp với đồng nghiệp.
- Vận dụng được hình thức giao tiếp gián tiếp với đồng nghiệp.

2. Nội dung:

2.1. Giao tiếp trực tiếp

2.2. Giao tiếp gián tiếp

2.3. Các yếu tố tác động của thông tin đến đồng nghiệp.

2.4. Các kỹ năng trao đổi với đồng nghiệp

Bài 14: Khái niệm - vị trí - vai trò của giáo dục sức khỏe trong chăm sóc sức khỏe ban đầu

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

- Mô tả được mục đích, vị trí, vai trò của Truyền thông - Giáo dục sức khỏe trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho mọi người;
- Phân tích được bản chất của quá trình Giáo dục sức khỏe
- Nhận thức được tầm quan trọng của Truyền thông - Giáo dục sức khỏe và trách nhiệm của cán bộ y tê trong công tác Truyền thông - Giáo dục sức khỏe.

2. Nội dung:

2.1. Khái niệm Giáo dục sức khỏe

2.2. Bản chất của quá trình giáo dục sức khỏe

2.2.1. Giáo dục sức khỏe làm thay đổi hành vi sức khỏe:

2.2.2. Giáo dục sức khỏe là một quá trình truyền thông

2.2.3. Giáo dục sức khỏe là một quá trinh tác động tâm lý

2.3. Mục đích của Truyền thông - Giáo dục sức khỏe.

2.4. Vai trò của Truyền thông - giáo dục sức khỏe.

2.4.1. Vai trò của truyền thông

2.4.2. Vai trò của giáo dục sức khỏe

2.5. Vị trí của giáo dục sức khỏe

Bài 15: Kỹ năng Truyền thông, tư vấn giáo dục sức khỏe Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

- Phân tích được các yêu cầu làm cho Truyền thông - GDSK có hiệu quả.
- Trình bày được các kỹ năng Truyền thông - Giáo dục sức khỏe cơ bản.
- Trình bày được 6 vấn đề chính cần giáo dục sức khỏe hiện nay.
- Thực hiện được các kỹ năng Truyền thông - Giáo dục sức khỏe cơ bản
- Nhận biết được tầm quan trọng của việc. rèn luyện các kỹ năng Truyền thông - Giáo dục sức khỏe cơ bản.

2. Nội dung:

2.1. Kỹ năng Truyền thông - Giáo dục sức khỏe

2.1.1. Một số yêu cầu cần thiết làm cho Truyền thông - Giáo dục sức khỏe có hiệu quả.

2.1.2. Các kỹ năng thường sử dụng trong Truyền thông - Giáo dục sức khỏe .

2.1.3. Kỹ năng đóng vai để Truyền thông - Giáo dục sức khỏe

2.2. Một số nội dung cần giáo dục sức khỏe tại cộng đồng.

2.2.1. Giáo dục bảo vệ sức khỏe bà mẹ trẻ em

2.2.2. Giáo dục dinh dưỡng

2.2.3. Giáo dục sức khỏe ở trường học

2.2.4. Giáo dục vệ sinh và bảo vệ môi trường

2.2.5. Giáo dục vệ sinh lao động, phòng chống tại nạn và bệnh nghề nghiệp.

2.2.6. Giáo dục phòng chống bệnh tật nói chung

Bài 16: Lập kế hoạch truyền thông giáo dục sức khỏe.

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nguyên tắc cơ bản trong tập kế hoạch giáo dục sức khỏe.
- Mô tả được cách xác định các mục tiêu giáo dục sức khỏe thích hợp.
- Mô tả được cách phân nhóm các đối tượng giáo dục sức khỏe.
- Lập được một bản kê hoạch giáo dục sức khỏe để giải quyết một vấn đề sức khỏe ưu tiên ở cộng đồng.
- Viết được một bài giáo dục sức khỏe ngắn để phát thanh hoặc nói chuyện với cộng đồng.
- Nhận thức được tầm quan trọng của việc lập một bản kế hoạch giáo dục sức khỏe.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm về lập kế hoạch giáo dục sức khỏe

2.2. Một số nguyên tắc cơ bản trong lập kế hoạch giáo dục sức khỏe

2.3. Các bước lập kế hoạch Giáo dục sức khỏe

IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học:

- Lý thuyết: Đảm bảo diện tích 75m^2, số lượng bàn ghế đủ sinh viên ngồi, đảm bảo đủ ánh sáng.

2. Trang thiết bị: Máy chiếu , máy tính, băng đĩa..

3. Học liệu:

- Hồ sơ lên lớp của giáo viên (Kế hoạch dạy học, giáo trình, sổ tay Gv)
- Các bộ tranh ảnh về chăm sóc ở cộng đồng

4. Điều kiện giáo viên: Giảng viên trình độ Đại học trở lên, có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm Đại học, cao đẳng.

5. Các điều kiện khác: Sinh viên phải học xong các môn học tiên quyết, có thời gian tự học, chuẩn bị cá nhân trước khi vào học, được hướng dẫn cách tìm và sử dụng tài liệu tham khảo.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức:

+ Các kiến thức cơ bản về các kỹ năng giao tiếp hiệu quả bằng lời và không lời khi tiếp xúc với người bệnh, gia đình và đồng nghiệp.

+ Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người nhà và người bệnh

+ Phân tích nội dung đặc trưng của đạo đức người thầy thuốc, phấn đấu để trở thành người thầy thuốc có đủ phẩm chất đạo đức.

- Về kỹ năng:

+ Các kỹ năng giao tiếp trong các tình huống khác nhau.

+ Kỹ năng truyền thông, giáo dục sức khỏe

- Về thái độ:

+ Nhận biết tâm lý và nhu cầu của người bệnh qua những biểu hiện nét mặt và ngôn ngữ cơ thể của người bệnh.

+ Có thái độ ứng xử tốt với bệnh nhân, và đồng nghiệp.

2. Phương pháp:

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 03 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

- Điểm quá trình: Kiểm tra theo hình thức trắc nghiệm hoặc tự luận

+ Số lượng: 02 cột điểm: Trong đó, 1 cột điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1 và 1 cột điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

- Điểm thi kết thúc mô đun: Thi tự luận hoặc trắc nghiệm, thời gian: 60 phút

- Điểm mô-đun: Bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc mô-đun có trọng số 0,6;

- Thang điểm: Điểm mô đun theo thang điểm 4, quy đổi điểm mô đun thành điểm chữ và thang điểm 4 theo Điều 31 thông tư 04/2022/TT – BLĐTBXH

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Sinh viên cao đẳng hệ chính quy

2. Phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Nhiệm vụ của giảng viên:

+ Chuẩn bị đầy đủ phương tiện dạy học

- Nhiệm vụ của sinh viên:

+ Hoàn thành các bài tập được giáo viên giao

+ Tham gia học đúng quy định

+ Đọc trước bài giảng và các tài liệu tham khảo liên quan trước mỗi buổi học, tham dự giờ giảng một cách tích cực.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

- QĐ số 123/QĐ – K2ĐT ngày 27 tháng 9/2013 về việc ban hành tài liệu ĐT chăm sóc người bệnh toàn diện

- QĐ 2600/QĐ – BYT ngày 21/6/2014 ban hành chương trình bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp điều dươngc hạng IV

- Bộ Y Tế(2005), *Giáo trình kỹ năng giao tiếp và giáo dục sức khỏe*, Nhà xuất bản Y học.

- Nguyễn Ngọc Lâm(1998), *Khoa học giao tiếp*, Nhà xuất bản Đại học mở Thành phố Hồ Chí Minh.
- Trường Đại học Y dược TP Hồ Chí Minh(2009), *Giáo trình Y đức*, Nhà xuất bản Y dược TP Hồ Chí Minh.
- Trường Đại học Y Hà Nội(2011), *Đạo đức Y học*, Nhà xuất bản Y học.
- Bộ Giáo dục(2009), *Bài giảng tâm lý học - Y đức*, Nhà xuất bản Giáo dục.
- Bộ Y tế, *12 điều quy định về y đức* (Theo quyết định 2088/BYTQĐ).
- Ngô Đình Toàn(1995), *Tâm lý học y đức*, Nhà Xuất Bản Y học Hà Nội.

HIỆU TRƯỞNG

(*Đã ký*)

Tạ Thị Nhất Sương

Tên mô đun: MÔI TRƯỜNG VÀ SỨC KHỎE

Mã mô đun: MĐ08. YS

Thời gian thực hiện mô đun: 30 giờ (Lý thuyết: 29 giờ; Kiểm tra: 1 giờ; Tự học: 58 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: là mô đun thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành dành cho sinh viên năm thứ hai.

- Tính chất mô đun này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp, nội dung, phương tiện các kỹ năng nâng cao sức khoẻ. Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các khái niệm cơ bản của tâm lý học y học và hành vi con người; rèn luyện và nâng cao thái độ đúng trong khi giao tiếp với người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng. Môn học này cung cấp cho sinh viên kiến thức về các yếu tố môi trường và ảnh hưởng của các yếu tố môi trường đến sức khoẻ. Trên cơ sở đó sinh viên có thể phân tích được tác hại của yếu tố môi trường (môi trường sống và môi trường lao động) đối với con người.

II. Mục tiêu mô đun:

- Về kiến thức:

+ Trình bày và phân tích được khái niệm về sức khỏe của WHO,

+ Trình bày được mối liên quan giữa môi trường tự nhiên, môi trường lao động và sức khỏe, các biện pháp để nâng cao sức khỏe và phòng bệnh.

+ Ứng dụng được các nguyên lý chăm sóc sức khỏe toàn diện.

+ Trình bày được khái niệm về nâng cao sức khỏe và các nội dung nâng cao sức khỏe của một cộng đồng.

+ Mô tả được các yếu tố nguy cơ gây bệnh thường gặp có liên quan đến sức khỏe cá nhân và cộng đồng.

+ Phân tích cấu trúc của hành vi và hành vi sức khỏe.

+ Mô tả được tình hình ô nhiêm môi trường, một số phong tục tập quán ảnh hưởng đến ô nhiễm môi trường sống và biện pháp phòng chống ô nhiễm môi trường của địa phương.

+ Trình bày và phân tích các giai đoạn của quá trình thay đổi hành vi sức khỏe.

+ Lập kế hoạch tác động vào quá trình thay đổi hành vi sức khỏe của một con người.

- Về kỹ năng***:***

+ Rèn luyện và nâng cao thái độ đúng trong khi giao tiếp với người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng.

+ Thực hành nhận xét, đánh giá được tình trạng ô nhiễm môi trường tại cộng đồng

+ Chủ động phối hợp với các ban ngành trong công tác vệ sinh phòng bệnh, phòng dịch.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Áp dụng kiến thức đã học vào thực tế.

III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
1	Bài 1: Khái niệm sức khỏe và nâng cao sức khỏe 1 Khái niệm sức khỏe, nâng cao sức khỏe, nội dung chính của nâng cao sức khỏe 2. Các lĩnh vực hoạt động của nâng cao sức khỏe	2	2	
2	Bài 2: Xác định các nhu cầu nâng cao sức khỏe và ưu tiên 1. Các dạng nhu cầu 2. Các bước thực hiện đánh giá nhu cầu	4	4	
3	Bài 3: Lập kế hoạch nâng cao sức khỏe 1. Khái niệm về mục đích và mục tiêu. 2. Các yêu cầu của mục tiêu. 3. Lựa chọn chiến lược/ giải pháp thích hợp. 4. Phát triển các hoạt động cụ thể theo các giải pháp. 5. Xác định nguồn lực để thực hiện chương trình. 6. Lập kế hoạch nâng cao sức khỏe. 7. Quản lý hoạt động truyền thông – giáo dục sức khỏe	3	3	1
4	Bài 4: Khái niệm về hành vi và khoa học hành vi 1. Khái niệm về hành vi 2. Khoa học hành vi 3. Hành vi và nhận thức	2	2	
5	Bài 5: Cấu trúc hành vi và hành vi sức khỏe con người	2	2	

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
	1. Hành vi của con người 2. Hành vi sức khỏe			
6	Bài 6: Quá trình thay đổi hành vi sức khỏe con người 1. Một số lý thuyết về hành vi các nhân 2. Quá trình thay đổi hành vi và can thiệp thích hợp 3. Các điều kiện tiên quyết để thay đổi hành vi	3	3	
7	Bài 7: Vệ sinh môi trường không khí. 1. Định nghĩa 2. Các yếu tố gây ô nhiễm môi trường không khí 3. Ảnh hưởng của ô nhiễm không khí tới sức khỏe 4. Một số biện pháp chính bảo vệ môi trường không khí	2	2	
8	Bài 8 : Vệ sinh môi trường nước. 1. Vai trò quan trọng của nước sạch đối với sức khỏe con người. 2. Các tiêu chuẩn vật lý và hóa học cho một nguồn nước sạch 3. Tiêu chuẩn vi sinh vật của nguồn nước sạch. 4. Các nguồn nước trong thiên nhiên. 5. Các biện pháp làm sạch nước khi bị nhiễm bẩn	2	2	
9	Bài 9: Vệ sinh môi trường đất. 1. Tác động của ô nhiễm môi trường đất đến sức khỏe. 2. Các yếu tố gây ô nhiễm đất 3. Ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường đất tới sức khỏe 4. Các biện pháp chủ yếu bảo vệ môi trường đất	1	1	

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
10	Bài 10: Vệ sinh bệnh viện. 1. Quy định cụ thể, môi trường xung quanh 2. Vệ sinh cá nhân, bệnh nhân. 3. Quản lý và xử lý chất thải y tế. 4. Công tác vệ sinh trong các khoa, phòng của bệnh viện. 5. Một số vi sinh vật gây bệnh thường gặp trong bệnh viện 6. Công tác khử khuẩn, diệt khuẩn trong bệnh viện.	1	1	
11	Bài 11: Vệ sinh trường học. 1. Đại cương vệ sinh trường học. 2. Yêu cầu vệ sinh của một phòng học. 3. Yêu cầu vệ sinh của bàn, ghế, bảng. 4. Nguyên nhân các bệnh học đường. 5. Biện pháp phòng tránh các bệnh học đường.	1	1	
12	Bài 12: Vệ sinh nhà ở. 1. Điều kiện vệ sinh nhà ở. 2. Các yếu tố nguy cơ phát sinh 3. Nhà ở không hợp vệ sinh ảnh hưởng đến sức khỏe. 4. Các biện pháp dự phòng	1	1	
13	Bài 13: Đại cương y học lao động 1. Vệ sinh lao động. 2. Biến đổi sinh lý trong quá trình lao động. 3. Hoạt động của hệ tim mạch 4. Hoạt động của hệ hô hấp 5. Thay đổi ở máu ngoại vi 6. Thay đổi thân nhiệt	2	2	

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
	7. Hoạt động của các cơ quan khác			
14	Bài 14: Những nguyên tắc dự phòng tác hại nghề nghiệp. 1. Định nghĩa về tai nạn , thương tích (TNTT). 2. Phân loại TNTT. 3. Các yếu tố nguy cơ gây TNTT. 4. Hậu quả của TNTT. 5. Các biện pháp đề phòng TNTT.	1	1	
15	Bài 15: Nhiễm độc hóa chất thuốc trừ sâu. 1. Tính chất chung 2. Xử trí ban đầu nhiễm độc hóa chất trừ cỏ, diệt chuột	2	2	
16	Bài 16: Độc chất trong sản xuất – bệnh nghề nghiệp. 1. Tác hại do bụi gây ra 2. Một số bệnh bụi phổi thường gặp. 3. Bệnh bụi phổi Silic 4. Biện pháp đề phòng.	1	1	
Tổng		**30**	**29**	1

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Khái niệm sức khỏe và nâng cao sức khỏe **2 giờ**

1. Mục tiêu:

- Trình bày được định nghĩa về NCSK và các nội dung chính của NCSK.
- Mô tả được 7 lỉnh vực hoạt động NCSK.
- Mô tả 5 cách tiếp cận trong NCSK
- Kể đúng 6 năng lực cơ bản trong NCSK
- Trình bày được các nội dung và chiến lược NCSK cộng đồng

2. Nội dung

2.1 Khái niệm sức khỏe, nâng cao sức khỏe, nội dung chính của nâng cao sức khỏe

2.2. Các lĩnh vực hoạt động của nâng cao sức khỏe

Bài 2: Xác định các nhu cầu nâng cao sức khỏe và ưu tiên. 4 giờ

1. Mục tiêu:

- Nêu được khái niệm, về nhu cầu sức khỏe và tầm quan trọng của đánh giá nhu cầu.
- Mô tả được các dạng nhu cầu sức khỏe.
- Trình bày được các phương pháp và kĩ năng can thiệp trong đánh giá nhu cầu.
- Nêu được các bước của đánh giá nhu cầu sức khỏe.

2. Nội dung

2.1. Các dạng nhu cầu

2.2. Các bước thực hiện đánh giá nhu cầu

Bài 3: Lập kế hoạch nâng cao sức khỏe 3 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm về mục đích, mục tiêu và chiến lược nâng cao sức khỏe.
- Trình bày được các tiêu chuẩn của mục tiêu và các loại mục tiêu.
- Xây dựng được các mục tiêu, chiến lược cho một chương trình NCSK.
- Lập được bản kế hoạch hành động cho chương trình NCSK.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm về mục đích và mục tiêu.

2.2. Các yêu cầu của mục tiêu.

2.3. Lựa chọn chiến lược/ giải pháp thích hợp.

2.4. Phát triển các hoạt động cụ thể theo các giải pháp.

2.5. Xác định nguồn lực để thực hiện chương trình.

2.6. Lập kế hoạch nâng cao sức khỏe.

2.7. Quản lý hoạt động truyền thông – giáo dục sức khỏe.

Bài 4: Khái niệm về hành vi và khoa học hành vi 2 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm về hành vi.
- Trình bày được cơ sở cảm xúc của hành vi.
- Trình bày được cở sở thần kinh của hành vi.
- Trình bày được các qui luật phản xạ và hành vi,thực hành quan sát.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm về hành vi

2.2. Khoa học hành vi

2.3. Hành vi và nhận thức

Bài 5: Cấu trúc hành vi và hành vi sức khỏe con người 2 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm hành vi, hành vi sức khỏe.
- Trình bày được các loại hành vi sức khỏe.
- Phân tích được các yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến hành vi sức khỏe con người.

2. Nội dung

2.1. Hành vi của con người

2.2. Hành vi sức khỏe

Bài 6: Quá trình thay đổi hành vi sức khỏe con người 3 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được các mô hình lí thuyết giải thích và dự đoán quá trình thay đổi hành vi cá nhân
- Trình bày được các điều kiện tiên quyết của quá trình thay đổi hành vi và các chiến lược can thiệp phù hợp theo từng giai đoạn thay đổi hành vi.

2. Nội dung

2.1. Một số lý thuyết về hành vi các nhân

2.2. Quá trình thay đổi hành vi và can thiệp thích hợp

2.3. Các điều kiện tiên quyết để thay đổi hành vi

Bài 7: Vệ sinh môi trường không khí. 2 giờ

1. Mục tiêu:

- Nêu ảnh hưởng của ô nhiễm không khí tới sức khỏe
- Trình bày được bốn biện pháp chính để bảo vệ môi trường không khí.

2. Nội dung chương:

2.1. Định nghĩa

2.2. Các yếu tố gây ô nhiễm môi trường không khí

2.3. Ảnh hưởng của ô nhiễm không khí tới sức khỏe

2.4. Một số biện pháp chính bảo vệ môi trường không khí

Bài 8: Vệ sinh môi trường nước. 2 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được vai trò quan trọng của nước sạch đối với sức khỏe con người.
- Đưa ra được các biện pháp làm sạch nước khi bị nhiễm bẩn.

2. Nội dung chương:

2.1. Vai trò quan trọng của nước sạch đối với sức khỏe con người.

2.2. Các tiêu chuẩn vật lý và hóa học cho một nguồn nước sạch

2.3. Tiêu chuẩn vi sinh vật của nguồn nước sạch.

2.4. Các nguồn nước trong thiên nhiên.

2.5. Các biện pháp làm sạch nước khi bị nhiễm bẩn.

Bài 9: Vệ sinh môi trường đất. 1 giờ

1. Mục tiêu:
- Nêu ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường đất tới sức khỏe
- Trình bày một số biện pháp chủ yếu bảo vệ môi trường đất

2. Nội dung chương:

2.1. Tác động của ô nhiễm môi trường đất đến sức khỏe.

2.2. Các yếu tố gây ô nhiễm đất

2.3. Ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường đất tới sức khỏe

2.4. Các biện pháp chủ yếu bảo vệ môi trường đất

Bài 10: Vệ sinh bệnh viện. 1 giờ

1. Mục tiêu:
- Kể tên được một số vi sinh vật gây bệnh thường gặp trong bệnh viện.
- Nêu được một số chế độ vệ sinh trong bệnh viện.
- Trình bày được công tác khử khuẩn, diệt khuẩn trong bệnh viện.

2. Nội dung chương:

2.1. Quy định cụ thể, môi trường xung quanh

2.2. Vệ sinh cá nhân, bệnh nhân.

2.3. Quản lý và xử lý chất thải y tế.

2.4. Công tác vệ sinh trong các khoa, phòng của bệnh viện.

2.5. Một số vi sinh vật gây bệnh thường gặp trong bệnh viện

2.6. Công tác khử khuẩn, diệt khuẩn trong bệnh viện.

Bài 11: Vệ sinh trường học. 1 giờ

1. Mục tiêu:
- Nêu được các tiêu chuẩn vệ sinh của môi trường trường học và lớp học.

- Trình bày được các tiêu chuẩn vệ sinh của các phương tiện học tập (bàn, ghế, bảng…).

- Nêu được những nguyên nhân và biện pháp phòng tránh các bệnh học đường.

2. Nội dung chương:

2.1. Đại cương vệ sinh trường học.

2.2. Yêu cầu vệ sinh của một phòng học.

2.3. Yêu cầu vệ sinh của bàn, ghế, bảng.

2.4. Nguyên nhân các bệnh học đường.

2.5. Biện pháp phòng tránh các bệnh học đường.

Bài 12: Vệ sinh nhà ở. 1 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được điều kiện vệ sinh nhà ở không hợp vệ sinh ảnh hưởng đến sức khỏe.

- Trình bày được các biện pháp dự phòng

2. Nội dung chương:

2.1. Điều kiện vệ sinh nhà ở.

2.2. Các yếu tố nguy cơ phát sinh

2.3. Nhà ở không hợp vệ sinh ảnh hưởng đến sức khỏe.

2.4. Các biện pháp dự phòng

Bài 13: Đại cương y học lao động. 2 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được vệ sinh lao động.
- Trình bày biến đổi sinh lý trong quá trình lao động.

2. Nội dung chương:

2.1. Vệ sinh lao động.

2.2. Biến đổi sinh lý trong quá trình lao động.

2.3. Hoạt động của hệ tim mạch

2.4. Hoạt động của hệ hô hấp

2.5. Thay đổi ở máu ngoại vi

2.6. Thay đổi thân nhiệt

2.7. Hoạt động của các cơ quan khác

Bài 14: Những nguyên tắc dự phòng tác hại nghề nghiệp. 1 giờ

1. Mục tiêu:

- Nêu được định nghĩa về tai nạn, thương tích (TNTT).
- Trình bày được phân loại TNTT.
- Nêu được các yếu tố nguy cơ gây TNTT.
- Trình bày được hậu quả của TNTT.
- Nêu được các biện pháp đề phòng TNTT.

2. Nội dung chương:

2.1. Định nghĩa về tai nạn , thương tích (TNTT).

2.2. Phân loại TNTT.

2.3. Các yếu tố nguy cơ gây TNTT.

2.4. Hậu quả của TNTT.

2.5. Các biện pháp đề phòng TNTT.

Bài 15: Nhiễm độc hóa chất thuốc trừ sâu 2 giờ

1. Mục tiêu:
- Xử trí bước đầu của từng loại ngộ độc và gửi lên tuyến trên.
- Truyền thông cho nhân dân cách sử dụng và quản lý thuốc.

2. Nội dung chương:

2.1. Tính chất chung

2.2. Xử trí ban đầu nhiễm độc hóa chất trừ cỏ, diệt chuột

Bài 16: Độc chất trong sản xuất – bệnh nghề nghiệp. 1 giờ

1. Mục tiêu:
- Bụi trong môi trường lao động và một số bệnh bụi phổi.
- Biện pháp đề phòng.

2. Nội dung chương:

2.1. Tác hại do bụi gây ra

2.2. Một số bệnh bụi phổi thường gặp.

2.3. Bệnh bụi phổi Silic

2.4. Biện pháp đề phòng.

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học: phòng học lý thuyết; phòng thực hành.

2. Trang thiết bị máy móc: máy chiếu, máy vi tính xách tay

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: bảng phấn, tranh ảnh về truyền thông giáo dục sức khỏe

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức:

+ Trình bày và phân tích được khái niệm về sức khỏe của WHO.

+ Trình bày được mối liên quan giữa môi trường tự nhiên, môi trường lao động và sức khỏe, các biện pháp để nâng cao sức khỏe và phòng bệnh.

+ Ứng dụng được các nguyên lý chăm sóc sức khỏe toàn diện.

+ Trình bày được khái niệm về nâng cao sức khỏe và các nội dung nâng cao sức khỏe của một cộng đồng.

+ Mô tả được các yếu tố nguy cơ gây bệnh thường gặp có liên quan đến sức khỏe cá nhân và cộng đồng.

+ Phân tích cấu trúc của hành vi và hành vi sức khỏe.

+ Mô tả được tình hình ô nhiêm môi trường, một số phong tục tập quán ảnh hưởng đến ô nhiễm môi trường sống và biện pháp phòng chống ô nhiễm môi trường của địa phương.

+ Trình bày và phân tích các giai đoạn của quá trình thay đổi hành vi sức khỏe.

+ Lập kế hoạch tác động vào quá trình thay đổi hành vi sức khỏe của một con người.

- Về kỹ năng***:***

+ Rèn luyện và nâng cao thái độ đúng trong khi giao tiếp với người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng.

+ Thực hành nhận xét, đánh giá được tình trạng ô nhiễm môi trường tại cộng đồng

+ Chủ động phối hợp với các ban ngành trong công tác vệ sinh phòng bệnh, phòng dịch.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Áp dụng kiến thức đã học vào thực tế.

2. Phương pháp đánh giá:

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 03 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

- Điểm quá trình: Kiểm tra theo hình thức trắc nghiệm hoặc tự luận

+ Số lượng: 02 cột điểm: Trong đó, 1 cột điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1 và 1 cột điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

- Điểm thi kết thúc mô đun: Thi tự luận hoặc trắc nghiệm, thời gian: 60 phút
- Điểm mô-đun: Bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc mô-đun có trọng số 0,6;
- Thang điểm: Điểm mô đun theo thang điểm 4, quy đổi điểm mô đun thành điểm chữ và thang điểm 4 theo Điều 31 thông tư 04/2022/TT – BLĐTBXH

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Sinh viên năm thứ hai.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên: phương pháp tích cực
- Đối với người học: đọc trước bài giảng và các tài liệu tham khảo liên quan trước mỗi buổi học, tham dự bài giảng một cách tích cực, làm đủ các bài tập trên lớp và ở nhà.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Xây dựng được các mục tiêu, chiến lược cho một chương trình NCSK.
- Lập được bản kế hoạch hành động cho chương trình NCSK.
- Xác định các nhu cầu nâng cao sức khỏe và ưu tiên
- Các yếu tố gây ô nhiễm môi trường không khí
- Vai trò quan trọng của nước sạch
- Các biện pháp làm sạch nước khi bị nhiễm bẩn.
- Số vi sinh vật gây bệnh thường gặp trong bệnh viện.
- Công tác khử khuẩn, diệt khuẩn trong bệnh viện.

4. Tài liệu tham khảo:

- Khoa học hành vi và GDSK, Nguyễn Thị Thu, NXB y học, 2005,
- Đào Ngọc Phong, Vệ sinh môi trường -Dịch tễ tập I, NXB Y học 2009
- Vệ sinh-Môi trường, Dịch tễ Tập I, II; Trường Đại học y Hà Nội, NXB Y học 1998.
- Vì khí hậu, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.
- Giáo trình khoa học môi trường sinh thái, NXB 2010.
- Quyết định số 122/QĐ –TTg ngày 10/1/2013, về việc phê duyệt chiến lược quốc gia, bảo vệ và chăm sóc nâng cao sức khỏe nhân nhân dân giai đoạn 2011 – 20020 và tầm nhìn 2030

- Nghị quyết số 20/NQ –TW, ngày 25/10/2017 về tăng cường công tác bảo vệ chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

HIỆU TRƯỞNG

(*Đã ký*)

Tạ Thị Nhất Sương

Tên môn học: CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH

Mã môn học: MH09.YS

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 29 giờ; Kiểm tra: 1 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: là môn học cơ bản thuộc khối kiến thức chuyên môn.

- Tính chất: môn học này là môn học thuộc bộ môn chuyên môn, thuộc danh mục môn học bắt buộc.

II. Mục tiêu môn học:

Sau khi học xong môn học, môn học, người học đạt được:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được những kiến thức cơ bản về nguyên lý tạo ảnh trong chẩn đoán hình ảnh

+ Biết được chỉ định và chống chỉ định trong chẩn đoán hình ảnh

+ Nhận biết được các dấu hiệu bất thường trên phim Xquang thường quy.

+ Chẩn đoán được các bệnh lý thường gặp trên phim Xquang tim, phổi, xương, khớp, tiêu hoá, thần kinh

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Vận dụng và liên hệ được các kiến thức chẩn đoán hình ảnh kết hợp với các triệu chứng và hội chứng lâm sàng.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	**Tên chương, mục**	**Thời gian (giờ)**			
		Tổng số	**Lý thuyết**	**Thực hành, thí nghiệm, bài tập**	**Kiểm tra**
1	Chương 1: Tổng quan và nguyên lý tạo ảnh trong chẩn đoán hình ảnh 1. Các nguyên lý vật lý của chẩn đoán hình ảnh 1.1. Xquang quy ước 1.1.1. Bản chất và đặc tính của tia X	8	8		1

	1.2. Các kỹ thuật X quang quy ước 1.2.1. Chiếu X quang 1.2.2. Chụp X quang 2. Chụp cắt lớp vi tính 2.1. Nguyên lý kỹ thuật 2.2. Nguyên lý tái tạo hình theo ma trận. Đơn vị Hounsfield 2.3. Đặc điểm hình ảnh 2.4. Nhiễu ảnh 2.5. Sử dụng chất đối quang 2.6. Các bộ phận của máy 2.7. Các thế hệ máy chụp cắt lớp vi tính 2.8. Lượng nhiễm xạ đối với chụp cắt lớp vi tính 2.9. Chỉ định chụp cắt lớp vi tính trên lâm sàng 3. Tạo ảnh bằng cộng hưởng từ 4. Siêu âm 4.1. Vài nét về lịch sử 4.2. Tính chất vật lý của siêu âm. 4.3. Máy và kĩ thuật siêu âm. 4.4. Triệu chứng học và chỉ định siêu âm. 5. Chẩn đoán Xquang lồng ngực 5.1. Đại cương 5.2. Các phương pháp Xquang lồng ngực 5.3. Hình ảnh Xquang lồng ngực bình thường 5.4. Phân chia phế trường và				

	trung thất. 5.5. Các tổn thương ở khung xương và phần mềm lồng ngực. 5.6. Các tổn thương cơ bản ở phổi. 5.7. U trung thất 5.8. Nguyên lý song bờ Felson				
2	Chương 2: Chẩn đoán hình ảnh hệ hô hấp 1. Các kỹ thuật hình ảnh khám hệ hô hấp. 1.1. Phim phổi thông thường 1.1.1. Sơ lược kỹ thuật 1.1.2. Tiêu chuẩn chất lượng tim phổi 1.1.3. Trình tự đọc phim phổi 1.1.4. Những lưu ý trên phim tim phổi bình thường 1.1.5. Đơn vị giải phẫu, đơn vị chức năng của phổi 1.1.6. Định khu thuỳ phổi, phân thuỳ phổi. 1.1.7. Các dấu hiệu hình ảnh căn bản	6	6		
3	Chương 3: Chẩn đoán hình ảnh hệ tim mạch 1. Các kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh tim mạch 1.1.1. Kỹ thuật khám Xquang tim mạch. 1.1.2. Bốn tư thế kinh điển và giải phẫu Xquang	4	4		

	2. Các đường kính của tim				
4	Chương 4: Chẩn đoán hình ảnh hệ cơ xương khớp 1. Các kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh xương khớp mô mềm 2. Cấu trúc giải phẫu xương bình thường 2.1. Mô xương 2.2. Cấu trúc xương 3. Các dấu hiệu cơ bản của tổn thương xương trên ảnh Xquang 3.1. Bất thường về độ cản quang 3.2. Bất thường về cấu trúc 3.2.1. Quá trình huỷ xương 3.2.2. Quá trình tạo xương 3.2.3. Quá trình hỗn hợp 3.2.4. Quá trình nhuyễn xương 2.3. Bất thường về hình dáng 3. Các bệnh lý xương thường gặp 3.1. Viêm xương tuỷ xương 3.1.1. Đặc điểm của viêm xương trên phim Xquang thường quy. 3.1.2. Vị trí tổn thương. 3.1.3. Nguyên nhân 3.1.4. Hình ảnh Xquang và tiến triển 3.1.5. Các thể viêm xương tuỷ không điển hình 3.2. U xương lành tính. 3.3. U xương ác tính nguyên phát.	5	5		

	4. Bệnh lý khớp thường gặp 4.1. Viêm đa khớp dạng thấp. 4.2. Thoái hoá khớp				
5	Chương 5: Chẩn đoán hình ảnh hệ tiết niệu 1. Các kỹ thuật hình ảnh khám hệ tiết niệu 1.1. Phim hệ tiết niệu (bụng) không chuẩn bị. 1.1.1. Mục đích 1.1.2. Kỹ thuật 1.1.3. Kết quả. 2. Sỏi thận. 2.1. Đại cương 2.2. Chẩn đoán	2	2		
6	Chương 6: Chẩn đoán hình ảnh hệ tiêu hoá 1. Nguyên lý chẩn đoán hình ảnh hệ tiêu hoá 2. Các dấu hiệu bệnh lý cơ bản trên phim Xquang thường quy. 2.1. Tăng độ cản quang 2.2. Giảm độ cản quang 2.3. Hình khuyết. 2.4. Hình lồi. 2.5. Hình nhiễm cứng. 2.6. Hình hơi dịch bất thường. 2.7. Hình các dị vật bất thường 3. Hình ảnh Xquang thực quản 3.1. Kỹ thuật khám Xquang thực quản 3.2. Hình ảnh thực quản bình	2	2		

	thường 3.3. Các dấu hiệu bệnh lý thực quản thường gặp. 4. Hình ảnh Xquang đại tràng 4.1. Kỹ thuật khám đại tràng 4.2. Hình ảnh đại tràng bình thường. 4.3. Hình ảnh bất thường ở đại tràng. 4.4. Các bệnh lý đại tràng thường gặp				
7	Chương 7: Chẩn đoán hình ảnh hệ thần kinh, sọ não và cột sống 1. Các kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh thần kinh 1.1. Kỹ thuật chụp Xquang thường quy. 2. Giải phẫu Xquang sọ não 2.1. Các xương sọ và khớp sọ 2.2. Sơ đồ các động mạch và tĩnh mạch não trên hình chụp mạch não. 3. Hình ảnh bệnh lý thần kinh, sọ não 3.1. Các dấu hiệu bất thường của hình ảnh Xquang sọ não 3.2. Hình ảnh chấn thương sọ não. 3.3. Các dấu hiệu bất thường trên phim chụp mạch máu. 4. Chẩn đoán hình ảnh cột sống	2	2		
Tổng		30	29		1

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Tổng quan và nguyên lý tạo ảnh trong chẩn đoán hình ảnh

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được lịch sử và sự phát triển của ngành Chẩn đoán hình ảnh.
- Trình bày được nguyên lý tạo ảnh của các kỹ thuật Xquang, siêu âm, cắt lớp vi tính và cộng hưởng từ
- Trình bày Các phương pháp X quang lồng ngực
- Phân chia được phế trường và trung thất
-Nhận biết đươc Hình X quang lồng ngực bình thường
- Nhận biết Các tổn thương ở khung xương và phần mềm lồng ngực
- Nhận biết Các tổn thương cơ bản ở phổi

2. Nội dung chương:

1. Các nguyên lý vật lý của chẩn đoán hình ảnh

1.1. Xquang quy ước

1.1.1. Bản chất và đặc tính của tia X

1.2. Các kỹ thuật X quang quy ước

1.2.1. Chiếu X quang

1.2.2. Chụp X quang

2. Chụp cắt lớp vi tính

2.1. Nguyên lý kỹ thuật

2.2. Nguyên lý tái tạo hình theo ma trận. Đơn vị Hounsfield

2.3. Đặc điểm hình ảnh

2.4. Nhiễu ảnh

2.5. Sử dụng chất đối quang

2.6. Các bộ phận của máy

2.7. Các thế hệ máy chụp cắt lớp vi tính

2.8. Lượng nhiễm xạ đối với chụp cắt lớp vi tính

2.9. Chỉ định chụp cắt lớp vi tính trên lâm sàng

3. Tạo ảnh bằng cộng hưởng từ

4. Siêu âm

4.1. Vài nét về lịch sử

4.2. Tính chất vật lý của siêu âm.

4.3. Máy và kĩ thuật siêu âm.

4.4. Triệu chứng học và chỉ định siêu âm.

2. Chẩn đoán Xquang lồng ngực

2.1. Đại cương

2.2. Các phương pháp Xquang lồng ngực

2.3. Hình ảnh Xquang lồng ngực bình thường

2.4. Phân chia phế trường và trung thất.

2.5. Các tổn thương ở khung xương và phần mềm lồng ngực.

2.6. Các tổn thương cơ bản ở phổi.

2.7. U trung thất

2.8. Nguyên lý song bờ Felson

Chương 2: Chẩn đoán hình ảnh hệ hô hấp Thời gian: 06 giờ

1. Mục tiêu:

- Phân tích được các ưu điểm chủ yếu của các kỹ thuật hình ảnh thông dụng trong khảo sát hệ hô hấp
- Đánh giá được chất lượng phim phổi, định khu phân thuỳ phổi, mô tả trình tự đọc phim phổi.
- Chẩn đoán được các hội chứng chính của hệ hô hấp trên phim phổi thông thường
- Phân tích được các dấu hiệu cơ bản trên phim Xquang phổi
- Chẩn đoán được các bệnh chủ yếu trên phim phổi thông thường.

2. Nội dung

1. Các kỹ thuật hình ảnh khám hệ hô hấp.

1.1. Phim phổi thông thường

1.1.1. Sơ lược kỹ thuật

1.1.2. Tiêu chuẩn chất lượng tim phổi

1.1.3. Trình tự đọc phim phổi

1.1.4. Những lưu ý trên phim tim phổi bình thường

1.1.5. Đơn vị giải phẫu, đơn vị chức năng của phổi

1.1.6. Định khu thuỳ phổi, phân thuỳ phổi.

1.1.7. Các dấu hiệu hình ảnh căn bản

Chương 3: Chẩn đoán hình ảnh hệ tim mạch Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được vai trò, vị trí của các phương pháp CĐHA đối với tim và mạch máu lớn.
- Mô tả được các mốc giải phẫu của bóng tim, các đường kính thường sử dụng của tim, các dấu hiệu bình thường trên phim X quang và siêu âm.
- Phát hiện được các hình ảnh của các buồng tim to bình thường hay bất thường.
- Các biểu hiện mạch máu phổi trong bệnh tim trên phim Xquang chuẩn.

2. Nội dung

1. Các kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh tim mạch và hình ảnh bóng tim bình thường

1.1. Các kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh tim mạch

1.1.1. Kỹ thuật khám Xquang tim mạch.

1.1.2. Bốn tư thế kinh điển và giải phẫu Xquang

1.1.3. Các đường kính của tim

Chương 4: Chẩn đoán hình ảnh hệ cơ xương khớp Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

- Phân tích vai trò của các kỹ thuật hình ảnh đối với hệ vận động: Xương khớp và mô mềm
- Cấu trúc giải phẫu xương bình thường trên hình ảnh Xquang
- Phân tích được các hình ảnh bất thường của xương trên phim Xquang thường quy.
- Trình bày được các nhóm bệnh lý thể hiện trên hình ảnh Xquang.
- Chẩn đoán được các hình ảnh của các bệnh lý viêm xương, lao xương.
- Phân biệt được các u lành và ác tính của xương và chẩn đoán phân biệt
- Phát hiện được các hình ảnh bệnh lý khớp thường gặp như viêm đa khớp dạng thấp, thoái hoá khớp.

2. Nội dung:

1.1. Các kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh xương khớp mô mềm

1.1.1. Xquang thường quy

1.2. Cấu trúc giải phẫu xương bình thường

1.2.1. Mô xương

1.2.2. Cấu trúc xương

2. Các dấu hiệu cơ bản của tổn thương xương trên ảnh Xquang

2.1. Bất thường về độ cản quang

2.2. Bất thường về cấu trúc

2.2.1. Quá trình huỷ xương

2.2.2. Quá trình tạo xương

2.2.3. Quá trình hỗn hợp

2.2.4. Quá trình nhuyễn xương

2.3. Bất thường về hình dáng

3. Các bệnh lý xương thường gặp

3.1. Viêm xương tuỷ xương

3.1.1. Đặc điểm của viêm xương trên phim Xquang thường quy.

3.1.2. Vị trí tổn thương.

3.1.3. Nguyên nhân

3.1.4. Hình ảnh Xquang và tiến triển

3.1.5. Các thể viêm xương tuỷ không điển hình

3.2. U xương lành tính.

3.3. U xương ác tính nguyên phát.

4. Bệnh lý khớp thường gặp

4.1. Viêm đa khớp dạng thấp.

4.2. Thoái hoá khớp

Chương 5: Chẩn đoán hình ảnh hệ tiết niệu Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được lợi ích và hạn chế của các kỹ thuật hình ảnh dung trong hệ tiết niệu
- Mô tả được hình ảnh bình thường hệ tiết niệu trên Xquang và siêu âm.
- Kể được các nguyên nhân gây tắc đường dẫn niệu
- Phát hiện được những hình ảnh bất thường trên Xquang, siêu âm trong một số bệnh nhiễm trùng cấp tính hệ tiết niệu.
- Mô tả được các dấu hiệu CLVT của viêm thận bể thận hạt vàng
- Nêu được lợi ích của siêu âm và mô tả hình ảnh siêu âm, đối với nang thận

2. Nội dung:

1. Các kỹ thuật hình ảnh khám hệ tiết niệu

1.1. Phim hệ tiết niệu (bụng) không chuẩn bị.

1.1. Mục đích

1.2. Kỹ thuật

1.3. Kết quả.

2. Sỏi thận.

2.1. Đại cương

2.2. Chẩn đoán

Chương 6: Chẩn đoán hình ảnh hệ tiêu hoá Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- Phân tích được vai trò của các phương pháp chẩn đoán hình ảnh đối với hệ tiêu hoá.
- Trình bày được hình ảnh cơ bản của các loại tổn thương ở hệ tiêu hoá.
- Phân tích được hình ảnh bình thường của cắt lớp siêu âm tiêu hoá.
- Trình bày được một số hình ảnh cắt lớp cơ bản bệnh lý của hệ tiêu hoá chủ yếu trên siêu âm

2. Nội dung:

1. Nguyên lý chẩn đoán hình ảnh hệ tiêu hoá

2. Các dấu hiệu bệnh lý cơ bản trên phim Xquang thường quy.

2.1. Tăng độ cản quang

2.2. Giảm độ cản quang

2.3. Hình khuyết.

2.4. Hình lồi.

2.5. Hình nhiễm cứng.

2.6. Hình hơi dịch bất thường.

2.7. Hình các dị vật bất thường

3. Hình ảnh Xquang thực quản

3.1. Kỹ thuật khám Xquang thực quản

3.2. Hình ảnh thực quản bình thường

3.3. Các dấu hiệu bệnh lý thực quản thường gặp.

4. Hình ảnh Xquang đại tràng

4.1. Kỹ thuật khám đại tràng

4.2. Hình ảnh đại tràng bình thường.

4.3. Hình ảnh bất thường ở đại tràng.

4.4. Các bệnh lý đại tràng thường gặp

Chương 7: Chẩn đoán hình ảnh hệ thần kinh, sọ não và cột sống

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- Phân tích được vai trò của các kỹ thuật hình ảnh đối với hệ thần kinh, sọ não và tuỷ sống

- Trình bày được hình ảnh giải phẫu Xquang thường quy và cắt lớp vi tính sọ não.
- Phân tích được các dấu hiệu bất thường của hình ảnh Xquang sọ não
- Nêu được vai trò của các kỹ thuật hình ảnh khảo sát cột sống và tuỷ sống.
- Mô tả được hình ảnh bất thường của các bệnh lý cột sống thường gặp.
- Mô tả được hình ảnh bất thường của các bệnh lý tuỷ sống thường gặp.

2. Nội dung:

1. Các kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh thần kinh

1.1. Kỹ thuật chụp Xquang thường quy.

2. Giải phẫu Xquang sọ não

2.1. Các xương sọ và khớp sọ

2.2. Sơ đồ các động mạch và tĩnh mạch não trên hình chụp mạch não.

3. Hình ảnh bệnh lý thần kinh, sọ não

3.1. Các dấu hiệu bất thường của hình ảnh Xquang sọ não

3.2. Hình ảnh chấn thương sọ não.

3.3. Các dấu hiệu bất thường trên phim chụp mạch máu.

4. Chẩn đoán hình ảnh cột sống

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết: 1 phòng, có đủ bàn ghế cho sinh viên, điều kiện ánh sáng đảm bảo.

2. Trang thiết bị máy móc: máy tính, máy chiếu,…

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Kế hoạch dạy học, Giáo trình Chẩn đoán hình ảnh và các tài liệu tham khảo liên quan.

4. Tiêu chuẩn, tiêu chí giảng viên: Trình độ từ đại học trở lên; có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên đại học, cao đẳng.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được những kiến thức cơ bản về nguyên lý tạo ảnh trong chẩn đoán hình ảnh

+ Biết được chỉ định và chống chỉ định trong chẩn đoán hình ảnh

+ Nhận biết được các dấu hiệu bất thường trên phim Xquang thường quy.

+ Chẩn đoán được các bệnh lý thường gặp trên phim Xquang tim, phổi, xương, khớp, tiêu hoá, thần kinh

- Về kỹ năng:

+ Kỹ năng tư duy, quan sát, phân tích, khái quát hóa.

+ Vận dụng và liên hệ được các kiến thức trên vào việc học tập, nghiên cứu các môn khoa học cơ sở có liên quan và các môn y học lâm sàng.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Vận dụng và liên hệ được các kiến thức chẩn đoán hình ảnh kết hợp với các triệu chứng và hội chứng lâm sàng.

2. Phương pháp đánh giá:

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư 04/2022/BLĐTBXH ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy môn học hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

a) Điểm mô-đun bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc mô-đun có trọng số 0,6;

b) Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm. Trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

c) Điểm mô-đun đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 4,0 đạt từ 2,00 trở lên (Quy đổi tại Điều 16 và Điều 31 Thông tư Thông tư 04/2022/BLĐTBXH ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy môn học hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

- Điểm TBKT: Kiểm tra theo hình thức bài viết tự luận, thảo luận hoặc trắc nghiệm

+ Số lượng: 02 cột điểm

Điểm thường xuyên: 01 cột, hệ số 01

Điểm định kỳ: 01 cột, hệ số 2

- Điểm thi kết thúc môn học, môn học

+ Hình thức: Thi trắc nghiệm.

+ Thời gian: Từ 60 phút.

- Thang điểm: Theo thang điểm 04 và các thang điểm tiếp theo tại điều 31 Thông tư 04/2022/BLĐTBXH ngày 03 tháng 3 năm 2022.

1. Phạm vi áp dụng môn học: Cho sinh viên năm thứ hai.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên: Thuyết trình, giảng giải, sử dụng các phương pháp dạy học tích cực, tăng cường thảo luận, đối thoại kết hợp nhiều phương pháp dạy học hiện đại.

- Đối với người học:

+ Nghiên cứu trước giáo trình, chuẩn bị các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng;

+ Sưu tầm, nghiên cứu các các tài liệu có liên quan đến nội dung của từng phần, từng chương, mục hay chuyên đề theo sự hướng dẫn của giáo viên;

+ Tham dự đầy đủ các giờ giảng của giảng viên và các buổi tổ chức thảo luận, đối thoại dưới sự hướng dẫn và điều khiển của giảng viên theo quy chế.

3. Những trọng tâm cần chú ý

- Những dấu hiệu bất thường trên X quang tim, phổi

- 4 nấc thang xám trên phim Xquang thường quy

4. Tài liệu tham khảo

- Bài giảng chẩn đoán Xquang, châu ngọc hoa, NXB đại học QG.TPHCM

- Chẩn đoán hình ảnh Xquang, chủ biên Chu Văn Đặng, NXB Giáo dục Việt Nam

- Bải giảng chẩn đoán hình ảnh, nhà xuất bản Y học.

- Bộ môn chẩn đoán hình ảnh, ĐH Y Hà Nội.

HIỆU TRƯỞNG

(*Đã ký*)

Tạ Thị Nhất Sương

Tên mô đun: BỆNH HỌC NỘI KHOA

Mã mô đun: MĐ09.YS

Đối tượng: Y sĩ Cao đẳng chính quy

Thời gian thực hiện mô đun: 75 giờ; (Lý thuyết: 43 giờ; Thực hành: 29 giờ; Kiểm tra 3 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Mô đun rất quan trọng trong công tác đào tạo Y sĩ là môn học thuộc học phần chuyên môn.

- Tính chất: Mô đun này cung cấp cho học sinh những kiến thức và thực hành về nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và điều trị các bệnh lý nội khoa thường gặp như: Tuần hoàn, Hô hấp, Tiêu hóa, Tiết niệu, Huyết học và Thần kinh.

II. Mục tiêu mô đun:

- Kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về:

+ Nguyên nhân gây ra một số bệnh Nội khoa thông thường.

+ Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng một số bệnh Nội khoa thông thường.

+ Chẩn đoán được các bệnh lý Nội khoa thông thường.

+ Điều trị và phòng một số bệnh Nội khoa thông thường.

- Kỹ năng: Thực hành được các kỹ năng cơ bản về:

+ Khai thác chính xác, có hệ thống các triệu chứng cơ năng các bệnh lý Nội khoa thông thường.

+ Khám các cơ quan thành thạo, chính xác các triệu chứng lâm sàng Nội khoa.

+ Biện luận chẩn đoán, điều trị bệnh Nội khoa và thực hiện thành thạo các kỹ thuật y khoa.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có khả năng khám chữa bệnh độc lập tại y tế cơ sở.

+ Có khả năng hướng dẫn chuyên môn cho đồng nghiệp tại y tế cơ sở.

III. Nội dung mô đun:

1.Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	**Tên chương, mục**	**Thời gian (giờ)**			
		Tổng số	**Lý thuyết**	**Thực hành**	**Kiểm tra**
1	**Các triệu chứng toàn thân:**	8	3	5	

	1. Sốt 1.1. Đại cương 1.2. Triệu chứng, biến chứng và chẩn đoán 1.3. Xử trí 2. phù. 2.1. Đại cương 2.2. Chẩn đoán 3. Hôn mê 3.1. Định nghĩa 3.2. Các mức độ hôn mê 3.3. Nguyên nhân 3.4. Xử trí ban đầu ở tuyến cơ sở và chuyển lên tuyến trên				
2	**Triệu chứng học hô hấp** 1. Triệu chứng cơ năng 2. Triệu chứng thực thể 3. Triệu chứng cận lâm sàng	5	1	4	
3	**Hội chứng tràn dịch màng phổi** 1. Đại cương 2. Triệu chứng lâm sàng 2.1. Triệu chứng cơ năng 2.2. Triệu chứng thực thể: 3. Chọc dò màng phổi 3.1. Dịch trong hoặc vàng chanh 3.2. Dịch màu hồng, có máu, đỏ 3.3. Dịch đục, có mủ.	1	1	0	
4	**Viêm phế quản cấp** 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân và yếu tố thuận lợi 3. Triệu chứng lâm sàng 4. Tiến triển và tiên lượng	1	1	0	

	5. Điều trị 6. Phòng bệnh.				
5	**Viêm phổi** 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân và điều kiện thuận lợi 3. Triệu chứng lâm sàng 4. Tiên lượng và biến chứng 5. Điều trị.	1	1	0	
6	**Bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính** 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân, Yếu tố thuận lợi 3. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng 4. Tiến triển và biến chứng 5. Điều trị. 6. Giáo dục sức khỏe	1	1	0	
7	**Hen phế quản** 1. Đại cương 2. Triệu chứng lâm sàng 3. Phân loại hen 4. Điều trị. 5. Giáo dục sức khỏe	1	1	0	
8	**Triệu chứng học tuần hoàn** 1. Triệu chứng cơ năng 2. Khám thực thể 3. Các phương pháp cận lâm sàng giúp chẩn đoán.	5	1	4	
9	**Các bệnh van tim** 1. Hẹp van hai lá 2. Hở van hai lá 3. Hở van động mạch chủ.	1	1	0	

10	**Suy tim** 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân và yếu tố thúc đẩy 3. Triệu chứng 4. Phân loại mức độ suy tim 5. Điều trị suy tim.	2	2	0	
11	**Tăng huyết áp** 1. Huyết áp bình thường và huyết áp cao 2. Triệu chứng 3. Biến chứng tăng huyết áp 4. Nguyên nhân tăng huyết áp 5. Điều trị.	2	2	0	
12	**Cơn đau thắt ngực** 1. Định nghĩa và nguyên nhân 2. Triệu chứng lâm sàng 3. Điều trị.	2	2	0	
13	**Bệnh Basedow** 1. Đại Cương 2. Nguyên nhân và sinh lý bệnh 3. Triệu chứng lâm sàng 4. Biến chứng 5. Điều trị 6. Giáo dục sức khỏe.	1	1	0	
14	**Đái tháo đường** 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng lâm sàng 4. Triệu chứng cận lâm sàng 5. Biến chứng 6. Điều trị đái tháo đường không biến chứng	2	2	0	

	7. Giáo dục sức khỏe.				
15	**Triệu chứng học hệ tiêu hóa** 1. Đại cương 2. Triệu chứng cơ năng 3. Khám thực thể 4. Thăm trực tràng 5. Cận lâm sàng.	3	1	2	
16	**Hội chứng tăng áp lực tĩnh mạch cửa** 1. Đại cương 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng lâm sàng 4. Cận lâm sàng 5. Điều trị.	1	1	0	
17	**Hội chứng cổ trướng** 1. Đại cương 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng 4. Biến chứng 5. Xử trí.	1	1	0	
18	**Loét dạ dày tá tràng** 1. Đại cương 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng 4. Biến chứng 5. Xử trí.	2	2	0	
19	**Xơ gan** 1. Đại cương 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng lâm sàng 4. Cận lâm sàng 5. Biến chứng	2	2	0	

	6. Điều trị 7. Phòng bệnh.				
20	**Triệu chứng học hệ tiết niệu** 1. Triệu chứng cơ năng 2. Triệu chứng thực thể 3. Cận lâm sàng.	5	1	4	
21	**Viêm cầu thận cấp** 1. Đại cương 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng 4. Điều trị.	1	1	0	
22	**Nhiễm khuẩn tiết niệu** 1. Đại cương 2. Nguyên nhân - yếu tố thuận lợi gây nhiễm khuẩn tiết niệu 3. Triệu chứng 4. Điều trị 5. Phòng bệnh.	1	1	0	
23	**Triệu chứng học thần kinh** 1. Triệu chứng cơ năng 2. Triệu chứng thực thể 3. Cận lâm sàng.	10	2	8	
24	**Tai biến mạch máu não (Đột quỵ)** 1. Đại cương 2. Nguyên nhân 3. Phân loại 4. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng 5. Chẩn đoán 6. Điều trị 7. Giáo dục sức khỏe	2	2	0	

25	**Suy nhược thần kinh** 1. Đại cương 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng lâm sàng 4. Điều trị.	1	1		
26	**Đau thần kinh tọa** 1. Đại cương 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng 4. Điều trị.	1	1	0	
27	**Thiếu máu** 1. Đại cương 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng 4. Xử trí.	1	1	0	
28	**Suy tủy** 1. Định nghĩa 2. Lịch sử phát hiện bệnh suy tủy xương 3. Dịch tễ 4. Phân loại nguyên nhân 5. Chẩn đoán 6. Điều trị suy tủy xương	2	2	0	
29	**Xuất huyết giảm tiểu cầu** 1. Đại cương 2. Phân loại 3. Triệu chứng 4. Điều trị	1	1	0	
30	**Một số cấp cứu thường gặp** 1. Suy hô hấp 1.1. Đại cương 1.2. Nguyên nhân	5	3	2	

	1.3. Triệu chứng 1.4. Xử trí 2. Ngộ độc cấp 2.1. Đại cương 2.2. Nguyên nhân 2.3. Triệu chứng 2.4. Xử trí 3. Say nắng 3.1. Đại cương 3.2. Triệu chứng 3.3. Xử trí 4. Điện giật 4.1. Đại cương 4.2. Triệu chứng 4.3. Xử trí 5. Rắn cắn 5.1. Đại cương 5.2. Triệu chứng 5.3. Xử trí				
	Tổng	**75**	**43**	**29**	**3**

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Các triệu chứng toàn thân

Thời gian: 08 giờ (LT:03 giờ; TH: 05 giờ)

1. Sốt

1.1. Đại cương

1.2. Triệu chứng, biến chứng và chẩn đoán

1.3. Xử trí

2. Phù.

2.1. Đại cương

2.2. Chẩn đoán

3. Hôn mê

3.1. Định nghĩa

3.2. Các mức độ hôn mê

3.3. Nguyên nhân

3.4. Xử trí ban đầu ở tuyến cơ sở và chuyển lên tuyến trên

Bài 2: TRIỆU CHỨNG HỌC HÔ HẤP Thời gian: 7 giờ

1. MỤC TIÊU

- Khai thác được triệu chứng cơ năng bệnh hô hấp.
- Thực hành cách khám phổi, nghe được tiếng rì rào phế nang bình thường, tiếng ran ngáy, ran rít, ran ẩm, ran nổ.
- Gải thích được giá trị của các biện pháp cận lâm sàng cơ bản trong chẩn đoán bệnh hệ hô hấp.

2. NỘI DUNG

1. Triệu chứng cơ năng

2. Triệu chứng thực thể

3. Triệu chứng cận lâm sàng

Bài 3: HỘI CHỨNG TRÀN DỊCH MÀNG PHỔI Thời gian: 1 giờ

1.MỤC TIÊU

- Thực hành cách khám hội chứng tràn dịch màng phổi
- Vận dụng kiến thức để xử trí ban đầu tại tuyến y tế cơ sở

2. NỘI DUNG

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng lâm sàng

2.2.1. Triệu chứng cơ năng

2.2.2. Triệu chứng thực thể:

2.3. Chọc dò màng phổi

2.3.1. Dịch trong hoặc vàng chanh

2.3.2. Dịch màu hồng, có máu, đỏ

2.3.3. Dịch đục, có mủ.

Bài 4: VIÊM PHẾ QUẢN CẤP Thời gian: 1 giờ

1. MỤC TIÊU

- Mô tả các triệu chứng lâm sàng và chẩn đoán được viêm phế quản cấp

- Vận dụng kiến thức để điều trị viêm phế quản cấp bằng thuốc thông thường ở y tế tuyến cơ sở

- Thực hành hướng dẫn nhân dân phòng và chống biến chứng bệnh

2. NỘI DUNG

2.1. Định nghĩa

2.2. Nguyên nhân và yếu tố thuận lợi

2.3. Triệu chứng lâm sàng

2.4. Tiến triển và tiên lượng

2.5. Điều trị

2.6. Phòng bệnh

Bài 5: VIÊM PHỔI Thời gian: 1 giờ

1. MỤC TIÊU

- Mô tả được các triệu chứng lâm sàng và chẩn đoán được viêm phổi.

- Vận dụng kiến thức để điều trị viêm phổi bằng thuốc thông thường ở y tế tuyến cơ sở.

- Thực hành hướng dẫn nhân dân phòng và chống biến chứng bệnh.

2. NỘI DUNG

2.1. Định nghĩa

2.2. Nguyên nhân và điều kiện thuận lợi

2.3. Triệu chứng lâm sàng

2.4. Tiên lượng và biến chứng

2.5. Điều trị

Bài 6: BỆNH PHỔI TẮC NGHẼN MÃN TÍNH Thời gian: 1 giờ

1. MỤC TIÊU

- Mô tả được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của COPD

- Trình bày được tiến triển và biến chứng

- Trình bày được cách điều trị Bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính.

2. NỘI DUNG

2.1. Định nghĩa

2.2. Nguyên nhân, Yếu tố thuận lợi

2.3. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng

2.4. Tiến triển và biến chứng

2.5. Điều trị.

2.6. Giáo dục sức khỏe

Bài 7: HEN PHẾ QUẢN Thời gian: 1 giờ

1. MỤC TIÊU

- Nêu được những yếu tố làm khởi phát cơn hen, các biến chứng của hen phế quản.
- Mô tả được triệu chứng của hen phế quản điển hình

2. NỘI DUNG

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng lâm sàng

2.3. Tiến triển - Biến chứng

2.4. Điều trị.

Bài 8: TRIỆU CHỨNG HỌC TUẦN HOÀN

Thời gian: 5 giờ (LT: 01 giờ; TH: 04 giờ)

1.MỤC TIÊU

- Trình bày được triệu chứng cơ năng bệnh tim mạch.
- Thực hành được cách khám tim, nghe được tiếng tim bình thường, tiếng thổi cơ bản.
- Thực hành cách đo huyết áp
- Giải thích được giá trị của các biện pháp cận lâm sàng cơ bản trong chẩn đoán bệnh tim mạch.

2. NỘI DUNG

2.1. Triệu chứng cơ năng

2.2. Khám thực thể

2.3. Các phương pháp cận lâm sàng giúp chẩn đoán.

Bài 9: CÁC BỆNH VAN TIM Thời gian: 1 giờ

1. MỤC TIÊU

- Trình bày được các triệu chứng và biến chứng của hẹp, hở van 2 lá - 3 lá, hở van động mạch chủ
- Thực hành tuyên truyền và hướng dẫn cho mọi người cách phòng và hạn chế tiến triển của bệnh.

2. NỘI DUNG

2.1. Hẹp van hai lá

2.2. Hở van hai lá

2.3. Hở van động mạch chủ.

Bài 10: SUY TIM Thời gian: 2 giờ

1. MỤC TIÊU

- Nêu được nguyên nhân gây suy tim
- Trình bày được các yếu tố thúc đẩy suy tim
- Trình bày được triệu chứng lâm sàng suy tim
- Trình bày Phân độ suy tim theo NYHA và lâm sàng
- Trình bày các điều trị suy tim cơ bản

2. NỘI DUNG

2.1. Định nghĩa

2.2. Nguyên nhân và yếu tố thúc đẩy

2.3. Triệu chứng

2.4. Phân loại mức độ suy tim

2.5. Điều trị suy tim.

Bài 11: TĂNG HUYẾT ÁP Thời gian: 02 giờ

1. MỤC TIÊU

- Thực hành chẩn đoán được tăng huyết áp
- Trình bày được các nguyên nhân và biến chứng tăng huyết áp
- Trình bày được các nhóm thuốc điều trị tăng huyết áp

2. NỘI DUNG

2.1. Huyết áp bình thường và huyết áp cao

2.2. Nguyên nhân tăng huyết áp

2.3. Triệu chứng

2.4. Biến chứng tăng huyết áp

2.5. Điều trị.

2.6. Giáo dục sức khỏe

Bài 12: CƠN ĐAU THẮT NGỰC Thời gian: 02 giờ

1. MỤC TIÊU

- Trình bày được định nghĩa, nguyên nhân cơn đau thắt ngực
- Mô tả được triệu chứng một cách cụ thể và chính xác cơn đau thắt ngực.
- Trình bày được hướng xử trí cơn đau thắt ngực do thiếu máu cơ tim.

2. NỘI DUNG

2.1. Định nghĩa và nguyên nhân

2.2. Triệu chứng lâm sàng

2.3. Điều trị.

Bài 13: BASEDOW Thời gian: 1 giờ

1. MỤC TIÊU

- Trình bày được triệu chứng lâm sàng bệnh Basedow
- Mô tả được các biến chứng của bệnh Basedow
- Trình bày được cách điều trị bệnh Basedow

2. NỘI DUNG

2.1. Đại cương

2.2. Nguyên nhân và sinh lý bệnh

2.3. Triệu chứng lâm sàng

2.4. Biến chứng

2.5. Điều trị

2.6. Giáo dục sức khỏe.

Bài 14: ĐÁI THÁO ĐƯỜNG Thời gian: 2 giờ

1. MỤC TIÊU

- Trình bày chẩn đoán được bệnh đái tháo đường
- Vận dụng kiến thức để phân biệt được đái tháo đường type I, type II
- Mô tả cách xử trí đái tháo đường không biến chứng

2. NỘI DUNG

2.1. Định nghĩa

2.2. Nguyên nhân

2.3. Triệu chứng lâm sàng

2.4. Triệu chứng cận lâm sàng

2.5. Biến chứng

2.6. Điều trị đái tháo đường không biến chứng

2.7. Giáo dục sức khỏe

Bài 15: TRIỆU CHỨNG HỌC VỀ TIÊU HÓA

Thời gian: 3 giờ (LT: 01 giờ; TH: 02 giờ)

1. MỤC TIÊU

- Trình bày được triệu chứng cơ năng hệ tiêu hóa

- Mô tả khám lâm sàng và các cận lâm sàng của bệnh hệ tiêu hóa.

- Thực hành khám được hệ tiêu hóa

2. NỘI DUNG

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng cơ năng

2.3. Khám thực thể

2.4. Thăm trực tràng

2.5. Cận lâm sàng.

Bài 16: HỘI CHỨNG TĂNG ÁP LỰC TĨNH MẠCH CỬA Thời gian: 1 giờ

1. MỤC TIÊU

- Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng của hội chứng tăng áp lực tĩnh mạch cửa

- Xử trí được hội chứng tăng áp lực tĩnh mạch cửa tại y tế cơ sở.

2. NỘI DUNG

2.1. Đại cương

2.2. Nguyên nhân

2.3. Triệu chứng lâm sàng

2.4. Cận lâm sàng

2.5. Điều trị.

Bài 17: HỘI CHỨNG CỔ TRƯỚNG Thời gian: 01 giờ

1. MỤC TIÊU

- Mô tả chẩn đoán xác định cổ trướng trên lâm sàng.

- Trình bày chẩn đoán phân biệt được cổ trướng với bệnh khác

2. NỘI DUNG

2.1. Đại cương

2.2. Chẩn đoán cổ trướng

2.3. Chẩn đoán phân biệt

2.4. Nguyên nhân cổ trướng.

Bài 18: LOÉT DẠ DÀY TÁ TRÀNG **Thời gian: 02 giờ**

1. MỤC TIÊU

- Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng loét dạ dày tá tràng.

- Mô tả cách xử trí và chăm sóc ban đầu loét dạ dày tá tràng.

2. NỘI DUNG

2.1. Đại cương

2.2. Nguyên nhân

2.3. Triệu chứng

2.4. Biến chứng

2.5. Xử trí.

Bài 19: XƠ GAN Thời gian: 2 giờ

1. MỤC TIÊU

- Trình bày được nguyên nhân xơ gan thường gặp.
- Mô tả được triệu chứng lâm sàng.
- Thực hành xử trí và hướng dẫn trong cộng đồng phòng bệnh xơ gan.

2. NỘI DUNG

2.1. Đại cương

2.2. Nguyên nhân

2.3. Triệu chứng lâm sàng

2.4. Cận lâm sàng

2.5. Biến chứng

2.6. Điều trị

2.7. Phòng bệnh.

Bài 20: TRIỆU CHỨNG HỌC HỆ TIẾT NIỆU Thời gian: 5 giờ (LT:01 giờ; TH: 04 giờ)

1. MỤC TIÊU

- Trình bày được triệu chứng cơ năng bệnh hệ tiết niệu.
- Mô tả cách phát hiện các triệu chứng thực thể trong bệnh hệ tiết niệu.
- Giải thích được giá trị của các biện pháp cận lâm sàng cơ bản trong chẩn đoán bệnh hệ tiết niệu.

2. NỘI DUNG

2.1. Triệu chứng cơ năng

2.2. Triệu chứng thực thể

2.3. Cận lâm sàng.

Bài 21: VIÊM CẦU THẬN CẤP Thời gian: 1 giờ

1. MỤC TIÊU

- Mô tả được nguyên nhân và triệu chứng lâm sàng bệnh viêm cầu thận cấp
- Vận dụng để theo dõi, chăm sóc tại nhà khi bệnh đã ổn

2. NỘI DUNG

2.1. Đại cương

2.2. Nguyên nhân

2.3. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng

2.4. Điều trị.

Bài 22: NHIỄM KHUẨN TIẾT NIỆU Thời gian: 1 giờ

1. MỤC TIÊU

- Trình bàyđược các yếu tố thuận lợi gây bệnh nhiễm khuẩn tiết niệu
- Mô tả được triệu chứng lâm sàng của bệnh.
- Vận dụng để xử trí bệnh nhiễm khuẩn tiết niệu ở tuyến cơ sở.

2. NỘI DUNG

2.1. Đại cương

2.2. Nguyên nhân - yếu tố thuận lợi gây nhiễm khuẩn tiết niệu

2.3. Triệu chứng

2.4. Điều trị

2.5. Phòng bệnh.

Bài 23: TRIỆU CHỨNG HỌC THẦN KINH Thời gian: 10 giờ (LT: 02 giờ; TH: 08 giờ)

1. MỤC TIÊU

- Trình bày chuẩn bị dụng cụ để khám lâm sàng hệ thần kinh
- Mô tả được các triệu chứng hệ thần kinh
- Thực hành thăm khám lâm sàng có trình tự hệ thần kinh.

2. NỘI DUNG

2.1. Triệu chứng cơ năng

2.2. Triệu chứng thực thể

2.3. Cận lâm sàng

2.4. Thăm khám lâm sàng hệ thần kinh

Bài 24: Tai biến mạch máu não (Đột quỵ) Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được định nghĩa, nguyên nhân gây tai biến mạch máu não

- Trình bày được các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng tai biến mạch máu não
- Vận dụng để điều trị cơ bản và chăm sóc bệnh nhân tai biên mạch máu não

2. NỘI DUNG

2.1. Đại cương

2.2. Nguyên nhân

2.3. Phân loại

2.4. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng

2.5. Chẩn đoán

2.6. Điều trị

2.7. Giáo dục sức khỏe

Bài 25: SUY NHƯỢC THẦN KINH Thời gian: 01 giờ

1. MỤC TIÊU

- Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng suy nhược thần kinh.
- Vận dụng các kiến thức đã học để xử trí và chăm sóc tại tuyến cơ sở

2. NỘI DUNG

2.1. Đại cương

2.2. Nguyên nhân

2.3. Triệu chứng lâm sàng

2.4. Điều trị.

Bài 26: ĐAU THẦN KINH TỌA Thời gian: 01 giờ

1. MỤC TIÊU

- Trình bày được các triệu chứng lâm sàng của đau dây thần kinh tọa.
- Trình bày được cách điều trị bệnh đau dây thần kinh tọa.

2. NỘI DUNG

2.1. Đại cương

2.2. Nguyên nhân

2.3. Triệu chứng

2.4. Điều trị.

Bài 27: THIẾU MÁU Thời gian: 01 giờ

1. MỤC TIÊU

- Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng của thiếu máu
- Vận dụng chăm sóc, theo dõi bệnh nhân thiếu máu

2. NỘI DUNG

2.1. Đại cương

2.2. Nguyên nhân

2.3. Triệu chứng

2.4. Xử trí.

Bài 28: SUY TỦY Thời gian: 02 giờ

1. MỤC TIÊU

- Trình bày được nguyên nhân và phân loại suy tủy xương.
- Trình bày chẩn đoán được suy tủy xương.
- Vận dụng để xử trí được bệnh suy tủy xương ở cơ sở.

2. NỘI DUNG

2.1. Định nghĩa

2.2. Lịch sử phát hiện bệnh suy tủy xương

2.3. Dịch tễ

2.4. Phân loại nguyên nhân

2.5. Chẩn đoán

2.6. Điều trị suy tủy xương

Bài 29: XUẤT HUYẾT GIẢM TIỂU CẦU Thời gian: 01 giờ

1. MỤC TIÊU

- Trình bày phân loại được xuất huyết giảm tiểu cầu.
- Mô tả được triệu chứng xuất huyết giảm tiểu cầu.
- Trình bày được hướng xử trí.

2. NỘI DUNG

2.1. Đại cương

2.2. Phân loại

2.3. Triệu chứng

2.4. Điều trị.

Bài 30: MỘT SỐ CẤP CỨU THƯỜNG GẶP Thời gian: 05 giờ (LT: 03 giờ; TH: 02 giờ)

1. MỤC TIÊU

- Trình bày cách khám, phát hiện các triệu chứng của các cấp cứu thường gặp
- Vận dụng để xử trí cơ bản được các cấp cứu thường gặp

2. NỘI DUNG

2.1. Suy hô hấp

2.1.1. Đại cương

2.1.2. Nguyên nhân

2.1.3. Triệu chứng

2.1.4. Xử trí

2.2. Ngộ độc cấp

2.2.1. Đại cương

2.2.2. Nguyên nhân

2.2.3. Triệu chứng

2.2.4. Xử trí

2.3. Say nắng

2.3.1. Đại cương

2.3.2. Triệu chứng

2.3.3. Xử trí

2.4. Điện giật

2.4.1. Đại cương

2.4.2. Triệu chứng

2.4.3. Xử trí

2.5. Rắn cắn

2.5.1. Đại cương

2.5.2. Triệu chứng

2.5.3. Xử trí

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Hội trường, Phòng thực hành.

2. Trang thiết bị máy móc: Máy vi tính, máy Projestor hoặc Tivi;

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình, giáo án; Dụng cụ khám bệnh, mô hình.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Trình bày được triệu chứng, chẩn đoán và điều trị các bệnh Nội khoa thường gặp.

- Kỹ năng: Thực hiện thành thạo các kỷ thuật khám và xử trí bệnh Nội khoa thường gặp.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có khả năng khám chữa bệnh độc lập tại y tế cơ sở.

2. Phương pháp: Đánh giá mô đun theo Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH.

2.1. Điều kiện sinh viên được thi kết thúc mô đun:

- Sinh viên tham gia ít nhất 80% thời gian học tập trên lớp.

- Hoàn thành đủ 5 cột điểm kiểm tra:

+ Kiểm tra thường xuyên: (điểm hệ số 1) 2 cột điểm.

+ Kiểm tra định kỳ: (điểm hệ số 2) 3 cột điểm.

- Điểm trung bình kiểm tra (TBKT) ≥ 5.0.

2.2. Thi kết thúc mô đun:

- Phương pháp đánh giá: Thi viết trắc nghiệm.

- Hệ số đánh giá:

+ Điểm TB mô đun: bằng điểm TBKT*0,4 + điểm Thi*0,6.

+ Điểm đánh giá theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

+ Điểm TB mô đun từ thang điểm 10 chuyển sang thang điểm chữ A, B, C, D, F. Từ thang điểm chữ chuyển về thang điểm 4 để tính điểm trung bình tích lũy môn học theo quy định.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. Phạm vi áp dụng mô đun: trong chương trình học Y sĩ cao đẳng

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Áp dụng các biện pháp giảng dạy tích cực.

- Đối với người học: Chủ động nghiên cứu tài liệu trước khi lên lớp.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

- Trường ĐHYD TP HCM (2021), Triệu chứng học nội khoa, Nhà xuất bản Y học.

- Trường ĐHYD TP HCM (2021), Tiếp cận điều trị bệnh nội khoa, Nhà xuất bản Đại học quốc gia TP Hồ Chí Minh

- BV Bạch Mai (2022), chẩn đoán và điều trị bệnh Nội khoa, NXB Y học.

- Bộ Y Tế, (2021), Quy trình lâm sàng chẩn đoán và điều trị hen phế quản ở người lớn và trẻ em >= 1 tuổi
- Bộ Y Tế, (2020), Hướng dẫn chẩn đoán và xử trí đột quỵ não.
- Bộ Y Tế, (2020), Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị đái tháo đường tuýp 2.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

HIỆU TRƯỞNG

(*Đã ký*)

Tạ Thị Nhất Sương

Tên mô đun: BỆNH HỌC NGOẠI KHOA

Mã mô đun: MĐ10.YS

Đối tượng: Y sĩ Cao đẳng chính quy

Thời gian thực hiện mô đun: 75 giờ (Lý thuyết: 43 giờ; Thực hành: 29 giờ; Kiểm tra: 3 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Mô đun rất quan trọng trong công tác đào tạo Y sĩ Cao Đẳng, giúp người học có đủ trình độ, kỹ năng khám, chữa bệnh Ngoại khoa thường gặp tại y tế cơ sở. Môn học thực hiện học kỳ II năm thứ nhất.
- Tính chất: Mô đun đào tạo người học có đủ kiến thức và kỹ năng để trở thành người cán bộ y tế, có khả năng cấp cứu, khám và chữa trị một số bệnh Ngoại khoa thông thường.

II. Mục tiêu mô đun:

- Kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về:

+ Nguyên nhân gây ra một số bệnh thông thường.

+ Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng một số bệnh thông thường.

+ Chẩn đoán được các bệnh cấp cứu ngoại khoa thường gặp.

+ Xử trí ban đầu một số bệnh cấp cứu ngoại khoa thông thường.

- Kỹ năng: Thực hành được các kỹ năng cơ bản về:

+ Khai thác chính xác, có hệ thống các triệu chứng cơ năng các bệnh lý Ngoại khoa thông thường.

+ Khám chính xác các triệu chứng lâm sàng các bệnh cấp cứu ngoại khoa thường gặp.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có khả năng khám, xử trí ban đầu độc lập tại y tế cơ sở.

+ Có khả năng hợp tác chuyên môn cho đồng nghiệp tại y tế cơ sở.

III. Nội dung mô đun

1.Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên bài, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	**Vết Thương Mạch Máu** 1. Đại cương	2	2	0	

	2. Triệu chứng lâm sàng 2.1. Chảy máu ra ngoài 2.2. Chảy máu trong 2.3. Khối máu tụ 3. Diễn tiến và biến chứng 3.1. Thiếu máu 3.2. Nhiễm khuẩn 3.3. Hoại tử chi 4. Xử trí 4.1. Xử lý ban đầu 4.2. Điều trị ngoại khoa				
2	**Vết Thương Phần Mềm** 1. Đặc điểm của vết thương phần mềm 2. Triệu chứng lâm sàng 2.1. Triệu chứng toàn thân 2.2 Tại vết thương 3. Diễn tiến và biến chứng 4. Xử trí 4.1. Xử lý ban đầu 4.2. Điều trị ngoại khoa	6	2	4	
3	**Chấn Thương Sọ Não** 1. Đại cương 2. Triệu chứng lâm sàng 2.1. Chấn động não 2.2. Giập não 2.3. Máu tụ nội sọ 2.4. Lún sọ 3. Tiên lượng 4. Xử trí 4.1. Xử lý ban đầu 4.2. Điều trị ngoại khoa	6	2	4	
4	**Vết Thương Ngực**	2	2	0	

	1. Đại cương 2. Phân loại vết thương 2.1. Vết thương thành ngực đơn thuần 2.2. Vết thương thấu ngực gồm 3. Triệu chứng lâm sàng: 3.1. Vết thương thành ngực đơn thuần 3.2. Vết thương ngực hở 3.3. Vết thương ngực có van 4. Biến chứng 5. Xử trí 5.1. Xử lý ban đầu 5.2. Điều trị ngoại khoa				
5	**Chấn thương Thận** 1. Đại cương 2. Triệu chứng lâm sàng 3. Diễn tiến 4. Xử trí 4.1. Xử lý ban đầu 4.2. Điều trị ngoại khoa	1	1	0	
6	**Chấn thương Niệu Đạo** 1. Đại cương 2. Triệu chứng lâm sàng 2.1. Chấn thương niệu đạo trước 2.2. Chấn thương niệu đạo sau 3. Xử trí ban đầu ở tuyến y tế cơ sở 3.1. Chấn thương niệu đạo trước 3.2. Chấn thương niệu đạo sau	1	1	0	
7	**Chấn thương Bụng Kín** 1. Đại cương 2. Triệu chứng lâm sàng 3. Xử trí 3.1. Xử lý ban đầu	1	1	0	

	3.2. Điều trị ngoại khoa				
8	**Vết thương Bụng** 1. Đại cương 2. Phân loại vết thương 3. Triệu chứng lâm sàng 4. Xử trí 4.1. Xử lý ban đầu 4.2. Điều trị ngoại khoa	1	1	0	
9	**Viêm tụy cấp** 1.Đại cương 2.Triệu chứng 2.1. Triệu chứng cơ năng 2.2. Triệu chứng thực thể 2.3. Cận lâm sàng 4. Chẩn đoán 5. Diễn biến và biến chứng 6. Điều trị 7. Giáo dục sức khỏe	1	1	0	
10	**Viêm Ruột Thừa Cấp** 1. Đại cương 2. Triệu chứng lâm sàng 3. Chẩn đoán 4. Diễn tiến và biến chứng 5. Xử trí 5.1. Xử lý ban đầu 5.2. Điều trị ngoại khoa	2	2	0	
11	**Thủng Dạ Dày – Tá Tràng** 1. Đại cương 2. Triệu chứng lâm sàng 3. Chẩn đoán 3.1. Chẩn đoán xác định 3.2. Chẩn đoán phân biệt	2	2	0	

	4. Biến chứng 5. Xử trí 5.1. Xử lý ban đầu 5.2. Điều trị ngoại khoa				
12	**Viêm Phúc Mạc** 1. Đại cương 2. Triệu chứng lâm sàng 3. Chẩn đoán 3.1. Chẩn đoán xác định 3.2. Chẩn đoán phân biệt 4. Diễn tiến 5. Xử trí 5.1. Xử lý ban đầu 5.2. Điều trị ngoại khoa	6	2	4	
13	**Tắc Ruột Cơ Học** 1. Đại cương 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng lâm sàng 4. Chẩn đoán 4.1. Chẩn đoán xác định 4.2. Chẩn đoán phân biệt 5. Xử trí 5.1. Xử lý ban đầu 5.2. Điều trị ngoại khoa	6	2	4	
14	**Lồng Ruột Cấp Tính Ở Trẻ Em** 1. Đại cương 2. Triệu chứng lâm sàng 3. Chẩn đoán 3.1. Chẩn đoán xác định 3.2. Chẩn đoán phân biệt 4. Xử trí 5.1. Xử lý ban đầu	1	1	0	

	5.2. Điều trị ngoại khoa				
15	**Thoát Vị Bẹn Nghẹt** 1. Đại cương 2. Triệu chứng lâm sàng 3. Chẩn đoán 3.1. Chẩn đoán xác định 3.2. Chẩn đoán phân biệt 4. Xử trí 5.1. Xử lý ban đầu 5.2. Điều trị ngoại khoa	2	2	0	
16	**Nhiễm Trùng Ngoại Khoa** 1. Đại cương 2. Cơ chế gây bệnh 2.1. Cách gây bệnh của vi khuẩn 2.2. Sức đề kháng của cơ thể 3. Triệu chứng lâm sàng 3.1. Tại chổ 3.2. Toàn thân 3.3. Cận lâm sàng 4. Xử trí 4.1. Nâng cao thể trạng cho bệnh nhân 4.2. Điều trị tại chỗ 4.2.1. Giai đoạn viêm tấy 4.2.2. hi có mủ 4.2.3. Sử dụng kháng sinh 5. Dự phòng	2	2	0	
17	**Áp Xe Nóng – Áp Xe Lạnh** 1. Áp Xe Nóng 1.1. Nguyên nhân: 1.2. Triệu chứng lâm sàng 1.3. Chẩn đoán 1.4. Xử trí	1	1	0	

	2. Áp Xe Lạnh 2.1. Nguyên nhân 2.2. Triệu chứng lâm sàng 2.3. Xử trí				
18	**Cấp Cứu Ngoại Khoa Vùng Bụng** 1. Đại Cương 2. Cách phân khu vùng bụng 2.1. Hai đường thẳng ngang 2.2. Hai đường thẳng dọc 3. Triệu chứng lâm sàng 3.1. Khai thác bệnh sử 3.2. Khám thực thể 3.3. Triệu chứng toàn thân 4. Xử trí 4.1. Xử lý ban đầu 4.2. Điều trị ngoại khoa	2	2	0	
19	**Sỏi Ống Mật Chủ** 1. Nguyên nhân 2. Triệu chứng lâm sàng 3. Diễn biến và biến chứng 4. Chẩn đoán 4.1. Chẩn đoán xác định 4.2. Chẩn đoán phân biệt 5. Xử trí 5.1. Xử lý ban đầu 5.2. Điều trị ngoại khoa	2	2	0	
20	**Sỏi Hệ Niệu** 1. Đại cương 2.1. Tại chổ 2.2. Toàn thân 3. Triệu chứng lâm sàng 3.1. Cơn đau quặn thận điển hình	1	1	0	

	3.2. Tiểu ra mủ, thường xuất hiện ngay sau cơn đau 4. Biến chứng 5. Xử trí 5.1. Xử lý ban đầu 5.2. Điều trị ngoại khoa				
21	**Áp Xe Gan** 1. Đại cương 2. Triệu chứng lâm sàng 3. Biến chứng 4. Xử trí 4.1. Xử lý ban đầu 4.2. Điều trị ngoại khoa	1	1	0	
22	**Hẹp môn vị** 1. Đại cương 2. Triệu chứng lâm sàng 3. Xử trí 3.1. Xử lý ban đầu 3.2. Điều trị ngoại khoa	1	1	0	
23	**Bệnh Trĩ** 1. Đại Cương 2. Triệu chứng lâm sàng 3. Biến chứng 4. Xử trí 4.1. Xử lý ban đầu 4.2. Điều trị ngoại khoa	1	1	0	
24	**Đại Cương Gãy Xương Chấn Thương** 1. Đại cương 2. Triệu chứng lâm sàng 3. Biến chứng 3.1. Biến chứng sớm 3.2. Biến chứng muộn	7	2	5	

	4. Xử trí 5. Nguyên tắc điều trị				
25	**Gãy Cột Sống** 1.Đại cương 2. Triệu chứng lâm sàng 2.1. Gãy cột sống không liệt tuỷ 2.2. Gãy cột sống có liệt tuỷ 3. Xử trí 3.1. Xử lý ban đầu 3.2. Điều trị ngoại khoa	2	2	0	
26	**Trật khớp** 1.Đại cương 2. Triệu chứng lâm sàng 2.1.Triệu chứng cơ năng 2.2. Triệu chứng thực thể 2.3. Cận lâm sàng 3. Biến chứng 4. Sơ cứu	6	2	4	
27	**Bỏng** 1.Đại cương 2. Phân loại 3. Cách tính diện tích bỏng 4. Tiên lượng 5. Diễn biên 6. Điều trị	6	2	4	
	Tổng	75	43	29	3

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: VẾT THƯƠNG MẠCH MÁU Thời gian: 2 giờ

1. MỤC TIÊU

- Trình bày được các triệu chứng lâm sàng của vết thương động mạch
- Vận dụng để xử trí ban đầu vết thương mạch máu ở tuyến cơ sở

2. NỘI DUNG

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng lâm sàng

2.2.1. Chảy máu ra ngoài

2.2.2. Chảy máu trong

2.2.3. Khối máu tụ

2.3. Diễn tiến và biến chứng

2.3.1. Thiếu máu

2.3.2. Nhiễm khuẩn

2.3.4. Hoại tử chi

2.4. Xử trí

2.4.1. Xử lý ban đầu

2.4.2. Điều trị ngoại khoa

Bài 2: VẾT THƯƠNG PHẦN MỀM

Thời gian: 6 giờ (LT: 02 giờ; TH: 04 giờ)

1. MỤC TIÊU

- Mô tả đặc điểm của vết thương phần mềm.
- Trình bày cách xử trí vết thương phần mềm.

2. NỘI DUNG

2.1. Đặc điểm của vết thương phần mềm:

2.2. Triệu chứng lâm sàng

2.2.1. Triệu chứng toàn thân

2.2.2. Tại vết thương

2.3. Diễn tiến và biến chứng

2.4. Xử trí

2.4.1. Xử lý ban đầu

2.4.2. Điều trị ngoại khoa

2.5. Thực hành xử trí vết thương phần mềm

Bài 3: CHẤN THƯƠNG SỌ NÃO

Thời gian: 6 giờ (LT: 02 giờ; TH: 04 giờ)

1. MỤC TIÊU

- Trình bày được 04 dạng tổn thương trong chấn thương sọ não.

- Mô tả được dấu hiệu lâm sàng bệnh nhân có máu tụ nội sọ.
- Trình bày được nguyên tắc vận chuyển bệnh nhân lên tuyến trên.

2. NỘI DUNG

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng lâm sàng

2.2.1. Chấn động não

2.2.2. Giập não

2.2.3. Máu tụ nội sọ

2.2.4. Lún sọ

2.3. Tiên lượng

2.4. Xử trí

2.4.1. Xử lý ban đầu

2.4.2. Điều trị ngoại khoa

2.5. Thực hành khám lâm sàng bệnh nhân chấn thương sọ não

Bài 4: VẾT THƯƠNG NGỰC Thời gian: 02 giờ (LT: 02 giờ; TH: 00 giờ)

1. MỤC TIÊU

- Trình bày được cách phân loại vết thương ngực.
- Mô tả được triệu chứng lâm sàng của vết thương ngực.
- Vận dụng để xử trí ban đầu vết thương ngực ở tuyến y tế cơ sở.

2. NỘI DUNG

2.1. Đại cương

2.2. Phân loại vết thương

2.2.1. Vết thương thành ngực đơn thuần

2.2.2. Vết thương thấu ngực gồm

2.3. Triệu chứng lâm sàng

2.3.1. Vết thương thành ngực đơn thuần:

2.3.2. Vết thương ngực hở

2.3.3. Vết thương ngực có van

2.4. Biến chứng

2.5. Xử trí

2.5.1. Xử lý ban đầu

2.5.2. Điều trị ngoại khoa

Bài 5: CHẤN THƯƠNG THẬN Thời gian: 01 giờ (LT: 01 giờ; TH: 00 giờ)

1. MỤC TIÊU

- Trình bày được triệu chứng lâm sàng của chấn thương thận.
- Vận dụng để xử trí ban đầu chấn thương thận ở tuyến y tế cơ sở.

2. NỘI DUNG

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng lâm sàng

2.3. Diễn tiến

2.4. Xử trí

2.4.1. Xử lý ban đầu

2.4.2. Điều trị ngoại khoa

Bài 6: CHẤN THƯƠNG NIỆU ĐẠO

Thời gian: 01 giờ (LT: 01 giờ; TH: 00 giờ)

1. MỤC TIÊU

- Trình bày được các nguyên nhân gây chấn thương niệu đạo.
- Trình bày được triệu chứng lâm sàng chấn thương niệu đạo trước và niệu đạo sau.
- Vận dung để xử trí ban đầu chấn thương niệu đạo ở tuyến y tế cơ sở.

2. NỘI DUNG

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng lâm sàng

2.2.1. Chấn thương niệu đạo trước

2.2.2. Chấn thương niệu đạo sau

2.3. Xử trí ban đầu ở tuyến y tế cơ sở

2.3.1. Chấn thương niệu đạo trước

2.3.2. Chấn thương niệu đạo sau

Bài 7: CHẤN THƯƠNG BỤNG KÍN

Thời gian: 01 giờ (LT: 01 giờ; TH: 00 giờ)

1. MỤC TIÊU

- Trình bày được triệu chứng lâm sàng của chấn thương bụng.
- Vận dụng để xử trí ban đầu chấn thương bụng ở tuyến y tế cơ sở.

2. NỘI DUNG

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng lâm sàng

2.3. Xử trí

2.3.1. Xử lý ban đầu

2.3.2. Điều trị ngoại khoa

Bài 8: VẾT THƯƠNG BỤNG Thời gian: 01 giờ (LT: 01 giờ; TH: 00 giờ)

1. MỤC TIÊU

- Trình bày được cách phân loại vết thương bụng.
- Mô tả được triệu chứng lâm sàng của chấn thương bụng.
- Vận dụng để xử trí ban đầu chấn thương bụng ở tuyến y tế cơ sở.

2. NỘI DUNG

2.1. Đại cương

2.2. Phân loại vết thương

2.3. Triệu chứng lâm sàng

2.4. Xử trí

2.4.1. Xử lý ban đầu

2.4.2. Điều trị ngoại khoa

Bài 9: VIÊM TỤY CẤP Thời gian: 01 giờ (LT: 01 giờ; TH: 00 giờ)

1. MỤC TIÊU

- Trình bày Chẩn đoán bệnh viêm tụy cấp trong trường hợp điển hình.
- Trình bày được các nguyên tắc điều trị viêm tuỵ cấp.
- Thực hành dự phòng và giáo dục sức khoẻ: tránh các yếu tố nguy cơ gây viêm tuỵ cấp.

2. NỘI DUNG

1. Đại cương

2. Triệu chứng

2.1. Triệu chứng cơ năng

2.2. Triệu chứng thực thể

2.3. Cận lâm sàng

4. Chẩn đoán

5. Diễn biến và biến chứng

6. Điều trị

7. Giáo dục sức khỏe

Bài 10: VIÊM RUỘT THỪA CẤP Thời gian: 02 giờ (LT: 02 giờ; TH: 00 giờ)

1. MỤC TIÊU

- Trình bày các triệu chứng lâm sàng chính để chẩn đoán VRT cấp.
- Trình bày 3 biến chứng trước mổ của viêm ruột thừa cấp.
- Trình bày nguyên tắc xử trí ban đầu viêm ruột thừa cấp ở tuyến y tế cơ sở.

2. NỘI DUNG

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng lâm sàng

2.3. Chẩn đoán

2.3.1. Chẩn đoán xác định

2.3.2. Chẩn đoán phân biệt

2.4. Diễn tiến và biến chứng

2.5. Xử trí

2.5.1. Xử lý ban đầu

2.5.2. Điều trị ngoại khoa

Bài 11: THỦNG DẠ DÀY – TÁ TRÀNG

Thời gian: 02 giờ (LT: 02 giờ; TH: 00 giờ)

1. MỤC TIÊU

- Trình bày triệu chứng lâm sàng chính để chẩn đoán.
- Mô tả được ba biến chứng trước mổ của VRT cấp.
- Trình bày được nguyên tắc xử trí ban đầu bệnh thủng DD - TT ở tuyến y tế cơ sở.

2. NỘI DUNG

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng lâm sàng

2.3. Chẩn đoán

2.3.1. Chẩn đoán xác định

2.3.2. Chẩn đoán phân biệt

2.4. Biến chứng

2.5. Xử trí

2.5.1. Xử lý ban đầu

2.5.2. Điều trị ngoại khoa

Bài 12: VIÊM PHÚC MẠC Thời gian: 06 giờ (LT: 02 giờ; TH: 04 giờ)

1. MỤC TIÊU

- Trình bày triệu chứng lâm sàng của VPM.
- Thực hành xử trí VPM ở tuyến y tế cơ sở.

2. NỘI DUNG

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng lâm sàng

2.3. Chẩn đoán

2.3.1. Chẩn đoán xác định

2.3.2. Chẩn đoán phân biệt

2.4. Diễn tiến

2.5. Xử trí

2.5.1. Xử lý ban đầu

2.5.2. Điều trị ngoại khoa

2.6. Thực hành khám lâm sàng viêm phúc mạc

Bài 13: TẮC RUỘT CƠ HỌC Thời gian: 06 giờ (LT: 02 giờ; TH: 04 giờ)

1. MỤC TIÊU

- Trình bày các nguyên nhân gây tắc ruột cơ học.
- Mô tả triệu chứng lâm sàng của tắc ruột cơ học.
- Vận dụng để xử trí tắc ruột cơ học ở tuyến y tế cơ sở.

2. NỘI DUNG

2.1. Đại cương

2.2. Nguyên nhân

2.3. Triệu chứng lâm sàng

2.4. Chẩn đoán

2.4.1. Chẩn đoán xác định

2.4.2. Chẩn đoán phân biệt

2.5. Xử trí

2.5.1. Xử lý ban đầu

2.5.2. Điều trị ngoại khoa

2.6. Thực hành khám lâm sàng tắc ruột

Bài 14: LỒNG RUỘT CẤP TÍNH Ở TRẺ EM Thời gian: 01 giờ

1. MỤC TIÊU

- Trình bày triệu chứng lâm sàng của lồng ruột.
- Vận dụng để xử trí lồng ruột cấp tính ở tuyến y tế cơ sở.

2. NỘI DUNG

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng lâm sàng

2.3. Chẩn đoán

2.3.1. Chẩn đoán xác định

2.3.2. Chẩn đoán phân biệt

2.4. Xử trí

2.4.1. Xử lý ban đầu

2.4.2. Điều trị ngoại khoa

Bài 15: THOÁT VỊ BỆN NGHẸT Thời gian: 02 giờ

1. MỤC TIÊU

- Trình bày được triệu chứng lâm sàng thoát vị bẹn nghẹt.
- Vận dụng để xử trí ban đầu thoát vị bẹn nghẹt ở tuyến y tế cơ sở.

2. NỘI DUNG

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng lâm sàng

2.3. Chẩn đoán

2.3.1. Chẩn đoán xác định

2.3.2. Chẩn đoán phân biệt

2.4. Xử trí

2.4.1. Xử lý ban đầu

2.4.2. Điều trị ngoại khoa

Bài 16: NHIỄM TRÙNG NGOẠI KHOA Thời gian: 02 giờ

1. MỤC TIÊU

- Trình bày được triệu chứng lâm sàng của nhiễm khuẩn.
- Mô tả cơ chế gây bệnh của vi khuẩn.
- Vận dụng để xử trí ban đầu nhiễm khuẩn ngoại khoa tại tuyến y tế cơ sở.

2. NỘI DUNG

2.1. Đại cương

2.2. Cơ chế gây bệnh

2.2.1. Cách gây bệnh của vi khuẩn

2.2.2. Sức đề kháng của cơ thể

2.3. Triệu chứng lâm sàng

2.3.1. Tại chổ

2.3.2. Toàn thân

2.3.3. Cận lâm sàng

2.4. Xử trí

2.4.1. Nâng cao thể trạng cho bệnh nhân

2.4.2. Điều trị tại chỗ

2.5. Dự phòng

Bài 17: ÁP XE NÓNG – ÁP XE LẠNH Thời gian: 01 giờ

1. MỤC TIÊU

- Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng của áp xe nóng – áp xe lạnh.
- Vận dụng để xử trí áp xe nóng - áp xe lạnh ở tuyến y tế cơ sở.

2. NỘI DUNG

2.1. Áp xe nóng

2.1.1. Nguyên nhân

2.1.2. Triệu chứng lâm sàng

2.1.3. Chẩn đoán

2.1.4. Xử trí

2.2. Áp xe lạnh

2.2.1. Nguyên nhân

2.2.2. Triệu chứng lâm sàng

2.2.3. Xử trí

Bài 18: CẤP CỨU NGOẠI KHOA VÙNG BỤNG Thời gian: 2 giờ

1. MỤC TIÊU

- Trình bày cách phân khu vùng bụng.
- Trình bày được tên các bệnh thường gặp trong cấp cứu ngoại khoa vùng bụng.
- Trình bày được các triệu chứng khi khám lâm sàng.
- Vận dụng để xử trí ban đầu tại tuyến y tế cơ sở.

2.NỘI DUNG

2.1. Đại Cương

2.2. Cách phân khu vùng bụng

2.2.1. Hai đường thẳng ngang

2.2.2. Hai đường thẳng dọc

2.3. Triệu chứng lâm sàng

2.3.1. Khai thác bệnh sử

2.3.2. Khám thực thể

2.3.3. Triệu chứng toàn thân

2.4. Xử trí

2.4.1. Xử lý ban đầu

2.4.2. Điều trị ngoại khoa

Bài 19: SỎI ỐNG MẬT CHỦ Thời gian: 2 giờ

1. MỤC TIÊU

- Trình bày các nguyên nhân chủ yếu gây sỏi ống mật chủ.
- Mô tả triệu chứng lâm sàng sỏi ống mật chủ.
- Vận dụng để xử trí ban đầu ở tuyến y tế cơ sở.

2. NỘI DUNG

2.1. Nguyên nhân

2.2. Triệu chứng lâm sàng

2.3. Diễn biến và biến chứng

2.4. Chẩn đoán

2.4.1. Chẩn đoán xác định

2.4.2. Chẩn đoán phân biệt

2.5. Xử trí

2.5.1. Xử lý ban đầu

2.5.2. Điều trị ngoại khoa

Bài 20: SỎI HỆ NIỆU Thời gian: 01 giờ

1. MỤC TIÊU

- Trình bày các nguyên nhân gây sỏi hệ tiết niệu
- Mô tả triệu chứng lâm sang của sỏi hệ tiết niệu
- Vận dụng để xử trí và điều trị sỏi hệ tiết niệu

2. NỘI DUNG

2.1. Đại cương

2.1.1. Tại chổ

2.1.2. Toàn thân

2.2. Triệu chứng lâm sàng

2.2.1. Cơn đau quặn thận điển hình

2.2.2. Tiểu ra mủ, thường xuất hiện ngay sau cơn đau

2.3. Biến chứng

2.4. Xử trí

2.4.1. Xử lý ban đầu

2.4.2. Điều trị ngoại khoa

Bài 21: ÁP XE GAN Thời gian: 01 giờ

1. MỤC TIÊU

- Trình bày triệu chứng lâm sàng của áp xe gan do Amíp.
- Trình bày được các biến chứng thường gặp.
- Vận dụng để xử trí áp xe gan do Amíp ở tuyến y tế cơ sở.

2. NỘI DUNG

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng lâm sàng

2.3. Biến chứng

2.4. Xử trí

2.4.1. Xử lý ban đầu

2.4.2. Điều trị ngoại khoa

Bài 22: HẸP MÔN VỊ Thời gian: 01 giờ

1. MỤC TIÊU

- Trình bày được các nguyên nhân dẫn đến hẹp môn vị.
- Mô tả được triệu chứng lâm sàng của hẹp môn vị.
- Vận dụng để xử trí ban đầu hẹp môn vị ở tuyến y tế cơ sở.

2. NỘI DUNG

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng lâm sàng

2.3. Xử trí

2.3.1. Xử lý ban đầu

2.3.2. Điều trị ngoại khoa

Bài 23: BỆNH TRĨ Thời gian: 01 giờ

1. MỤC TIÊU

- Trình bày triệu chứng lâm sàng bệnh trĩ.
- Vận dụng để xử trí ban đầu bệnh trĩ ở tuyến y tế cơ sở.

2. NỘI DUNG

2.1. Đại Cương

2.2. Triệu chứng lâm sàng

2.3. Biến chứng

2.4. Xử trí

2.4.1. Xử lý ban đầu

2.4.2. Điều trị ngoại khoa

Bài 24: ĐẠI CƯƠNG GÃY XƯƠNG CHẤN THƯƠNG

Thời gian: 07 giờ (LT: 02 giờ; TH: 05 giờ)

1. MỤC TIÊU

- Trình bày các dấu hiện lâm sàng để chẩn đoán gãy xương.
- Mô tả được 03 biến chứng của gãy xương.

2. NỘI DUNG

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng lâm sàng

2.3. Biến chứng

2.3.1. Biến chứng sớm

2.3.2. Biến chứng muộn

2.4. Xử trí

2.5. Nguyên tắc điều trị

2.6. Thực hành sơ cứu gãy xương hở, khám lâm sàng gãy xương kín.

Bài 25: GÃY CỘT SỐNG Thời gian: 02 giờ

1. MỤC TIÊU

- Trình bày được triệu chứng lâm sàng gãy cột sống.
- Trình bày nguyên tắc sơ cứu ban đầu ở tuyến y tế cơ sở.

2. NỘI DUNG

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng lâm sàng

2.2.1. Gãy cột sống không liệt tuỷ

2.2.2. Gãy cột sống có liệt tuỷ

2.3. Xử trí

2.3.1. Xử lý ban đầu

2.3.2. Điều trị ngoại khoa

Bài 26: TRẬT KHỚP Thời gian: 06 giờ (LT: 04 giờ; TH: 02 giờ)

1.MỤC TIÊU

- Trình bày được nguyên nhân trật khớp.
- Trình bày được triệu chứng lâm sàng của trật khớp.
- Mô tả được biến chứng của trật khớp.
- Vận dụng để xử trí trật khớp ở tuyến y tế cơ sở.

2. NỘI DUNG

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng lâm sàng

2.2.1.Triệu chứng cơ năng

2.2.2. Triệu chứng thực thể

2.2.3. Cận lâm sàng

2.3. Biến chứng

2.4. Sơ cứu

Bài 27: BỎNG Thời gian: 06 giờ (LT: 04 giờ; TH: 02 giờ)

1. MỤC TIÊU

- Trình bày được nguyên nhân gây bỏng.
- Mô tả chẩn đoán mức độ, diện tích bỏng.
- Trình bày được nguyên tắc sơ cứu và điều trị bỏng.

2. NỘI DUNG

2.1. Đại cương

2.2. Phân loại

2.3. Cách tính diện tích bỏng

2.4. Tiên lượng

2.5. Diễn biên

2.6. Điều trị

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết và thực hành tiền lâm sàng tại trường

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu Projector, bảng phấn, mô hình, tranh ảnh minh họa

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Phim, tranh ảnh minh họa các dụng cụ thực tập tại trường, tài liệu phát tay cho học sinh, tài liệu tham khảo, bảng kiểm thực hành.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về:

+ Nguyên nhân gây ra một số bệnh thông thường.

+ Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng một số bệnh thông thường.

+ Chẩn đoán được các bệnh cấp cứu ngoại khoa thường gặp.

+ Xử trí ban đầu một số bệnh cấp cứu ngoại khoa thông thường.

- Kỹ năng: Thực hành được các kỹ năng cơ bản về:

+ Khai thác chính xác, có hệ thống các triệu chứng cơ năng các bệnh lý Ngoại khoa thông thường.

+ Khám chính xác các triệu chứng lâm sàng các bệnh cấp cứu ngoại khoa thường gặp.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có khả năng khám, xử trí ban đầu độc lập tại y tế cơ sở.

+ Có khả năng hợp tác chuyên môn cho đồng nghiệp tại y tế cơ sở.

2. Phương pháp: Đánh giá mô đun theo Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH.

2.1. Điều kiện sinh viên được thi kết thúc mô đun:

- Sinh viên tham gia ít nhất 80% thời gian học tập trên lớp.

- Hoàn thành đủ 05 cột điểm kiểm tra:

+ Kiểm tra thường xuyên: (điểm hệ số 1) 2 cột điểm.

+ Kiểm tra định kỳ: (điểm hệ số 2) 3 cột điểm.

- Điểm trung bình kiểm tra (TBKT) ≥ 5.0.

2.2. Thi kết thúc mô đun:

- Phương pháp đánh giá: Thi viết trắc nghiệm.

- Hệ số đánh giá:

+ Điểm TB môn học: bằng điểm TBKT*0,4 + điểm Thi*0,6.

+ Điềm đánh giá theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

+ Điểm TB mô đun từ thang điểm 10 chuyển sang thang điểm chữ A, B, C, D, F. Từ thang điểm chữ chuyển về thang điểm 4 để tính điểm trung bình tích lũy mô đun theo quy định.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Áp dụng cho sinh viên ngành Y sĩ đa khoa trình độ Cao đẳng

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Áp dụng các biện pháp giảng dạy tích cực.
- Đối với người học: Chủ động nghiên cứu tài liệu trước khi lên lớp.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

- PGS-TS-BS. Đỗ Đình Công (2022), Ngoại khoa cơ sở, NXB Y học.
- GS-TS-BS.Đoàn Quốc Hưng (2022), Bài giảng bệnh học Ngoại khoa, NXB Y học.
- Giáo trình môn học: Bệnh học Ngoại khoa, Trường CĐYT Đắk Lắk
- Dự án Mẹ -Em - 2013 – Bảng kiểm kỹ năng lâm sàng – NXBYH

5. Ghi chú và giải thích (nếu có): Không

HIỆU TRƯỞNG

(*Đã ký*)

Tạ Thị Nhất Sương

Tên mô đun: SỨC KHỎE TRẺ EM

Mã mô đun: MĐ11.YS

Thời gian thực hiện mô đun: 60 giờ; (Lý thuyết: 29 giờ; Thực hành: 29 giờ; Kiểm tra 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun

- Vị trí: Do trẻ em từ khi sinh ra cho đến khi trưởng thành phải trải qua nhiều giai đoạn. Trong mỗi giai đoạn đều có những đặc điểm khác nhau về sự phát triển tinh thần vận động, thể chất. Vì thế, trong mỗi giai đoạn phát triển trẻ em cũng dễ mắc những bệnh khác nhau và dễ dẫn đến những biến chứng khác nhau, ảnh hưởng đến sự hình thành, phát triển nhân cách của trẻ sau này. Song song đó những bệnh tật này dễ dẫn đến tử vong. Do vậy mô đun này giúp những sinh viên có tầm nhìn về đặc điểm phát triển trẻ em, để chăm sóc và phòng chống bệnh tật, nhằm tạo cho thế hệ trẻ tương lai phát triển tốt về mọi mặt.
- Tính chất: Mô đun giúp học sinh hiểu như thế nào là bệnh lý ở trẻ em, giúp học sinh hiểu rõ về cơ chế bệnh, sinh lý bệnh, điều trị bệnh một cách đúng, hiệu quả nhằm đem lại sức khỏe cho trẻ em.

II. Mục tiêu mô đun

- Kiến thức: Nêu được tính chất các bệnh lý thường gặp ở trẻ em.
- Kỹ năng: Biết vận dụng triệu chứng học, cơ chế sinh lý, bệnh lý ở trẻ nhằm chẩn đoán đúng để có hướng điều trị tốt nhất cho trẻ.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Tích cực vận dụng những kiến thức đã học để đem lại sức khỏe tốt nhất cho trẻ.

III. Nội Dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	**Sự phát triển cơ thể trẻ em qua 6 thời kỳ** 1. Đại cương 2. Các thời kỳ phát triển 2.1. Thời kỳ phát triển trong tử cung	4	2	2	2

	2.2. Thời kỳ sơ sinh 2.3. Thời kỳ bú mẹ 2.4. Thời kỳ răng sữa 2.5. Thời kỳ niên thiếu 2.6. Thời kỳ dậy thì				
2	**Đặc điểm giải phẫu sinh lý ở trẻ em** 1. Đại cương 2. Các hệ 2.1. Đặc điểm da trẻ em 2.2. Đặc điểm hệ cơ 2.3. Đặc điểm hệ xương 2.4. Đặc điểm hệ hô hấp 2.5. Đặc điểm tim 2.6. Đặc điểm hệ máu 2.7. Đặc điểm của bộ máy tiêu hóa ở trẻ em 2.8. Đặc điểm bộ máy giờ niệu ở trẻ em	4	2	2	
3	**Sự phát triển thể chất, tinh thần, vận động** 1. Đại cương 2. Phát triển thể chất ở trẻ em 2.1. Những yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển về thể chất 2.2. Những chỉ số đánh giá sự phát triển về thể chất 2.3. Sự tăng trưởng về cân nặng 2. 4. Một số chỉ số khác 3. Sự phát triển tinh thần và vận động 3.1. Những yếu tố tạo thành sự phát triển về tinh thần - vận động 3.2. Kỹ thuật khám	4	2	2	

	3.3. Những mốc chính trong sự phát triển tinh thần - vận động				
4	**Dinh dưỡng trẻ em (bú mẹ, ăn nhân tạo, ăn thêm)** 1. Đại cương 2. Nuôi con bằng sữa mẹ 2.1. Sinh lý của sự sản xuất sữa 2.2. Lượng sữa mẹ 2.3. Thành phần sữa mẹ 2.4. Tầm quan trọng của sữa mẹ 2.5. Phương pháp nuôi trẻ bằng sữa mẹ 3. Ăn nhân tạo 3.1. Nuôi trẻ bằng sữa khác sữa mẹ 3.2. Phương pháp cho ăn 3.3. Các loại sữa thường dùng 4. Ăn Bổ sung 4.1. Ăn dặm (ăn bổ sung hay ăn sam) 4.2. Thức ăn bổ sung 4.3. Cách cho trẻ ăn bổ sung	4	2	2	
5	**Suy dinh dưỡng và chương trình phòng chống SDD** 1. Tầm quan trọng của vấn đề suy dinh dưỡng protein-năng lượng (SDDPNL) trẻ 2. Nguyên nhân SDDPNL và các yếu tố nguy cơ 3. Sinh lý bệnh của SDDPNL 4. Những biến đổi về chức năng và tổn thương bệnh lý 5. Phân loại suy dinh dưỡng protein-năng lượng	4	2	2	

	6. Triệu chứng lâm sàng 6.1. Suy dinh dưỡng thể teo đét (thể Marasmus, thể xác ướp) 6.2. Suy dinh dưỡng thể phù (Thể Kwashiorkor) 6.3. Thể Marasmus- Kwashiorkor (Thể phối hợp hay trung gian) 6.4. Suy dinh dưỡng bào thai 7. Xét nghiệm cận lâm sàng 8. Những biện pháp đề phòng SDĐ tại cộng đồng 9. Phòng bệnh suy dinh dưỡng qua chương trình 10. Điều trị suy dinh dưỡng 11.Vấn đề phục hồi dinh dưỡng sau khi ra viện				
6	**Thiếu Vitamin A và bệnh khô mắt ở trẻ em** 1. Đại cương 2. Chuyển hóa và vai trò sinh lý của vitamin A trong cơ thể 2.1. Nguồn cung cấp vitamin A 2.2. Chuyển hóa vitamin 2.3. Vai trò của vitamin A trong cơ thể 2.4. Nhu cầu vitamin A 3. Dịch tễ học 4. Nguyên nhân thiếu vitamin A 4.1. Do cung cấp giảm 4.2. Do rối loạn quá trình hấp thu 4.3. Do tăng nhu cầu vitamin A 4.4. Yếu tố nguy cơ	4	2	2	

	5. Lâm sàng 5.1. Triệu chứng toàn thân 5.2. Triệu chứng đặc hiệu là ở mắt phân loại theo OMS (1982) 6. Xét nghiệm 7. Chẩn đoán 8. Điều trị				
7	**Còi xương do thiếu Vitamin D** 1. Đại cương 2. Chuyển hóa vitamin D và vai trò sinh lý của nó trong cơ thể 2.1. Nguồn cung cấp vitamin D 2.2. Chuyển hoá và vai trò sinh lý của vitamin D trong cơ thể 3. Dịch tễ học 4. Nguyên nhân của bệnh còi xương thiếu vitamin D 4.1. Chủ yếu do thiếu ánh sáng mặt trời 4.2. Do ăn uống 4.3. Yếu tố thuận lợi 5. Các thể lâm sàng 5.1. Thể cổ điển ở trẻ trên 6 tháng 5.2. Bệnh còi xương sớm ở trẻ < 6 tháng 5.3. Bệnh còi xương bào thai 6. Chẩn đoán còi xương tại cộng đồng 7. Điều trị 8. Phòng bệnh	4	2	2	
8	**Nhiễm Khuẩn hô hấp cấp và chương trình ARI** 1. Đại cương	4	2	2	

	2. Các tác nhân gây nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính ở trẻ em 3. Phân loại nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính ở trẻ em 3.1. Dựa trên tác nhân gây bệnh 3.2. Dựa trên vị trí giải phẫu học của tổn thương 4. Chẩn đoán và điều trị một số nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính 4.1. Nhiễm khuẩn hô hấp trên 4.1.1. Viêm mũi họng cấp 4.1.2. Viêm họng cấp 4.1.3. Viêm tai giữa cấp 4.2. Nhiễm khuẩn hô hấp dưới 4.2.1. Viêm thanh quản cấp (VTQC) 4.2.2. Viêm thanh khí phế quản cấp (VTKPQC) 4.2.3. Viêm phổi 5. Chương Trình Nhiễm Khuẩn Hô Hấp Cấp				
9	**Nhiễm trùng sơ sinh** 1. Định nghĩa 2. Dịch tễ 3. Đường xâm nhập vào thai và sơ sinh của các mầm bệnh 4. Một số bệnh nhiễm khuẩn thường gặp 4.1. Da 4.2. Niêm mạc 4.3. Mắt 4.4. Miệng 4.5. Nhiễm khuẩn rốn: uốn ván rốn sơ	4	2	2	

	sinh 4.6. Nhiễm trùng huyết				
10	**Tiêu Chảy Và Chương Trình Phòng Chống Tiêu Chảy** 1. Đại cương 2. Dịch tễ học và căn nguyên bệnh tiêu chảy 3. Căn nguyên của bệnh tiêu chảy 4. Phân loại bệnh tiêu chảy 4.1. Tiêu chảy phân lỏng cấp tính 4.2. Hội chứng lỵ 4.3. Tiêu chảy kéo dài 5. Sinh lý bệnh tiêu chảy phân nước, mất nước, bù nước 6. Hậu quả tiêu chảy mất nước 7. Đánh giá bệnh nhân tiêu chảy 8. Xét nghiệm 9. Điều trị tiêu chảy 9.1. Phác đồ điều trị A: Điều trị tiêu chảy tại nhà 9.2. Phác đồ điều trị B: Bệnh nhân mất nước nhẹ hoặc trung bình 9.3. Phác đồ điều trị C: điều trị bệnh nhân mất nước nặng 10. Dinh dưỡng điều trị bệnh tiêu chảy 11. Phòng bệnh tiêu chảy	4	2	2	
11	**Thấp Tim Và Chương Trình Phòng chống thấp tim** 1. Đại cương 2. Định nghĩa 3. Dịch tễ học	5	2	3	

	4. Nguyên nhân 5. Cơ chế sinh bệnh 6. Lâm sàng 6.1. Biểu hiện ở khớp 6.2. Biểu hiện tại tim (viêm tim) 6.3. Biểu hiện thần kinh 6.4. Múa giật (Chorée): gọi là múa giật Sydenham 6.5. Hồng ban vòng 7. Cận lâm sàng 8. Chẩn đoán xác định: dựa vào tiêu chuẩn Jones 9. Chẩn đoán phân biệt 10. Điều trị 11. Phòng bệnh				
12	**Hội chứng co giật trẻ em** 1. Đại cương 2. Nguyên nhân 2.1. Co giật có nguyên nhân gợi ý 2.2. Co giật không có nguyên nhân kích gợi 3. Tiếp cận chẩn đoán co giật 4. Lâm sàng 5. Xét nghiệm 6. Co giật do sốt 6.1. Định nghĩa 6.2. Lâm sàng 7. Xử trí cơn co giật 7.1. Nguyên tắc chung 7.2. Xử trí cụ thể 7.3. Điều trị theo nguyên nhân	3	1	2	
13	**Viêm cầu thận cấp**	3	2	1	

	1. Đại cương 2. Nguyên nhân và dịch tễ học 3. Nhắc lại sơ lược đặc điểm giải phẫu-sinh lý thận trẻ em 4. Sinh lý bệnh 5. Triệu chứng lâm sàng (thể điển hình) 5.1. Phù 5.2. Thiểu niệu 5.3. Tiểu máu 5.1. Cao HA 6. Cận lâm sàng 7. Chẩn đoán 8. Các thể lâm sàng 9. Điều trị 10. Dự phòng				
14	**Hội chứng thận hư** 1. Đại cương 2. Định nghĩa 3. Phân loại 3.1. Hội chứng thận hư nguyên phát 3.2. Hội chứng thận hư thứ phát 4. Dịch tễ học 5. Sinh lý bệnh 6. Lâm sàng 7. Xét nghiệm 8. Phân loại HCTH trẻ em 8.1. Theo nguyên nhân 8.2. Theo lâm sàng 8.3. Theo tiến triển 8.4. Theo điều trị 8.5. Theo giải phẫu bệnh lý	4	2	2	

	9. Hội chứng thận hư đơn thuần 9.1. Phù 9.2. Không có dấu hiệu của viêm cầu thận cấp 9.3. Triệu chứng khác 9.4. Xét nghiệm 10. Hội chứng thận hư kết hợp 10.1. Lâm sàng 10.2. Xét nghiệm 11. Biến chứng 12. Điều trị				
15	**Nhiễm trùng tiết niệu** 1. Đại cương 2. Dịch tễ học 3. Sinh lý bệnh 4. Cơ chế gây bệnh 4.1. Nhiễm trùng tiểu ngược dòng 4.2. Nhiễm trùng tiểu qua đường máu 4.3. Những yếu tố thuận lợi làm tăng sinh vi khuẩn 5. Lâm sàng 5.1. Viêm bàng quang cấp 5.2. Viêm thận-bể thận cấp 6. Xét nghiệm 7. Chẩn đoán 8. Điều trị và dự phòng	3	2	1	
	Tổng	**60**	**29**	**29**	**2**

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: SỰ PHÁT TRIỂN CƠ THỂ TRẺ EM QUA 6 THỜI KỲ

Thời gian: 4 giờ (LT: 02 giờ; TH; 02 giờ)

1. MỤC TIÊU

- Trình bày được đặc điểm sinh lý và bệnh lý của các thời kỳ phát triển cơ thể trẻ em.
- Ứng dụng các đặc điểm vào việc chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ em theo từng lứa tuổi.

2. NỘI DUNG

2.1. Thời kỳ phát triển trong tử cung

2.2. Thời kỳ sơ sinh

2.3. Thời kỳ bú mẹ

2.4. Thời kỳ răng sữa

2.5. Thời kỳ niên thiếu

2.6. Thời kỳ dậy thì

Bài 2: ĐẶC ĐIỂM GIẢI PHẪU SINH LÝ TRẺ EM

Thời gian: 4 giờ (LT: 02 giờ; TH; 02 giờ)

1. MỤC TIÊU

- Trình bày được đặc điểm cấu tạo sinh lý và phát triển của hệ da, cơ, xương.
- Mô tả được các đặc điểm về giải phẫu và sinh lý hô hấp.
- Trình bày được đặc điểm riêng biệt về hệ thống tuần hoàn máu, tiêu hóa và giờ niệu trẻ em.

2. NỘI DUNG

2.1. Da trẻ em

2.2. Hệ cơ

2.3. Hệ xương

2.4. Hệ hô hấp

2.5. Tim

2.6. Đặc điểm hệ máu

2.7. Đặc điểm của bộ máy tiêu hóa ở trẻ em

2.8. Đặc điểm bộ máy giờ niệu ở trẻ em

Bài 3: SỰ PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT CỦA TRẺ EM SỰ PHÁT TRIỂN TINH THẦN VÀ VẬN ĐỘNG

Thời gian: 4 giờ (LT: 02 giờ; TH; 02 giờ)

1. MỤC TIÊU

- Trình bày được sự phát triển thể chất-tinh thần vận động trẻ em qua các thời kỳ.

2. NỘI DUNG

2.1. Phát triển thể chất ở trẻ tm

2.1.1. Những yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển về thể chất

2.1.2. Những chỉ số đánh giá sự phát triển về thể chất

2.1.3. Sự tăng trưởng về cân nặng

2.1.4. Một số chỉ số khác

2.2. Sự phát triển tinh thần và vận động

2.2.1. Những yếu tố tạo thành sự phát triển về tinh thần - vận động

2.2.2. Kỹ thuật khám

2.2.3. Những mốc chính trong sự phát triển tinh thần - vận động

Bài 4: DINH DƯỠNG TRẺ EM

Thời gian: 4 giờ (LT: 02 giờ; TH; 02 giờ)

1. MỤC TIÊU

- Trình bày được 5 lợi ích của việc nuôi con bằng sữa mẹ.
- Trình bày các thành phần trong sữa mẹ.
- Hướng dẫn các bà mẹ cách bảo vệ nguồn sữa mẹ và phương pháp cho con bú.

2. NỘI DUNG

2.1. Nuôi con bằng sữa mẹ

2.1.1. Sinh lý của sự sản xuất sữa

2.1.2. Phản xạ sinh sữa

2.1.3. Phản xạ xuống sữa (hay giờ sữa)

2.1.4. Lượng sữa mẹ

2.1.5. Các loại sữa mẹ

2.1.6. Thành phần sữa mẹ

2.1.7. Những vấn đề khác của nuôi con bằng sữa mẹ

2.1.8. Tầm quan trọng của sữa mẹ

2.1.9. Phương pháp nuôi trẻ bằng sữa mẹ

2.1.10. Những yếu tố làm giảm lượng sữa trong ngày

2.2. Ăn nhân tạo

2.2.1. Nuôi trẻ bằng sữa khác sữa mẹ

2.2.2. Những nguy hiểm của việc nuôi con bằng sữa nhân tạo (sữa công nghiệp, sữa bò

2.2.3. Phương pháp cho ăn

2.2.4. Các loại sữa thường dùng

2.3. Ăn Bổ Sung

2.3.1. Ăn dặm (ăn bổ sung hay ăn sam)

2.3.2. Thức ăn bổ sung

2.3.3. Cách cho trẻ ăn bổ sung

2.3.4. Vệ sinh ăn uống

2.3.5. Cách pha chế một số món ăn

2.3.6. Cho trẻ ăn khi ốm

2.3.7. Nhu cầu dinh dưỡng trẻ em

Bài 5: SUY DINH DƯỠNG - CHƯƠNG TRÌNH PHÒNG CHỐNG SUY DINH DƯỠNG TRẺ EM

Thời gian: 4 giờ (LT: 02 giờ; TH; 02 giờ)

1. MỤC TIÊU

- Trình bày được dịch tễ học của SDD, nguyên nhân và các yếu tố nguy cơ.
- Nêu lên được sinh lý bệnh của SDD và các biến đổi miễn dịch ở trẻ SDD.
- Thực hành khám và phát hiện các triệu chứng lâm sàng và biết cách phân loại bệnh SDD.
- Trình bày được phác đồ điều trị SDD của Tổ Chức Y Tế Thế Giới và thực hiện tuyên truyền, hướng dẫn phòng SDD tại cộng đồng và phòng SDD bào thai.

2. NỘI DUNG

2.1. Tầm quan trọng của vấn đề suy dinh dưỡng protein-năng lượng (SDDPNL) trẻ

2.2. Nguyên nhân SDDPNL và các yếu tố nguy cơ

2.3. Sinh lý bệnh của SDDPNL

2.4. Những biến đổi về chức năng và tổn thương bệnh lý

2.5. Phân loại suy dinh dưỡng protein-năng lượng

2.5.1. Triệu chứng lâm sàng

2.5.1.1. Suy dinh dưỡng thể teo đét (thể Marasmus, thể xác ướp)

2.5.1.2. Suy dinh dưỡng thể phù (Thể Kwashiorkor)

2.5.1.3. Thể Marasmus- Kwashiorkor (Thể phối hợp hay trung gian)

2.5.1.4. Suy dinh dưỡng bào thai

2.5.2. Xét nghiệm cận lâm sàng

2.6. Những biện pháp đề phòng SDD tại cộng đồng

2.7. Phòng bệnh suy dinh dưỡng qua chương trình

2.8. Điều trị suy dinh dưỡng

2.9. Vấn đề phục hồi dinh dưỡng sau khi ra viện

Bài 6: THIẾU VITAMIN A VÀ BỆNH KHÔ MẮT Ở TRẺ EM

Thời gian: 4 giờ (LT: 02 giờ; TH; 02 giờ)

1. MỤC TIÊU

- Trình bày được nguồn cung cấp, vai trò và chuyển hóa của vit A trong cơ thể
- Trình bày được dịch tễ học của thiếu vitamin A ở thế giới và nước ta.
- Mô tả được nguyên nhân và các yếu tố nguy cơ gây nên bệnh
- Mô tả các biểu hiệu lâm sàng của bệnh.
- Ứng dụng các phương pháp điều trị, hướng dẫn các bà mẹ phát hiện bệnh sớm và tuyên truyền các biện pháp phòng bệnh.

2. NỘI DUNG

2.1. Chuyển hóa và vai trò sinh lý của vitamin A trong cơ thể

2.1.1. Nguồn cung cấp vitamin A

2.1.2. Chuyển hóa vitamin

2.1.3. Vai trò của vitamin A trong cơ thể

2.1.4. Nhu cầu vitamin A

2.2. Dịch tễ học

2.3. Nguyên nhân thiếu vitamin A

2.3.1. Do cung cấp giảm

2.3.2. Do rối loạn quá trình hấp thu

2.3.3. Do tăng nhu cầu vitamin A

2.3.4. Yếu tố nguy cơ

2.4. Lâm sàng

2.4.1. Triệu chứng toàn thân

2.4. 2. Triệu chứng đặc hiệu là ở mắt

2.4. 3. Phân loại theo OMS (1982)

2.5. Xét nghiệm

2.6. Chẩn đoán

2.7. Điều trị

Bài 7: BỆNH CÒI XƯƠNG DO THIẾU VITAMIN D

Thời gian: 4 giờ (LT: 02 giờ; TH; 02 giờ)

1. MỤC TIÊU

- Trình bày được các nguyên nhân và các yếu tố nguy cơ của bệnh.
- Trình bày được tầm quan trọng và dịch tễ học của bệnh.
- Thực hành phát hiện được các triệu chứng của bệnh còi xương về lâm sàng và cận lâm sàng.
- Thực hiện tuyên truyền giáo dục các biện pháp phòng, chống bệnh còi xương.

2. NỘI DUNG

2.1. Chuyển hóa vitamin D và vai trò sinh lý của nó trong cơ thể

2.1.1. Nguồn cung cấp vitamin D

2.1.2. Chuyển hoá và vai trò sinh lý của vitamin D trong cơ thể

2.2. Dịch tễ học

2.3. Nguyên nhân của bệnh còi xương thiếu vitamin D

2.3.1. Chủ yếu do thiếu ánh sáng mặt trời

2.3.2. Do ăn uống

2.3.3. Yếu tố thuận lợi

2.4. Các thể lâm sàng

2.4.1. Thể cổ điển ở trẻ trên 6 tháng

2.4. 2. Bệnh còi xương sớm ở trẻ < 6 tháng

2.4. 3. Bệnh còi xương bào thai

2.5. Chẩn đoán còi xương tại cộng đồng

2.6. Điều trị

2.7. Phòng bệnh

Bài 8: NHIỄM KHUẨN HÔ HẤP CẤP TÍNH – CHƯƠNG TRÌNH ARI Ở TRẺ EM

Thời gian: 4 giờ (LT: 02 giờ; TH; 02 giờ)

1. MỤC TIÊU

- Trình bày các tác nhân gây nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính chính ở trẻ em.
- Mô tả cách phân loại nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính ở trẻ em.
- Thực hành chẩn đoán và xử trí được một số bệnh nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính ở trẻ em.
- Trình bày được cách phòng nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính.

2. NỘI DUNG

2.1. Các tác nhân gây nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính ở trẻ em

2.2. Phân loại nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính ở trẻ em

2.2.1. Dựa trên tác nhân gây bệnh

2.2.2. Dựa trên vị trí giải phẫu học của tổn thương

2.3. Chẩn đoán và điều trị một số nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính

2.3.1. Nhiễm khuẩn hô hấp trên

2.3.1.1. Viêm mũi họng cấp

2.3.1.2. Viêm họng cấp

2.3.1.3. Viêm tai giữa cấp

2.3.2. Nhiễm khuẩn hô hấp dưới

2.3.2.1. Viêm thanh quản cấp (VTQC)

2.3.2.2. Viêm thanh khí phế quản cấp (VTKPQC)

2.3.2.3. Viêm phổi

2.4. Chương trình nhiễm khuẩn hô hấp cấp

2.5. Xử trí

Bài 9: NHIỄM TRÙNG SƠ SINH Thời gian: 4 giờ (LT: 02 giờ; TH; 02 giờ)

1. MỤC TIÊU

- Trình bày định nghĩa nhiễm trùng sơ sinh.
- Trình bày được một số nhiễm trùng sơ sinh thường gặp.
- Ứng dụng kiến thức để điều trị và phòng bệnh nhiễm trùng sơ sinh.

2. NỘI DUNG

2.1. Định nghĩa

2.2. Dịch tễ

2.3. Đường xâm nhập vào thai và sơ sinh của các mầm bệnh

2.4. Một số bệnh nhiễm khuẩn thường gặp

2.4.1. Da

2.4.2. Niêm mạc

2.4.3. Mắt

2.4.4. Miệng

2.4.5. Nhiễm khuẩn rốn: uốn ván rốn sơ sinh

2.4.6. Nhiễm trùng huyết

Bài 10: TIÊU CHẢY VÀ CHƯƠNG TRÌNH PHÒNG CHỐNG TIÊU CHẢY Ở TRẺ EM

Thời gian: 5 giờ (LT: 02 giờ; TH; 03 giờ)

1. MỤC TIÊU

- Trình bày được định nghĩa, phân loại, tầm quan trọng và dịch tễ học của bệnh tiêu chảy cấp ở trẻ em.
- Trình bày được sinh lý của việc bù nước bằng đường uống, liệt kê và giải thích được thành phần của dung dịch ORS.
- Mô tả cách đánh giá và phân loại mất nước.
- Trình bày được các nguyên tắc, sử dụng đúng các phác đồ điều trị bệnh tiêu chảy.
- Trình bày được các chỉ định kháng sinh trong điều trị tiêu chảy, nêu được vai trò của dinh dưỡng trong và sau tiêu chảy.
- Thực hành các nguyên tắc phòng bệnh tiêu chảy.

2. NỘI DUNG

2.1. Dịch tễ học và căn nguyên bệnh tiêu chảy

2.2. Căn nguyên của bệnh tiêu chảy

2.3. Phân loại bệnh tiêu chảy

2.3.1. Tiêu chảy phân lỏng cấp tính

2.3.2. Hội chứng lỵ

2.3.3. Tiêu chảy kéo dài

2.4. Sinh lý bệnh tiêu chảy phân nước, mất nước, bù nước

2.5. Hậu quả tiêu chảy mất nước

2.6. Đánh giá bệnh nhân tiêu chảy

2.7. Xét nghiệm

2.8. Điều trị tiêu chảy

2.8.1. Phác đồ điều trị A: điều trị tiêu chảy tại nhà

2.8.2. Phác đồ điều trị B: điều trị bệnh nhân mất nước nhẹ hoặc trung bình

2.8.3. Phác đồ điều trị C: điều trị bệnh nhân mất nước nặng

2.9. Dinh dưỡng điều trị bệnh tiêu chảy

2.10. Phòng bệnh tiêu chảy

Bài 11: BỆNH THẤP TIM VÀ CHƯƠNG TRÌNH PHÒNG CHỐNG THẤP TIM TRẺ EM

Thời gian: 4 giờ (LT: 02 giờ; TH; 02 giờ)

1. MỤC TIÊU

- Trình bày định nghĩa được thấp tim.
- Trình bày được triệu chứng chính – phụ của thấp tim. Tiêu chuẩn chẩn đoán thấp tim theo JONES.
- Mô tả được các xét nghiệm chẩn đoán thấp tim.
- Thực hành phòng ngừa thấp tim.

2. NỘI DUNG

2.1. Đại cương

2.2. Định nghĩa

2.3. Dịch tễ học.

2.4. Nguyên nhân

2.5. Cơ chế sinh bệnh

2.6. Lâm sàng:

2.6.1. Biểu hiện ở khớp

2.6.2. Biểu hiện tại tim (viêm tim)

2.6.3. Biểu hiện thần kinh

2.6.4. Múa giật (chorée): gọi là múa giật sydenham

2.6.5. Hồng ban vòng

2.7. Cận lâm sàng

2.8. Chẩn đoán xác định: dựa vào tiêu chuẩn jones

2.9. Chẩn đoán phân biệt

3. Điều trị

4. Phòng bệnh

Bài 12: HỘI CHỨNG CO GIẬT TRẺ EM

Thời gian: 3 giờ (LT: 01 giờ; TH; 02 giờ)

1. MỤC TIÊU

- Trình bày nguyên nhân co giật trẻ em.
- Trình bày cách tiếp cận bệnh nhi co giật.
- Trình bày 4 chỉ định chọc dò tủy sống.
- Mô tả các bước điều trị cơn co giật.

2. NỘI DUNG

2.1. Nguyên nhân

2.1.1. Co giật có nguyên nhân gợi ý

2.1. 2. Co giật không có nguyên nhân kích gợi

2.2. Tiếp cận chẩn đoán co giật

2.3. Lâm sàng

2.4. Xét nghiệm

2.5. Co giật do sốt

2.5.1. Định nghĩa

2.5.2. Lâm sàng

2.6. Xử trí cơn co giật

2.6.1. Nguyên tắc chung

2.6.2. Xử trí cụ thể

2.6.3. Điều trị theo nguyên nhân

Bài 13: VIÊM CẦU THẬN CẤP Thời gian: 3 giờ (LT: 01 giờ; TH; 02 giờ)

1. MỤC TIÊU

- Trình bày được đại cương, nguyên nhân và các vấn đề dịch tể học, yếu tố nguy cơ gây bệnh viêm cầu thận cấp ở trẻ em.
- Phát hiện sớm các biểu hiện lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh viêm cầu thận cấp ở trẻ em để chẩn đoán sớm, phân tích được tiến triển và tiên lượng của bệnh.
- Trình bày được dược lý học của thuốc, phác đồ điều trị bệnh viêm cầu thận cấp ở trẻ em và nêu ra được các biện pháp dự phòng cho cộng đồng.

2. NỘI DUNG

2.1. Đại cương

2.2. Nguyên nhân và dịch tễ học

2.3. Nhắc lại sơ lược đặc điểm giải phẫu-sinh lý thận trẻ em

2.4. Sinh lý bệnh

2.5. Triệu chứng lâm sàng (thể điển hình)

2.5.1. Phù

2.5.2. Thiểu niệu

2.5.3. Tiểu máu

2.5.4. Cao HA

2.6. Cận lâm sàng

2.7. Chẩn đoán

2.8. Các thể lâm sàng

2.9. Điều trị

2.10. Dự phòng

Bài 14: HỘI CHỨNG THẬN HƯ Thời gian: 4 giờ (LT: 02 giờ; TH; 02 giờ)

1. MỤC TIÊU

- Trình bày và tiêu chuẩn chẩn đoán hội chứng thận hư (HCTH).
- Trình bày được dấu hiệu lâm sàng và xét nghiệm HCTH tiên phát.
- Mô tả được các biến chứng chủ yếu của HCTH tiên phát trẻ em.
- Ứng dụng để điều trị được HCTH tiên phát trẻ em.

2. NỘI DUNG

2.1. Đại cương

2.2. Định nghĩa

2.3. Phân loại

2.3.1. Hội chứng thận hư nguyên phát

2.3.2. Hội chứng thận hư thứ phát

2.4. Dịch tễ học

2.5. Sinh lý bệnh

2.6. Lâm sàng

2.7. Xét nghiệm

2.8. Phân loại HCTH trẻ em

2.8.1. Theo nguyên nhân

2.8.2. Theo lâm sàng

2.8.3. Theo tiến triển

2.8.4. Theo điều trị

2.8.5. Theo giải phẫu bệnh lý

2.9. Hội chứng thận hư đơn thuần

2.9.1. Phù

2.9.2. Không có dấu hiệu của viêm cầu thận cấp

2.9.3. Triệu chứng khác

2.9.4. Xét nghiệm

2.10. Hội chứng thận hư kết hợp

2.10.1. Lâm sàng

2.10.2. Xét nghiệm

2.11. Biến chứng

2.12. Điều trị

2.13. Dự phòng

Bài 15: NHIỄM KHUẨN ĐƯỜNG TIẾT NIỆU TRẺ EM

Thời gian: 3 giờ (LT: 02 giờ; TH; 01 giờ)

1. MỤC TIÊU

- Trình bày các vấn đề về dịch tễ học của bệnh nhiễm khuẩn đường tiết niệu trẻ em.
- Phân tích được cơ chế gây bệnh (sinh lý bệnh).
- Thực hành chẩn đoán sớm được bệnh.
- Phân tích được tiến triển của bệnh.
- Thực hành xây dựng được phác đồ điều trị và nêu ra các biện pháp chăm sóc sức khỏe ban đầu.

2. NỘI DUNG

2.1. Dịch tễ học

2.2. Sinh lý bệnh

2.3. Cơ chế gây bệnh

2.3.1. Nhiễm khuẩn đường tiết niệu ngược dòng

2.3.2. Nhiễm khuẩn đường tiết niệu qua đường máu

2.3.3. Những yếu tố thuận lợi làm tăng sinh vi khuẩn

2.4. Lâm sàng

2.4.1. Viêm bàng quang cấp

2.4.2. Viêm thận-bể thận cấp

2.5. Chẩn đoán

2.6. Điều trị và dự phòng

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết
2. Trang thiết bị máy móc: máy tính, máy chiếu, giáo trình
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu
4. Các điều kiện khác

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá

1. Nội dung:

- Về kiến thức: Nêu được tính chất các bệnh lý thường gặp ở trẻ em.
- Về kỹ năng: Biết vận dụng triệu chứng học, cơ chế sinh lý, bệnh lý ở trẻ nhằm chẩn đoán đúng để có hướng điều trị tốt nhất cho trẻ.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Tích cực vận dụng những kiến thức đã học để đem lại sức khỏe tốt nhất cho trẻ.

2. Phương pháp: Đánh giá mô đun theo Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH.

2.1. Điều kiện sinh viên được thi kết thúc mô đun:

- Sinh viên tham gia ít nhất 80% thời gian học tập trên lớp.
- Hoàn thành đủ 2 cột điểm kiểm tra:

+ Kiểm tra thường xuyên: (điểm hệ số 1) 1 cột điểm.

+ Kiểm tra định kỳ: (điểm hệ số 2) 2 cột điểm.

- Điểm trung bình kiểm tra (TBKT) ≥ 5.0.

2.2. Thi kết thúc mô đun

- Phương pháp đánh giá: Thi viết trắc nghiệm.
- Hệ số đánh giá:

+ Điểm TB mô đun: bằng điểm TBKT*0,4 + điểm Thi*0,6.

+ Điểm đánh giá theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

+ Điểm TB mô đun từ thang điểm 10 chuyển sang thang điểm chữ A, B, C, D, F. Từ thang điểm chữ chuyển về thang điểm 4 để tính điểm trung bình tích lũy mô đun theo quy định.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Trong chương trình đào tạo Y sĩ đa khoa hệ cao đẳng

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

- Đối với giáo viên, giảng viên: Chuẩn bị bài giảng, dụng cụ trực quan, trình chiếu, hướng dẫn, giải thích, làm mẫu.
- Đối với người học: Đọc trước bài, tìm hiểu thực tế, quan sát, nghe giảng, hỏi, ghi nhớ và làm theo.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

- Trường đại học Y dược TP.HCM (2020), Bài giảng nhi khoa tập 1-2, NXB Y học
- Trường đại học Y Hà Nội (2020), Bài giảng nhi khoa tập 1-2, NXB Y học.

- Bệnh viện nhi đồng I (2020), Phác đồ điều trị nhi khoa.
- Bộ Y Tế (2015), Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp ở trẻ em.
- Dự án Mẹ -Em - 2013 – Bảng kiểm kỹ năng lâm sàng – NXBYH

5. Ghi chú và giải thích (nếu có): Không

HIỆU TRƯỞNG

(*Đã ký*)

Tạ Thị Nhất Sương

Tên mô đun: SỨC KHỎE SINH SẢN

Mã mô đun: MĐ12.YS

Đối tượng: Y sĩ Cao đẳng chính quy

Thời gian thực hiện mô đun: 60 giờ; (Lý thuyết: 29 giờ; Thực hành: 29 giờ; Kiểm tra 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Học kỳ II

- Tính chất: Mô đun bắt buộc

II. Mục tiêu mô đun:

- Kiến thức:

+ Trình bày được những kiến thức chung về sức khỏe sinh sản.

+ Trình bày được sự thay đổi của bộ phận sinh dục nữ và vai trò của nó trong quá trình mang thai, chuyển dạ, đẻ và sau đẻ.

+ Nêu được những chẩn đoán ngôi, thế, kiểu thế, độ lọt của thai.

+ Trình bày được cơ chế và cách đỡ đẻ ngôi chỏm.

+ Trình bày được cách theo dõi và chăm sóc thai phụ trong các giai đoạn chuyển dạ, hậu sản và hậu phẫu.

+ Chẩn đoán và xử trí được một số bệnh lý sản phụ khoa.

+ Trình bày các bước tư vấn và nội dung kế hoạch hóa gia đình.

- Kỹ năng:

+ Chẩn đoán ngôi, thế, kiểu thế, độ lọt của thai

+ Theo dõi và chăm sóc thai phụ trong các giai đoạn chuyển dạ, hậu sản và hậu phẫu.

+ Khám phụ khoa đúng phương pháp và chữa được một số bệnh phụ khoa thông thường ở cơ sở.

+ Tư vấn những biện pháp thích hợp để kế hoạch hóa gia đình.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Nhận thức được tầm quan trọng của chăm sóc sức khỏe sinh sản đối với sản phụ.

+ Thái độ ân cần và trách nhiệm khi theo dõi và chăm sóc cho sản phụ.

III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng	Lý	Thực	Kiểm

		số	thuyết	hành	tra
1	**Hiện tượng thụ tinh, làm tổ và phát triển của trứng** 1. Sự thụ tinh 1.1. Định nghĩa 1.2. Sự sinh tinh trùng 1.3. Sự sinh noãn bào 1.4. Cơ chế của sự thụ tinh 2. Sự di chuyển và làm tổ của trứng 2.1. Sự di chuyển của trứng 2.2. Sự làm tổ của trứng 3. Sự phát triển của trứng thành thai và phần phụ của thai 3.1. Thời kỳ sắp xếp tổ chức 3.2. Thời kỳ hoàn thành tổ chức	1	1	0	
2	**Chẩn đoán và quản lý thai nghén** 1. Chẩn đoán thai nghén 1.1. Dấu hiệu hướng tới có thai 1.2. Các dấu hiệu có thể có thai 1.3. Dấu hiệu chắc chắn có thai 2. Cách tính tuổi thai và dự đoán ngày sinh 2.1. Cách tính tuổi thai 2.2. Dự đoán ngày sinh 3. Quản lý thai nghén 3.1. Đại cương 3.2. Các công cụ quản lý thai nghén	6	2	4	
3	**Khám thai** 1. Mục đích của mỗi lần khám thai 1.1. Lần thứ nhất 1.2. Lần thứ 2 1.3. Lần thứ 3	6	2	4	

	2. Các bước thực hành khám thai 2.1. Hỏi 2.2. Khám toàn thân 2.3. Khám sản khoa 2.4. Xét nghiệm 2.5. Tiêm phòng uốn ván 2.6. Cung cấp thuốc thiết yếu 2.7. Giáo dục vệ sinh thai nghén 2.8. Ghi chép sổ sách và phiếu khám 2.9. Kết luận và đề xuất phương hướng xử trí				
4	**Ngôi thế, kiểu thế, độ lọt của thai** 1. Nhắc lại về giải phẫu khung xương chậu người mẹ 2. Định nghĩa về ngôi, thế, kiểu thế của thai 2.1. Ngôi 2.2. Thế 2.3. Kiểu thế 2.4. Độ lọt của thai	3	1	2	
5	**Đỡ đẻ ngôi chỏm** 1. Chuẩn bị 2. Kỹ thuật đỡ đẻ ngôi chỏm kiểu thế trước (Ngôi sổ kiểu chẩm - vệ) 3. Kỹ thuật đỡ đẻ ngôi chỏm kiểu thế sau	6	2	4	
6	**Chẩn đoán chuyển dạ - theo dõi và chăm sóc chuyển dạ** 1. Đại cương 2. Các giai đoạn của một cuộc chuyển dạ 2.1. Giai đoạn xóa mở cổ tử cung 2.2. Giai đoạn sổ thai 2.3. Giai đoạn sổ rau	7	2	5	

	3. Triệu chứng lâm sàng chuyển dạ 3.1. Cơ năng 3.2. Thực thể 3.3. Cận lâm sàng 4. Theo dõi chuyển dạ 4.1. Theo dõi toàn thân 4.2. Theo dõi cơn co tử cung 4.3. Theo dõi tim thai 4.4. Theo dõi độ xóa mở cổ tử cung 4.5. Theo dõi tình trạng ối 4.6. Theo dõi độ tiến triển của ngôi thai 4.7. Theo dõi sổ thai 4.8. Theo dõi sổ rau				
7	**Chăm sóc bà mẹ sau đẻ thường** 1. Những biểu hiện sinh lý của bà mẹ thời kỳ sau đẻ 2. Những biến cố có thể gặp trong thời kỳ sau đẻ 3. Chăm sóc	6	2	4	
8	**Chăm sóc trẻ ngay sau đẻ thường** 1. Hút (hoặc lau) dịch miệng 2. Kẹp và cắt rốn 3. Đặt nằm, lau khô, ủ ấm 4. Làm rốn 5. Quan sát dị tật 6. Mặc áo, quấn tã 7. Cân đo 8. Nhỏ mắt 9. Tiêm vitamin K1 10. Trao bé cho gia đình	3	1	2	
9	**Suy thai và hồi sức sơ sinh** 1. Suy thai	3	1	2	

	1.1. Nguyên nhân 1.2. Triệu chứng lâm sàng 1.3. Xử trí suy thai 2. Hồi sức sơ sinh 2.1. Đánh giá trẻ sơ sinh ngay sau đẻ bằng chỉ số Apgar 2.2. Nội dung hồi sức sơ sinh 2.3. Các thao tác phải thực hiện để hồi sức				
10	**Nhau bong non** 1. Đại cương 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng 3.1. Lâm sàng 3.2. Cận lâm sàng 3.3. Các thể lâm sàng 4. Chẩn đoán 4.1. Chẩn đoán xác định 4.2. Chẩn đoán phân biệt 5. Xử trí 5.1. Xử trí trước đẻ 5.2. Xử trí sau đẻ	1	1	0	
11	**Nhau tiền đạo** 1. Đại cương 2. Phân loại 3. Các yếu tố thuận lợi 4. Triệu chứng 4.1. Lâm sàng 4.2. Cân lâm sàng 5. Chẩn đoán phân biệt 6. Xử trí 6.1. Tuyến xã	1	1	0	

	6.2. Tuyến huyện và các tuyến chuyên khoa 7. Phòng bệnh				
12	**Sẩy thai** 1. Đại cương 2. Nguyên nhân 2.1. Do mẹ 2.2. Do thai 2.3. Tác động môi trường 3. Triệu chứng lâm sàng 3.1. Dọa sẩy thai 3.2. Đang sẩy thai 3.3. Sẩy thai sót rau 3.4. Sẩy thai băng huyết 4. Chẩn đoán 4.1. Chẩn đoán xác định 4.2. Chẩn đoán phân biệt 5. Điều trị 5.1. Dọa sẩy thai 5.2. Đang sẩy thai hoặc sẩy thai sót rau 6. Dự phòng	1	1	0	
13	**Vỡ tử cung** 1. Đại cương 2. Nguyên nhân 2.1. Nguyên nhân về phía mẹ 2.2. Nguyên nhân về phía thai 3. Triệu chứng lâm sàng 3.1. Dọa vỡ 3.2. Vỡ tử cung 4. Hướng xử trí 4.1. Ngoài chuyển dạ 4.2. Trong chuyển dạ	1	1	0	

	5. Dự phòng				
14	**Tiền sản giật – sản giật** 1. Đại cương 2. Tiền sản giật 2.1. Định nghĩa 2.2. Bệnh nguyên và các yếu tố ảnh hưởng 2.3. Triệu chứng 2.4. Chẩn đoán 2.5. Xử trí 3. Sản giật 3.1. Định nghĩa 3.2. Triệu chứng và chẩn đoán 3.3. Biến chứng 3.4. Điều trị	1	1	0	
15	**Nhiễm trùng hậu sản** 1. Đại cương 1.1. Nguyên nhân và các yếu tố nguy cơ 1.2. Đường vào 2. Các hình thái lâm sàng 2.1. Nhiễm khuẩn tầng sinh môn, âm hộ, âm đạo 2.2. Viêm nội mạc tử cung 2.3. Viêm cơ tử cung 2.4. Viêm phần phụ 2.5. Viêm phúc mạc tiểu khung 2.6. Viêm phúc mạc toàn thể 2.7. Nhiễm khuẩn máu 2.8. Sốc nhiễm khuẩn 3. Dự phòng	2	2	0	
16	**Chảy máu sau sinh** 1. Đại cương	1	1	0	

	2. Các nguyên nhân dẫn đến chảy máu sau đẻ 2.1. Đờ tử cung 2.2. Do nhau 2.3. Lộn lòng tử cung 2.4. Chấn thương đường sinh dục 2.5. Bệnh về máu, rối loạn đông máu 3. Dự phòng				
17	**Nhiễm khuẩn đường sinh sản và các bệnh lây truyền qua đường tình dục** 1. Nguyên nhân và điều kiện thuận lợi 1.1. Nguyên nhân 1.2. Điều kiện thuận lợi 2. Khám phụ khoa 3. Dịch tiết âm đạo bình thường 3.1. Vai trò 3.2. Đặc tính 4. Viêm âm hộ 5. Viêm âm đạo 6. Viêm lộ tuyến cổ tử cung 7. Viêm tuyến bartholin 8. Viêm tử cung 9. Viêm phần phụ	2	2	0	
18	**Rối loạn kinh nguyệt và ra máu âm đạo bất thường** 1. Đại cương 2. Sinh lý kinh nguyệt 2.1. Kinh nguyệt bình thường 2.2. Kinh nguyệt bất thường 3. Các hình thái rối loạn kinh nguyệt 3.1. Vô kinh 3.2. Thống kinh	2	2	0	

	3.3. Rong kinh 3.4. Một số hình thái khác				
19	**Khối u sinh dục** 1. Bệnh ở vú 1.1. Bệnh xơ nang tuyến vú 1.2. U xơ tuyến vú 1.3. Ung thư vú 2. Ung thư vú 3. U nang buồng trứng 3.1. Phân loại 3.2. Triệu chứng 3.3. Chẩn đoán 3.4. Diễn tiến 3.5. Điều trị 4. U xơ tử cung 4.1. Cấu trúc và phân loại 4.2. Triệu chứng 4.3. Chẩn đoán 4.4. Diễn tiến 4.5. Điều trị 5. Ung thư cổ tử cung 5.1. Các yếu tố nguy cơ 5.2. Các giai đoạn 5.3. Triệu chứng 5.4. Diễn tiến 5.5. Điều trị	2	2	0	
20	**Các biện pháp tránh thai** 1. Giới thiệu các biện pháp tránh thai 1.1. BPTT tạm thời 1.2. BPTT vĩnh viễn 1.3. Cơ chế tránh thai 2. Cách sử dụng các BPTT	3	1	2	

	2.1. Bao cao su 2.2. Viên thuốc tránh thai kết hợp 2.3. Viên thuốc tránh thai đơn thuần 2.4. Thuốc tiêm tránh thai 2.5. Thuốc tránh thai khẩn cấp 2.6. Dụng cụ tử cung 2.7. Triệt sản				
	Tổng	**60**	**29**	**29**	**2**

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Hiện tượng thụ tinh, làm tổ và phát triển của trứng

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được sinh lý của sự thụ tinh.
- Mô tả được sự di chuyển và làm tổ của trứng.
- Mô tả được sự phát triển của trứng và phần phụ của trứng.
- Nêu được các nội dung cần tư vấn cho khách hàng trước khi muốn có thai.

2. Nội dung

2.1. Sự thụ tinh

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Sự sinh tinh trùng

2.1.3. Sự sinh noãn bào

2.1.4. Cơ chế của sự thụ tinh

2.2. Sự di chuyển và làm tổ của trứng

2.2.1. Sự di chuyển của trứng

2.2.2. Sự làm tổ của trứng

2.3. Sự phát triển của trứng thành thai và phần phụ của thai

2.3.1. Thời kỳ sắp xếp tổ chức

2.3.2. Thời kỳ hoàn thành tổ chức

Bài 2: Chẩn đoán và quản lý thai nghén

Thời gian: 06 giờ (LT: 02 giờ; TH: 04 giờ)

1. Mục tiêu

- Mô tả được các triệu chứng để chẩn đoán thai nghén ở giai đoạn đầu và giai đoạn cuối.

- Thực hành tính được tuổi thai và dự kiến ngày sinh.

- Trình bày được 4 công cụ quản lý thai và trình bày được cách sử dụng các công cụ đó.

2. Nội dung

2.1. Chẩn đoán thai nghén

2.1.1. Dấu hiệu hướng tới có thai

2.1.2. Các dấu hiệu có thể có thai

2.1.3. Dấu hiệu chắc chắn có thai

2.2. Cách tính tuổi thai và dự đoán ngày sinh

2.2.1. Cách tính tuổi thai

2.2.2. Dự đoán ngày sinh

2.3. Quản lý thai nghén

2.3.1. Đại cương

2.3.2. Các công cụ quản lý thai nghén

Bài 3: Khám thai Thời gian: 06 giờ (LT: 02 giờ; TH: 04 giờ)

1.Mục tiêu

- Trình bày được mục đích chung của khám thai và mục đích của mỗi lần khám thai.

- Trình bày được đầy đủ 9 bước khám thai cho mỗi lần khám thai định kỳ.

- Trình bày nội dung công việc cụ thể của từng bước khám thai cần thực hiện.

2. Nội dung

2.1. Mục đích của mỗi lần khám thai

2.1.1. Lần thứ nhất

2.1.2. Lần thứ 2

2.1.3. Lần thứ 3

2.2. Các bước thực hành khám thai

2.2.1. Hỏi

2.2.2. Khám toàn thân

2.2.3. Khám sản khoa

2.2.4. Xét nghiệm

2.2.5. Tiêm phòng uốn ván

2.2.6. Cung cấp thuốc thiết yếu

2.2.7. Giáo dục vệ sinh thai nghén

2.2.8. Ghi chép sổ sách và phiếu khám

2.2.9. Kết luận và đề xuất phương hướng xử trí

Bài 4: Ngôi thế, kiểu thế, độ lọt của thai

Thời gian: 03 giờ (LT: 01 giờ; TH: 02 giờ)

1.Mục tiêu

- Trình bày được định nghĩa được ngôi, thế và kiểu thế của thai nhi.
- Trình bày được đúng điểm mốc của mỗi loại ngôi.
- Trình bày được đúng số đo các đường kính trong của khung chậu mẹ và các đường kính lọt của mỗi ngôi thai.
- Mô tả được 4 mức độ tiến triển và 3 mức độ lọt của ngôi chỏm.

2. Nội dung

2.1. Nhắc lại về giải phẫu khung xương chậu người mẹ

2.2. Định nghĩa về ngôi, thế, kiểu thế của thai

2.2.1. Ngôi

2.2.2. Thế

2.2.3. Kiểu thế

2.2.4. Độ lọt của thai

Bài 5: Đỡ đẻ ngôi chỏm

Thời gian: 06 giờ (LT: 02 giờ; TH: 04 giờ)

1. Mục tiêu

- Trình bày sáu nội dung cần chuẩn bị cho một cuộc đỡ đẻ ngôi chỏm.
- Trình bày lại đầy đủ năm nội dung của đỡ đẻ đúng lúc.
- Trình bày được kỹ thuật đỡ đầu, vai và mông trong ngôi chỏm sổ kiểu chẩm - vệ hoặc chẩm - cùng.

2. Nội dung

2.2.1. Chuẩn bị

2.2.2. Kỹ thuật đỡ đẻ ngôi chỏm kiểu thế trước (Ngôi sổ kiểu chẩm - vệ)

2.2.3. Kỹ thuật đỡ đẻ ngôi chỏm kiểu thế sau

Bài 6: Chẩn đoán chuyển dạ - theo dõi và chăm sóc chuyển dạ

Thời gian: 07 giờ (LT: 02 giờ; TH: 05 giờ)

1. Mục tiêu

- Trình bày được những dấu hiệu để chẩn đoán chuyển dạ.
- Thực hành lập được kế hoạch chăm sóc, theo dõi sản phụ trong khi chuyển dạ.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Các giai đoạn của một cuộc chuyển dạ

2.2.1. Giai đoạn xóa mở cổ tử cung

2.2.2. Giai đoạn sổ thai

2.2.3. Giai đoạn sổ rau

2.3. Triệu chứng lâm sàng chuyển dạ

2.3.1. Cơ năng

2.3.2. Thực thể

2.3.3. Cận lâm sàng

2.4. Theo dõi chuyển dạ

2.4.1. Theo dõi toàn thân

2.4.2. Theo dõi cơn co tử cung

2.4.3. Theo dõi tim thai

2.4.4. Theo dõi độ xóa mở cổ tử cung

2.4.5. Theo dõi tình trạng ối

2.4.6. Theo dõi độ tiến triển của ngôi thai

2.4.7. Theo dõi sổ thai

2.4.8. Theo dõi sổ rau

Bài 7: Chăm sóc bà mẹ sau đẻ

Thời gian: 06 giờ (LT: 02 giờ; TH: 04 giờ)

1. Mục tiêu

- Trình bày 5 việc cần làm trong 2 giờ đầu sau đẻ.
- Trình bày 5 việc cần theo dõi trong 2 tuần đầu sau đẻ.
- Thực hành hướng dẫn sản phụ và người nhà kết hợp với thầy thuốc chăm sóc sản phụ trong thời kỳ sau đẻ.

2. Nội dung

2.1. Những biểu hiện sinh lý của bà mẹ thời kỳ sau đẻ

2.2. Những biến cố có thể gặp trong thời kỳ sau đẻ

2.3. Chăm sóc

Bài 8: Chăm sóc trẻ ngay sau đẻ

Thời gian: 03 giờ (LT: 01 giờ; TH: 02 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày đủ và đúng trình tự 10 bước chăm sóc sơ sinh ngay sau đẻ.

2. Nội dung

2.1. Hút (hoặc lau) dịch miệng

2.2. Kẹp và cắt rốn

2.3. Đặt nằm, lau khô, ủ ấm

2.4. Làm rốn

2.5. Quan sát dị tật

2.6. Mặc áo, quấn tã

2.7. Cân đo

2.8. Nhỏ mắt

2.9. Tiêm vitamin K1

2.10. Trao bé cho gia đình

Bài 9: Suy thai và hồi sức sơ sinh

Thời gian: 03 giờ (LT: 01 giờ; TH: 02 giờ)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được 4 nhóm nguyên nhân dẫn đến suy thai.
- Trình bày được các dấu hiệu bất thường về tiếng tim thai và nước ối để chẩn đoán suy thai.
- Thực hành chẩn đoán và phân loại được ngạt sơ sinh bằng chỉ số APGAR
- Mô tả được trình tự hồi sức đối với trẻ ngạt.

2. Nội dung

2.1. Suy thai

2.1.1. Nguyên nhân

2.1.2. Triệu chứng lâm sàng

2.1.3. Xử trí suy thai

2.2. Hồi sức sơ sinh

2.2.1. Đánh giá trẻ sơ sinh ngay sau đẻ bằng chỉ số Apgar

2.2.2. Nội dung hồi sức sơ sinh

2.2.3. Các thao tác phải thực hiện để hồi sức

Bài 10: Nhau bong non Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

- Mô tả các dấu hiệu lâm sàng, cân lâm sàng để chẩn đoán xác định rau bong non.
- Trình bày xử trí cho từng thể lâm sàng rau bong non.
- Trình bày được tiến triển và biến chứng.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Nguyên nhân

2.3. Triệu chứng

2.3.1. Lâm sàng

2.3.2. Cận lâm sàng

2.3.3. Các thể lâm sàng

2.4. Chẩn đoán

2.4.1. Chẩn đoán xác định

2.4.2. Chẩn đoán phân biệt

2.5. Xử trí

2.5.1. Xử trí trước đẻ

2.5.2. Xử trí sau đẻ

Bài 11: Nhau tiền đạo Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày định nghĩa rau tiền đạo và mô tả được các hình thái lâm sàng.
- Trình bày được các yếu tố thuận lợi và triệu chứng lâm sàng.
- Trình bày được hướng xử trí rau tiền đạo.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Phân loại

2.3. Các yếu tố thuận lợi

2.4. Triệu chứng

2.4.1. Lâm sàng

2.4.2. Cân lâm sàng

2.5. Chẩn đoán phân biệt

2.6. Xử trí

2.6.1. Tuyến xã

2.6.2. Tuyến huyện và các tuyến chuyên khoa

2.7. Phòng bệnh

Bài 12: Sẩy thai Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày phân loại được các nguyên nhân gây sẩy thai.
- Mô tả các triệu chứng để chẩn đoán dọa sẩy thai và sẩy thai.
- Phân loại được 6 hình thái lâm sàng của sẩy thai.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Nguyên nhân

2.2.1. Do mẹ

2.2.2. Do thai

2.2.3. Tác động môi trường

2.3. Triệu chứng lâm sàng

2.3.1. Dọa sẩy thai

2.3.2. Đang sẩy thai

2.3.3. Sẩy thai sót rau

2.3.4. Sẩy thai băng huyết

2.4. Chẩn đoán

2.4.1. Chẩn đoán xác định

2.4.2. Chẩn đoán phân biệt

2.5. Điều trị

2.5.1. Dọa sẩy thai

2.5.2. Đang sẩy thai hoặc sẩy thai sót rau

2.6. Dự phòng

Bài 13: Vỡ tử cung Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày các nguyên nhân vỡ tử cung trong thai kỳ và trong chuyển dạ
- Mô tả triệu chứng của dọa vỡ tử cung
- Mô tả triệu chứng điển hình của vỡ tử cung hoàn toàn

- Thực hành xác định hướng xử trí và dự phòng vỡ tử cung

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Nguyên nhân

2.2.1. Nguyên nhân về phía mẹ

2.2.2. Nguyên nhân về phía thai

2.3. Triệu chứng lâm sàng

2.3.1. Dọa vỡ

2.3.2. Vỡ tử cung

2.4. Hướng xử trí

2.4.1. Ngoài chuyển dạ

2.4.2. Trong chuyển dạ

2.5. Dự phòng

Bài 14: Tiền sản giật – sản giật Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày phân loại cao huyết áp trong thai nghén.
- Mô tả các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của TSG-SG.
- Mô tả cách điều trị theo từng thể lâm sàng.
- Trình bày được các biện pháp dự phòng cao huyết áp trong thai nghén.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Tiền sản giật

2.2.1. Định nghĩa

2.2.2. Bệnh nguyên và các yếu tố ảnh hưởng

2.2.3. Triệu chứng

2.2.4. Chẩn đoán

2.2.5. Xử trí

2.3. Sản giật

2.3.1. Định nghĩa

2.3.2. Triệu chứng và chẩn đoán

2.3.3. Biến chứng

2.3.4. Điều trị

Bài 15: Nhiễm trùng hậu sản Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được các yếu tố thuận lợi và các loại vi khuẩn gây nhiễm khuẩn sau đẻ.
- Trình bày được triệu chứng của các thể lâm sàng trong nhiễm khuẩn sau đẻ.
- Thực hành lựa chọn được hướng xử trí các thể lâm sàng của nhiễm khuẩn sau đẻ ở tuyến y tế cơ sở.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.1.1. Nguyên nhân và các yếu tố nguy cơ

2.1.2. Đường vào

2.2. Các hình thái lâm sàng

2.2.1. Nhiễm khuẩn tầng sinh môn, âm hộ, âm đạo

2.2.2. Viêm nội mạc tử cung

2.2.3. Viêm cơ tử cung

2.2.4. Viêm phần phụ

2.2.5. Viêm phúc mạc tiểu khung

2.2.6. Viêm phúc mạc toàn thể

2.2.7. Nhiễm khuẩn máu

2.2.8. Sốc nhiễm khuẩn

2.3. Dự phòng

Bài 16: Chảy máu sau sinh Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày phân loại các nguyên nhân chảy máu sau đẻ
- Thực hành lựa chọn các xử trí ban đầu chảy máu sau đẻ
- Thực hành lựa chọn các biện pháp phòng chống cho từng trường hợp.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Các nguyên nhân dẫn đến chảy máu sau đẻ

2.2.1. Đờ tử cung

2.2.2. Do nhau

2.2.3. Lộn lòng tử cung

2.2.4. Chấn thương đường sinh dục

2.2.5. Bệnh về máu, rối loạn đông máu

2.3. Dự phòng

Bài 17: Nhiễm khuẩn đường sinh sản và các bệnh lây truyền qua đường tình dục

Thời gian: 02 giờ

1.Mục tiêu

- Trình bày các nguyên nhân và điều kiện thuận lợi gây nhiễm khuẩn đường sinh sản và các bệnh lây truyền qua đường tình dục.
- Trình bày được hướng xử trí một số bệnh phụ khoa thông thường tại tuyến y tế cơ sở.
- Mô tả được các nội dung cần tư vấn về dự phòng viêm nhiễm đường sinh sản và bệnh lây truyền qua đường tình dục.

2. Nội dung

2.1. Nguyên nhân và điều kiện thuận lợi

2.1.1. Nguyên nhân

2.1.2. Điều kiện thuận lợi

2.2. Khám phụ khoa

2.3. Dịch tiết âm đạo bình thường

2.3.1. Vai trò

2.3.2. Đặc tính

2.4. Viêm âm hộ

2.5. Viêm âm đạo

2.6. Viêm lộ tuyến cổ tử cung

2.7. Viêm tuyến bartholin

2.8. Viêm tử cung

2.9. Viêm phần phụ

Bài 18: Rối loạn kinh nguyệt và ra máu âm đạo bất thường

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày phân biệt được chu kỳ kinh nguyệt bình thường và bất thường.
- Trình bày được các nguyên nhân ra máu âm đạo bất thường.
- Mô tả các triệu chứng lâm sàng và hướng xử trí của các hình thái rối loạn kinh nguyệt và ra máu âm đạo bất thường.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Sinh lý kinh nguyệt

2.2.1. Kinh nguyệt bình thường

2.2.2. Kinh nguyệt bất thường

2.3. Các hình thái rối loạn kinh nguyệt

2.3.1. Vô kinh

2.3.2. Thống kinh

2.3.3. Rong kinh

2.3.4. Một số hình thái khác

Bài 19: Khối u sinh dục

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được các đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng của các khối u sinh dục.
- Trình bày được các phương pháp điều trị khối u sinh dục.

2. Nội dung

2.1. Bệnh ở vú

2.1.1. Bệnh xơ nang tuyến vú

2.1.2. U xơ tuyến vú

2.1.3. Ung thư vú

2.2. Ung thư vú

2.3. U nang buồng trứng

2.3.1. Phân loại

2.3.2. Triệu chứng

2.3.3. Chẩn đoán

2.3.4. Diễn tiến

2.3.5. Điều trị

2.4. U xơ tử cung

2.4.1. Cấu trúc và phân loại

2.4.2. Triệu chứng

2.4.3. Chẩn đoán

2.4.4. Diễn tiến

2.4.5. Điều trị

2.5. Ung thư cổ tử cung

2.5.1. Các yếu tố nguy cơ

2.5.2. Các giai đoạn

2.5.3. Triệu chứng

2.5.4. Diễn tiến

2.5.5. Điều trị

Bài 20: Các biện pháp tránh thai Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được 4 biện pháp tránh thai (BPTT) đang áp dụng tại Việt Nam.
- Trình bày được cách sử dụng 4 BPTT trên.
- Thực hành phát hiện được tác dụng không mong muốn và biến chứng của 4 BPTT trên.

2. Nội dung

2.1. Giới thiệu các biện pháp tránh thai

2.1.1. BPTT tạm thời

2.1.2. BPTT vĩnh viễn

2.1.3. Cơ chế tránh thai

2.2. Cách sử dụng các BPTT

2.2.1. Bao cao su

2.2.2. Viên thuốc tránh thai kết hợp

2.2.3. Viên thuốc tránh thai đơn thuần

2.2.4. Thuốc tiêm tránh thai

2.2.5. Thuốc tránh thai khẩn cấp

2.2.6. Dụng cụ tử cung

2.2.7. Triệt sản

IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết và thực hành bộ môn sản của Trường.

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu Projector, bảng phấn, mô hình, tranh ảnh minh họa

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Phim, tranh ảnh minh họa các dụng cụ thực tập tại Trường, tài liệu phát tay cho học sinh, tài liệu tham khảo.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được những kiến thức chung về sức khỏe sinh sản.

+ Trình bày được sự thay đổi của bộ phận sinh dục nữ và vai trò của nó trong quá trình mang thai, chuyển dạ, đẻ và sau đẻ.

+ Nêu được những chẩn đoán ngôi, thế, kiểu thế, độ lọt của thai.

+ Trình bày được cơ chế và cách đỡ đẻ ngôi chỏm.

+ Trình bày được cách theo dõi và chăm sóc thai phụ trong các giai đoạn chuyển dạ, hậu sản và hậu phẫu.

+ Chẩn đoán và xử trí được một số bệnh lý sản phụ khoa.

+ Trình bày các bước tư vấn và nội dung kế hoạch hóa gia đình.

- Về kỹ năng:

+ Chẩn đoán ngôi, thế, kiểu thế, độ lọt của thai.

+ Theo dõi và chăm sóc thai phụ trong các giai đoạn chuyển dạ, hậu sản và hậu phẫu.

+ Khám phụ khoa đúng phương pháp và chữa được một số bệnh phụ khoa thong thường ở cơ sở.

+ Tư vấn những biện pháp thích hợp để kế hoạch hóa gia đình.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

+ Nhận thức được tầm quan trọng của chăm sóc sức khỏe sinh sản đối với sản phụ.

+ Thái độ ân cần và trách nhiệm khi theo dõi và chăm sóc cho sản phụ.

2. Phương pháp: Đánh giá mô đun theo Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH.

2.1. Điều kiện sinh viên được thi kết thúc mô đun:

- Sinh viên tham gia ít nhất 80% thời gian học tập trên lớp.

- Hoàn thành đủ 4 cột điểm kiểm tra:

+ Kiểm tra thường xuyên: (điểm hệ số 1) 2 cột điểm.

+ Kiểm tra định kỳ: (điểm hệ số 2) 2 cột điểm.

- Điểm trung bình kiểm tra (TB T) ≥ 5.0.

2.2. Thi kết thúc mô đun

- Phương pháp đánh giá: thi trắc nghiệm

- Hệ số đánh giá:

+ Điểm TB mô đun: bằng điểm TBKT*0,4 + điểm Thi*0,6.

+ Điểm đánh giá theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

+ Điểm TB mô đun từ thang điểm 10 chuyển sang thang điểm chữ A, B, C, D, F. Từ thang điểm chữ chuyển về thang điểm 4 để tính điểm trung bình tích lũy mô đun theo quy định.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Đối tượng Y sĩ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giảng viên: Tổ chức dạy/ học tại Trường, phối hợp các phương pháp dạy /học tích cực: Thuyết trình, seminar, thảo luận nhóm, tài liệu phát tay, đóng vai, nghiên cứu tài liệu.

- Đối với sinh viên: thái độ tích cực, ham học hỏi, cần chuẩn bị bài trước khi lên lớp. 3. Những trọng tâm cần chú ý

4. Tài liệu tham khảo

- Bộ Y Tế, 2016, Hướng dẫn chuyên môn chăm sóc thiết yếu bà mẹ, trẻ sơ sinh trong và ngay sau mổ lấy thai

- Bộ Y Tế, 2016, Hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản.

- Bộ Y Tế, 2015, Hướng dẫn quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành Phụ sản

5. Ghi chú và giải thích (nếu có): Không

HIỆU TRƯỞNG

(*Đã ký*)

Tạ Thị Nhất Sương

Tên mô đun: DỊCH TỄ HỌC VÀ CÁC BỆNH TRUYỀN NHIỄM

Mã mô đun: MĐ13.YS

Đối tượng: Y sĩ Cao đẳng chính quy

Thời gian thực hiện mô đun: 45 giờ; (Lý thuyết: 43 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 0 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun

- Vị trí: Đào tạo cho sinh viên năm thứ hai, sau khi sinh viên học xong các mô đun chung, các môn cơ sở ngành

- Tính chất: Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về dịch tễ, nguyên lý phòng chống dịch, điều tra xử lý một vụ dịch; nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, cách thức lây truyền, triệu chứng và biến chứng của một bệnh truyền nhiễm thường gặp. Hình thành được thái độ đúng đắn, khẩn trương, nghiêm túc đối với công tác phòng chống dịch.

II. Mục tiêu mô đun

- Kiến thức:

+ Trình bày được những kiến thức cơ bản về dịch tễ học, nguyên lý phòng chống, điều tra xử lý dịch.

+ Trình bày được đặc điểm, phân loại, cách chăm sóc, phòng chống bệnh truyền nhiễm

+ Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, dự phòng một số bệnh truyền nhiễm thường gặp.

- Kỹ năng:

+ Chẩn đoán sớm và điều trị được một số bệnh truyền nhiễm theo đường lây, phát hiện được các dấu hiệu nguy hiểm để chuyển tuyến kịp thời.

+ Xác định được những điều kiện vệ sinh môi trường liên quan đến một số bệnh truyền nhiễm tại địa phương.

+ Giáo dục, tư vấn cộng đồng và cá nhân về các vấn đề vệ sinh môi trường liên quan đến một số bệnh truyền nhiễm tại địa phương.

+ Xác định được phong tục, tập quán, lối sống liên quan đến một số bệnh truyền nhiễm và bệnh xã hội tại địa phương.

+ Giáo dục, tư vấn cộng đồng và cá nhân về phong tục, tập quán, lối sống liên quan đến một số bệnh truyền nhiễm và bệnh xã hội tại địa phương.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Khẩn trương báo cáo kịp thời với các bên liên quan khi có dịch bệnh xảy ra.

+ Chủ động phối hợp với các ban ngành, đoàn thể trong công tác vệ sinh phòng bệnh, phòng chống dịch.

+ Có thái độ đúng mức với các phong tục, tập quán và các yếu tố văn hoá của cá nhân và cộng đồng trong công tác chăm sóc sức khỏe.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	**Đại cương dịch tễ học** 1. Định nghĩa dịch tễ học 2. Lịch sử phát triển của Dịch tễ học 3. Mục tiêu của dịch tễ học 4. Đối tượng nghiên cứu của dịch tễ học 5. Nhiệm vụ và nội dung của dịch tễ học 6. Một số nguyên lý và khái niệm thường dùng trong dịch tễ học 7. Chu trình nghiên cứu dịch tễ học	2	2	0	
2	**Đại cương về bệnh truyền nhiễm** 1. Một số khái niệm 1.1.Nhiễm trùng 1.2. Quá trình nhiễm trùng 1.3. Bệnh truyền nhiễm 1.4. Bệnh sơ nhiễm 1.5. Bệnh tái nhiễm 1.6. Bệnh tái phát 1.7. Bội nhiễm 1.8. Nhiễm trùng hỗn hợp 2. Những đặc điểm của bệnh truyền nhiễm 2.1. Tính đặc hiệu 2.2. Tính lây truyền	4	4	0	2

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	2.3. Tính chu kỳ 3. Phân loại và phòng chống bệnh truyền nhiễm 3.1. Bệnh lây truyền theo đường tiêu hoá 3.2. Bệnh lây truyền theo đường hô hấp 3.3. Bệnh lây truyền theo đường máu 3.4. Bệnh lây truyền theo đường da và niêm mạc 4. Căn cứ chẩn đoán và phương hướng điều trị 4.1. Căn cứ chẩn đoán 4.2. Phương pháp điều trị bệnh truyền nhiễm. 5. Chăm sóc bệnh truyền nhiễm 5.1. Đặc điểm của khoa truyền nhiễm: 5.2. Yêu cầu về lề lối làm việc				
3	**Quá trình dịch, nguyên lý phòng chống dịch** 1. Khái niệm cơ bản 2. Quá trình dịch 3. Các biện pháp nhà nước nhằm đề phòng các bệnh truyền nhiễm 4. Giáo dục sức khỏe cho nhân dân 5. Các biện pháp y tế nhằm phòng chống bệnh truyền nhiễm	2	2	0	
4	**Điều tra xử lý một vụ dịch** 1. Khái niệm cơ bản 2. Các yếu tố khi điều tra dịch 3. Những nội dung khi điều tra dịch	3	3	0	

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	4. Các giai đoạn điều tra dịch 5. Các biện pháp phòng chống chủ yếu với các bệnh truyền nhiễm gây dịch 6. Thường quy chung để xử lý các loại bệnh				
5	**Bệnh sốt rét** 1. Định nghĩa 2. Mầm bệnh 3. Dịch tễ 4. Triệu chứng 5. Chẩn đoán 6. Điều trị	3	3	0	
6	**Bệnh viêm gan siêu vi** 1. Định nghĩa 2. Mầm bệnh 3. Dịch tễ 4. Cảm thụ bệnh và miễn dịch 5. Cơ chế bệnh sinh 6. Triệu chứng lâm sàng 7. Chẩn đoán 8. Điều trị 9. Phòng bệnh	3	3	0	
7	**Bệnh dại** 1. Đại cương 2. Mầm bệnh 3. Dịch tễ học 4. Triệu chứng lâm sàng 5. Chẩn đoán 6. Điều trị	2	2	0	

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	7. Dự phòng				
8	**Bệnh sốt xuất huyết** 1. Định nghĩa 2. Dịch tễ học 3. Biểu hiện lâm sàng 4. Xét nghiệm 5. Chẩn đoán 6. Điều trị 7. Phòng ngừa	3	3	0	
9	**Bệnh quai bị** 1. Định nghĩa 2. Bệnh nguyên 3. Dịch tễ học 4. Cơ chế bệnh sinh 5. Biểu hiện lâm sàng 6. Chẩn đoán 7. Điều trị 8. Dự phòng	2	2	0	
10	**Bệnh cúm** 1. Đại cương 2. Triệu chứng lâm sàng 3. Cận lâm sàng 4. Biến chứng 5. Điều trị 6. Phòng bệnh	2	2	0	
11	**Bệnh thủy đậu** 1. Đại cương 2. Dịch tễ học 3. Triệu chứng lâm sàng	2	2	0	

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	4. Biến chứng 5. Xét nghiệm 6. Chẩn đoán 7. Điều trị 8. Phòng bệnh				
12	**Hội chứng Tiêu chảy cấp** 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng 4. Biến chứng 5. Phân độ mất nước 6. Điều trị 7. Dự phòng	4	4	0	
13	**Bệnh bạch hầu** 1. Định nghĩa 2. Mầm bệnh 3. Dịch tễ 4. Cơ chế bệnh sinh 5. Triệu chứng lâm sàng 6. Biến chứng do ngoại độc tố 7. Chẩn đoán 8. Điều trị 9. Dự phòng	2	2	0	
14	**Bệnh uốn ván** 1. Nhắc lại một số điểm cơ bản 2. Cơ chế bệnh sinh 3. Lâm sàng 4. Biến chứng 5. Di chứng	2	2	0	

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	6. Tiên lượng 7. Các thể lâm sàng 8. Chẩn đoán 9. Điều trị 10. Phòng bệnh				
15	**Bệnh sởi** 1. Đại cương 2. Mầm bệnh 3. Dịch tễ học 4. Cơ chế bệnh sinh 5. Triệu chứng lâm sàng 6. Các thể lâm sàng 7. Biến chứng 8. Chẩn đoán 9. Điều trị 10. Phòng bệnh	2	2	0	
16	**Bệnh viêm não Nhật Bản** 1. Đại cương 2. Mầm bệnh 3. Dịch tễ học 4. Cơ chế bệnh sinh 5. Triệu chứng lâm sàng 6. Các thể lâm sàng 7. Biến chứng 8. Chẩn đoán 9. Điều trị 10. Phòng bệnh	2	2	0	
17	**Bệnh nhiễm ký sinh trùng** 1. Bệnh giun đũa(Ascaridosis)	3	3	0	

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	1.1. Dịch tễ học 1.2. Chu kỳ 1.3. Triệu chứng 1.4. Biến chứng 1.5. Chẩn đoán 1.6. Điều trị 1.7. Dự phòng 2. Bệnh giun móc 2.1. Dịch tễ học 2.2. Chu kỳ 2.3. Triệu chứng 2.4. Biến chứng của giun móc 2.5. Chẩn đoán 2.6. Điều trị 2.7. Dự phòng3 3. Bệnh giun tóc(Trichuriasis) 3.1. Dịch tễ học 3.2. Chu kỳ 3.3. Triệu chứng 3.4. Chẩn đoán 3.5. Điều trị 3.6. Dự phòng				
Tổng cộng		45	43	0	2

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Đại cương dịch tễ học **Thời gian: 2 giờ**

1. Mục tiêu:

- Trình bày được định nghĩa, mục tiêu, nội dung và phương pháp nghiên cứu của dịch tễ học.

- Giải thích được một số thuật ngữ thường dùng trong dịch tễ học

2. Nội dung

2.1. Định nghĩa dịch tễ học

2.2. Lịch sử phát triển của Dịch tễ học

2.3. Mục tiêu của dịch tễ học

2.4. Đối tượng nghiên cứu của dịch tễ học

2.5. Nhiệm vụ và nội dung của dịch tễ học

2.6. Một số nguyên lý và khái niệm thường dùng trong dịch tễ học

2.7. Chu trình nghiên cứu dịch tễ học

Bài 2: Đại cương về bệnh truyền nhiễm Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày và giải thích được những khái niệm, đặc điểm chung của bệnhtruyền nhiễm.
- Phân loại và phòng được bệnh truyền nhiễm theo đường lây, cách phòng bệnh th.
- Kể ba yếu tố cần thiết để chẩn đoán bệnh truyền nhiễm và các phương pháp điều trị bệnh truyền nhiễm.
- Trình bày được cách phòng chống dịch bệnh
- Trình bày đặc điểm của khoa truyền nhiễm v à công tác chăm sóc người bệnh truyền nhiễm.

2. Nội dung:

2.1. Một số khái niệm

2.1.1.Nhiễm trùng

2.1.2. Quá trình nhiễm trùng

2.1.3. Bệnh truyền nhiễm

2.1.4. Bệnh sơ nhiễm

2.1.5. Bệnh tái nhiễm

2.1.6. Bệnh tái phát

2.1.7. Bội nhiễm

2.1.8. Nhiễm trùng hỗn hợp

2.2. Những đặc điểm của bệnh truyền nhiễm

2.2.1. Tính đặc hiệu

2.2.2. Tính lây truyền

2.2.3. Tính chu kỳ

2.3. Phân loại và phòng chống bệnh truyền nhiễm

2.3.1. Bệnh lây truyền theo đường tiêu hoá

2.3.2. Bệnh lây truyền theo đường hô hấp

2.3.3. Bệnh lây truyền theo đường máu

2.3.4. Bệnh lây truyền theo đường da và niêm mạc

2.4. Căn cứ chẩn đoán và phương hướng điều trị

2.4.1.Căn cứ chẩn đoán

2.4.2. Phương pháp điều trị bệnh truyền nhiễm.

2.5. Chăm sóc bệnh truyền nhiễm

2.5.1. Đặc điểm của khoa truyền nhiễm:

2.5.2. Yêu cầu về lề lối làm việc

Bài 3: Quá trình dịch, nguyên lý phòng chống dịch Thời gian: 2 giờ

1.Mục tiêu:

- Trình bày được những khái niệm cơ bản về các bệnh dịch
- Trình bày được quá trình dịch
- Trình bày được các biện pháp giáo dục sức khỏe
- Trình bày được các biện pháp nhà nước, y tế nhằm phòng chống các bệnh truyền nhiễm

2. Nội dung

2.1. Khái niệm cơ bản

2.2. Quá trình dịch

2.3. Các biện pháp nhà nước nhằm đề phòng các bệnh truyền nhiễm

2.4. Giáo dục sức khỏe cho nhân dân

2.5. Các biện pháp y tế nhằm phòng chống bệnh truyền nhiễm

Bài 4: Điều tra xử lý một vụ dịch Thời gian: 03 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được những khái niệm cơ bản về giám sát, điều tra dịch.
- Liệt kê được các yêu cầu, nội dung khi điều tra dịch.
- Trình bày được các giai đoạn và thường quy chung khi điều tra dịch.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm cơ bản

2.2. Các yếu tố khi điều tra dịch

2.3. Những nội dung khi điều tra dịch

2.4. Các giai đoạn điều tra dịch

2.5. Các biện pháp phòng chống chủ yếu với các bệnh truyền nhiễm gây dịch

2.6. Thường quy chung để xử lý các loại bệnh

Bài 5: Bệnh sốt rét Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng và nguyên tắc điều trị của bệnh sốt rét.
- Lập được kế được hoạch chăm sóc bệnh nhân sốt rét.

2. Nội dung

2.1. Định nghĩa

2.2. Mầm bệnh

2.3. Dịch tễ

2.4. Triệu chứng

2.5. Chẩn đoán

2.6. Điều trị

Bài 6: Bệnh viêm gan siêu vi Thời gian: 03 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày nguyên nhân, triệu chứng của bệnh viêm gan siêu vi.
- Trình bày được biến chứng và nguyên tắc điều trị của bệnh viêm gan siêu vi.

2. Nội dung

2.1. Định nghĩa

2.2. Mầm bệnh

2.3. Dịch tễ

2.4. Cảm thụ bệnh và miễn dịch

2.5. Cơ chế bệnh sinh

2.6. Triệu chứng lâm sàng

2.7. Chẩn đoán

2.8. Điều trị

2.9. Phòng bệnh

Bài 07: Bệnh dại Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng của bệnh dại.
- Trình bày được cận lâm sàng và nguyên tắc điều trị của bệnh dại.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Mầm bệnh

2.3. Dịch tễ học

2.4. Triệu chứng lâm sàng

2.5. Chẩn đoán

2.6. Điều trị

2.7. Dự phòng

Bài 8: Bệnh sốt xuất huyết Thời gian: 03 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng bệnh sốt xuất huyết.
- Trình bày được cận lâm sàng và nguyên tắc điều trị bệnh sốt xuất huyết.

2. Nội dung

2.1. Định nghĩa

2.2. Dịch tễ học

2.3. Biểu hiện lâm sàng

2.4. Xét nghiệm

2.5. Chẩn đoán

2.6. Điều trị

2.7. Phòng ngừa

Bài 09: Bệnh quai bị Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng của bệnh quai bị.
- Trình bày được cận lâm sàng và nguyên tắc điều trị của bệnh quai bị.

2. Nội dung

2.1. Định nghĩa

2.2. Bệnh nguyên

2.3. Dịch tễ học

2.4. Cơ chế bệnh sinh

2.5. Biểu hiện lâm sàng

2.6. Chẩn đoán

2.7. Điều trị

2.8. Dự phòng

Bài 10: Bệnh cúm **Thời gian: 02 giờ**

1. Mục tiêu

- Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng của bệnh cúm.
- Trình bày được cận lâm sàng và nguyên tắc điều trị của bệnh cúm.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng lâm sàng

2.3. Cận lâm sàng

2.4. Biến chứng

2.5. Điều trị

2.6. Phòng bệnh

Bài 11: Bệnh thủy đậu **Thời gian: 02 giờ**

1. Mục tiêu

- Trình bày được nguyên nhân của bệnh thủy đậu.
- Trình bày được triệu chứng lâm sàng của bệnh thủy đậu.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Dịch tễ học

2.3. Triệu chứng lâm sàng

2.4. Biến chứng

2.5. Xét nghiệm

2.6. Chẩn đoán

2.7. Điều trị

2.8. Phòng bệnh

Bài 12: Hội chứng Tiêu chảy **Thời gian: 04 giờ**

1. Mục tiêu

- Trình bày được định nghĩa, nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng tiêu chảy cấp
- Trình bày được biến chứng, phân độ mất nước, các phác đồ xử trí mất nước

2. Nội dung

2.1. Định nghĩa

2.2. Nguyên nhân

2.3. Triệu chứng

2.4. Biến chứng

2.5. Phân độ mất nước

2.6. Điều trị

2.7. Dự phòng

Bài 13: Bệnh bạch hầu Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được nguyên nhân, dịch tễ học, triệu chứng bệnh bạch hầu.
- Trình bày được biến chứng, nguyên tắc điều trị và phòng bệnh bạch hầu.

2. Nội dung

2.1. Định nghĩa

2.2. Mầm bệnh

2.3. Dịch tễ

2.4. Cơ chế bệnh sinh

2.5. Triệu chứng lâm sàng

2.6. Biến chứng do ngoại độc tố

2.7. Chẩn đoán

2.8. Điều trị

2.9. Dự phòng

Bài 14: Bệnh uốn ván Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng bệnh uốn ván.
- Trình bày được biến chứng và phòng bệnh uốn ván.

2. Nội dung

2.1. Nhắc lại một số điểm cơ bản

2.2. Cơ chế bệnh sinh

2.3. Lâm sàng

2.4. Biến chứng

2.5. Di chứng

2.6. Tiên lượng

2.7. Các thể lâm sàng

2.8. Chẩn đoán

2.9. Điều trị

2.10. Phòng bệnh

Bài 15: Bệnh sởi Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được cận lâm sàng và nguyên tắc điều trị của bệnh sởi.
- Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng của bệnh sởi.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Mầm bệnh

2.3. Dịch tễ học

2.4. Cơ chế bệnh sinh

2.5. Triệu chứng lâm sàng

2.6. Các thể lâm sàng

2.7. Biến chứng

2.8. Chẩn đoán

2.9. Điều trị

2.10. Phòng bệnh

Bài 16: Bệnh Viêm não Nhật Bản Thời gian: 02 giờ

1. MỤC TIÊU

- Trình bày được dịch tễ học bệnh viêm não Nhật Bản.
- Trình bày được lâm sàng và chẩn đoán bệnh viêm não NhậtBản.
- Trình bày được hướng điều trị và phòng bệnh viêm não NhậtBản.

2. NỘI DUNG

2.1. Dịch tễ học

2.2. Cơ chế bệnh sinh

2.3. Lâm sàng thể thông thường điển hình

2.4. Chẩn đoán

2.5. Điều trị

2.6. Phòng bệnh

Bài 17: Bệnh nhiễm ký sinh trùng (giun đũa, giun móc, giun tóc)

Thời gian: 03 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được dịch tễ học bệnh giun đũa, giun móc, giun tóc.
- Trình bày được lâm sàng và chẩn đoán bệnh giun đũa, giun móc, giun tóc.
- Trình bày được nguyên tắc điều trị và phòng bệnh giun đũa, giun móc, giun tóc.

2. Nội dung

2.1. Bệnh giun đũa(Ascaridosis)

2.1.1. Dịch tễ học

2.1.2. Chu kỳ

2.1.3. Triệu chứng

2.1.4. Biến chứng

2.1.5. Chẩn đoán

2.1.6. Điều trị

2.1.7. Dự phòng

2.2. Bệnh giun móc

2.3.1. Dịch tễ học

2.3.2. Chu kỳ

2.3.3. Triệu chứng

2.3.4. Biến chứng của giun móc

2.3.5. Chẩn đoán

2.3.6. Điều trị

2.3.7. Dự phòng

2.4. Bệnh giun tóc(Trichuriasis)

2.4.1. Dịch tễ học

2.4.2. Chu kỳ

2.4.3. Triệu chứng

2.4.4. Chẩn đoán

2.4.5. Điều trị

2.4.6. Dự phòng

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết.
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu, bảng.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình, tài liệu tham khảo.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Kiến thức:

+ Trình bày được những kiến thức cơ bản về dịch tễ học, nguyên lý phòng chống, điều tra xử lý dịch.

+ Trình bày được đặc điểm, phân loại, cách chăm sóc, phòng chống bệnh truyền nhiễm

+ Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, dự phòng một số bệnh truyền nhiễm thường gặp.

- Kỹ năng:

+ Chẩn đoán sớm và điều trị được một số bệnh truyền nhiễm theo đường lây, phát hiện được các dấu hiệu nguy hiểm để chuyển tuyến kịp thời.

+ Xác định được những điều kiện vệ sinh môi trường liên quan đến một số bệnh truyền nhiễm tại địa phương.

+ Giáo dục, tư vấn cộng đồng và cá nhân về các vấn đề vệ sinh môi trường liên quan đến một số bệnh truyền nhiễm tại địa phương.

+ Xác định được phong tục, tập quán, lối sống liên quan đến một số bệnh truyền nhiễm và bệnh xã hội tại địa phương.

+ Giáo dục, tư vấn cộng đồng và cá nhân về phong tục, tập quán, lối sống liên quan đến một số bệnh truyền nhiễm và bệnh xã hội tại địa phương.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Khẩn trương báo cáo kịp thời với các bên liên quan khi có dịch bệnh xảy ra.

+ Chủ động phối hợp với các ban ngành, đoàn thể trong công tác vệ sinh phòng bệnh, phòng chống dịch.

+ Có thái độ đúng mức với các phong tục, tập quán và các yếu tố văn hoá của cá nhân và cộng đồng trong công tác chăm sóc sức khỏe.

2. Phương pháp đánh giá: Đánh giá mô đun theo Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH.

2.1. Điều kiện sinh viên được thi kết thúc mô đun:

- Sinh viên tham gia ít nhất 80% thời gian học tập trên lớp.

- Hoàn thành đủ 03 cột điểm kiểm tra:

+ Kiểm tra thường xuyên: (điểm hệ số 1) 1 cột điểm.

+ Kiểm tra định kỳ: (điểm hệ số 2) 2 cột điểm.

- Điểm trung bình kiểm tra (TBKT) ≥ 5.0.

2.2. Thi kết thúc mô đun:

- Phương pháp đánh giá: Thi viết trắc nghiệm.

- Hệ số đánh giá:

+ Điểm TB mô đun: bằng điểm TBKT*0,4 + điểm Thi*0,6.

+ Điểm đánh giá theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

+ Điểm TB mô đun từ thang điểm 10 chuyển sang thang điểm chữ A, B, C, D, F. Từ thang điểm chữ chuyển về thang điểm 4 để tính điểm trung bình tích lũy mô đun theo quy định.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho Y sĩ trình độ Cao đẳng chính quy.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Áp dụng các biện pháp giảng dạy tích cực.

- Đối với người học: Chủ động nghiên cứu tài liệu trước khi lên lớp.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

- Bộ Y tế (2019) Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị sốt xuất huyết Dengue, NXB Y học.

- Bộ Y tế (2018) Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh lao, NXB Y học.

- Bộ Y tế (2015) Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị một số bệnh truyền nhiễm, NXB Y học

- Trường ĐH Y tế công cộng, 2014, Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm, NXB Y học

5. Ghi chú và giải thích: Không.

HIỆU TRƯỞNG

(*Đã ký*)

Tạ Thị Nhất Sương

Tên môn học: Y HỌC GIA ĐÌNH

Mã môn học: MH10.YS

Đối tượng: Y sĩ Cao đẳng chính quy

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 29 giờ; Thực hành: 00 giờ; Kiểm tra 01 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học rất quan trọng trong công tác đào tạo Y sĩ là môn học thuộc học phần chuyên môn.

- Tính chất: Môn học này cung cấp cho học sinh những kiến thức và kỹ năng trong công tác chăm sóc sức khỏe cho các nhóm đối tượng khác nhau trong hộ gia đình. Là môn học thuộc các môn chuyên ngành

II. Mục tiêu môn học:

- Kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về:

+ Trình bày được các khái niệm cơ bản và các nguyên lý của Y học gia đình; các yêu cầu đạo đức trong Y học gia đình.

+ Phân tích được mối liên quan giữa vòng đời người và gia đình với sức khoẻ, bệnh tật và áp dụng trong chăm sóc sức khoẻ.

+ Mô tả được các công cụ đánh giá gia đình sử dụng trong Y học gia đình

+ Trình bày được các nguyên tắc và kỹ năng làm việc với các nhóm đối tượng CSSK khác nhau như hộ gia đình có trẻ dưới 5 tuổi, trẻ vị thành niên, phụ nữ mang thai và cho con bú, người cao tuổi.

+ Trình bày được các cấp độ của chăm sóc dự phòng; mô tả các yếu tố ảnh hưởng đến sức khoẻ và nguyên tắc quản lý một số yếu tố nguy cơ sức khoẻ.

+ Trình bày được nội dung một số chăm sóc sức khoẻ dự phòng và nâng cao sức khoẻ trong Y học gia đình: sàng lọc phát hiện sớm bệnh, chăm sóc sức khoẻ tâm thần, một số chương trình nâng cao sức khoẻ.

+ Trình bày được các kỹ năng giao tiếp - tư vấn cần thiết của BSGĐ và các phương pháp xác định nhu cầu và nội dung tư vấn, giáo dục sức khoẻ theo Y học gia đình.

+ Cập nhật được một số kiến thức mới trong phát hiện và xử trí một số bệnh, vấn đề sức khoẻ, cấp cứu thường gặp ở trẻ em và người lớn trong cộng đồng.

+ Trình bày được các nguyên tắc xác định các vấn đề sức khoẻ ưu tiên và các bước xây dựng kế hoạch chăm sóc sức khoẻ trong YHGĐ.

+ Trình bày được các nguyên tắc và nội dung yêu cầu trong quản lý một số bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng: tăng huyết áp, đái tháo đường, hen phế quản, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính.

- Kỹ năng: Thực hành được các kỹ năng cơ bản về:

+ Xác định được nhu cầu, nội dung và thực hiện được việc tư vấn, giáo dục sức khoẻ cho cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng theo nguyên lý Y học gia đình.

+ Lập được kế hoạch giải quyết các vấn đề sức khỏe tại địa phương.

+ Phát hiện, xử trí cấp cứu ban đầu với các bệnh thường gặp tại địa phương.

+ Sử dụng được một số công cụ đánh giá gia đình trong thực hành chăm sóc sức khoẻ theo Y học gia đình.

+ Áp dụng các nguyên lý của y học gia đình vào công tác chăm sóc dự phòng và nâng cao sức khỏe nhân dân tại tuyến y tế cơ sở.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Rèn luyện, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp để từng bước thiết lập được môi trường làm việc an toàn để giảm thiểu rủi ro trong môi trường điều trị.

+ Thể hiện được tinh thần trách nhiệm, chủ động, hợp tác trong việc thực hiện nhiệm vụ của trạm y tế theo nguyên lý y học gia đình

III. Nội dung môn học:

1.Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	**Tên chương, mục**	**Thời gian (giờ)**			
		Tổng số	**Lý thuyết**	**Thực hành**	**Kiểm tra**
1	**Phần 1: YHGĐ và Trạm Y tế hoạt động theo nguyên lý YHGĐ** **Bài 1: Lịch sử phát triển, vai trò và các nguyên lý của YHGĐ** 1. Tổng quan về Y học gia đình 2. Khái niệm về nguyên lý thực hành của Y học gia đình 3. Áp dụng các nguyên lý cơ bản của y học gia đình vào công tác chăm sóc sức khỏe cộng đồng	2	2	0	1

2	**Bài 2: Mô hình Trạm Y tế xã hoạt động theo nguyên lý YHGĐ tại Việt Nam** 1. Mô hình cơ sở y học gia đình hiện nay 2. Nhiệm vụ của cơ sở y học gia đình 3. Tiêu chuẩn của TYT hoạt động theo nguyên tắc YHGĐ 4. Nhiệm vụ của trạm y tế xã khi hoạt động theo nguyên tắc YHGĐ 5. Phân biệt được nhiệm vụ của các nhân viên y tế ở trạm y tế hoạt động theo nguyên tắc y học gia đình so với nhiệm vụ theo quy định của nhà nước	2	2	0	
3	**Bài 3: Vòng đời người, vòng đời gia đình và mối liên quan với sức khoẻ, bệnh tật** 1. Đại cương 2. Các giai đoạn vòng đời người 3. Các giai đoạn vòng đời gia đình	2	2	0	
4	**Bài 4: Một số công cụ thường dùng trong đánh giá gia đình** 1. Đại cương 2. Một số công cụ đánh giá gia đình trong YHGĐ	2	2	0	
5	**Bài 5: Hồ sơ Quản lý sức khỏe cá nhân, hộ gia đình theo nguyên lý YHGĐ** 1. Một số khái niệm 2. Hồ sơ quản lý sức khỏe cá nhân	2	2	0	

	và hộ gia đình 3. Quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử				
6	**Bài 6: Kỹ năng làm việc nhóm** 1. Khái niệm và quy trình làm việc nhóm 2. Vai trò của các thành viên trong làm việc nhóm 3. Một số phương pháp là việc nhóm hiệu quả	2	2	0	
7	**Phần 2: Chăm sóc dự phòng, tư vấn giáo dục và nâng cao sức khoẻ** **Bài 1: Các cấp độ dự phòng và nâng cao sức khoẻ** 1. Khái niệm 2. Nội dung dự phòng 3. Phòng bệnh trong chăm sóc sức khỏe gia đình . 4. Thực hiện dự phòng	2	2	0	
8	**Bài 2: Tiêm chủng phòng bệnh** 1.Đại cương 2. Các bệnh truyền nhiễm trong chương trình TCMR 3. Vắc xin 4. Tiêm chủng 5. Tổ chức tiêm chủng	2	2	0	
9	**Bài 3: Sàng lọc phát hiện sớm bệnh** 1. Cơ sở khoa học của sàng lọc, 2. khám sức khỏe định kỳ 3. Hoạt động khám định kỳ 4. Sàng lọc một số bệnh thường gặp	1	1	0	

10	**Bài 4: Vệ sinh môi trường** 1. Đại cương 2. Quan hệ giữa sức khoẻ và môi trường 3. Những định hướng cơ bản cho môi trường lành mạnh	1	1	0	
11	**Bài 5: Vệ sinh an toàn thực phẩm** 1. Các mối nguy ô nhiễm vào thực phẩm và ô nhiễm thực phẩm 2. Phương pháp đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm 3. Một số bệnh do thực phẩm thường gặp	2	2	0	
12	**Bài 6: Hành vi sức khỏe và các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sức khỏe** 1. Khái niệm 2. Các yếu tố nguy cơ sức khỏe 3. Mối liên quan giữa các yếu tố môi trường với sức khỏe 4. Các yếu tố ảnh hưởng đến thay đổi hành vi sức khỏe 5. Quá trình thay đổi hành vi sức khỏe	2	2		
13	**Bài 7: Tư vấn giáo dục sức khoẻ cho cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng** 1. Khái niệm 2. Mục đích 3. Nguyên tắc tư vấn 4. Phương pháp xác định nhu cầu và nội dung tư vấn giáo dục sức khỏe	2	2	0	

	5. Các bước của quá trình tư vấn				
14	**Bài 8: Lập kế hoạch chăm sóc sức khoẻ cộng đồng theo y học gia đình** 1. Khái niệm 2. Phân loại kế hoạch 3. Các bước lập kế hoạch	1	1	0	
15	**Phần 3: Cập nhật về xử trí một số vấn đề sức khoẻ thường gặp tại cộng đồng theo nguyên lý YHGĐ** <u>Bài 1:</u> Quản lý các bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng theo nguyên lý YHGĐ 1. Tổng quan về phòng, chống bệnh không lây nhiễm trên thế giới và Việt Nam 2. Các yếu tố nguy cơ 3. Chẩn đoán, điều trị và quản lý một số bệnh không lây nhiễm phổ biến	2	2	0	
16	Bài 2: Chăm sóc sức khỏe tại nhà 1. Tính cấp thiết 2. Mục tiêu 3. Mô hình tổ chức 4. Phương thức hoạt động 5. Hướng dẫn chăm sóc sức khỏe tại nhà cho bệnh nhân	2	2		
	Tổng	**30**	**29**	**0**	**1**

2. Nội dung chi tiết:

Phần 1: YHGĐ và Trạm Y tế hoạt động theo nguyên lý YHGĐ

Thời gian: 12 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được các khái niệm cơ bản và các nguyên lý của Y học gia đình; các yêu cầu đạo đức trong Y học gia đình.
- Phân tích được mối liên quan giữa vòng đời người và gia đình với sức khoẻ, bệnh tật và áp dụng trong chăm sóc sức khoẻ.
- Mô tả được các công cụ đánh giá gia đình sử dụng trong Y học gia đình
- Trình bày được các nguyên tắc và kỹ năng làm việc với các nhóm đối tượng CSSK khác nhau như hộ gia đình có trẻ dưới 5 tuổi, trẻ vị thành niên, phụ nữ mang thai và cho con bú, người cao tuổi.
- Trình bày được các tiêu chuẩn, nhiệm vụ của trạm y tế xã hoạt động theo nguyên lý y học gia đình.
- Sử dụng được một số công cụ đánh giá gia đình trong thực hành chăm sóc sức khoẻ theo Y học gia đình.
- Áp dụng các nguyên lý của y học gia đình vào công tác chăm sóc dự phòng và nâng cao sức khỏe nhân dân tại tuyến y tế cơ sở.
- Rèn luyện, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp để từng bước thiết lập được môi trường làm việc an toàn để giảm thiểu rủi ro trong môi trường điều trị.
- Thể hiện được tinh thần trách nhiệm, chủ động, hợp tác trong việc thực hiện nhiệm vụ của trạm y tế theo nguyên lý y học gia đình

2. Nội dung

Bài 1: Lịch sử phát triển, vai trò và các nguyên lý của YHGĐ

1. Tổng quan về Y học gia đình
2. Khái niệm về nguyên lý thực hành của Y học gia đình
3. Áp dụng các nguyên lý cơ bản của y học gia đình vào công tác chăm sóc sức khỏe cộng đồng

Bài 2: Mô hình Trạm Y tế xã hoạt động theo nguyên lý YHGĐ tại Việt Nam

1. Mô hình cơ sở y học gia đình hiện nay
2. Nhiệm vụ của cơ sở y học gia đình
3. Tiêu chuẩn của TYT hoạt động theo nguyên tắc YHGĐ
4. Nhiệm vụ của trạm y tế xã khi hoạt động theo nguyên tắc y học gia đình
5. Phân biệt được nhiệm vụ của các nhân viên y tế ở trạm y tế hoạt động theo nguyên tắc y học gia đình so với nhiệm vụ theo quy định của nhà nước

Bài 3: Vòng đời người, vòng đời gia đình và mối liên quan với sức khoẻ, bệnh tật

1. Đại cương

2. Các giai đoạn vòng đời người

3. Các giai đoạn vòng đời gia đình

Bài 4: Một số công cụ thường dùng trong đánh giá gia đình

1. Đại cương

2. Một số công cụ đánh giá gia đình trong y học gia đình

Bài 5: Hồ sơ Quản lý sức khỏe cá nhân, hộ gia đình theo nguyên lý Y học gia đình

1. Một số khái niệm

2. Hồ sơ quản lý sức khỏe cá nhân và hộ gia đình

3. Quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử

Bài 6: Kỹ năng làm việc nhóm

1. Khái niệm và quy trình làm việc nhóm

2. Vai trò của các thành viên trong làm việc nhóm

3. Một số phương pháp là việc nhóm hiệu quả

Phần 2: Chăm sóc dự phòng, tư vấn giáo dục và nâng cao sức khoẻ

Thời gian: 12 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được các cấp độ của chăm sóc dự phòng; mô tả các yếu tố ảnh hưởng đến sức khoẻ và nguyên tắc quản lý một số yếu tố nguy cơ sức khoẻ.
- Trình bày được nội dung một số chăm sóc sức khoẻ dự phòng và nâng cao sức khoẻ trong Y học gia đình: sàng lọc phát hiện sớm bệnh, chăm sóc sức khoẻ tâm thần, một số chương trình nâng cao sức khoẻ.
- Trình bày được các kỹ năng giao tiếp - tư vấn cần thiết của BSGĐ và các phương pháp xác định nhu cầu và nội dung tư vấn, giáo dục sức khoẻ theo Y học gia đình.
- Trình bày được các nguyên tắc xác định các vấn đề sức khoẻ ưu tiên và các bước xây dựng kế hoạch chăm sóc sức khoẻ trong YHGĐ.
- Xác định được nhu cầu, nội dung và thực hiện được việc tư vấn, giáo dục sức khoẻ cho cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng theo nguyên lý Y học gia đình
- Lập được kế hoạch giải quyết các vấn đề sức khỏe tại địa phương.
- Áp dụng các nguyên lý của y học gia đình vào công tác chăm sóc dự phòng và nâng cao sức khỏe nhân dân tại tuyến y tế cơ sở.

- Rèn luyện, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp để từng bước thiết lập được môi trường làm việc an toàn để giảm thiểu rủi ro trong môi trường điều trị.
- Thể hiện được tinh thần trách nhiệm, chủ động, hợp tác trong quá trình chăm sóc sức khỏe nhân dân

2. Nội dung

Bài 1: Các cấp độ dự phòng và nâng cao sức khoẻ

1. Khái niệm
2. Nội dung dự phòng
3. Phòng bệnh trong chăm sóc sức khỏe gia đình
4. Thực hiện dự phòng

Bài 2: Tiêm chủng phòng bệnh

1. Đại cương
2. Các bệnh truyền nhiễm trong chương trình TCMR
3. Vắc xin
4. Tiêm chủng
5. Tổ chức tiêm chủng

Bài 3: Sàng lọc phát hiện sớm bệnh

1. Cơ sở khoa học của sàng lọc, khám sức khỏe định kỳ
2. Hoạt động khám định kỳ
3. Sàng lọc một số bệnh thường gặp

Bài 4: Vệ sinh môi trường

1. Đại cương
2. Quan hệ giữa sức khoẻ và môi trường
3. Những định hướng cơ bản cho môi trường lành mạnh

Bài 5: Vệ sinh an toàn thực phẩm

1. Các mối nguy ô nhiễm vào thực phẩm và ô nhiễm thực phẩm
2. Phương pháp đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm
3. Một số bệnh do thực phẩm thường gặp

Bài 6: Hành vi sức khỏe và các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sức khỏe

1. Khái niệm
2. Các yếu tố nguy cơ sức khỏe
3. Mối liên quan giữa các yếu tố môi trường với sức khỏe

4. Các yếu tố ảnh hưởng đến thay đổi hành vi sức khỏe

5. Quá trình thay đổi hành vi sức khỏe

Bài 7: Tư vấn giáo dục sức khoẻ cho cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng

1. Khái niệm

2. Mục đích

3. Nguyên tắc tư vấn

4. Phương pháp xác định nhu cầu và nội dung tư vấn giáo dục sức khỏe

5. Các bước của quá trình tư vấn

Bài 8: Lập kế hoạch chăm sóc sức khoẻ cộng đồng theo y học gia đình

1. Khái niệm

2. Phân loại kế hoạch

3. Các bước lập kế hoạch

Phần 3:Cập nhật về xử trí một số vấn đề sức khoẻ thường gặp tại cộng đồng theo nguyên lý y học gia đình

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

- Cập nhật được một số kiến thức mới trong phát hiện và xử trí một số bệnh, vấn đề sức khoẻ, cấp cứu thường gặp ở trẻ em và người lớn trong cộng đồng.
- Trình bày được các nguyên tắc và nội dung yêu cầu trong quản lý một số bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng: tăng huyết áp, đái tháo đường, hen phế quản, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính.
- Áp dụng các nguyên lý Y học gia đình trong quản lý các bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng..
- Áp dụng kiến thức chăm sóc trẻ khỏe để tư vấn và chăm sóc trẻ tại gia đình
- Rèn luyện, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp để từng bước thiết lập được môi trường làm việc an toàn để giảm thiểu rủi ro trong môi trường điều trị.
- Thể hiện được tinh thần trách nhiệm, chủ động, hợp tác trong việc thực hiện nhiệm vụ của trạm y tế theo nguyên lý y học gia đình.

2. Nội dung

Bài 1: Quản lý các bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng theo nguyên lý y học gia đình.

1. Tổng quan về phòng, chống bệnh không lây nhiễm trên thế giới và Việt Nam

2. Các yếu tố nguy cơ

3. Chẩn đoán, điều trị và quản lý một số bệnh không lây nhiễm phổ biến

Bài 2: Chăm sóc sức khỏe tại nhà

1. Tính cấp thiết

2. Mục tiêu

3. Mô hình tổ chức

4. Phương thức hoạt động

5. Hướng dẫn chăm sóc sức khỏe tại nhà cho bệnh

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết

2. Trang thiết bị máy móc: Máy vi tính, máy Projestor hoặc Tivi;

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình, giáo án; tài liệu phát tay

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về:

+ Trình bày được các khái niệm cơ bản và các nguyên lý của Y học gia đình; các yêu cầu đạo đức trong Y học gia đình.

+ Phân tích được mối liên quan giữa vòng đời người và gia đình với sức khoẻ, bệnh tật và áp dụng trong chăm sóc sức khoẻ.

+ Mô tả được các công cụ đánh giá gia đình sử dụng trong Y học gia đình

+ Trình bày được các nguyên tắc và kỹ năng làm việc với các nhóm đối tượng CSSK khác nhau như hộ gia đình có trẻ dưới 5 tuổi, trẻ vị thành niên, phụ nữ mang thai và cho con bú, người cao tuổi.

+ Trình bày được các cấp độ của chăm sóc dự phòng; mô tả các yếu tố ảnh hưởng đến sức khoẻ và nguyên tắc quản lý một số yếu tố nguy cơ sức khoẻ.

+ Trình bày được nội dung một số chăm sóc sức khoẻ dự phòng và nâng cao sức khoẻ trong Y học gia đình: sàng lọc phát hiện sớm bệnh, chăm sóc sức khoẻ tâm thần, một số chương trình nâng cao sức khoẻ.

+ Trình bày được các kỹ năng giao tiếp - tư vấn cần thiết của BSGĐ và các phương pháp xác định nhu cầu và nội dung tư vấn, giáo dục sức khoẻ theo Y học gia đình.

+ Cập nhật được một số kiến thức mới trong phát hiện và xử trí một số bệnh, vấn đề sức khoẻ, cấp cứu thường gặp ở trẻ em và người lớn trong cộng đồng.

+ Trình bày được các nguyên tắc xác định các vấn đề sức khoẻ ưu tiên và các bước xây dựng kế hoạch chăm sóc sức khoẻ trong YHGĐ.

+ Trình bày được các nguyên tắc và nội dung yêu cầu trong quản lý một số bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng: tăng huyết áp, đái tháo đường, hen phế quản, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính.

- Kỹ năng: Thực hành được các kỹ năng cơ bản về:

+ Xác định được nhu cầu, nội dung và thực hiện được việc tư vấn, giáo dục sức khoẻ cho cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng theo nguyên lý Y học gia đình.

+ Lập được kế hoạch giải quyết các vấn đề sức khỏe tại địa phương.

+ Phát hiện, xử trí cấp cứu ban đầu với các bệnh thường gặp tại địa phương.

+ Sử dụng được một số công cụ đánh giá gia đình trong thực hành chăm sóc sức khoẻ theo Y học gia đình.

+ Áp dụng các nguyên lý của y học gia đình vào công tác chăm sóc dự phòng và nâng cao sức khỏe nhân dân tại tuyến y tế cơ sở.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Rèn luyện, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp để từng bước thiết lập được môi trường làm việc an toàn để giảm thiểu rủi ro trong môi trường điều trị.

+ Thể hiện được tinh thần trách nhiệm, chủ động, hợp tác trong việc thực hiện nhiệm vụ của trạm y tế theo nguyên lý y học gia đình

2. Phương pháp: Đánh giá môn học theo Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH.

2.1. Điều kiện sinh viên được thi kết thúc môn học:

- Sinh viên tham gia ít nhất 80% thời gian học tập trên lớp.
- Hoàn thành đủ 2 cột điểm kiểm tra:
    + Kiểm tra thường xuyên: (điểm hệ số 1) 1 cột điểm.
    + Kiểm tra định kỳ: (điểm hệ số 2) 1 cột điểm.
- Điểm trung bình kiểm tra (TBKT) ≥ 5.0.

2.2. Thi kết thúc môn học:

- Phương pháp đánh giá: Thi viết trắc nghiệm hoặc tự luận
- Hệ số đánh giá:

+ Điểm TB môn học: bằng điểm TBKT*0,4 + điểm Thi*0,6.

+ Điểm đánh giá theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

+ Điểm TB môn học từ thang điểm 10 chuyển sang thang điểm chữ A, B, C, D, F. Từ thang điểm chữ chuyển về thang điểm 4 để tính điểm trung bình tích lũy môn học theo quy định.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: trong chương trình học Y sĩ cao đẳng

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Áp dụng các biện pháp giảng dạy tích cực.
- Đối với người học: Chủ động nghiên cứu tài liệu trước khi lên lớp.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

- Bộ môn Y học gia đình. Trường Đại học Y Hà Nội: *Thực hành Y học gia đình trong chăm sóc sức khỏe ban đầu (2012)*. Nhà xuất bản Y học.
- Trung tâm đào tạo bác sĩ gia đình - Trường Đại Học Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh, *Y học gia đình (2012)*, Nhà xuất bản Y học, 2012
- Bộ môn YHGĐ trường ĐHYK Phạm Ngọc Thạch (2012), *Các nguyên tắc y học gia đình*.
- Bộ Y tế (2019), Thông tư số 21/2019/TT-BYT ngày 21 tháng 8 năm 2019

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

HIỆU TRƯỞNG

(*Đã ký*)

Tạ Thị Nhất Sương

Tên mô đun: Y HỌC CỔ TRUYỀN – PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

Mã mô đun: MĐ14.YS

Thời gian thực hiện mô đun: 75 giờ (Lý thuyết: 43 giờ; Thực hành: 29 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun

- Vị trí: Y học cổ truyền - PHCN là môn được học sau các mô đun cơ bản và môn y học cơ sở. Y học cổ truyền – PHCN là mô đun ứng dụng trong thực hành lâm sàng.
- Tính chất: Y học cổ truyền - PHCN là một mô đun nghiên cứu các lý luận của Y học cổ truyền phương đông, từ đó áp dụng các biện pháp dùng thuốc và không dùng thuốc vào điều trị, phòng bệnh; phối hợp nâng cao chất lượng điều trị toàn diện, ngăn ngừa được thương tật thứ cấp, giúp người bệnh, người tàn tật phục hồi tối đa về thể chất, tâm thần và xã hội.

II. Mục tiêu mô đun

- Kiến thức:

+ Trình bày được một số khái niệm cơ bản về lý luận Y học cổ truyền;

+ Nhận định được một số bệnh chứng thường gặp theo Y học cổ truyền.

+ Trình bày được khái niệm cơ bản về Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng.

+ Xác định mức độ khiếm khuyết, giảm chức năng và tàn tật thường gặp.

- Kỹ năng:

+ Sử dụng thuốc Nam, châm cứu và phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc để phòng và chữa một số bệnh, chứng thường gặp tại địa phương.

+ Thực hiện được một số kỹ thuật phục hồi chức năng thông thường.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Hướng dẫn tận tình, chu đáo người bệnh và người nhà tự chăm sóc, luyện tập phục hồi chức năng tại bệnh viện và tại cộng đồng.

+ Tôn trọng văn hóa, phong tục tập quán từng vùng miền trong hướng dẫn và chăm sóc người bệnh.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên bài, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH/ TL	Kiểm tra

1	**Bài 1: Học thuyết âm dương, ngũ hành, học thuyết thiên nhân hợp nhất** 1. Học thuyết âm dương 2. Học thuyết ngũ hành 3. Học thuyết thiên nhân hợp nhất	2	2	0	
2	**Bài 2: Nguyên nhân gây bệnh theo Y học cổ truyền** 1. Khái niệm chung 2. Các loại nguyên nhân 2.1. Ngoại nhân 2.2. Nội nhân (nguyên nhân bên trong) 2.3. Bất nội ngoại nhân	2	2	0	
3	**Bài 3: Chức năng tạng phủ** 1. Đại cương 2. Các tạng 3. Các phủ 4. Các hoạt động khác	2	2	0	3
4	**Bài 4: Các phương pháp chẩn đoán và chữa bệnh theo Y học cổ truyền** 1. Tứ chẩn 2. Bát cương 3. Những điều cần chú ý khi chẩn đoán bát cương 4. Bát pháp	4	2	2	
5	**Bài 5: Hệ kinh lạc, Huyệt, cách xác định các huyệt thường gặp, kỹ thuật châm cứu.** 1. Hệ kinh lạc 2. Huyệt, cách xác định các huyệt thường gặp 2.1. Huyệt vùng tay: 11 huyệt 2.2. Huyệt vùng chân: 10 huyệt	16	6	10	

	2.3. Huyệt vùng đầu mặt cổ: 11 huyệt 2.4. Huyệt vùng thân người: 11 huyệt 3. Kỹ thuật châm cứu 3.1. Định nghĩa châm- cứu 3.2. Tác dụng châm- cứu 3.3. Nguyên tắc châm cứu 3.4. Chỉ định và chống chỉ định của cứu 3.5. Các tai biến của châm- cứu 3.6. Thủ thuật bổ - Tả áp dụng trong châm 3.7. Thủ thuật châm 3.8. Thủ thuật cứu 3.9. Kỹ thuật phối hợp châm và cứu				
6	**Bài 6: Xoa bóp huyệt, dưỡng sinh** 1. XBBH 1. Định nghĩa Xoa bóp 2. Tác dụng xoa bóp bấm huyệt 3. Nguyên tắc xoa bóp bấm huyệt 4. Chỉ định và CCĐ chữa bệnh bằng xoa bóp bấm huyệt 5. Các thủ thuật xoa bóp bấm huyệt 6. Xoa bóp từng vùng cơ thể 2. Dưỡng sinh 2.1. Đại cương về dưỡng sinh 2.2. Nội dung tập luyện dưỡng sinh	9	4	5	
7	**Bài 7: Các loại thuốc thông thường** 1. Thuốc thanh thiệt, trừ hàn 2. Thuốc lợi tiểu 3. Thuốc hành khi hoạt huyết 4. Thuốc cầm máu, an thần, hop long đàm, nhuận tràng, cầm tiêu chảy	12	9	3	
8	**Bài 8: Đại cương phục hồi chức năng, quá trình tàn tật và biện pháp phòng**	4	4	0	

	ngừa, một số phương pháp VLTL-PHCN. 1. Đại cương phục hồi chức năng 2. Quá trình tàn tật và các biện pháp phòng ngừa 3. Một số phương pháp VLTL- PHCN				
9	**Bài 9: PHCN bại não, hô hấp.** **1. Phục hồi chức năng bại não** 1.1. Định nghĩa 1.2. Nguyên nhân Bại não 1.3. Dấu hiệu nhận biết sớm 1.4. Các thể lâm sàng 1.5. Phục hồi chức năng **2. Phục hồi chức năng Hô hấp** 2.1. Lượng giá chức năng hô hấp 2.2. Mục đích 2.3. Phương pháp PHCN.	7	4	3	
10	**Bài 10: PHCN tổn thương tủy sống, tai biến mạch máu não.** **1. Phục hồi chức năng Tổn thương tuỷ sống** 1.1. Đại cương 1.2. Nguyên nhân 1.3. Chẩn đoán tổn thương tủy sống 1.4. Phân loại 1.5. Các giai đoạn phục hồi chức năng **2. Phục hồi chức năng Tai biến mạch máu não** 2.1. Đại cương 2.2. Phân loại 2.3. Biến chứng 2.4. Phục hồi chức năng	7	4	3	

	2.5. Giai đoạn hòa nhập cộng đồng.				
11	**Bài 11: Phục hồi chức năng đau thần kinh tọa, gãy xương** **1. Phục hồi chức năng đau thần kinh tọa** 1.1. Đại cương 1.2. Lâm sàng 1.3. Cận lâm sàng 1.4. Chẩn đoán xác định TVĐĐ 1.5. Phục hồi chức năng 1.6. Phòng bệnh **2. Phục hồi chức năng Gãy xương** 2.1. Đại cương 2.2. Mục đích Phục hồi chức năng 2.3. Phục hồi chức năng	7	4	3	
	Tổng	75	43	29	3

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Học thuyết âm dương, ngũ hành, học thuyết thiên nhân hợp nhất

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được nội dung và 4 quy luật cơ bản của học thuyết Âm dương.
- Mô tả được nội dung và mối quan hệ tương sinh tương khắc, tương thừa tương vũ của học thuyết Ngũ hành.
- Trình bày được ứng dụng của học thuyết Âm dương- Ngũ hành vào y học.

2. Nội dung

2.1. Học thuyết âm dương

2.2. Học thuyết ngũ hành

2.3. Học thuyết thiên nhân hợp nhất

Bài 2: Nguyên nhân gây bệnh theo Y học cổ truyền

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được 3 nhóm nguyên nhân gây bệnh theo y học cổ truyền.

- Trình được đặc tính của 3 nhóm nguyên nhân gây bệnh.
- Trình bày được chẩn đoán nguyên nhân trong y học cổ truyền.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm chung

2.2. Các loại nguyên nhân

2.2.1. Ngoại nhân

2.2.2. Nội nhân (nguyên nhân bên trong)

2.2.3. Bất nội ngoại nhân

Bài 3. Chức năng tạng phủ

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được chức năng chính của tạng- phủ.
- Trình bày được biểu hiện bệnh lý của tạng- phủ.
- Nắm được các hoạt động của khí- huyết- tinh- thần- tân dịch.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Các tạng

2.3. Các phủ

2.4. Các hoạt động khác

Bài 4: Các phương pháp chẩn đoán và chữa bệnh theo Y học cổ truyền

Thời gian: 04 giờ (LT: 02 giờ; TH: 02 giờ)

1. Mục tiêu

- Trình bày được các nội dung cơ bản của Vọng, Văn, Vấn, Thiết và chữa bệnh theo YHCT.
- Trình bày tổng hợp các triệu chứng theo Bát cương.
- Trình bày chỉ định, chống chỉ định của Bát pháp.

2. Nội dung

2.1. Tứ chẩn

2.2. Bát cương

2.3. Những điều cần chú ý khi chẩn đoán bát cương

2.4. Bát pháp

Bài 5: Hệ kinh lạc, Huyệt, cách xác định các huyệt thường gặp, kỹ thuật châm cứu.

Thời gian: 16 giờ (LT: 06 giờ; TH: 10 giờ)

1. Mục tiêu

- Trình bày định nghĩa về kinh lạc?
- Trình bày định nghĩa được huyệt là gì? Phân loại và tác dụng của huyệt.
- Trình bày được cách đo lấy huyệt và nêu khái quát cách kết hợp huyệt.
- Mô tả được ý nghĩa của châm- cứu, tác dụng, nguyên tắc, chỉ định- chống chỉ định của châm cứu.
- Trình bày những tai biến có thể xảy ra khi châm cứu, cách đề phòng và xử trí.
- Thực hiện được thủ thuật bổ- tả, thủ thuật châm- cứu, cảm giác đắc khí.

2. Nội dung

2.1. Hệ kinh lạc

2.2. Huyệt, cách xác định các huyệt thường gặp

2.2.1. Huyệt vùng tay: 11 huyệt

2.2.2. Huyệt vùng chân: 10 huyệt

2.2.3. Huyệt vùng đầu mặt cổ: 11 huyệt

2.2.4. Huyệt vùng thân người: 11 huyệt

2.3. Kỹ thuật châm cứu

2.3.1. Định nghĩa châm- cứu

2.3.2. Tác dụng châm- cứu

2.3.3. Nguyên tắc châm cứu

2.3.4. Chỉ định và chống chỉ định của cứu

2.3.5. Các tai biến của châm- cứu

2.3.6. Thủ thuật bổ - Tả áp dụng trong châm

2.3.7. Thủ thuật châm

2.3.8. Thủ thuật cứu

2.3.9. Kỹ thuật phối hợp châm và cứu

Bài 6: Xoa bóp huyệt, dưỡng sinh

Thời gian: 09 giờ (LT: 04 giờ; TH: 05 giờ)

1. Mục tiêu

- Trình bày được định nghĩa và tác dụng của phương pháp xoa bóp bấm huyệt.

- Trình bày được nguyên tắc, chỉ định, chống chỉ định của xoa bóp bấm huyệt.
- Trình bày được các thủ thuật xoa bóp bấm huyệt.
- Thực hành được xoa bóp bấm huyệt vào từng vùng cơ thể.
- Mô tả được khái niệm, nguyên tắc tập luyện dưỡng sinh.
- Trình bày được tác dụng, nguyên tắc cách luyện thở.
- Trình bày được phương pháp luyện tinh thần, tự xoa bóp.
- Thực hành được các phương pháp dưỡng sinh.

2. Nội dung

2.1. XBBH

2.1. Định nghĩa Xoa bóp

2.2. Tác dụng xoa bóp bấm huyệt

2.3. Nguyên tắc xoa bóp bấm huyệt

2.4. Chỉ định và CCĐ chữa bệnh bằng xoa bóp bấm huyệt

2.5. Các thủ thuật xoa bóp bấm huyệt

2.6. Xoa bóp từng vùng cơ thể

2.2. Dưỡng sinh

2.2.1. Đại cương về dưỡng sinh

2.2.2. Nội dung tập luyện dưỡng sinh

Bài 7: Các loại thuốc thông thường

Thời gian: 12 giờ (LT: 09 giờ; TH: 03 giờ)

1. Mục tiêu

- Trình bày được tên, bộ phận dùng làm thuốc của cây thuốc: thanh nhiệt, thuốc trừ hàn, lợi tiểu, hành khí hoạt huyết, cầm máu, an thần, hop long đàm, nhuận tràng, cầm tiêu chảy
- Mô tả được tác dụng, liều lượng của các cây thuốc: thanh nhiệt, thuốc trừ hàn, lợi tiểu, hành khí hoạt huyết, cầm máu, an thần, hop long đàm, nhuận tràng, cầm tiêu chảy.

2. Nội dung

2.1. Thuốc thanh thiệt, trừ hàn

2.2. Thuốc lợi tiểu

2.3. Thuốc hành khí hoạt huyết

2.4. Thuốc cầm máu, an thần, hop long đàm, nhuận tràng, cầm tiêu chảy

Bài 8. Đại cương phục hồi chức năng, quá trình tàn tật và biện pháp phòng ngừa, một số phương pháp VLTL-PHCN

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu

- Vận dụng kiến thức về tổng quan về phục hồi chức năng, các biện pháp phòng ngừa, một số phương pháp VLTL-PHCN để lựa chọn các hình thức PHCN, các bước phòng ngừa hợp lý cho người bệnh;
- Vận dụng kiến thức sinh lý, triệu chứng để đưa ra phương pháp điều trị VLTL-PHCN cho người bệnh trong tình huống cụ thể;
- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tra cứu tài liệu, khả năng thuyết trình để trang bị cho mình những kiến thức cần thiết.

2. Nội dung

2.1. Đại cương phục hồi chức năng

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Mục đích của PHCN

2.1.3. Các hình thức PHCN

2.1.4. Phạm vi của PHCN

2.1.5. Nguyên tắc của PHCN

2.1.6. Khái niệm của PHCN dựa vào cộng đồng

2.1.7. Những hoạt động nội dung chủ yếu để PHCN có thể hoạt động tại cộng đồng

2.1.8. Các nguyên lý cơ bản về mặt tâm lý của phcn dựa vào cộng đồng

2.1.9. Vai trò của cán bộ trong PHCN

2.1.10. Thực trạng phục hồi chức năng ở việt nam

2.2. Quá trình tàn tật và các biện pháp phòng ngừa

2.2.1. Khái niệm về sức khỏe và tàn tật

2.2.2. Phân loại tàn tật

2.2.3. Nguyên nhân tàn tật

2.2.4. Hậu quả của tàn tật

2.3. Các biện pháp phòng ngừa

2.3.1. Phòng ngừa bước 1

2.3.2. Phòng ngừa bước 2

2.3.3. Phòng ngừa bước 3

2.4. Một số phương pháp VLTL-PHCN

2.4.1. Vận động trị liệu

2.4.2. Hoạt động trị liệu

2.4.3. Xoa bóp trị liệu

2.4.4. Kéo nắn trị liệu

2.4.5. Nhiệt trị liệu

2.4.6. Ánh sáng trị liệu

2.4.7. Tử ngoại

2.4.8. Hồng ngoại

2.4.9. Điện trị liệu

2.4.10. Dòng galvanic:

2.4.11. Dòng điện cao tần trị liệu

2.4.12. Siêu âm trị liệu.

Bài 9. Phục hồi chức năng bại não, hô hấp

Thời gian: 09 giờ (LT: 04 giờ; TH: 03 giờ)

1. Mục tiêu

- Vận dụng các kiến thức giải phẫu, sinh lý, nguyên nhân, triệu chứng và áp kiến thức PHCN để nhận định được người bệnh mắc bệnh bại não, hô hấp trong các tình huống lâm sàng cụ thể;
- Vận dụng các chứng cứ phù hợp để xác định các vấn đề ưu tiên từ đó lập được kế hoạch điều trị PHCN người bệnh bị bại não, hô hấp, bỏng trong các tình huống lâm sàng cụ thể;
- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tra cứu tài liệu, khả năng thuyết trình để trang bị cho mình những kiến thức cần thiết.

2. Nội dung

2.1. Phục hồi chức năng bại não

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Nguyên nhân Bại não

2.1.3. Dấu hiệu nhận biết sớm

2.1.4. Các thể lâm sàng

2.1.5. Phục hồi chức năng

2.2. Phục hồi chức năng Hô hấp

2.2.1. Lượng giá chức năng hô hấp

2.2.2. Mục đích

2.2.3. Phương pháp PHCN.

Bài 10. Phục hồi chức năng tổn thương tủy sống, tai biến mạch máu não

Thời gian: 07 giờ (LT: 04 giờ; TH: 03 giờ)

1. Mục tiêu

- Vận dụng các kiến thức giải phẫu, sinh lý, nguyên nhân, triệu chứng và áp kiến thức PHCN để điều trị được người bệnh mắc bệnh tổn thương tủy sống, BN tai biến mạch máu não trong các tình huống lâm sàng cụ thể;
- Vận dụng các chứng cứ phù hợp để xác định các vấn đề ưu tiên từ đó lập được kế hoạch điều trị PHCN người bệnh bịtổn thương tủy sống,tai biến mạch máu não trong các tình huống lâm sàng cụ thể.

2. Nội dung

2.1. Phục hồi chức năng Tổn thương tuỷ sống

2.1.1. Đại cương

2.1.2. Nguyên nhân

2.1.3. Chẩn đoán tổn thương tủy sống

2.1.4. Phân loại

2.1.5. Các giai đoạn phục hồi chức năng

2.2. Phục hồi chức năng Tai biến mạch máu não

2.2.1. Đại cương

2.2.2. Phân loại

2.2.3. Biến chứng

2.2.4. Phục hồi chức năng

2.2.5. Giai đoạn hòa nhập cộng đồng.

Bài 11. Phục hồi chức năng đau thần kinh tọa, Gãy xương

Thời gian: 07 giờ (LT: 04 giờ; TH: 03 giờ)

1. Mục tiêu

- Vận dụng các kiến thức giải phẫu, sinh lý, nguyên nhân, triệu chứng và áp dụng quy trình điều dưỡng để nhận định được người bệnh mắc bệnh đau thần kinh tọa, gãy xương, tổn thương khớp gối trong các tình huống lâm sàng cụ thể;

- Vận dụng các chứng cứ phù hợp để xác định các vấn đề ưu tiên từ đó lập được kế hoạch điều trị PHCN người bệnh mắc bệnh lý bệnh đau thần kinh tọa, gãy xương, tổn thương khớp gối trong các tình huống lâm sàng cụ thể.

2. Nội dung

2.1. Phục hồi chức năng đau thần kinh tọa

2.1.1. Đại cương

2.1.2. Lâm sàng

2.1.3. Cận lâm sàng

2.1.4. Chẩn đoán xác định thoát vị đĩa đệm

2.1.5. Phục hồi chức năng

2.1.6. Phòng bệnh

2.2. Phục hồi chức năng gãy xương

2.2.1. Đại cương

2.2.2. Mục đích Phục hồi chức năng

2.2.3. Phục hồi chức năng

IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học chuyên môn hóa/ nhà xưởng:

- Phòng học lý thuyết: Phòng học đúng quy định, bàn ghế giáo viên, bàn ghế sinh viên
- Phòng thực hành tiền lâm sàng: phòng thực hành đủ tiêu chuẩn, bàn, ghế

2. Trang thiết bị máy móc:

- Máy tính, máy chiếu, phấn, bảng.
- Dụng cụ: tạ các loại, ròng rọc, bàn tập, giường tập, thang tường, thanh song song, nẹp các loại, nạng, gậy…

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Giáo án, giáo trình, các tình huống LS

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá

1. Nội dung:

- Kiến thức:

+ Trình bày được một số khái niệm cơ bản về lý luận Y học cổ truyền;

+ Nhận định được một số bệnh chứng thường gặp theo Y học cổ truyền.

+ Trình bày được khái niệm cơ bản về Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng.

+ Xác định mức độ khiếm khuyết, giảm chức năng và tàn tật thường gặp.

- Kỹ năng:

+ Sử dụng thuốc Nam, châm cứu và phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc để phòng và chữa một số bệnh, chứng thường gặp tại địa phương.

+ Thực hiện được một số kỹ thuật phục hồi chức năng thông thường.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Hướng dẫn tận tình, chu đáo người bệnh và người nhà tự chăm sóc, luyện tập phục hồi chức năng tại bệnh viện và tại cộng đồng.

+ Tôn trọng văn hóa, phong tục tập quán từng vùng miền trong hướng dẫn và chăm sóc người bệnh.

2. Phương pháp: Đánh giá mô đun theo Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH.

2.1. Điều kiện sinh viên được thi kết thúc mô đun:

- Sinh viên tham gia ít nhất 80% thời gian học tập trên lớp.

- Hoàn thành đủ 5 cột điểm kiểm tra:

+ Kiểm tra thường xuyên: (điểm hệ số 1): 02 cột điểm.

+ Kiểm tra định kỳ: (điểm hệ số 2): 03 cột điểm.

- Điểm trung bình kiểm tra (TBKT) ≥ 5.0.

2.2. Thi kết thúc mô đun: Hình thức: thi trắc nghiệp hoặc tự luận

- Hệ số đánh giá:

+ Điểm TB mô đun: bằng điểm TBKT*0,4 + điểm Thi*0,6.

+ Điểm đánh giá theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

+ Điểm TB mô đun từ thang điểm 10 chuyển sang thang điểm chữ A, B, C, D, F. Từ thang điểm chữ chuyển về thang điểm 4 để tính điểm trung bình tích lũy mô đun theo quy định.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng: trong chương trình học Y sĩ cao đẳng

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập

- Đối với giáo viên, giảng viên: Giảng dạy lý thuyết qua máy chiếu, Dạy thực hành qua mô hình, Video, tranh ảnh, tiêu bản thuốc YHCT.

- Đối với người học: Tiếp thu và ghi nhớ các bài giảng để áp dụng vào thực tiễn; thực hành theo nhóm

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo

- Trường Đại học Y Hà Nội, 2022 Bài giảng YHCT tập I, II. NXB Y học.
- Trường Đại học Y Hà Nội, 2017, Bệnh học nội khoa YHCT, NXB Y học.
- Các phương pháp thức điều trị bằng vật lý, Nhà xuất bản giáo dục - 2010.
- Lượng giá chức năng hệ vận động, Nhà xuất bản giáo dục - 2010.
- Vận động trị liệu, Nhà xuất bản giáo dục - 2010.
- Trường Cao đẳng Bạch Mai, 2023, Kỹ thuật phục hồi chức năng.
- Bộ Y tế, 2020, Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh theo y học cổ truyền, kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại

5. Ghi chú và giải thích (nếu có): Không

HIỆU TRƯỞNG

(*Đã ký*)

Tạ Thị Nhất Sương

Tên môn học: CHĂM SÓC SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG

Mã môn học: **MH11.YS**

Đối tượng: Y sĩ cao đẳng chính quy

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 29 giờ; Thảo luận/Thực hành/Bài tập: 0 giờ; Kiểm tra: 01 giờ).

I. Vị trí, tính chất môn học

- Vị trí: môn học Chăm sóc sức khỏe cộng đồng là môn học bắt buộc nằm trong chương trình đào tạo.

- Tính chất: Đây là môn học chuyên ngành.

II. Mục tiêu môn học

- *Về kiến thức:*

+ Trình bày được khái niêm về y tế cộng đồng, nội dung chăm sóc sức khoẻ ban đầu và vai trò của nhân viên y tế trong chăm sóc sức khỏe ban đầu.

+ Trình bày được những kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng: Thu thập và quản lý thông tin y tế, Xác định vấn đề sức khoẻ và chẩn đoán cộng đồng, Thăm hộ gia đình, Lập kế hoạch giải quyết các vấn đề sức khỏe của cộng đồng.

+ Trình bày được các kiến thức về cấp cứu trong thảm họa.

+ Phân tích được thông tin y tế và vấn đề sức khoẻ ưu tiên phục vụ cho lập kế hoạch chăm sóc sức khoẻ cộng đồng.

- *Kỹ năng:*

+ Vận dụng được các kiến thức về chăm sóc sức khỏe cộng đồng để xác định vấn đề sức khỏe của cộng đồng, từ đó thực hiện chăm sóc và giải quyết các vấn đề sức khỏe của cộng đồng dưới các hình thức: Thăm hộ gia đình và lập kế hoạch chăm sóc cho cá nhân, gia đình và cộng đồng, tư vấn, giáo dục sức khỏe cho cộng đồng có kiến thức về việc tự bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho bản thân.

+ Vận dụng các kiến thức về cấp cứu thảm họa vào việc thực hiện các kỹ năng sơ cứu, cấp cứu kịp thời trong các thảm họa tại cộng đồng.

- *Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:*

+ Hoàn thiện các kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, kỹ năng giáo dục sức khỏe, tính tích cực trong học tập, có tư duy tư phản biện/phê phán.

+ Rèn luyện kỹ năng ra quyết định đúng và kịp thời để thực hiện được sơ cứu, cấp cứu hiệu quả khi có tình huống cấp cứu tại cơ sở y tế và cộng đồng

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Stt	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TL/KT	Kiểm tra
1	**Bài 1. Đại cương về chăm sóc sức khỏe cộng đồng** 1. Lịch sử phát triển y tế cộng đồng 2. Một số khái niệm 2.1. Sức khỏe 2.2. Các yếu tố quyết định sức khoẻ 2.3. Chăm sóc sức khỏe cộng đồng 2.4. Chăm sóc sức khỏe 2.5. Dịch vụ chăm sóc sức khỏe	4	4		1
2	**Bài 2. Chăm sóc sức khoẻ ban đầu và vai trò của nhân viên y tế cộng đồng** 1. Tuyên ngôn Astana 1.1. Nội dung cơ bản của tuyên ngôn 1.2. Ý nghĩa của tuyên ngôn 2. Chăm sóc sức khoẻ ban đầu 2.1. Khái niệm 2.2. Vai trò của chăm sóc sức khoẻ ban đầu 2.3. Nội dung chăm sóc sức khoẻ ban đầu 3. Vai trò của nhân viên y tế trong chăm sóc sức khoẻ ban đầu 3.1. Chức năng 3.2. Nhiệm vụ 3.3. Năng lực	4	4		
3	**Bài 3. Thu thập và quản lý thông tin y tế**	4	4		

	1. Khái niệm thông tin y tế 1.1. Định nghĩa 1.2. Tầm quan trọng của thông tin y tế 1.3. Những yêu cầu của thông tin y tế 2. Các nhóm thông tin y tế 2.1. Thông tin về dân số 2.2. Thông tin về kinh tế, văn hoá, xã hội 2.3. Thông tin về sức khoẻ, bệnh tật 2.4. Thông tin về vệ sinh môi trường 2.5. Thông tin về thực hiện các dịch vụ y tế 2.6. Thông tin về nguồn lực y tế 2.7. Thông tin về sự hỗ trợ của cộng đồng 2.8. Thông tin về sự hỗ trợ của y tế tuyến trên 3. Thu thập thông tin y tế 3.1 Thu thập thông tin có sẵn 3.2. Thu thập thông tin từ người dân 4. Quản lý thông tin y tế 4.1. Hệ thống quản lý thông tin y tế tại tuyến cơ sở 4.2. Báo cáo hoạt động của y tế tuyến cơ sở				
4	**Bài 4. Xác định vấn đề sức khoẻ và vấn đề sức khoẻ ưu tiên** 1. Khái niệm 1.1. Chẩn đoán cộng đồng 1.2. Khái niệm vấn đề sức khoẻ 1.3. Khái niệm vấn đề sức khoẻ ưu tiên 2. Xác định vấn đề sức khoẻ	4	4		

	2.1. Kỹ thuật Delphi 2.2. Kỹ thuật dựa trên gánh nặng bệnh tật 3. Xác định vấn đề sức khoẻ ưu tiên 3.1. Kỹ thuật Delphi 3.2. Kỹ thuật dựa trên bảng kỹ thuật thông thường				
5	**Bài 5. Thăm và chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng** 1. Lượng giá nhu cầu về chăm sóc của người bệnh 1.1. Khái niệm 1.2. Mục đích của lượng giá nhu cầu chăm sóc người bệnh 1.3. Tiến hành lượng giá 1.4. Thực hiện theo dõi người bệnh 1.5. Chẩn đoán chăm sóc 2. Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh tại gia đình 2.1. Khái niệm về kế hoạch 2.2. Các bước của kế hoạch chăm sóc 3. Ứng dụng kế hoạch chăm sóc người bệnh tại gia đình	4	4		
6	**Bài 6. Lập kế hoạch chăm sóc sức khoẻ cộng đồng** 1. Khái niệm kế hoach và lập kế hoạch 2. Ý nghĩa và tầm quan trọng của kế hoạch 3. Các kiểu lập kế hoạch 3.1. Lập kế hoạch từ trên xuống 3.2. Lập kế hoạch từ dưới lên 3.3. Lập kế hoạch kết hợp	4	4		

	4. Quy trình lập kế hoạch 4.1. Thu thập, phân tích thông tin y tế 4.2. Xác định vấn đề sức khoẻ trong cộng đồng 4.3. Xác định vấn đề sức khoẻ ưu tiên 4.4. Xây dựng mục tiêu 4.5. Lựa chọn giải pháp và xác định hoạt động 4.6. Xây dựng kế hoạch hoạt động chi tiết				
7	**Bài 7. Cấp cứu trong thảm họa** 1. Thảm họa 1.1. Định nghĩa về thảm họa 1.2. Thảm họa và mối nguy hiểm 2. Phân loại thảm họa 2.1. Thảm họa do tự nhiên 2.2. Thảm họa do con người 3. Tình hình thảm họa ở Việt Nam 3.1. Tình hình thảm họa tự nhiên ở Việt Nam (Thiên tai) 3.2. Tình hình thảm họa do con người ở Việt Nam 4. Cấp cứu thảm họa 4.1. Định nghĩa 4.2. Phân biệt cấp cứu tại bệnh viện và cấp cứu trong thảm họa 4.3. Xử trí cấp cứu trong thảm họa	4	5		
8	Kiểm tra	1	0	0	1
	Tổng	**30**	**29**	**0**	**1**

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Đại cương về chăm sóc sức khỏe cộng đồng thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày khái niệm sức khoẻ và sức khoẻ toàn diện.
- Mô tả được các yếu tố quyết định sức khoẻ.
- Trình bày được khái niệm cộng đồng và chăm sóc sức khoẻ cộng đồng
- Trình bày được khái niệm, nội dung chăm sóc sức khoẻ ban đầu và vai trò điều dưỡng trong chăm sóc sức khoẻ ban đầu
- Áp dụng được kiến thức của bài học để phân tích các yếu tố tác động đến sức khoẻ.
- Áp dụng các kiến thức đã học được vào công việc thực tế tại cộng đồng.
- Xây dựng được thái độ tích cực, chủ động hợp tác trong làm việc nhóm và coi trọng vai trò của cộng đồng trong việc bảo vệ và chăm sóc sức khoẻ.

2. Nội dung:

2.1. Lịch sử phát triển y tế cộng đồng

2.2. Một số khái niệm

2.2.1. Sức khỏe

2.2.2. Các yếu tố quyết định sức khoẻ

2.2.3. Chăm sóc sức khỏe cộng đồng

2.2.4. Chăm sóc sức khỏe

2.2.5. Dịch vụ chăm sóc sức khỏe

Bài 2. Chăm sóc sức khoẻ ban đầu và vai trò của nhân viên y tế cộng đồng

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được ý nghĩa của tuyên ngôn Astana trong chăm sóc sức khoẻ ban đầu
- Trình bày được khái niệm, nội dung chăm sóc sức khoẻ ban đầu và vai trò điều dưỡng trong chăm sóc sức khoẻ ban đầu
- Trình bày được các cấp độ dự phòng.
- Xây dựng được thái độ tích cực, chủ động hợp tác trong làm việc nhóm và coi trọng hoạt động chăm sóc sức khoẻ ban đầu trong việc chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân.

2. Nội dung

2.1. Tuyên ngôn Astana

2.1.1. Nội dung cơ bản của tuyên ngôn

2.1.2. Ý nghĩa của tuyên ngôn

2.2. Chăm sóc sức khoẻ ban đầu

2.2.1. Khái niệm

2.2.2. Vai trò của chăm sóc sức khoẻ ban đầu

2.2.3. Nội dung chăm sóc sức khoẻ ban đầu

2.3. Vai trò của nhân viên y tế trong chăm sóc sức khoẻ ban đầu

2.3.1. Chức năng

2.3.2. Nhiệm vụ

2.3.3. Năng lực

Bài 3. Thu thập và quản lý thông tin y tế Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được khái niệm, tầm quan trọng và những yêu cầu của thông tin y tế
- Trình bày được các nhóm thông tin y tế cần thu thập trong chăm sóc sức khoẻ cộng đồng
- Trình bày được các kỹ thuật thu thập thông tin y tế
- Xây dựng được thái độ tích cực, chủ động hợp tác trong làm việc nhóm và coi trọng hoạt động chăm sóc sức khoẻ ban đầu trong việc chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm thông tin y tế

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Tầm quan trọng của thông tin y tế

2.1.3. Những yêu cầu của thông tin y tế

2.2. Các nhóm thông tin y tế

2.2.1. Thông tin về dân số

2.2.2. Thông tin về kinh tế, văn hoá, xã hội

2.2.3. Thông tin về sức khoẻ, bệnh tật

2.2.4. Thông tin về vệ sinh môi trường

2.2.5. Thông tin về thực hiện các dịch vụ y tế

2.2.6. Thông tin về nguồn lực y tế

2.2.7. Thông tin về sự hỗ trợ của cộng đồng

2.2.8. Thông tin về sự hỗ trợ của y tế tuyến trên

2.2.3. Thu thập thông tin y tế

2.3.1 Thu thập thông tin có sẵn

2.3.2. Thu thập thông tin từ người dân

2.4. Quản lý thông tin y tế

2.4.1. Hệ thống quản lý thông tin y tế tại tuyến cơ sở

2.4.2. Báo cáo hoạt động của y tế tuyến cơ sở

Bài 4. Xác định vấn đề sức khoẻ và vấn đề sức khoẻ ưu tiên

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được khái niệm vấn đề sức khoẻ và vấn đề sức khoẻ ưu tiên
- Trình bày được các kỹ thuật xác định vấn đề sức khoẻ và vấn đề sức khoẻ ưu tiên
- Xác định được vấn đề sức khoẻ và vấn đề sức khoẻ ưu tiên trong tình huống giả định
- Xây dựng được thái độ tích cực, chủ động, hợp tác trong làm việc nhóm và coi trọng hoạt động xác định vấn đề sức khoẻ và vấn đề sức khoẻ ưu tiên trong hoạt động chăm sóc sức khoẻ cộng đồng.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm

2.1.1. Chẩn đoán cộng đồng

2.1.2. Khái niệm vấn đề sức khoẻ

2.1.3. Khái niệm vấn đề sức khoẻ ưu tiên

2.2. Xác định vấn đề sức khoẻ

2.2.1. Kỹ thuật Delphi

2.2.2. Kỹ thuật dựa trên gánh nặng bệnh tật

2.3. Xác định vấn đề sức khoẻ ưu tiên

2.3.1. Kỹ thuật Delphi

2.3.2. Kỹ thuật dựa trên bảng kỹ thuật thông thường

Bài 5. Thăm và chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được khái niệm nhu cầu của con người và các chăm sóc cơ bản.
- Mô tả cách tiến hành lượng giá nhu cầu chăm sóc cho người bệnh.
- Phân biệt được chẩn đoán chăm sóc với chẩn đoán điều trị.
- Thực hiện tốt kế hoạch chăm sóc người bệnh tại nhà.
- Phát hiện sớm các nguy cơ cho cộng đồng khi lượng giá.

- Tận tình, chu đáo khi chăm sóc cho người bệnh tại gia đình.
- Thông cảm, chia sẻ với nỗi đau của người bệnh tại gia đình.

2. Nội dung

2.1. Lượng giá nhu cầu về chăm sóc của người bệnh

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Mục đích của lượng giá nhu cầu chăm sóc người bệnh

2.1.3. Tiến hành lượng giá

2.1.4. Thực hiện theo dõi người bệnh

2.1.5. Chẩn đoán chăm sóc

2.2. Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh tại gia đình

2.2.1. Khái niệm về kế hoạch

2.2.2. Các bước của kế hoạch chăm sóc

2.3. Ứng dụng kế hoạch chăm sóc người bệnh tại gia đình

Bài 6. Lập kế hoạch chăm sóc sức khoẻ cộng đồng Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được ý nghĩa và tầm quan trọng của lập kế hoạch
- Mô tả được các bước trong quá trình lập kế hoạch
- Lập được một bản kế hoạch chăm sóc cộng đồng trong tình huống giả định
- Xây dựng được thái độ tích cực, chủ động, hợp tác trong làm việc nhóm và coi trọng hoạt động lập kế hoạch trong chăm sóc sức khoẻ cộng đồng.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm kế hoach và lập kế hoạch

2.Ý nghĩa và tầm quan trọng của kế hoạch

2.3. Các kiểu lập kế hoạch

2.3.1. Lập kế hoạch từ trên xuống

2.3.2. Lập kế hoạch từ dưới lên

2.3.3. Lập kế hoạch kết hợp

2.4. Quy trình lập kế hoạch

2.4.1. Thu thập, phân tích thông tin y tế

2.4.2. Xác định vấn đề sức khoẻ trong cộng đồng

2.4.3. Xác định vấn đề sức khoẻ ưu tiên

2.4.4. Xây dựng mục tiêu

2.4.5. Lựa chọn giải pháp và xác định hoạt động

2.4.6. Xây dựng kế hoạch hoạt động chi tiết

Bài 7. Cấp cứu trong thảm họa Thời gian: 05 giờ

1. Mục tiêu

- Áp dụng các kiến thức cơ bản về thảm họa để phân loại được các dạng thảm họa
- Phân loại được bệnh nhân trong thảm họa theo Start
- Lựa chọn được các xử trí cơ bản thường gặp trong cấp cứu thảm họa tại cộng đồng
- Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc nhóm, thuyết trình và ra quyết định.

2. Nội dung

2.1. Thảm họa

2.1.1. Định nghĩa về thảm họa

2.1.2. Thảm họa và mối nguy hiểm

2.2. Phân loại thảm họa

2.2.1. Thảm họa do tự nhiên

2.2.2. Thảm họa do con người

2.3. Tình hình thảm họa ở Việt Nam

2.3.1. Tình hình thảm họa tự nhiên ở Việt Nam (Thiên tai)

2.3.2. Tình hình thảm họa do con người ở Việt Nam

2.4. Cấp cứu thảm họa

2.4.1. Định nghĩa

2.4.2. Phân biệt cấp cứu tại bệnh viện và cấp cứu trong thảm họa

2.4.3. Xử trí cấp cứu trong thảm họa

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học: Phòng lý thuyết.

2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, màn chiếu, máy lạnh, quạt, tăng âm, loa, míc, bàn ghế

3. Học liệu, dụng cụ: Bảng, tranh ảnh (liên quan đến tài liệu học tập).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- *Về kiến thức:*

+ Trình bày được khái niêm về y tế cộng đồng, nội dung chăm sóc sức khoẻ ban đầu và vai trò của nhân viên y tế trong chăm sóc sức khỏe ban đầu.

+ Trình bày được những kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng: Thu thập và quản lý thông tin y tế, Xác định vấn đề sức khoẻ và chẩn đoán cộng đồng, Thăm hộ gia đình, Lập kế hoạch giải quyết các vấn đề sức khỏe của cộng đồng.

+ Trình bày được các kiến thức về cấp cứu trong thảm họa.

+ Phân tích được thông tin y tế và vấn đề sức khoẻ ưu tiên phục vụ cho lập kế hoạch chăm sóc sức khoẻ cộng đồng.

- *Kỹ năng:*

+ Vận dụng được các kiến thức về chăm sóc sức khỏe cộng đồng để xác định vấn đề sức khỏe của cộng đồng, từ đó thực hiện chăm sóc và giải quyết các vấn đề sức khỏe của cộng đồng dưới các hình thức: Thăm hộ gia đình và lập kế hoạch chăm sóc cho cá nhân, gia đình và cộng đồng, tư vấn, giáo dục sức khỏe cho cộng đồng có kiến thức về việc tự bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho bản thân.

+ Vận dụng các kiến thức về cấp cứu thảm họa vào việc thực hiện các kỹ năng sơ cứu, cấp cứu kịp thời trong các thảm họa tại cộng đồng.

- *Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:*

+ Hoàn thiện các kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, kỹ năng giáo dục sức khỏe, tính tích cực trong học tập, có tư duy tư phản biện/ phê phán.

+ Rèn luyện kỹ năng ra quyết định đúng và kịp thời để thực hiện được sơ cứu, cấp cứu hiệu quả khi có tình huống cấp cứu tại cơ sở y tế và cộng đồng

2. Phương pháp đánh giá

Đánh giá môn học theo Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH.

2.1. Điều kiện sinh viên được thi kết thúc môn học:

- Sinh viên tham gia ít nhất 80% thời gian học tập trên lớp.

- Hoàn thành đủ 3 cột điểm kiểm tra:

+ Kiểm tra thường xuyên: (điểm hệ số 1) 1 cột điểm.

+ Kiểm tra định kỳ: (điểm hệ số 2) 2 cột điểm.

- Điểm trung bình kiểm tra (TBKT) ≥ 5.0.

2.2. Thi kết thúc môn học: Hình thức: thi trắc nghiệp hoặc tự luận

- Hệ số đánh giá:

+ Điểm TB môn học: bằng điểm TBKT*0,4 + điểm Thi*0,6.

+ Điểm đánh giá theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

+ Điểm TB môn học từ thang điểm 10 chuyển sang thang điểm chữ A, B, C, D, F. Từ thang điểm chữ chuyển về thang điểm 4 để tính điểm trung bình tích lũy môn học theo quy định.

V. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho Y sĩ đa khoa trình độ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập môn học

- Đối với giáo viên:

+ Sử dụng các trang thiết bị và hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết.

+ Môn học gắm liền với các tình huống cụ thể, sinh viên được thực hành tình huống sau mỗi bài học.

+ Xây dựng đề cương chi tiết môn học, xây dựng kế hoạch và hướng dẫn quá trình học tập. Xây dựng vấn đề học tập. Giảng dạy theo đúng quy trình, phương pháp và kế hoạch theo đề cương chi tiết môn học. Tiến hành kiểm tra, lượng giá đúng quy trình. Xây dựng bộ câu hỏi đảm bảo đúng số lượng và chất lượng.

+ Thảo luận nhóm: Giảng viên nêu vấn đề, chia nhóm, thảo luận nhóm, giáo viên giới hạn thời gian sẽ hoàn thành. Sau khi thảo luận xong các nhóm bốc thăm ngẫu nhiên câu hỏi thảo luận, người báo cáo và báo cáo kết quả thảo luận của nhóm mình. Các nhóm khác nhận xét và giảng viên có thể chấm điểm phần báo cáo và nhận xét.

- Đối với sinh viên: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình lĩnh hội tri thức. Rèn luyện kỹ năng tự học:

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo

- Bộ Y tế, Điều dưỡng cộng đồng, Nhà xuất bản Y học 2006.

- Giáo trình Y tế công cộng - Vụ Khoa học và Đào tạo Bộ Y tế - Nhà xuất bản Y học 2005

HIỆU TRƯỞNG

(*Đã ký*)

Tạ Thị Nhất Sương

Tên mô đun: QUẢN LÝ - TỔ CHỨC Y TẾ

Mã mô đun: MĐ15.YS

Đối tượng: Y sĩ Cao đẳng chính quy

Thời gian thực hiện mô đun: 30 giờ (Lý thuyết: 29 giờ; Thực hành: 0 giờ; Kiểm tra 1 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Mô đun giúp cho người học có kiến thức tổng quan về ngành y tế cũng như vị trí, vai trò của cán bộ y tế nói chung và Y sĩ nói riêng.
- Tính chất: Mô đun đào tạo người học có đủ kiến thức và kỹ năng để trở thành người cán bộ y tế toàn diện.

II. Mục tiêu mô đun:

- Kiến thức: Trình bày được hệ thống, tổ chức hoạt động ngành y tế Việt Nam
- Kỹ năng: Lập và thực hiện được hoạt động chăm sóc sức khỏe tại tuyến cơ sở.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có khả năng khám chữa bệnh độc lập tại y tế cơ sở.

+ Có khả năng hướng dẫn chuyên môn cho đồng nghiệp tại y tế cơ sở.

III. Nội dung mô đun:

1.Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	**Tên chương, mục**	**Thời gian (giờ**			
		Tổng số	**Lý thuyết**	**Thực hành**	**Kiểm tra**
1	**Hệ thống tổ chức ngành y tế Việt Nam** 1. Đặc điểm tổ chức bộ máy y tế Việt Nam 2. Mô hình tổ chức 2.1 Theo tổ chức hành chánh Nhà nước 2.2 Theo thành phần kinh tế 2.3 Sơ đồ mô hình tổ chức bộ máy y tế Nhà nước Việt Nam 3. Tổ chức, chức năng nhiệm vụ các tuyến y tế 3.1. Tuyến Trung ương (Bộ Y tế) 3.2. Tuyến tỉnh, thành phố trực thuộc Trung	5	5		

	ương (Sở Y tế) 3.3. Phòng Y tế 3.4. Tuyến xã (Trạm y tế) 4. Y tế tư nhân 4.1. Các loại hình y tế tư nhân 4.2. Hình thức kinh doanh tư nhân				
2	**Nhiệm vụ của Điều dưỡng, Y sĩ** 1. Nhiệm vụ của Điều dưỡng 1.1. Nhiệm vụ của Điều dưỡng trưởng 1.2. Nhiệm vụ của Điều dưỡng hành chính 1.3. Nhiệm vụ của Điều dưỡng chăm sóc 2. Nhiệm vụ của Y sĩ.	2	2		
3	**Tổ chức và quản lý y tế cơ sở** 1. Đại cương 2. Năng lực cần có của người quản lý y tế cơ sở 2.1. Năng lực chuyên môn 2.2. Năng lực quản lý 2.3. Năng lực điều hành 2.4. Năng lực giao tiếp 3. Chức năng và quy trình quản lý 3.1. Chức năng 3.2. Quy trình cơ bản trong quản lý 4. Các hình thức quản lý 4.1. Quản lý theo chức năng nhiệm vụ 4.2. Quản lý theo công việc 4.3. Quản lý theo lịch công tác 5. Giám sát hoạt động y tế cơ sở 6. Xã hội hóa và lồng ghép các hoạt động y tế cơ sở.	2	2		
4	**Lập kế hoạch y tế** 1. Khái niệm về lập kế hoạch	9	9		

	1.1. Khái niệm về kế hoạch 1.2. Khái niệm về lập kế hoạch 1.3. Tại sao phải xây dựng kế hoạch? 2. Các loại kế hoạch 2.1. Theo thời gian 2.2. Theo cấp độ 2.3. Theo phạm vi 2.4. Theo phương pháp xây dựng kế hoạch 3. Các bước lập kế hoạch 3.1. Bước 1: Thu thập thông tin để đánh giá thực trạng, xác định vấn đề sức khỏe 3.2. Bước 2: Xác định vấn đề sức khoẻ ưu tiên 3.3. Bước 3: Phân tích vấn đề sức khoẻ 3.4. Bước 4: Xây dựng Mục tiêu 3.5. Bước 5: Lựa chọn giải pháp 3.6. Bước 6: Xây dựng kế hoạch hành động 4. Cấu trúc của bản kế hoạch 4.1. Tính Mục tiêu 4.2. Tính khoa học 4.3. Tính cân đối 4.4. Tính chấp nhận 4.5. Tính pháp lệnh 5. Nội dung chính của bản kế hoạch 5.1. Đặc điểm tình hình 5.2. Mục tiêu 5.3. Tổ chức thực hiện 5.4. Giám sát và đánh giá 5.5. Dự trù kinh phí.				
5	**Chăm sóc sức khỏe ban đầu** 1. Đại cương 2. Những khái niệm cơ bản về chăm sóc sức khỏe ban đầu	5	5		

	2.1. Định nghĩa chăm sóc sức khỏe ban đầu 2.2. Chăm sóc sức khỏe ban đầu gồm tám yếu tố 2.3. Chăm sóc sức khỏe ban đầu bao gồm năm nguyên tắc cơ bản sau 2.4. Kỹ thuật học thích hợp 2.5. Phối hợp liên ngành 3. Nội dung chăm sóc sức khỏe ban đầu ở Việt Nam 3.1. Giáo dục sức khỏe 3.2. Cải thiện điều kiện dinh dưỡng và ăn uống hợp lý 3.3. Cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường 3.4. Chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em và kế hoạch hóa gia đình 3.5. Tiêm chủng mở rộng phòng chống 6 bệnh nhiễm trùng phổ biến của trẻ em 3.6. Phòng chống các bệnh dịch lưu hành phổ biến tại địa phương 3.7. Điều trị các bệnh và vết thương thông thường 3.8. Cung cấp đủ thuốc thiết yếu 3.9. Quản lý sức khỏe toàn dân 3.10. Củng cố màng lưới y tế cơ sở 4. Các biện pháp thực hiện Mục tiêu chăm sóc sức khỏe ban đầu.				
6	**Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã** 1. Tiêu chí 1. Chỉ đạo, điều hành công tác CSSK 2. Tiêu chí 2. Nhân lực y tế 3. Tiêu chí 3. Cơ sở hạ tầng TYT xã	4	4		

	4. Tiêu chí 4.Trang thiết bị, thuốc và phương tiện khác 5. Tiêu chí 5. YTDP, Phòng, chống HIV/AIDS VSMT và ATTP 6. Tiêu chí 6. Khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng và YHCT 7. Tiêu chí 7. Chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em 8. Tiêu chí 8. Dân số - Kế hoạch hóa gia đình 9. Tiêu chí 9. Truyền thông – Giáo dục sức khỏe.				
7	**Qui tắc ứng xử của cán bộ y tế** 1. Ứng xử của công chức, viên chức y tế khi thi hành công vụ, nhiệm vụ được giao 1.1. Những việc phải làm 1.2. Những việc không được làm 2. Ứng xử của công chức, viên chức y tế đối với đồng nghiệp 2.1. Những việc phải làm 2.2. Những việc không được làm 3. Ứng xử của công chức, viên chức y tế đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân 3.1. Những việc phải làm 3.2. Những việc không được làm 4. Ứng xử của công chức, viên chức y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh 4.1. Thực hiện nghiêm túc 12 Điều y đức ban hành kèm theo Quyết định số 2088/QĐ-BYT ngày 06 tháng 11 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Y tế 4.2. Những việc phải làm đối với người đến khám bệnh	2	2		

	4.3. Những việc phải làm đối với người bệnh điều trị nội trú 4.4. Những việc phải làm đối với người bệnh ra viện hoặc chuyển tuyến 4.5. Những việc không được làm.				
	Tổng	**30**	**29**	**0**	**1**

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: HỆ THỐNG TỔ CHỨC NGÀNH Y TẾ VIỆT NAM

Thời gian: 5 giờ

1. MỤC TIÊU

- Nêu được đặc điểm và mô hình tổ chức bộ máy y tế nước ta.
- Trình bày được khái quát chức năng, nhiệm vụ của các tuyến y tế.

2. NỘI DUNG

2.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy y tế Việt Nam

2.2. Mô hình tổ chức

2.2.1 Theo tổ chức hành chánh Nhà nước

2.2.2 Theo thành phần kinh tế

2.2.3 Sơ đồ mô hình tổ chức bộ máy y tế Nhà nước Việt Nam

2.3. Tổ chức, chức năng nhiệm vụ các tuyến y tế

2.3.1. Tuyến Trung ương (Bộ Y tế)

2.3.2. Tuyến tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Sở Y tế)

2.3.3. Phòng Y tế

2.3.4. Tuyến xã (Trạm y tế)

2.4. Y tế tư nhân

2.4.1. Các loại hình y tế tư nhân

2.4.2. Hình thức kinh doanh tư nhân.

Bài 2: NHIỆM VỤ CỦA ĐIỀU DƯỠNG, Y SĨ Thời gian: 02 giờ

1. MỤC TIÊU

- Trình bày được nhiệm vụ của Điều dưỡng;
- Trình bày được nhiệm vụ của Y sĩ.

2. NỘI DUNG

2.1. Nhiệm vụ của Điều dưỡng

2.1.1. Nhiệm vụ của Điều dưỡng trưởng

2.1.2. Nhiệm vụ của Điều dưỡng hành chính

2.1.3. Nhiệm vụ của Điều dưỡng chăm sóc

2.2. Nhiệm vụ của Y sĩ.

Bài 3: TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ Y TẾ CƠ SỞ Thời gian: 02 giờ

1. MỤC TIÊU

- Trình bày được những năng lực cần có của người quản lý y tế.
- Mô tả được chức năng và quy trình quản lý.
- Trình bày được nội dung quản lý và cách giám sát hoạt hoạt động y tế cơ sở.

2. NỘI DUNG

2.1. Đại cương

2.2. Năng lực cần có của người quản lý y tế cơ sở

2.2.1. Năng lực chuyên môn

2.2.2. Năng lực quản lý

2.2.3. Năng lực điều hành

2.2.4. Năng lực giao tiếp

2.3. Chức năng và quy trình quản lý

2.3.1. Chức năng

2.3.2. Quy trình cơ bản trong quản lý

2.4. Các hình thức quản lý

2.4.1. Quản lý theo chức năng nhiệm vụ

2.4.2. Quản lý theo công việc

2.4.3. Quản lý theo lịch công tác

2.5. Giám sát hoạt động y tế cơ sở

2.6. Xã hội hóa và lồng ghép các hoạt động y tế cơ sở.

Bài 4: LẬP KẾ HOẠCH Y TẾ Thời gian: 9 giờ

1. MỤC TIÊU

- Trình bày được khái niệm về lập kế hoạch và các loại kế hoạch.
- Trình bày được nội dung các bước lập kế hoạch.
- Trình bày được cấu trúc của bản kế hoạch.

- Viết được kế hoạch hoạt động cho vấn đề sức khỏe ưu tiên cụ thể.

2. NỘI DUNG

2.1. Khái niệm về lập kế hoạch

2.1.1. Khái niệm về kế hoạch

2.1.2. Khái niệm về lập kế hoạch

2.1.3. Tại sao phải xây dựng kế hoạch

2.2. Các loại kế hoạch

2.2.1. Theo thời gian

2.2.2. Theo cấp độ

2.2.3. Theo phạm vi

2.2.4. Theo phương pháp xây dựng kế hoạch

2.3. Các bước lập kế hoạch

2.3.1. Bước 1: Thu thập thông tin để đánh giá thực trạng, xác định vấn đế sức khỏe

2.3.2. Bước 2: Xác định vấn đề sức khoẻ ưu tiên

2.3.3. Bước 3: Phân tích vấn đề sức khoẻ

2.3.4. Bước 4: Xây dựng Mục tiêu

2.3.5. Bước 5: Lựa chọn giải pháp

2.3.6. Bước 6: Xây dựng kế hoạch hành động

2.4. Cấu trúc của bản kế hoạch

2.4.1. Tính Mục tiêu

2.4.2. Tính khoa học

2.4.3. Tính cân đối

2.4.4. Tính chấp nhận

2.4.5. Tính pháp lệnh

2.5. Nội dung chính của bản kế hoạch

2.5.1. Đặc điểm tình hình

2.5.2. Mục tiêu

2.5.3. Tổ chức thực hiện

2.5.4. Giám sát và đánh giá

2.5.5. Dự trù kinh phí.

Bài 5: CHĂM SÓC SỨC KHỎE BAN ĐẦU Thời gian: 5 giờ

1. MỤC TIÊU

- Trình bày được định nghĩa sức khoẻ và chăm sóc sức khỏe ban đầu.
- Phân tích được những khái niệm cơ bản của chăm sóc sức khỏe ban đầu.
- Trình bày được nội dung cơ bản của chăm sóc sức khỏe ban đầu ở Việt Nam.

2. NỘI DUNG

2.1. Đại cương

2.2. Những khái niệm cơ bản về chăm sóc sức khỏe ban đầu

2.2.1. Định nghĩa chăm sóc sức khỏe ban đầu

2.2.2. Chăm sóc sức khỏe ban đầu gồm tám yếu tố

2.2.3. Chăm sóc sức khỏe ban đầu bao gồm năm nguyên tắc cơ bản sau

2.2.4. Kỹ thuật học thích hợp

2.2.5. Phối hợp liên ngành

2.3. Nội dung chăm sóc sức khỏe ban đầu ở Việt Nam

2.3.1. Giáo dục sức khỏe

2.3.2. Cải thiện điều kiện dinh dưỡng và ăn uống hợp lý

2.3.3. Cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường

2.3.4. Chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em và kế hoạch hóa gia đình

2.3.5. Tiêm chủng mở rộng phòng chống 6 bệnh nhiễm trùng phổ biến của trẻ em

2.3.6. Phòng chống các bệnh dịch lưu hành phổ biến tại địa phương

2.3.7. Điều trị các bệnh và vết thương thông thường

2.3.8. Cung cấp đủ thuốc thiết yếu

2.3.9. Quản lý sức khỏe toàn dân

2.3.10. Củng cố màng lưới y tế cơ sở

2.4. Các biện pháp thực hiện Mục tiêu chăm sóc sức khỏe ban đầu

Bài 6: CHUẨN QUỐC GIA VỀ Y TẾ XÃ Thời gian: 4 giờ

1. MỤC TIÊU

- Kể được tên 10 tiêu chí quốc gia về y tế xã.
- Trình bày được nội dung và cách cho điểm của mỗi tiêu chí.

2. NỘI DUNG

2.1. Tiêu chí 1. Chỉ đạo, điều hành công tác CSSK

2.2. Tiêu chí 2. Nhân lực y tế

2.3. Tiêu chí 3. Cơ sở hạ tầng TYT xã

2.4. Tiêu chí 4. Trang thiết bị, thuốc và phương tiện khác

2.5. Tiêu chí 5. YTDP, Phòng, chống HIV/AIDS VSMT và ATTP

2.6. Tiêu chí 6. Khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng và YHCT

2.7. Tiêu chí 7. Chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em

2.8. Tiêu chí 8. Dân số - Kế hoạch hóa gia đình

2.9. Tiêu chí 9. Truyền thông – Giáo dục sức khỏe.

Bài 7: QUI TẮC ỨNG XỬ CỦA CÁN BỘ Y TẾ Thời gian: 2 giờ

1. MỤC TIÊU

- Trình bày được quy định chung trong giao tiếp với đồng nghiệp.
- Kể ra được những quy định cụ thể của người CBVC.

2. NỘI DUNG

2.1. Ứng xử của công chức, viên chức y tế khi thi hành công vụ, nhiệm vụ được giao

2.1.1. Những việc phải làm

2.1.2. Những việc không được làm

2.2. Ứng xử của công chức, viên chức y tế đối với đồng nghiệp

2.2.1. Những việc phải làm

2.2.2. Những việc không được làm

2.3. Ứng xử của công chức, viên chức y tế đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân

2.3.1. Những việc phải làm

2.3.2. Những việc không được làm

2.4. Ứng xử của công chức, viên chức y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

2.4.1. Thực hiện nghiêm túc 12 Điều y đức ban hành kèm theo Quyết định số 2088/QĐ-BYT ngày 06 tháng 11 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Y tế

2.4.2. Những việc phải làm đối với người đến khám bệnh

2.4.3. Những việc phải làm đối với người bệnh điều trị nội trú

2.4.4. Những việc phải làm đối với người bệnh ra viện hoặc chuyển tuyến

2.4.5. Những việc không được làm.

IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Hội trường;
2. Trang thiết bị máy móc: Máy vi tính, máy Projestor hoặc Tivi;
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình, giáo án;
4. Các điều kiện khác: Không.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Trình bày được những vấn đề cơ bản của Tổ chức hoạt động y tế.

- Kỹ năng: Thực hiện tốt các nhiệm vụ của người cán bộ y tế.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có khả năng khám chữa bệnh độc lập tại y tế cơ sở.

+ Có khả năng hướng dẫn chuyên môn cho đồng nghiệp tại y tế cơ sở.

2. Phương pháp: Đánh giá mô đun theo Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH.

2.1. Điều kiện sinh viên được thi kết thúc mô đun:

- Sinh viên tham gia ít nhất 80% thời gian học tập trên lớp.

- Hoàn thành đủ 2 cột điểm kiểm tra:

+ Kiểm tra thường xuyên: (điểm hệ số 1) 1 cột điểm.

+ Kiểm tra định kỳ: (điểm hệ số 2) 1 cột điểm.

- Điểm trung bình kiểm tra (TBKT) ≥ 5.0.

2.2. Thi kết thúc mô đun

- Phương pháp đánh giá: Thi viết trắc nghiệm.

- Hệ số đánh giá:

+ Điểm TB mô đun: bằng điểm TBKT*0,4 + điểm Thi*0,6.

+ Điểm đánh giá theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

+ Điểm TB mô đun từ thang điểm 10 chuyển sang thang điểm chữ A, B, C, D, F. Từ thang điểm chữ chuyển về thang điểm 4 để tính điểm trung bình tích lũy mô đun theo quy định.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Là mô đun cần thiết đối với nhân viên y tế đặc biệt trong lĩnh vực Tổ chức ngành y tế.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giáo viên, giảng viên: thuyết trình, nêu vấn đề, đưa ra tình huống.

- Đối với người học: Lắng nghe, thảo luận để giải quyết vấn đề, xử trí tình huống.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

- Trường đại học Y tế công cộng, Bài giảng quản lý y tế, 2010

- Một số văn bản của Đảng, Chính phủ, Bộ Y tế về công tác y tế hiện hành.

- Trường Đại học Y Dược Huế: *Giáo trình Tổ chức và quản lý y tế* (2014).

- Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã đến năm 2020.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có): Không.

HIỆU TRƯỞNG

(*Đã ký*)

Tạ Thị Nhất Sương

Tên mô đun: NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Mã mô đun: MĐ16.YS

Thời gian thực hiện mô đun: 30 giờ (Lý thuyết: 29 giờ; Bài tập,thảo luận, thực hành, thí nghiệm: 0 giờ; Kiểm tra: 1 giờ)

I. Vị trí tính chất của mô đun:

- Vị trí: Đào tạo cho sinh viên năm thứ ba. Sinh viên cần phải học qua các mô đun thuộc: Kiến thức cơ sở khối ngành và ngành; Kiến thức ngành và chuyên ngành.

- Tính chất: Mô đun thực hành nghiên cứu trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng thực hành cơ bản về phương pháp luận và cách tiến hành các nghiên cứu khoa học y học, hiểu và tiếp cận các phương pháp nghiên cứu khác nhau hiện đang được sử dụng để thực hành nghiên cứu khoa học y học và nâng cao chất lượng chăm sóc người bệnh, biết cách nhận xét và đánh giá có hệ thống các báo cáo nghiên cứu và các tài liệu khoa học; học tập khả năng trình bày một nội dung nghiên cứu điều dưỡng một cách khoa học..

II. Mục tiêu mô đun:

- Về Kiến thức:

Trình bày được các kiến thức cơ bản về phương pháp luận khi tiến hành đề tài nghiên cứu khoa học.

Phân tích được tầm quan trọng của nghiên cứu khoa học, thực hành dựa vào bằng chứng, quy trình nghiên cứu và các bước tiến hành nghiên cứu.

- Về kỹ năng:

Vận dụng được các công thức để tính được các đại lượng đặc trưng của mẫu.

Xây dựng được bộ câu hỏi, quản lý số liệu và phân tích số liệu thống kê mô tả.

Viết được đề cương nghiên cứu khoa học.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Có năng lực vận dụng các kiến thức đã học vào giải quyết các vấn đề được đặt ra trong bài toán

Thể hiện được tính tích cực trong học tập: Kỹ năng làm việc nhóm; Kỹ năng giám sát; Kỹ năng giải quyết vấn đề; Kỹ năng tìm kiếm tài liệu; Kỹ năng thuyết trình; Kỹ năng phản biện.

III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1.	**Bài 1: Đại cương về nghiên cứu khoa học** 1. Nghiên cứu khoa học và nghiên cứu khoa học y học 2. Quy trình nghiên cứu khoa học y học 3. Lựa chọn vấn đề nghiên cứu 4. Mục tiêu – biến số nghiên cứu	7	7		
2.	**Bài 2: Tài liệu tham khảo và các phương pháp nghiên cứu** 1. Tổng quan tài liệu tham khảo 2. Phương pháp nghiên cứu khoa học 3. Phương pháp chọn mẫu 4. Phương pháp thu thập và xử lý số liệu	14	14		
3.	**Bài 3: Viết đề cương và đề tài nghiên cứu khoa học** 1. Hướng dẫn viết đề cương nghiên cứu khoa học 2. Phương pháp viết và trình bày báo cáo khoa học	8	8		

	Tổng	**30**	**29**		**1**

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Đại cương về nghiên cứu khoa học ***Thời gian: 07 giờ***

1. Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học Y học, quy trình nghiên cứu. Hướng dẫn cho sinh viên cách lựa chọn vấn đề nghiên cứu, viết mục tiêu và xác định các biến số cho nghiên cứu của mình

2. Nội dung bài:

2.1 Nghiên cứu khoa học và nghiên cứu khoa học y học

2.2 Quy trình nghiên cứu khoa học y học

2.3 Lựa chọn vấn đề nghiên cứu

2.4 Mục tiêu – biến số nghiên cứu

Bài 2: Tài liệu tham khảo và các phương pháp nghiên cứu

Thời gian: 14 giờ

1. Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cách tìm kiếm tài liệu, xác định phương pháp nghiên cứu khoa học, cách chọn mẫu, cách thu thập và xử lý số liệu cho một nghiên cứu khoa học.

2. Nội dung bài:

2.1 Tổng quan tài liệu tham khảo

2.2 Phương pháp nghiên cứu khoa học

2.3 Phương pháp chon mẫu

2.4 Phương pháp thu thập và xử lý số liệu

Bài 3: Viết đề cương và đề tài nghiên cứu khoa học ***Thời gian: 8 giờ***

1. Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản và hướng dẫn cách viết đề cương, đề tài nghiên cứu khoa học.

2. Nội dung chương:

2.1 Hướng dẫn viết đề cương nghiên cứu khoa học

2.2. Phương pháp viết và trình bày báo cáo khoa học

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học: Đảm bảo diện tích 75m^2, số lượng bàn ghế đủ cho sinh viên ngồi, đảm bảo đủ ánh sáng.

2. Trang thiết bị: Máy chiếu, máy tính, băng đĩa. Sinh viên sẽ sử dụng Microsoft Excel và SPSS (Statistical Package for Social Sciences) để xử lý và phân tích dữ liệu. Chúng tôi chọn dùng Excel và SPSS vì nó khá phổ biến và dễ sử dụng. Việc dùng Excel để xử lý tuy có thủ công nhưng sẽ giúp người học củng cố lại lý thuyết.

3. Học liệu:

- Hồ sơ lên lớp của giảng viên (Giáo án, giáo trình, sổ tay giảng viên)
- Giấy Ao, bút, bảng, phấn.

4. Điều kiện giảng viên: Bác sỹ, Điều dưỡng, trình độ sau đại học trở lên, có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm Đại học, cao đẳng.

5. Các điều kiện khác: Sinh viên phải học xong các mô đun tiên quyết, có thời gian tự học, chuẩn bị cá nhân trước khi vào học, được hướng dẫn cách tìm và sử dụng tài liệu tham khảo.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Trình bày được các kiến thức cơ bản về phương pháp luận khi tiến hành đề tài nghiên cứu khoa học.
- Kỹ năng: Viết được đề cương nghiên cứu khoa học đạt yêu cầu.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Thể hiện được sự nghiêm túc, quan tâm và cẩn thận khi thực hiện báo cáo đề cương nghiên cứu khoa học.

2. Phương pháp:

2.1. Điểm quá trình (kí hiệu: QT):

- *Đối với các học trình lý thuyết*:

+ 01 cột điểm kiểm tra thường xuyên theo hình thức thảo luận; vấn đáp hoặc bài tập nhóm.

+ 01 cột điểm kiểm tra định kỳ theo hình thức tự luận hoặc trắc nghiệm.

+ Thời gian mỗi bài kiểm tra: 45 - 60 phút

2.2. Điểm thi kết thúc học phần (kí hiệu: KTHP):

- Theo hình thức trắc nghiệm hoặc tự luận hoặc báo cáo đề cương.
- Thời gian: 60 - 90 phút

2.3. Điểm học phần (kí hiệu: HP):

- Điểm mô-đun bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc mô-đun có trọng số 0,6; Điểm mô-đun được sử dụng theo thang điểm 4 trong đào tạo theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

- Quy đổi điểm mô-đun theo Điều 31 Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH

Tính theo công thức sau:

$$HP = \frac{QT \times 4 + KTHP \times 6}{10}$$

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Học kì thứ VI.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giảng viên: Thuyết trình, hướng dẫn thảo luận và làm bài tập nhóm.
- Đối với người học:
  + Đọc trước bài giảng và các tài liệu tham khảo liên quan trước mỗi buổi học.
  + Tham dự giờ giảng một cách tích cực và đầy đủ.
  + Làm đủ các bài tập trên lớp và ở nhà.
  + Tham gia đầy đủ các buổi thực hành dưới sự giám sát của giảng viên.

3. Những trọng tâm cần chú ý

- Lựa chọn vấn đề nghiên cứu
- Xử lý, phân tích số liệu
- Mục tiêu – biến số nghiên cứu
- Phương pháp nghiên cứu khoa học
- Phương pháp viết và trình bày báo cáo khoa học

4. Tài liệu tham khảo

4.1. Tài liệu giảng dạy

- Giáo trình Nghiên cứu khoa học – Trường Cao đẳng Y tế Đắk Lắk

4.2. Tài liệu tham khảo

- GS-TS Đào Văn Dũng: Phương pháp nghiên cứu khoa học – nghiên cứu hệ thống y học, Nhà xuất bản Y học, 2020.
- Lưu Ngọc Hoạt (2015), Phương pháp viết đề cương nghiên cứu, nhà xuất bản y học
- Lưu Ngọc Hoạt (2017), Thống kê sinh học và nghiên cứu khoa học y học, nhà xuất bản y học

HIỆU TRƯỞNG

(*Đã ký*)

Tạ Thị Nhất Sương

Tên mô đun: THỰC TẬP ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ VÀ CẤP CỨU BAN ĐẦU

Mã mô đun: MĐ17.YS

Thời gian thực hiện mô đun: 90 giờ (Thực tập: 88 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất mô đun:

- Vị trí: Đào tạo cho sinh viên năm thứ nhất, sau khi sinh viên học xong các mô đun: Giải phẫu- Sinh lý, Vi sinh- Ký sinh trùng, Sinh lý bệnh, Điều dưỡng cơ bản & cấp cứu ban đầu.

- Tính chất:

Học phần này giới thiệu những kiến thức lý luận chung về Điều dưỡng cơ bản và cấp cứu ban đầu, đồng thời cũng trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về cấp cứu ban đầu và các kỹ thuật chăm sóc người bệnh nhằm phục vụ cho việc chăm sóc, điều trị, giúp cho người bệnh mau chóng khỏe mạnh sớm trở về hòa nhập với cộng đồng.

II. Mục tiêu mô đun:

- Nhận định được tình trạng người bệnh trước trong và sau khi thực hiện các kỹ năng chăm sóc.
- Chuẩn bị được đầy đủ các dụng cụ khi thực hiện kỹ năng.
- Thực hiện được các quy trình kỹ thuật trên người bệnh
- Đảm bảo an toàn cho người bệnh khi thực hiện quy trình kỹ thuật.
- Rèn luyện tác phong cẩn thận, tự tin, chính xác trong khi thực hiện quy trình chăm sóc người bệnh.

III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Stt	TÊN BÀI GIẢNG	Thời gian (giờ)			
		TS	LT	T. tập	Kiểm tra
1	Quy trình Điều dưỡng 2.1. Giới thiệu khung mẫu quy trình Điều dưỡng 2.2. Quy trình Điều dưỡng 2.2.1. Nhận định 2.2.2. Phỏng vấn 2.2.3. Khám thực thể	5		5	2

	2.2.4. Chẩn đoán Điều dưỡng 2.2.5. lập kế hoạch chăm sóc 2.2.6. Thực hiện kế hoạch 2.2.7. Đánh giá kế hoạch chăm sóc				
2	Kỹ thuật chuẩn bị giường bệnh 2.1. Nguyên Tắc trải giường 2.2. Kỹ thuật trải giường 2.2.1. Kỹ thuật trải giường đợi bệnh 2.2.2. Kỹ thuật trải giường có người bệnh nằm	5		5	
3	CS và theo dõi dấu hiệu sinh tồn - Quy trình kỹ thuật đo nhiệt độ - Quy trình kỹ thuật đếm mạch - Quy trình đo huyết áp - Quy trình đếm nhịp thở	10		10	
4	Kỹ thuật đưa thức ăn vào cơ thể	5		5	
5	Kỹ thuật cho bệnh nhân uống thuốc, nhỏ mũi, nhỏ mắt, nhỏ tai	5		5	
6	Kỹ thuật tiêm thuốc	10		9	
7	Kỹ thuật hút đờm dãi	5		5	
8	Kỹ Thuật Thở oxy	5		5	
9	Truyền dịch, truyền máu	10		10	
10	Ký thuật băng, thay băng, rửa vết thương	10		10	
11	Kỹ thuât thông tiểu, dẫn lưu nước tiểu	10		10	
12	Sơ cứu vết thương phần mềm, garo cầm máu	5		5	
13	Sơ cứu gãy xương	5		5	
TỔNG CỘNG		**90**		**88**	**2**

CHỈ TIÊU LÂM SÀNG

TT	NỘI DUNG	TỰ LÀM	PHỤ LÀM	KIẾN TẬP	TỰ HỌC
I	Thái độ giao tiếp đúng với NB, người nhà	10	3	3	

	và nhân viên y tế (chuẩn năng lực đạo đức)				
II	Áp dụng các nguyên tắc KSNK trong khi thực hiện kỹ năng và trong chăm sóc người bệnh.	10	3	3	
III	1. Tiếp nhận và ghi hồ sơ người bệnh	2	2	5	
	2.Thực hiện quy tình kỹ thuật trải giường	2	2	2	
	3. Thực hiện quy trình kỹ thuật đếm mạch, đến nhịp thở, đo nhiệt độ	10			
	4.Thực hiện quy trình kỹ thuật đo huyết áp	10			
	5.Thực hiện quy trình kỹ thuật cho người bệnh uống thuốc	10			
	6. Thực hiện quy trình kỹ thuật tiêm bắp	5	2	2	
	7. Thực hiện quy trình kỹ thuật tiêm tĩnh mạch	5	2	2	
	8. Thực hiện quy trình kỹ thuật truyền dịch	5	2	2	
	9. Thực hiện quy trình kỹ thuật truyền máu		2	2	
	10. Thực hiện quy trình lấy bệnh phẩm xét nghiệm	5	2	2	
	11. Thực hiện quy trình thở oxy	2	2	2	
	12. Thực hiện quy trình kỹ thuật thay băng rửa vết thương	5	2	2	
	13. Thực hiện quy trình kỹ thuật thông tiểu	2	2	2	
	14. Thực hiện quy trình cho ăn qua ống thông	2	2	2	
	15. Thực hiện quy trình kỹ thuật hút đờm dãi	2	2	2	
	16. Thực hiện quy trình kỹ thuật băng bó vết thương	1	1	2	
	16. Thực hiện quy trình kỹ thuật sơ cứu vết thương, garo cầm máu	1	1	1	

	17. Thực hiện quy trình kỹ thuật cố định gãy xương	1	1	1	
	18. Thực hiện quy trình kỹ thuật cố định gãy xương	1	1	1	

2. Nội dung chi tiết.

Bài 1. Quy trình Điều dưỡng 5 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được 5 bước của quy trình Điều dưỡng
- Ứng dụng được quy trình Điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh

2. Nội dung:

2.1. Giới thiệu khung mẫu quy trình Điều dưỡng

2.2. Quy trình Điều dưỡng

2.2.1. Nhận định

2.2.2. Phỏng vấn

2.2.3. Khám thực thể

2.2.4. Chẩn đoán Điều dưỡng

2.2.5. lập kế hoạch chăm sóc

2.2.6. Thực hiện kế hoạch

2.2.7. Đánh giá kế hoạch chăm sóc

Bài 2. Chuẩn bị giường bệnh 5 giờ

1. Mục tiêu:

- Chuẩn bị được dụng cụ để trải giường
- Thực hiện các bước trải giường đúng quy trình kỹ thuật

2. Nội dung

2.1. Nguyên Tắc trải giường

2.2. Kỹ thuật trải giường

2.2.1. Kỹ thuật trải giường đợi bệnh

2.2.2. Kỹ thuật trải giường có người bệnh nằm

Bài 3. Dấu hiệu sinh tồn và cách theo dõi 10 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được nguyên tắc đo mạch, nhiệt độ, huyết áp, nhịp thở.

- Mô tả được các giới hạn bình thường của mạch, nhiệt độ, huyết áp, nhịp thở.
- Kể được các yếu tố ảnh hưởng và các vị trí đếm mạch, đo nhiệt độ cơ thể, đo huyết áp, đếm nhịp thở...
- Ứng dụng đúng quy trình kỹ thuật trong chăm sóc người bệnh
- Thể hiện được sự ân cần, chính xác, trung thực và tôn trọng người bệnh trong chăm sóc

2. Nội dung
- Quy trình kỹ thuật đo nhiệt độ
- Quy trình kỹ thuật đếm mạch
- Quy trình đo huyết áp
- Quy trình đếm nhịp thở

Bài 4. Kỹ thuật đưa thưc ăn vào cơ thể 5 giờ

1. Mục tiêu
- Chuẩn bị được dụng cụ khi cho ăn qua đường miệng và cho ăn qua ống thông
- Mô tả được các bước của các quy trình kỹ thuật cho Nb ăn qua đường miệng và qua ống thông
- Nhận biết được tâm lý và những khó khăn của người bệnh khi tiến hành quy trình kỹ thuật đặt ống thông qua đường mũi (miệng) – dạ dày.

2. Nội dung:
2.1. Kỹ thuật cho người bệnh ăn qua đường miệng
2.2. Kỹ thuật cho người bệnh ăn qua ống thông
2.3. Lưu ý và các tai biến

Bài 5. Cho người bệnh uống thuốc, nhỏ mắt, nhỏ mũi, nhỏ tai 5 giờ

1. Mục tiêu
- Những yêu cầu cần thiết khi cho người bệnh dùng thuốc.
- Mô tả được các tai biến và cách đề phòng tai biến khi cho người bệnh uống thuốc, bôi thuốc, nhỏ thuốc.
- Ứng dụng đúng quy trình kỹ thuật khi cho người bệnh dùng thuốc.
- Đảm bảo an toàn, tôn trọng người bệnh trong quá trình cho người bệnh dùng thuốc

2. Nội dung
2.1. Nguyên tắc chung khi cho người bệnh dùng thuốc
2.2. Một số kiến thức cần thiết khi cho người bệnh dùng thuốc

2.3. Kỹ thuật cho người bệnh uống thuốc

2.4. Thuốc dùng ngoài da, niêm mạc

2.5. Tai biến và cách đề phòng

Bài 6. Kỹ thuật tiêm thuốc **10 giờ**

1. Mục tiêu

- Kể được các đường tiêm thuốc, tai biến và biện pháp đề phòng
- Mô tả được các vị trí tiêm trong da, dưới da, tiêm bắp, tĩnh mạch
- Xử trí Hộ sinh được một số tai biến có thể xảy ra
- Ứng dụng đúng kỹ năng trong chăm sóc người bệnh.
- Đảm bảo an toàn, chính xác, trung thực và tôn trọng người bệnh

2. Nội dung

2.1. Quy trình kỹ thuật tiêm trong da

2.2. Quy trình kỹ thuật tiêm dưới da

2.3. Quy trình kỹ thật tiêm bắp

2.4. Quy trình kỹ thuật tiêm tĩnh mạch.

Bài 7. Thở oxy **5 giờ**

1. Mục tiêu

- Nhận biết được các triệu chứng thiếu oxy
- Trình bày được các nguyên tắc sử dụng oxy
- Trình bày được quy trình kỹ thuật cho người bệnh thở oxy
- Ứng dụng đúng các nguyên tắc và quy trình kỹ thuật khi thực hành tại skillab
- Tuân thủ đúng nguyên tắc khi cho người bệnh thở oxy

2. Nội dung

- Triệu chứng thiếu oxy
- Nguyên tăc sử dụng oxy
- Các nguy cơ và tai biến của oxy liệu pháp
- Quy trình kỹ thuật

Bài 8. Hút đờm dãi **5 giờ**

1. Mục tiêu

- Chuẩn bị dụng cụ đầy đủ và đảm bảo vô khuẩn
- Trình bày được quy trình kỹ thuật hút thông đường hô hấp trên và đường hô hấp dưới
- Nhận định được tình trạng người bệnh và lập kế hoạch chăm sóc phù hợp.

- Áp dụng đúng quy trình trong chăm sóc người bệnh
- Đảm bảo nhẹ nhàng, không làm tổn thương thêm cho người bệnh khi hút dịch

2. Nội dung

- Mục đích
- Chuẩn bị dụng cụ
- Quy trình kỹ thuật

Bài 9. Kỹ thuật truyền dung dịch đường tĩnh mạch, truyền máu 10 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được nguyên tắc truyền dịch, truyền máu
- Mô tả được công thức tính dịch truyền và các loại dung dịch thường dùng
- Vẽ được sơ đồ truyền máu
- Trình bày được các tai biến và cách đề phòng tai biến khi truyền dịch , truyền máu
- Đảm bảo an toàn, trung thực và tôn trọng người bệnh.

2. Nội dung:

2.1. Kỹ thuật truyền dung dịch đường tĩnh mạch

- Dụng cụ
- Quy trình kỹ thuật

2.2. Kỹ thuật truyền máu

- Dụng cụ
- Phản ứng chéo
- Quy trình kỹ thuật

Bài 10. Kỹ thuật băng, thay băng rửa vết thương 10 giờ

1. Mục tiêu

- Kể được 6 loại băng cơ bản.
- Phân biệt được các loại vết thương
- Nguyên tắc chăm sóc vết thương
- Mô tả được các loại dung dịch rửa vết thương
- Trình bày được các bước quy trình kỹ thuật chăm sóc vết thương thông thường, vết thương nhiễm khuẩn
- Áp dụng đúng quy trình chăm vết thương cho người bệnh tại phòng thực hành
- Thể hiện sự nhanh nhẹn, chính xác, cẩn thận

2. Nội dung

- Nguyên tắc
- Dụng cụ băng và thay băng
- Các loại băng và ứng dụng
- Quy trình thay băng rửa vết thương

Bài 11. Thông tiểu, dẫn lưu nước tiểu, rửa bàng quang 10 giờ

1. Mục tiêu
- Trình bày mục đích của thông tiểu.
- Chuẩn bị dụng cụ thông tiểu đầy đủ và đảm bảo vô khuẩn
- Tiến hành thông tiểu và rửa bàng quang cho người bệnh đúng quy trình kỹ thuật.

2. Nội dung
- Mục đích
- Dụng cụ
- Quy trình kỹ thuật
- Lưu ý

Bài 12. Sơ cứu vêt thương phần mềm, garo cầm máu 5 giờ

1. Mục tiêu
- Phân biệt được các loại vết thương mạch máu
- Trình bày được dấu hiệu của người mất nhiều máu
- Nguyên tắc đặt garo
- Trình bày được các phương pháp cầm máu tạm thời và phương pháp garo
- Nhận định được tình trạng người bệnh để xử trí và sơ cứu vết thương phần mềm, bụng đầu, ngực đúng quy trình kỹ thuật
- Nhận định được tình trạng người bệnh, lập kế hoạch và đặt garo đúng quy trình kỹ thuật.
- Giao tiếp hiệu quả với người bệnh để họ yên tâm hợp tác.
- Nhanh nhẹn, khẩn trương và chính xác trong quá trình sơ cấp cứu người bệnh

2. Nội dung
- Chuẩn bị dụng cụ
- Sơ cứu vết thương
- Các kỹ thuật cầm máu
- Nguyên tăc đặt garo
- Băng ép động mạch cảnh

Bài 17. Sơ cứu cấp cứu nạn nhân gãy xương 5 giờ

1. Mục tiêu.

- Trình bày được 3 mục đích và 8 nguyên tắc bất động gãy xương
- Mô tả được các kỹ thuật sơ cứu gãy xương
- Nhận thức được vai trò của người cấp cứu viên.

2. Nội dung

- Dụng cụ
- Kỹ thuật sơ cứu một bệnh nhân gãy xương

IV. Điều kiện thực hiện môn hoc:

1. Phòng học:

- Nơi thực tập: Sinh viên được thực tập ở khoa nội, ngoại của bệnh viện với đầy đủ dụng cụ cần thiết của khoa phòng cho sinh viên thực tập, có phòng giao ban cho sinh viên hàng ngày, phòng cho sinh viên để dụng cụ khi đi thực tập và đi trực.

2. Trang thiết bị: Máy chiếu, máy tính, băng đĩa..., dụng cụ (phụ lục kèm theo)

3. Học liệu:

- Hồ sơ lên lớp của giảng viên: Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ kế hoạch dạy học, giáo trình giảng dạy, sổ tay lên lớp trước mỗi buổi học.
- Lập kế hoạch thực tập và chỉ tiêu thực tập cụ thể cho sinh viên trước khi đi thực tập bệnh viên.

4. Các điều kiện khác

- Tiêu chí giảng viên: yêu cầu giảng viên giảng dạy và hướng dẫn lâm sàng phải có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên.

V. Phương pháp đánh giá:

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 03 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

- Điểm quá trình: Kiểm tra theo hình thức đánh giá bất kỳ thời điểm nào trong quá trình thực tập do giảng viên quy định

+ Số lượng: 03 cột điểm: Trong đó, 1 cột điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1 và 2 cột điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

- Điểm thi kết thúc mô đun: Thi thực hành tay nghề trên người bệnh tại lâm sàng

- Điểm mô-đun: Bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc mô-đun có trọng số 0,6;

- Thang điểm: Điểm mô đun theo thang điểm 4, quy đổi điểm mô đun thành điểm chữ và thang điểm 4 theo Điều 31 thông tư 04/2022/TT – BLĐTBXH

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Sinh viên cao đẳng năm thứ hai

2. Phương pháp dạy học, học tập:

- Đối với giáo viên, giảng viên: yêu cầu học sinh thực hiện được việc chăm sóc người bệnh một cách độc lập cũng như phối hợp với các nhân viên y tế khác

- Đối với người học: Tham gia đầy đủ các buổi thực hành tại bệnh viện, thực hiện các kĩ thuật điều dưỡng dưới sự giám sát của giảng viên, nhân viên y tế tại bệnh viện

3. Trọng tâm cần chú ý: Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ vật liệu dạy học lâm sàng cho sinh viên

4. Tài liệu tham khảo:

- Bộ Y Tế - 2007 – Hộ sinh cơ bản 1- NXBYH

- Bộ y tế - 2013 - Hướng dẫn quy trình chống NK bệnh viện, tập I - NXBYH

- Bộ y tế - Hướng dẫn quy trình chăm sóc người bệnh - tập I (2002), tập II (2004) - NXBYH

- Tài liệu nhiễm khuẩn bệnh viện của CDC

- Dự án Mẹ -Em - 2013 – Bảng kiểm kỹ năng lâm sàng – NXBYH

- Giáo trình cấp cứu ban đầu – Nhà xuất bản Hà Nội- 2005

HIỆU TRƯỞNG

(*Đã ký*)

Tạ Thị Nhất Sương

Tên mô đun: THỰC TẬP LÂM SÀNG NỘI KHOA

Mã mô đun: MĐ18.YS

Đối tượng: Y sĩ Cao đẳng chính quy

Thời gian thực hiện mô đun: 135 giờ; (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành bệnh viện: 133 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Mô đun rất quan trọng trong công tác đào tạo Y sĩ cao đẳng chính quy, là mô đun thuộc học phần chuyên môn.

- Tính chất: Mô đun này cung cấp cho học sinh những kiến thức và thực hành về khám và điều trị các bệnh lý nội khoa thường gặp như: Tuần hoàn, Hô hấp, Tiêu hóa, Tiết niệu, Huyết học và Thần kinh.

II. Mục tiêu mô đun:

- Kiến thức:

+ Cung cấp cho sinh viên các kỹ năng khai thác, thăm khám phát hiện các triệu chứng thường gặp khi mắc các bệnh nội khoa một cách thành thạo;

+ Áp dụng các nguyên tắc thực hành dựa trên bằng chứng khi thăm khám và điều trị NB mắc bệnh nội khoa thường gặp;

+ Thể hiện sự hiểu biết ban đầu về việc đóng góp nghiên cứu cho thực hành thăm khám, điều trị người bệnh.

- Kỹ năng: Thực hành được các kỹ năng cơ bản về:

+ Thực hiện thăm khám, phát hiện các triệu chứng, hội chứng để chẩn đoán và xử trí một số bệnh Nội khoa thường gặp ở tuyến cơ sở.

+ Xử trí ban đầu, xử trí trong khi chuyển tuyến các trường hợp cấp cứu nội khoa theo quy định phân tuyến kỹ thuật của Bộ Y tế; tiếp nhận, chăm sóc người bệnh mạn tính điều trị ở tuyến trên chuyển về y tế cơ sở.

+ Hướng dẫn người dân cách phòng một số bệnh Nội khoa thường gặp.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có khả năng khám chữa bệnh độc lập tại y tế cơ sở.

+ Có khả năng hướng dẫn chuyên môn cho đồng nghiệp tại y tế cơ sở.

III. Nội dung mô đun:

1.Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Tên chương, mục	Thời gian

		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Hướng dẫn cách khám, điều trị các bệnh hô hấp	2		2	
2	Thực hành khám, điều trị các bệnh hô hấp	8		8	
3	Hướng dẫn cách làm bệnh án nội khoa	2		2	
4	Làm bệnh án hô hấp	8		8	
5	Hướng dẫn cách khám, điều trị các bệnh tim mạch	2		2	
6	Thực hành khám, điều trị các bệnh tim mạch	8		8	
7	Làm bệnh án tim mạch	8		8	
8	Hướng dẫn cách khám, điều trị các bệnh tiêu hóa	2		2	
9	Thực hành khám, điều trị các bệnh tiêu hóa	8		8	
10	Làm bệnh án tiêu hóa	8		8	
11	Hướng dẫn cách khám, điều trị các bệnh tiết niệu	2		2	
12	Thực hành khám, điều trị các bệnh tiết niệu	8		8	
13	Làm bệnh án tiết niệu	8		8	
14	Hướng dẫn cách khám, điều trị các bệnh thần kinh	3		3	
15	Thực hành khám, điều trị các bệnh thần kinh	8		8	
16	Làm bệnh án thần kinh	8		8	
17	Hướng dẫn cách khám, điều trị các bệnh hệ máu	3		3	
18	Thực hành khám, điều trị các bệnh hệ máu	8		8	

19	Làm bệnh án hệ máu	8		8	
20	Thực hành khám, điều trị các bệnh nội tiết	8		8	
21	Làm bệnh án bệnh nội tiết	8		8	
22	Thi kết thúc	5		5	
	Tổng	**135**	**0**	**133**	**2**

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Hướng dẫn cách khám, điều trị các bệnh hô hấp Thời gian: 02 giờ

Bài 2: Thực hành khám, điều trị các bệnh hô hấp Thời gian: 08 giờ

1.Mục tiêu

- Mô tả được các bước khám người bệnh hô hấp;
- Áp dụng các kiến thức đã học để khám và điều trị được người bệnh hô hấp

2.Nội dung

2.1. Giáo viên hướng dẫn các bước khám bệnh nhân hô hấp tại phòng bệnh.

2.2. Sinh viên chia nhóm khám bệnh nhân hô hấp tại phòng bệnh

Bài 3: Hướng dẫn cách làm bệnh án nội khoa Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

-Liệt kê được các mục trong bệnh án nội khoa;

-Vận dụng các kiến thức đã học để làm hoàn chỉnh bệnh án nội khoa.

2.Nội dung

2.1. Hướng dẫn chi tiết từng mục trong bệnh án nội khoa;

2.2. Hướng dẫn sinh viên làm bệnh án 1 NB tại buồng điều trị.

Bài 4: Làm bệnh án hô hấp Thời gian: 08 giờ

1. Mục tiêu

- Khám phát hiện được các triệu chứng trên NB hô hấp nội khoa;
- Làm hoàn chỉnh bệnh án hô hấp nội khoa

2. Nội dung

Sinh viên tự làm bệnh án NB tại phòng được phân công

Bài 5: Hướng dẫn cách khám, điều trị các bệnh tim mạch Thời gian: 02 giờ

Bài 6: Thực hành khám, điều trị các bệnh tim mạch Thời gian: 08 giờ

1. Mục tiêu

- Mô tả được các bước khám người bệnh tim mạch

- Áp dụng các kiến thức đã học để khám và điều trị được người bệnh tim mạch nội khoa

2. Nội dung

- Giáo viên hướng dẫn các bước khám bệnh nhân tim mạch tại phòng bệnh
- Sinh viên chia nhóm khám bệnh nhân tim mạch tại phòng bệnh

Bài 7: Làm bệnh án tim mạch Thời gian: 08 giờ

1. Mục tiêu

- Khám phát hiện được các triệu chứng trên NB tim mạch nội khoa
- Làm hoàn chỉnh bệnh án tim mạch nội khoa

2. Nội dung

Sinh viên tự làm bệnh án NB tại phòng được phân công

Bài 8: Hướng dẫn cách khám, điều trị các bệnh tiêu hóa Thời gian: 02 giờ

Bài 9: Thực hành khám, điều trị các bệnh tiêu hóa Thời gian: 08 giờ

1. Mục tiêu

- Mô tả được các bước khám người bệnh tiêu hóa
- Áp dụng các kiến thức đã học để khám và điều trị được người bệnh tiêu hóa nội khoa

2. Nội dung

- Giáo viên hướng dẫn các bước khám bệnh nhân tiêu hóa tại phòng bệnh
- Sinh viên chia nhóm khám bệnh nhân tiêu hóa tại phòng bệnh

Bài 10: Làm bệnh án tiêu hóa Thời gian: 08 giờ

1. Mục tiêu

- Khám phát hiện được các triệu chứng trên NB tiêu hóa nội khoa;
- Làm hoàn chỉnh bệnh án tiêu hóa nội khoa

2. Nội dung

Sinh viên tự làm bệnh án NB tại phòng được phân công

Bài 11: Hướng dẫn cách khám, điều trị các bệnh tiết niệu Thời gian: 02 giờ

Bài 12: Thực hành khám, điều trị các bệnh tiết niệu Thời gian: 08 giờ

1. Mục tiêu

- Mô tả được các bước khám người bệnh tiết niệu
- Áp dụng các kiến thức đã học để khám và điều trị được người bệnh tiết niệu nội khoa

2. Nội dung

- Giáo viên hướng dẫn các bước khám bệnh nhân tiết niệu tại phòng bệnh

- Sinh viên chia nhóm khám bệnh nhân tiết niệu tại phòng bệnh

Bài 13: Làm bệnh án tiết niệu **Thời gian: 08 giờ**

1. Mục tiêu

- Khám phát hiện được các triệu chứng trên NB tiết niệu nội khoa;
- Làm hoàn chỉnh bệnh án tiết niệu nội khoa

2. Nội dung

Sinh viên tự làm bệnh án NB tại phòng được phân công

Bài 14: Hướng dẫn cách khám, điều trị các bệnh thần kinh **Thời gian: 03giờ**

Bài 15: Thực hành khám, điều trị các bệnh thần kinh **Thời gian: 08 giờ**

1. Mục tiêu

- Mô tả được các bước khám người bệnh thần kinh
- Áp dụng các kiến thức đã học để khám và điều trị được người bệnh thần kinh nội khoa

2. Nội dung

- Giáo viên hướng dẫn các bước khám bệnh nhân thần kinh tại phòng bệnh
- Sinh viên chia nhóm khám bệnh nhân thần kinh tại phòng bệnh

Bài 16: Làm bệnh án thần kinh **Thời gian: 08 giờ**

1. Mục tiêu

- Khám phát hiện được các triệu chứng trên NB thần kinh nội khoa;
- Làm hoàn chỉnh bệnh án thần kinh nội khoa

2. Nội dung

Sinh viên tự làm bệnh án NB tại phòng được phân công

Bài 17: Hướng dẫn cách khám, điều trị các bệnh hệ máu **Thời gian: 03 giờ**

Bài 18: Thực hành khám, điều trị các bệnh hệ máu **Thời gian: 08 giờ**

1. Mục tiêu

- Mô tả được các bước khám người bệnh máu
- Áp dụng các kiến thức đã học để khám và điều trị được người bệnh máu

2. Nội dung

- Giáo viên hướng dẫn các bước khám bệnh nhân máu tại phòng bệnh
- Sinh viên chia nhóm khám bệnh nhân máu tại phòng bệnh

Bài 19: Làm bệnh án hệ máu **Thời gian: 08 giờ**

1. Mục tiêu

- Khám phát hiện được các triệu chứng trên NB máu;
- Làm hoàn chỉnh bệnh án máu nội khoa

2. Nội dung

Sinh viên tự làm bệnh án NB tại phòng được phân công

Bài 20: Thực hành khám, điều trị các bệnh nội tiết Thời gian: 08 giờ

1. Mục tiêu

- Mô tả được các bước khám người bệnh nội tiết
- Áp dụng các kiến thức đã học để khám và điều trị được người bệnh nội tiết nội khoa

2. Nội dung

- Giáo viên hướng dẫn các bước khám bệnh nhân nội tiết tại phòng bệnh
- Sinh viên chia nhóm khám bệnh nhân nội tiết tại phòng bệnh

Bài 21: Làm bệnh án bệnh nội tiết Thời gian: 08 giờ

1. Mục tiêu

- Khám phát hiện được các triệu chứng trên NB nội tiết;
- Làm hoàn chỉnh bệnh án nội tiết

2. Nội dung

Sinh viên tự làm bệnh án NB tại phòng được phân công

Bài 22: Thi kết thúc lâm sàng Thời gian: 05 giờ

1. Mục tiêu

- Đánh giá kết quả thực tập lâm sàng Bệnh học nội khoa.
- Hoàn thành được các tiêu chí của đợt thực tập

2. Nội dung

- Sinh viên bốc thăm người bệnh;
- Hỏi bệnh, thăm khám và làm bệnh án nộp;
- Giáo viên kiểm tra khám phát hiện triệu chứng trên người bệnh;
- Hỏi thi vấn đáp dựa vào bệnh án đã nộp;
- Chấm điểm, đánh giá kết thúc đợt thực tập.

3. Chỉ tiêu rèn luyện tay nghề

Số TT	**Nội dung rèn luyện tay nghề**	**Chỉ tiêu (lần)**		
		Quan sát	**Phụ giúp**	**Thực hiện**

Số TT	Nội dung rèn luyện tay nghề	Chỉ tiêu (lần)		
		Quan sát	Phụ giúp	Thực hiện
1.	Tiếp nhận người bệnh	1	5	8
2.	Nhận định, thực hiện chăm sóc người bệnh nội khoa	1	5	8
3.	Phụ giúp bác sĩ đo điện tâm đồ	1	2	2
4.	Thăm khám xác định triệu chứng tim mạch	1	1	4
5.	Thăm khám, xác định triệu chứng hô hấp	1	1	4
6.	Thăm khám, xác định triệu chứng tiêu hoá	1	1	4
7.	Thăm khám, xác định triệu chứng tiết niệu	1	1	4
8.	Thăm khám, xác định triệu chứng bệnh máu	1	1	4
9.	Thăm khám, xác định triệu chứng bệnh Bướu cổ, Basedow	0	0	1
10.	Thăm khám, xác định cổ trướng	0	0	2
11.	Thăm khám, xác định triệu chứng liệt nửa người, nửa mặt	0	0	2
12.	Thăm khám, xác định triệu chứng đau thần kinh tọa	0	0	2
13.	Thăm khám, xác định triệu chứng bệnh cơ, xương, khớp và vận động	0	0	2
14.	Khám phát hiện, điều trị bệnh tim mạch: tăng HA, suy tim, bệnh van tim, bệnh mạch vành.	0	0	4
15.	Khám phát hiện, điều trị bệnh tiêu hóa: viêm loét dạ dày, xơ gan, K dạ dày, xuất huyết tiêu hóa, viêm tụy cấp, viêm đại tràng.	0	0	4
16.	Khám phát hiện, điều trị bệnh về máu: thiếu máu, bệnh bạch cầu cấp, suy tủy.	0	0	4
17.	Làm bệnh án nội khoa	0	0	4
18.	Truyền thông tư vấn giáo dục sức khoẻ cho người bệnh và gia đình của họ	0	2	4

IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Hội trường, Bệnh viện.

2. Trang thiết bị máy móc: Các máy móc, dụng cụ khám bệnh tại khoa/phòng;

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình, giáo án; Dụng cụ khám bệnh, bảng kiểm lâm sàng nội khoa, ống nghe, đồng hồ đeo tay

4. Các điều kiện khác: Không.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

+ Cung cấp cho sinh viên các kỹ năng khai thác, thăm khám phát hiện các triệu chứng thường gặp khi mắc các bệnh nội khoa một cách thành thạo;

+ Áp dụng các nguyên tắc thực hành dựa trên bằng chứng khi thăm khám và điều trị NB mắc bệnh nội khoa thường gặp;

+ Thể hiện sự hiểu biết ban đầu về việc đóng góp nghiên cứu cho thực hành thăm khám, điều trị người bệnh.

- Kỹ năng: Thực hành được các kỹ năng cơ bản về:

+ Thực hiện thăm khám, phát hiện các triệu chứng, hội chứng để chẩn đoán và xử trí một số bệnh Nội khoa thường gặp ở tuyến cơ sở.

+ Xử trí ban đầu, xử trí trong khi chuyển tuyến các trường hợp cấp cứu nội khoa theo quy định phân tuyến kỹ thuật của Bộ Y tế; tiếp nhận, chăm sóc người bệnh mạn tính điều trị ở tuyến trên chuyển về y tế cơ sở.

+ Hướng dẫn người dân cách phòng một số bệnh Nội khoa thường gặp.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có khả năng khám chữa bệnh độc lập tại y tế cơ sở.

+ Có khả năng hướng dẫn chuyên môn cho đồng nghiệp tại y tế cơ sở.

2. Phương pháp đánh giá: Đánh giá mô đun theo Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH.

2.1. Điều kiện sinh viên được thi kết thúc mô đun:

- Sinh viên tham gia ít nhất 80% thời gian học tập trên lớp.

- Hoàn thành đủ 4 cột điểm kiểm tra:

+ Kiểm tra thường xuyên: (điểm hệ số 1): 2 cột điểm. Hình thức: do giáo viên bộ môn quy định

+ Kiểm tra định kỳ: (điểm hệ số 2): 2 cột điểm. Hình thức: Vấn đáp hoặc chấm bệnh án hoặc thực hành khám bệnh trên bệnh nhân.

- Điểm trung bình kiểm tra (TBKT) ≥ 5.0.

2.2. Thi kết thúc mô đun:

- Phương pháp đánh giá: Thi thực hành vấn đáp

- Hệ số đánh giá:

+ Điểm TB mô đun: bằng điểm TBKT*0,4 + điểm Thi*0,6.

+ Điểm đánh giá theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

+ Điểm TB mô đun từ thang điểm 10 chuyển sang thang điểm chữ A, B, C, D, F. Từ thang điểm chữ chuyển về thang điểm 4 để tính điểm trung bình tích lũy mô đun theo quy định.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Dành cho sinh viên ngành Y sĩ đa khoa hệ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Các giảng viên tham gia giảng dạy thường xuyên hướng dẫn, cầm tay chỉ việc giúp SV thực hiện tốt các kỹ năng thăm khám.

- Đối với người học:

+ Thực hiện đúng nội quy khoa, phòng thực tập.

+ Tham gia đầy đủ các buổi thực tập tại bệnh viện.

+ Tham gia trực tại khoa thực tập

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

- Trường ĐHYD TP HCM (2021), Triệu chứng học nội khoa, Nhà xuất bản Y học.

- Trường ĐHYD TP HCM (2021), Tiếp cận điều trị bệnh nội khoa, Nhà xuất bản Đại học quốc gia TP Hồ Chí Minh

- BV Bạch Mai (2022), chẩn đoán và điều trị bệnh Nội khoa, NXB Y học.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có)

HIỆU TRƯỞNG

(*Đã ký*)

Tạ Thị Nhất Sương

Tên mô đun: THỰC TẬP LÂM SÀNG NGOẠI KHOA

Mã mô đun: MĐ19.YS

Đối tượng: Y sĩ Cao đẳng chính quy

Thời gian thực hiện mô đun: 135 giờ; (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành bệnh viện: 133 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Mô đun rất quan trọng trong công tác đào tạo Y sĩ cao đẳng chính quy, là mô đun thuộc học phần chuyên môn.

- Tính chất: Mô đun này cung cấp cho học sinh những kiến thức và thực hành về khám, xử trí và điều trị các bệnh Ngoại khoa thường gặp.

II. Mục tiêu mô đun:

- Kiến thức:

+ Cung cấp cho sinh viên các kỹ năng khai thác, thăm khám phát hiện các triệu chứng thường gặp khi mắc các bệnh ngoại khoa một cách thành thạo;

+ Áp dụng các nguyên tắc thực hành dựa trên bằng chứng khi thăm khám và điều trị NB mắc bệnh ngoại khoa thường gặp;

+ Thể hiện sự hiểu biết ban đầu về việc đóng góp nghiên cứu cho thực hành thăm khám, điều trị người bệnh.

- Kỹ năng: Thực hành được các kỹ năng cơ bản về:

+ Thực hiện thăm khám, phát hiện các triệu chứng, hội chứng để chẩn đoán và xử trí một số bệnh ngoại khoa thường gặp ở tuyến cơ sở.

+ Xử trí ban đầu, sơ cứu các trường hợp cấp cứu ngoại khoa thường gặp

+ giáo dục sức khỏe, tư vấn cho người nhà bệnh nhân và bệnh nhân cách chăm sóc và dự phòng

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có khả năng khám chữa bệnh độc lập tại y tế cơ sở.

+ Có khả năng hướng dẫn chuyên môn cho đồng nghiệp tại y tế cơ sở.

III. Nội dung mô đun:

1.Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	**Tên chương, mục**	**Thời gian**			
		Tổng số	**Lý thuyết**	**Thực hành**	**Kiểm tra**

1	Hướng dẫn cách làm bệnh án ngoại khoa	2	0	2	2
2	Thăm khám, phát hiện triệu chứng, xử trí và chăm sóc bệnh nhân viêm ruột thừa	6	0	6	
3	Thăm khám, phát hiện triệu chứng và xử trí tắc ruột	6	0	6	
4	Thăm khám, phát hiện triệu chứng, xử trí và chăm sóc bệnh nhân viêm tụy cấp	6		6	
5	Làm bệnh án ngoại khoa	14		14	
6	Thăm khám, phát hiện triệu chứng, xử trí và chăm sóc bệnh nhân thoát vị bẹn	6	0	6	
7	Thăm khám, phát hiện triệu chứng, xử trí và chăm sóc bệnh nhân trĩ	6	0	6	
8	Thăm khám, phát hiện triệu chứng, xử trí và chăm sóc bệnh nhân sỏi tiết niệu	6	0	6	
9	Làm bệnh án ngoại khoa	12	0	12	
10	Khám, xử trí và chăm sóc bệnh nhân có vết thương phần mềm	4	0	4	
11	Thăm khám, phát hiện triệu chứng, xử trí và chăm sóc bệnh nhân gãy xương	16	0	16	
12	Làm bệnh án ngoại khoa	16	0	16	
13	Khám, xử trí và chăm sóc bệnh nhân chấn thương sọ não	6	0	6	
14	Thăm khám, phát hiện triệu chứng, xử trí và chăm sóc bệnh nhân bỏng	6	0	6	
15	Làm bệnh án ngoại khoa	12	0	12	

16	Khám, xử trí và chăm sóc bệnh nhân chấn thương bụng	4	0	4	
17	Thi kết thúc	5	0	5	
	Tổng	**135**	**0**	**133**	**2**

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Hướng dẫn cách làm bệnh án ngoại khoa Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được các mục của một bệnh án ngoại khoa hoàn chỉnh
- Áp dụng các kiến thức đã học để làm được 1 bệnh án ngoại khoa

2. Nội dung

2.1.Giáo viên hướng dẫn các mục của 1 bệnh án ngoại khoa hoàn chỉnh

2.2. Bệnh án ngoại khoa tiền phẫu

2.3. Bệnh án ngoại khoa hậu phẫu

Bài 2: Thăm khám, phát hiện triệu chứng, xử trí và chăm sóc bệnh nhân viêm ruột thừa

Thời gian: 06 giờ

1. Mục tiêu

- Khám phát hiện được các triệu chứng trên NB viêm ruột thừa;
- Xử trí và chăm sóc bệnh nhân viêm ruột thừa trước và sau phẫu thuật

2. Nội dung

2.1. Thăm khám, phát hiện triệu chứng bệnh nhân viêm ruột thừa

2.2. Xử trí và chăm sóc bệnh nhân viêm ruột thừa trước phẫu thuật

2.3. Xử trí và chăm sóc bệnh nhân viêm ruột thừa sau phẫu thuật

Bài 3: Thăm khám, phát hiện triệu chứng và xử trí tắc ruột

Thời gian: 06 giờ

1.Mục tiêu

- Khám phát hiện được các triệu chứng trên NB tắc ruột;
- Xử trí và chăm sóc bệnh nhân tắc ruột trước và sau phẫu thuật

2. Nội dung

2.1. Thăm khám, phát hiện triệu chứng bệnh nhân tắc ruột

2.2. Xử trí và chăm sóc bệnh nhân tắc ruột trước phẫu thuật

2.3. Xử trí và chăm sóc bệnh nhân tắc ruột sau phẫu thuật

Bài 4: Thăm khám, phát hiện triệu chứng, xử trí và chăm sóc bệnh nhân viêm tụy cấp

Thời gian: 06 giờ

1. Mục tiêu

- Khám phát hiện được các triệu chứng trên NB viêm tụy cấp;
- Xử trí và chăm sóc bệnh nhân viêm tụy cấp trước và sau phẫu thuật

2. Nội dung

2.1. Thăm khám, phát hiện triệu chứng bệnh nhân viêm tụy cấp

2.2. Xử trí và chăm sóc bệnh nhân viêm tụy cấp trước phẫu thuật

2.3. Xử trí và chăm sóc bệnh nhân viêm tụy cấp sau phẫu thuật

Bài 5: Làm bệnh án ngoại khoa Thời gian: 14 giờ

1. Mục tiêu

- Áp dụng các kiến thức đã học để làm 01 bệnh án ngoại khoa hoàn chỉnh

2. Nội dung

Sinh viên tự làm bệnh án hoàn chỉnh (Viêm ruột thừa/ tắc ruột/ viêm tụy cấp) tại khoa/phòng được phân công và nộp lại cho giáo viên.

Bài 6: Thăm khám, phát hiện triệu chứng, xử trí và chăm sóc bệnh nhân thoát vị bẹn

Thời gian: 06 giờ

1. Mục tiêu

- Khám phát hiện được các triệu chứng trên NB thoát vị bẹn;
- Xử trí và chăm sóc bệnh nhân thoát vị bẹn trước và sau phẫu thuật

2. Nội dung

2.1. Thăm khám, phát hiện triệu chứng bệnh nhân thoát vị bẹn

2.2. Xử trí và chăm sóc bệnh nhân thoát vị bẹn trước phẫu thuật

2.3. Xử trí và chăm sóc bệnh nhân thoát vị bẹn sau phẫu thuật

Bài 7: Thăm khám, phát hiện triệu chứng, xử trí và chăm sóc bệnh nhân trĩ

Thời gian: 06 giờ

1. Mục tiêu

- Khám phát hiện được các triệu chứng trên NB trĩ;
- Xử trí và chăm sóc bệnh nhân trĩ trước và sau phẫu thuật

2. Nội dung

2.1. Thăm khám, phát hiện triệu chứng bệnh nhân trĩ

2.2. Xử trí và chăm sóc bệnh nhân trĩ trước phẫu thuật

2.3. Xử trí và chăm sóc bệnh nhân trĩ sau phẫu thuật

Bài 8: Thăm khám, phát hiện triệu chứng, xử trí và chăm sóc bệnh nhân sỏi tiết niệu

Thời gian: 06 giờ

1. Mục tiêu

- Khám phát hiện được các triệu chứng trên NB sỏi tiết niệu;
- Xử trí và chăm sóc bệnh nhân sỏi tiết niệu trước và sau phẫu thuật

2. Nội dung

2.1. Thăm khám, phát hiện triệu chứng bệnh nhân sỏi tiết niệu

2.2. Xử trí và chăm sóc bệnh nhân sỏi tiết niệu trước phẫu thuật

2.3. Xử trí và chăm sóc bệnh nhân sỏi tiết niệu sau phẫu thuật

Bài 9: Làm bệnh án ngoại khoa Thời gian: 12 giờ

1. Mục tiêu

- Áp dụng các kiến thức đã học để làm 01 bệnh án ngoại khoa hoàn chỉnh

2. Nội dung

Sinh viên tự làm bệnh án hoàn chỉnh (Trĩ/ Sỏi tiết niệu/ thoát vị bẹn) tại khoa/phòng được phân công và nộp lại cho giáo viên.

Bài 10: Khám, xử trí và chăm sóc bệnh nhân có vết thương phần mềm

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu

- Khám phát hiện được các triệu chứng trên NB có vết thương phần mềm;
- Xử trí và chăm sóc bệnh nhân vết thương phần mềm

2. Nội dung

2.1. Thăm khám, phát hiện triệu chứng bệnh nhân có vết thương phần mềm

2.2. Xử trí bệnh nhân có vết thương phần mềm

2.3. Chăm sóc bệnh nhân có vết thương phần mềm

Bài 11: Thăm khám, phát hiện triệu chứng, xử trí và chăm sóc bệnh nhân gãy xương

Thời gian: 16 giờ

1. Mục tiêu

- Khám phát hiện được các triệu chứng trên NB gãy xương;
- Xử trí và chăm sóc bệnh nhân gãy xương

2. Nội dung

2.1. Thăm khám, phát hiện triệu chứng bệnh nhân gãy xương

2.2. Xử trí bệnh nhân gãy xương

2.3. Chăm sóc bệnh nhân gãy xương

Bài 12: Làm bệnh án ngoại khoa Thời gian: 16 giờ

1. Mục tiêu

- Áp dụng các kiến thức đã học để làm 01 bệnh án ngoại khoa hoàn chỉnh

2. Nội dung

Sinh viên tự làm bệnh án hoàn chỉnh (Gãy xương/ vết thương phần mềm) tại khoa/phòng được phân công và nộp lại cho giáo viên.

Bài 13: Khám, xử trí và chăm sóc bệnh nhân chấn thương sọ não

Thời gian: 06 giờ

1. Mục tiêu

- Khám phát hiện được các triệu chứng trên NB chấn thương sọ não;
- Xử trí và chăm sóc bệnh nhân chấn thương sọ não

2. Nội dung

2.1. Thăm khám, phát hiện triệu chứng bệnh nhân chấn thương sọ não

2.2. Xử trí bệnh nhân chấn thương sọ não

2.3. Chăm sóc bệnh nhân chấn thương sọ não

Bài 14: Thăm khám, phát hiện triệu chứng, xử trí và chăm sóc bệnh nhân bỏng

Thời gian: 06 giờ

1. Mục tiêu

- Khám phát hiện được các triệu chứng trên NB bỏng;
- Xử trí và chăm sóc bệnh nhân bỏng

2. Nội dung

2.1. Thăm khám, phát hiện triệu chứng bệnh nhân bỏng

2.2. Xử trí bệnh nhân bỏng

2.3. Chăm sóc bệnh nhân bỏng

Bài 15: Làm bệnh án ngoại khoa Thời gian: 12 giờ

1. Mục tiêu

- Áp dụng các kiến thức đã học để làm 01 bệnh án ngoại khoa hoàn chỉnh

2. Nội dung

Sinh viên tự làm bệnh án hoàn chỉnh (Chấn thương sọ não/ bỏng) tại khoa/phòng được phân công và nộp lại cho giáo viên.

Bài 16: Khám, xử trí và chăm sóc bệnh nhân chấn thương bụng

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu

- Khám phát hiện được các triệu chứng trên NB chấn thương bụng;
- Xử trí và chăm sóc bệnh nhân chấn thương bụng

2. Nội dung

2.1. Thăm khám, phát hiện triệu chứng bệnh nhân chấn thương bụng

2.2. Xử trí bệnh nhân chấn thương bụng

2.3. Chăm sóc bệnh nhân chấn thương bụng

Bài 17: Thi kết thúc lâm sàng **Thời gian: 05 giờ**

1. Mục tiêu

- Đánh giá kết quả thực tập lâm sàng Bệnh học ngoại khoa.
- Hoàn thành được các tiêu chí của đợt thực tập

2. Nội dung

- Sinh viên bốc thăm người bệnh;
- Hỏi bệnh, thăm khám và làm bệnh án nộp;
- Giáo viên kiểm tra khám phát hiện triệu chứng trên người bệnh;
- Hỏi thi vấn đáp lâm sàng dựa trên bệnh án đã nộp
- Chấm điểm, đánh giá kết thúc đợt thực tập.

3. Chỉ tiêu rèn luyện tay nghề

Số TT	**Nội dung rèn luyện tay nghề**	**Chỉ tiêu (lần)**		
		Quan sát	**Phụ giúp**	**Thực hiện**
1.	Đón tiếp người bệnh tại phòng cấp cứu/ phòng khám ngoại khoa	2	2	1
2.	Chuẩn bị người bệnh cho bác sỹ khám, chữa bệnh	2	2	2
3.	Hướng dẫn người bệnh chế độ ăn uống, nghỉ ngơi, cách	2	2	2

Số TT	Nội dung rèn luyện tay nghề	Chỉ tiêu (lần)		
		Quan sát	Phụ giúp	Thực hiện
	dùng thuốc theo chỉ định của Bác sỹ			
4.	Thay băng vết thương	2	2	5
5.	Băng bó	1	2	2
6.	Làm bệnh án, thuyết trình bệnh án	0	0	4
7.	Phát hiện được triệu chứng, chẩn đoán viêm phúc mạc	2	2	2
8.	Phát hiện được triệu chứng, chẩn đoán nhiễm trùng mô mềm	2	2	4
9.	Xử lý vết thương mạch máu	2	2	0
10.	Phát hiện được triệu chứng, chẩn đoán và hướng xử trí sỏi đường mật	1	1	1
11.	Phát hiện được triệu chứng, chẩn đoán và hướng xử trí sỏi đường tiết niệu	2	2	1
12.	Phát hiện được triệu chứng, chẩn đoán và hướng xử trí lồng ruột	1	1	1
13.	Phát hiện được triệu chứng, chẩn đoán và hướng xử trí viêm ruột thừa	2	2	1
14.	Phát hiện được triệu chứng, chẩn đoán và hướng xử trí thủng dạ dày	1	1	1
15.	Phát hiện được triệu chứng, chẩn đoán và hướng xử trí chấn thương bụng.	1	1	1
16.	Phát hiện được triệu chứng, chẩn đoán và hướng xử trí xử trí viêm tụy cấp	1	1	1
17.	Phát hiện được triệu chứng, chẩn đoán và hướng xử trí, theo dõi chấn thương sọ não	1	1	1
18.	Phát hiện được triệu chứng, chẩn đoán và hướng xử trí vết thương phần mềm	1	1	2
19.	Phát hiện được triệu chứng, chẩn đoán và hướng xử trí tắc ruột	1	1	1

Số TT	Nội dung rèn luyện tay nghề	Chỉ tiêu (lần)		
		Quan sát	Phụ giúp	Thực hiện
20.	Phát hiện được triệu chứng, chẩn đoán và hướng xử trí gãy xương	2	2	5
21.	Phụ giúp bác sĩ bó bột	1	2	1
22.	Phát hiện được triệu chứng, chẩn đoán và hướng xử trí trĩ	1	1	1
23.	Phát hiện được triệu chứng, chẩn đoán và hướng xử trí thoát vị bẹn	1	1	1
24.	Phân loại và xử trí bỏng	1	1	1

IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Hội trường, Bệnh viện.

2. Trang thiết bị máy móc: Các máy móc, dụng cụ khám bệnh tại khoa/phòng;

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình, giáo án; Dụng cụ khám bệnh, bảng kiểm lâm sàng ngoại khoa, ống nghe, đồng hồ đeo tay

4. Các điều kiện khác: Không.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

+ Cung cấp cho sinh viên các kỹ năng khai thác, thăm khám phát hiện các triệu chứng thường gặp khi mắc các bệnh nội khoa một cách thành thạo;

+ Áp dụng các nguyên tắc thực hành dựa trên bằng chứng khi thăm khám và điều trị NB mắc bệnh nội khoa thường gặp;

+ Thể hiện sự hiểu biết ban đầu về việc đóng góp nghiên cứu cho thực hành thăm khám, điều trị người bệnh.

- Kỹ năng: Thực hành được các kỹ năng cơ bản về:

+ Thực hiện thăm khám, phát hiện các triệu chứng, hội chứng để chẩn đoán và xử trí một số bệnh Nội khoa thường gặp ở tuyến cơ sở.

+ Xử trí ban đầu, xử trí trong khi chuyển tuyến các trường hợp cấp cứu nội khoa theo quy định phân tuyến kỹ thuật của Bộ Y tế; tiếp nhận, chăm sóc người bệnh mạn tính điều trị ở tuyến trên chuyển về y tế cơ sở.

+ Hướng dẫn người dân cách phòng một số bệnh Nội khoa thường gặp.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có khả năng khám chữa bệnh độc lập tại y tế cơ sở.

+ Có khả năng hướng dẫn chuyên môn cho đồng nghiệp tại y tế cơ sở.

2. Phương pháp đánh giá: Đánh giá mô đun theo Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH.

2.1. Điều kiện sinh viên được thi kết thúc mô đun:

- Sinh viên tham gia ít nhất 80% thời gian học tập trên lớp.

- Hoàn thành đủ 4 cột điểm kiểm tra:

+ Kiểm tra thường xuyên: (điểm hệ số 1): 2 cột điểm. Hình thức: do giáo viên bộ môn quy định

+ Kiểm tra định kỳ: (điểm hệ số 2): 2 cột điểm. Hình thức: Vấn đáp hoặc chấm bệnh án hoặc thực hành khám bệnh trên bệnh nhân.

- Điểm trung bình kiểm tra (TBKT) ≥ 5.0.

2.2. Thi kết thúc mô đun:

- Phương pháp đánh giá: Thi thực hành vấn đáp

- Hệ số đánh giá:

+ Điểm TB mô đun: bằng điểm TBKT*0,4 + điểm Thi*0,6.

+ Điểm đánh giá theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

+ Điểm TB mô đun từ thang điểm 10 chuyển sang thang điểm chữ A, B, C, D, F. Từ thang điểm chữ chuyển về thang điểm 4 để tính điểm trung bình tích lũy mô đun theo quy định.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Dành cho sinh viên ngành Y sĩ đa khoa hệ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Các giảng viên tham gia giảng dạy thường xuyên hướng dẫn, cầm tay chỉ việc giúp SV thực hiện tốt các kỹ năng thăm khám.

- Đối với người học:

+ Thực hiện đúng nội quy khoa, phòng thực tập.

+ Tham gia đầy đủ các buổi thực tập tại bệnh viện.

+ Tham gia trực tại khoa thực tập

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

- PGS-TS-BS. Đỗ Đình Công (2022), Ngoại khoa cơ sở, NXB Y học.
- GS-TS-BS.Đoàn Quốc Hưng (2022), Bài giảng bệnh học Ngoại khoa, NXB Y học.
- Giáo trình mô đun: Bệnh học Ngoại khoa, Trường CĐYT Đắk Lắk
- Dự án Mẹ -Em - 2013 – Bảng kiểm kỹ năng lâm sàng – NXBYH

5. Ghi chú và giải thích (nếu có)

HIỆU TRƯỞNG

(*Đã ký*)

Tạ Thị Nhất Sương

Tên mô đun: THỰC TẬP LÂM SÀNG SỨC KHỎE TRẺ EM

Mã mô đun: MĐ20.YS

Thời gian thực hiện mô đun: 135 giờ (Thực hành: 133 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun

- Vị trí: Do trẻ em từ khi sinh ra cho đến khi trưởng thành phải trải qua nhiều giai đoạn. Trong mỗi giai đoạn đều có những đặc điểm khác nhau về sự phát triển tinh thần vận động, thể chất. Vì thế, trong mỗi giai đoạn phát triển trẻ em cũng dễ mắc những bệnh khác nhau và dễ dẫn đến những biến chứng khác nhau, ảnh hưởng đến sự hình thành, phát triển nhân cách của trẻ sau này. Song song đó những bệnh tật này dễ dẫn đến tử vong. Do vậy mô đun này giúp những sinh viên có tầm nhìn về đặc điểm phát triển trẻ em, để chăm sóc và phòng chống bệnh tật, nhằm tạo cho thế hệ trẻ tương lai phát triển tốt về mọi mặt.
- Tính chất: Mô đun giúp học sinh hiểu như thế nào là bệnh lý ở trẻ em, giúp học sinh hiểu rõ về cơ chế bệnh, sinh lý bệnh, điều trị bệnh một cách đúng, hiệu quả nhằm đem lại sức khỏe cho trẻ em.

II. Mục Tiêu Mô đun

Sau khi học xong, học sinh có khả năng đạt được các mục tiêu sau:

- Kiến thức: Củng cố những kiến thức cơ bản đã học về sức khỏe trẻ em trong khám, chẩn đoán và điều trị bệnh nhân trên lâm sàng.
- Kỹ năng:

+ Làm được bệnh án nhi khoa.

+ Thực hiện việc thăm khám, chẩn đoán và chăm sóc một số bệnh thường gặp trên lâm sàng.

+ Phát hiện sớm và xử trí cấp cứu, sơ cứu ban đầu các trường hợp cấp cứu trong nhi khoa.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có khả năng xử trí một số tình huống diễn tiến đơn giản của bệnh nhi.

+ Có thái độ đúng trong văn hóa ứng xử đối với công tác giáo dục sức khỏe y tế.

III. Nội Dung Mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành bệnh viện	Kiểm tra
1	Một số chỉ số và kỹ thuật khám để đánh giá sự phát triển tinh thần và vận động ở trẻ em	10		10	2
2	Triệu chứng học hô hấp ở trẻ em	10		10	
3	Triệu chứng học tim mạch ở trẻ em	10		10	
4	Triệu chứng học tiêu hoá ở trẻ em	10		10	
5	Triệu chứng học tiết niệu ở trẻ em	10		10	
6	Triệu chứng học thần kinh ở trẻ em	10		10	
7	Suy dinh dưỡng trẻ em	10		10	
8	Nhiễm khuẩn hô hấp cấp trẻ em	10		10	
9	Tiêu chảy cấp trẻ em	13		13	
10	Bệnh thấp tim	10		10	
11	Hội chứng co giật trẻ em	10		10	
12	Viêm cầu thận cấp	10		10	
13	Hội chứng thận hư	10		10	
	Tổng cộng	135		133	2

Chỉ tiêu rèn luyện tay nghề:

Số TT	Nội dung rèn luyện tay nghề	Chỉ tiêu (lần)		
		Quan sát	Phụ giúp	Thực hiện
1	Tiếp đón, ghi chép hồ sơ bệnh án	2	2	10
2	Nhận định, khai thác bệnh sử, tiền sử các bệnh thông thường ở trẻ em.	2	2	10

3	Khám các cơ quan ở trẻ em Khám hô hấp Khám tuần hoàn Khám tiêu hóa Khám tiết niệu Khám thần kinh			10
4	Khám trẻ sơ sinh			10
5	Khám xác định dấu hiệu mất nước			10
6	Chẩn đoán, điều trị, chăm sóc được một số bệnh thông thường ở trẻ em.			10
7	Làm bệnh án: Tiêu hóa Hô hấp Dinh dưỡng Tiết niệu Sơ sinh			 1 1 1 1 1
8	Nhận định được các dấu hiệu nguy hiểm ở trẻ sơ sinh	8	2	2
9	Thở oxy	3	3	3
10	Pha Oresol	3	2	15
11	Tiêm bắp Tiêm tĩnh mạch Truyền dịch	5	5	5 5 5
12	Cho trẻ uống thuốc và tư vấn việc cho trẻ uống thuốc			20
13	Sử dụng lồng ấp, chiếu đèn	2	2	1
14	Cấp cứu ngừng tim, ngừng thở	2	2	1
15	Xử trí trẻ hấp hối, tử vong	2	2	1
16	Hướng dẫn bà mẹ phương pháp Kangaroo	2	2	5
17	Tổ chức giáo dục sức khỏe cho nhóm bà mẹ	2	2	3
18	Tư vấn dinh dưỡng (nuôi con bằng sữa mẹ, ăn	2	2	10

	sam, dinh dưỡng bệnh lý)			
19	Tư vấn tiêm chủng	2	2	2

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: SỰ PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT CỦA TRẺ EM SỰ PHÁT TRIỂN TINH THẦN VÀ VẬN ĐỘNG

Thời gian: 2 giờ

1. MỤC TIÊU

- Nêu được một số chỉ số và kỹ thuật khám để đánh giá sự phát triển tinh thần và vận động ở trẻ em.

2. NỘI DUNG

2..1. Những yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển về thể chất

2.2. Những chỉ số đánh giá sự phát triển về thể chất

2.3. Sự tăng trưởng về cân nặng

2.4. Một số chỉ số khác

2.5 Những yếu tố tạo thành sự phát triển về tinh thần - vận động

2.2.2. Kỹ thuật khám

2.2.3. Những mốc chính trong sự phát triển tinh thần - vận động

Bài 2: TRIỆU CHỨNG HỌC HÔ HẤP Ở TRẺ EM

Thời gian: 10 giờ

A. Mục tiêu:

- Khai thác được triệu chứng cơ năng bệnh hô hấp.
- Biết cách khám phổi, nghe được tiếng rì rào phế nang bình thường, tiếng ran ngáy, ran rít, ran ẩm, ran nổ.
- Hiểu được giá trị của các biện pháp cận lâm sàng cơ bản trong chẩn đoán bệnh hệ hô hấp.

B. Nội dung:

1. Triệu chứng cơ năng.
2. Triệu chứng thực thể.
3. Triệu chứng cận lâm sàng.

Bài 3: TRIỆU CHỨNG HỌC TUẦN HOÀN Ở TRẺ EM

Thời gian: 10 giờ

A. Mục tiêu:

- Khai thác được triệu chứng cơ năng bệnh tim mạch.
- Biết cách khám tim, nghe được tiếng tim bình thường, tiếng thổi cơ bản.
- Hiểu được giá trị của các biện pháp cận lâm sàng cơ bản trong chẩn đoán bệnh tim mạch.

B. Nội dung:

1. Triệu chứng cơ năng
2. Khám thực thể
3. Các phương pháp cận lâm sàng giúp chẩn đoán.

Bài 4: TRIỆU CHỨNG HỌC VỀ TIÊU HÓA Ở TRẺ EM Thời gian: 10 giờ

A. Mục tiêu:

- Nêu được triệu chứng cơ năng
- Biết khám lâm sàng và các cận lâm sàng của bệnh hệ tiêu hóa.

B. Nội dung:

1. Đại cương
2. Triệu chứng cơ năng
3. Khám thực thể
4. Thăm trực tràng
5. Cận lâm sàng.

Bài 5: TRIỆU CHỨNG HỌC TIẾT NIỆU Ở TRẺ EM Thời gian: 10 giờ

A. Mục tiêu:

- Khai thác được triệu chứng cơ năng bệnh hệ tiết niệu.
- Biết cách phát hiện các triệu chứng thực thể trong bệnh hệ tiết niệu.
- Hiểu được giá trị của các biện pháp cận lâm sàng cơ bản trong chẩn đoán bệnh hệ tiết niệu.

B. Nội dung:

1. Triệu chứng cơ năng
2. Triệu chứng thực thể
3. Cận lâm sàng.

Bài 6: TRIỆU CHỨNG HỌC THẦN KINH Ở TRẺ EM

Thời gian: 10 giờ

A. Mục tiêu:

- Biết chuẩn bị dụng cụ và khai thác được triệu chứng, tiền sử, dấu hiệu ban đầu của bệnh thần kinh.

- Thăm khám lâm sàng có trình tự hệ thần kinh.

B. Nội dung:

1. Chuẩn bị dụng cụ khám

2. Khám lâm sàng hệ thần kinh.

Bài 7: SUY DINH DƯỠNG Ở TRẺ EM thời gian: 10 giờ

A. Mục tiêu:

1. Trình bày định nghĩa, nguyên nhân SDD trẻ em.

2.Trình bày được cách phân loại SDD trẻ em.

3. Nêu được triệu chứng lâm sàng của các thể bệnh SDD trẻ em.

4. Điều trị dinh dưỡng theo tổ chức y tế thế giới (OMS, WHO).

B. Nội dung:

1.Tầm quan trọng của vấn đề suy dinh dưỡng protein-năng lượng (SDDPNL) trẻ

2. Nguyên nhân SDDPNL và các yếu tố nguy cơ

3. Sinh lý bệnh của SDDPNL

4. Những biến đổi về chức năng và tổn thương bệnh lý

5. Phân loại suy dinh dưỡng protein-năng lượng

6. Triệu chứng lâm sàng

6.1. Suy dinh dưỡng thể teo đét (thể Marasmus, thể xác ướp)

6.2. Suy dinh dưỡng thể phù (Thể Kwashiorkor)

6.3. Thể Marasmus- Kwashiorkor (Thể phối hợp hay trung gian)

6.4. Suy dinh dưỡng bào thai

7. Xét nghiệm cận lâm sàng

8. Những biện pháp đề phòng SDD tại cộng đồng

9. Phòng bệnh suy dinh dưỡng qua chương trình

10. Điều trị suy dinh dưỡng

11.Vấn đề phục hồi dinh dưỡng sau khi ra viện

Bài 8: NHIỄM KHUẨN HÔ HẤP CẤP Ở TRẺ EM thời gian : 10 giờ

A. Mục tiêu:

1. Kể 3 loại vi khuẩn, 3 yếu tố gây nhiễm khuẩn hô hấp cấp (NKHHC) trẻ em.

2. Phân loại NKHHC trẻ từ: - 2 tháng đến 5 tuổi. - trẻ < 2 tháng tuổi.

3. Chăm sóc tại nhà khi trẻ NKHHC.

4. Xử trí trường hợp viêm tai – họng.

B. Nội dung:

1. Đại cương

2. Các tác nhân gây nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính ở trẻ em

3. Phân loại nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính ở trẻ em

3.1. Dựa trên tác nhân gây bệnh

3.2. Dựa trên vị trí giải phẫu học của tổn thương

4. Chẩn đoán và điều trị một số nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính

4.1. Nhiễm khuẩn hô hấp trên

4.1.1. Viêm mũi họng cấp

4.1.2. Viêm họng cấp

4.1.3. Viêm tai giữa cấp

4.2. Nhiễm khuẩn hô hấp dưới

4.2.1. Viêm thanh quản cấp (VTQC)

4.2.2. Viêm thanh khí phế quản cấp (VTKPQC)

4.2.3. Viêm phổi

Bài 9: TIÊU CHẢY CẤP Ở TRẺ EM thời gian: 13 giờ

A. Mục tiêu:

1. Đánh giá mức độ mất nước trong tiêu chảy cấp trẻ em.

2. Trình bày phác đồ trong điều trị tiêu chảy cấp trẻ em.

3. Trình bày bệnh sinh tiêu chảy cấp ở trẻ em.

4. Biết chỉ định dùng kháng sinh trong bệnh tiêu chảy

B. Nội dung:

1. Đại cương

2. Dịch tễ học và căn nguyên bệnh tiêu chảy

3.Căn nguyên của bệnh tiêu chảy

4. Phân loại bệnh tiêu chảy

4.1. Tiêu chảy phân lỏng cấp tính

4.2. Hội chứng lỵ

4.3. Tiêu chảy kéo dài

5. Sinh lý bệnh tiêu chảy phân nước, mất nước, bù nước

6. Hậu quả tiêu chảy mất nước

7. Đánh giá bệnh nhân tiêu chảy

8. Xét nghiệm

9. Điều trị tiêu chảy

9.1. Phác đồ điều trị A: Điều trị tiêu chảy tại nhà

9.2. Phác đồ điều trị B: điều trị bệnh nhân mất nước nhẹ hoặc trung bình

9.3. Phác đồ điều trị C: điều trị bệnh nhân mất nước nặng

10. Dinh dưỡng điều trị bệnh tiêu chảy

11. Phòng bệnh tiêu chảy

Bài 10: BỆNH THẤP TIM Ở TRẺ EM **Thời gian: 10 giờ**

A. Mục tiêu:

1. Định nghĩa được thấp tim.

2. Nêu được triệu chứng chính – phụ của thấp tim.

3. Các xét nghiệm chẩn đoán thấp tim.

4. Tiêu chuẩn chẩn đoán thấp tim theo JONES.

B. Nội dung:

1. Đại cương

2. Định nghĩa

3. Dịch tễ học.

4. Nguyên nhân

5. Cơ chế sinh bệnh

6. Lâm sàng:

6.1. Biểu hiện ở khớp

6.2. Biểu hiện tại tim (viêm tim)

6.3. Biểu hiện thần kinh

6.4. Múa giật (Chorée): gọi là múa giật Sydenham

6.5. Hồng ban vòng

7. Cận lâm sàng

8. Chẩn đoán xác định: dựa vào tiêu chuẩn jones

9. Chẩn đoán phân biệt

10. Điều trị

11. Phòng bệnh

Bài 11: HỘI CHỨNG CO GIẬT Ở TRẺ EM **Thời gian: 10 giờ**

A. Mục tiêu:

1. Trình bày nguyên nhân gây co giật ở trẻ em

2. Cách tiếp cận bệnh nhi co giật

3. Liệt kê 4 chỉ định chọc dò tủy sống

4. Các bước điều trị co giật

B. Nội dung:

1. Đại cương

2. Nguyên nhân

2.1. Co giật có nguyên nhân gợi ý

2.2. Co giật không có nguyên nhân kích gợi

3. Tiếp cận chẩn đoán co giật

4. Lâm sàng

5. Xét nghiệm

6. Co giật do sốt

6.1. Định nghĩa

6.2. Lâm sàng

7. Xử trí cơn co giật

7.1. Nguyên tắc chung

7.2. Xử trí cụ thể

7.3. Điều trị theo nguyên nhân

Bài 12: VIÊM CẦU THẬN CẤP **Thời gian: 10 giờ**

A. Mục tiêu:

1. Nguyên nhân và định nghĩa viêm cầu thận cấp trẻ em.

2. Kể 3 triệu chứng chính của viêm cầu thận cấp.

3. Kể 3 loại thuốc điều trị cao huyết áp

4. Loại thuốc lợi tiểu.

5. Điều trị viêm cầu thận cấp - phòng ngừa.

B. Nội dung:

1. Đại cương

2. Nguyên nhân và dịch tễ học

3. Nhắc lại sơ lược đặc điểm giải phẫu-sinh lý thận trẻ em

4. Sinh lý bệnh

5. Triệu chứng lâm sàng (thể điển hình)

5.1. Phù

5.2. Thiểu niệu

5.3. Tiểu máu

5.1. Cao HA

6. Cận lâm sàng

7. Chẩn đoán

8. Các thể lâm sàng

9. Điều trị

10. Dự phòng

Bài 13: HỘI CHỨNG THẬN HƯ **Thời gian: 10 giờ**

A. Mục tiêu:

1. Trình bày và tiêu chuẩn chẩn đoán hội chứng thận hư (HCTH).

2. Trình bày được dấu hiệu lâm sàng và xét nghiệm HCTH tiên phát.

3. Nêu được các biến chứng chủ yếu của HCTH tiên phát trẻ em.

4. Điều trị được HCTH tiên phát trẻ em.

B. Nội dung:

1. Đại cương

2. Định nghĩa

3. Phân loại

3.1. Hội chứng thận hư nguyên phát

3.2. Hội chứng thận hư thứ phát

4. Dịch tễ học

5. Dinh lý bệnh

6. Lâm sàng

7. Xét nghiệm

8. Phân loại Hội chứng thận hư trẻ em

8.1. Theo nguyên nhân

8.2. Theo lâm sàng

8.3. Theo tiến triển

8.4. Theo điều trị

8.5. Theo giải phẫu bệnh lý

9. Hội chứng thận hư đơn thuần

9.1. Phù

9.2. Không có dấu hiệu của viêm cầu thận cấp

9.3. Triệu chứng khác

9.4. Xét nghiệm

10. Hội chứng thận hư kết hợp:

10.1. Lâm sàng

10.2. Xét nghiệm

11. Biến chứng

12. Điều trị

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học chuyên môn hóa: bệnh viện

2. Trang thiết bị máy móc: Các trang thiết bị có ở khoa/phòng bệnh viện

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tai nghe, dụng cụ khám bệnh

4. Các điều kiện khác

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức: Củng cố những kiến thức cơ bản đã học về sức khỏe trẻ em trong khám, chẩn đoán và điều trị bệnh nhân trên lâm sàng.

- Kỹ năng:

+ Làm được bệnh án nhi khoa.

+ Thực hiện việc thăm khám, chẩn đoán và chăm sóc một số bệnh thường gặp trên lâm sàng.

+ Phát hiện sớm và xử trí cấp cứu, sơ cứu ban đầu các trường hợp cấp cứu trong nhi khoa.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có khả năng xử trí một số tình huống diễn tiến đơn giản của bệnh nhi.

+ Có thái độ đúng trong văn hóa ứng xử đối với công tác giáo dục sức khỏe y tế.

2. Phương pháp: Đánh giá mô đun theo Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH.

2.1. Điều kiện sinh viên được thi kết thúc mô đun:

- Sinh viên tham gia ít nhất 80% thời gian thực hành tại bệnh viện.

- Hoàn thành đủ 2 cột điểm kiểm tra:

+ Kiểm tra thường xuyên: (điểm hệ số 1) 2 cột điểm.

+ Kiểm tra định kỳ: (điểm hệ số 2) 2 cột điểm.

- Điểm trung bình kiểm tra (TBKT) ≥ 5.0. 2.2.

2.2. Thi kết thúc mô đun:

- Phương pháp đánh giá: sinh viên làm bệnh án + thi vấn đáp

- Hệ số đánh giá:

+ Điểm TB mô đun: bằng điểm TBKT*0,4 + điểm Thi*0,6.

+ Điểm đánh giá theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

+ Điểm TB mô đun từ thang điểm 10 chuyển sang thang điểm chữ A, B, C, D, F. Từ thang điểm chữ chuyển về thang điểm 4 để tính điểm trung bình tích lũy mô đun theo quy định.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

- Đối với giáo viên, giảng viên: Các giảng viên tham gia giảng dạy thường xuyên hướng dẫn, cầm tay chỉ việc giúp SV thực hiện tốt các kỹ năng thăm khám.

- Đối với người học:

+ Thực hiện đúng nội quy khoa, phòng thực tập.

+ Tham gia đầy đủ các buổi thực tập tại bệnh viện.

+ Tham gia trực tại khoa thực tập

3. Những trọng tâm cần chú ý

4. Tài liệu tham khảo

- Trường đại học Y dược TP.HCM (2020), Bài giảng nhi khoa tập 1-2, NXB Y học

- Trường đại học Y Hà Nội (2020), Bài giảng nhi khoa tập 1-2, NXB Y học.

- Bệnh viện nhi đồng I (2020), Phác đồ điều trị nhi khoa.

- Bộ Y Tế (2015), Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp ở trẻ em.

- Dự án Mẹ -Em - 2013 – Bảng kiểm kỹ năng lâm sàng – NXBYH

5. Ghi chú và giải thích (nếu có)

HIỆU TRƯỞNG

(*Đã ký*)

Tạ Thị Nhất Sương

Tên mô đun: THỰC TẬP LÂM SÀNG SỨC KHỎE SINH SẢN

Mã mô đun: MĐ21.YS

Đối tượng: Y sĩ cao đẳng chính quy

Thời gian thực hiện mô đun: 135 giờ (Thực hành: 133 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Mô đun Sức khỏe sinh sản là một mô đun chuyên ngành bắt buộc trong chương trình đào tạo Y sĩ Đa khoa chính quy, thực hiện học kỳ III

- Tính chất: Mô đun đào tạo người học có đủ kiến thức và kỹ năng để trở thành người cán bộ y tế, có khả năng khám và nhận biết một số bệnh sản phụ khoa thông thường, quá trình thai nghén, sinh đẻ và các phương pháp kế hoạch hóa gia đình, đồng thời giúp cho công tác chăm sóc người bệnh đạt hiệu quả cao.

II. Mục tiêu của mô đun

- Kiến thức:

+ Cách khám, dấu hiệu chẩn đoán thai nghén.

+ Dấu hiệu chuyển dạ trên lâm sàng

+ Theo dõi, chăm sóc sản phụ, trẻ sơ sinh ngay sau đẻ và trong những ngày sau.

+ Cách khám phụ khoa, phát hiện một số bệnh phụ khoa thông thường.

+ Khám, chẩn đoán được một số bệnh lý sản khoa.

+ Tư vấn, hướng dẫn được các biện pháp KHHGĐ

- Kỹ năng:

+ Khám và chẩn đoán xác định thai nghén, chuyển dạ.

+ Khám và chẩn đoán được một số bệnh lý sản khoa.

+ Làm được một số thủ thuật sản khoa thông thường.

+ Hướng dẫn phòng ngừa và chữa được một số bệnh phụ khoa thông thường.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Nhận thức được tầm quan trọng của chăm sóc sức khỏe sinh sản đối với phụ nữ, bà mẹ và gia đình.

+ Vận dụng được kiến thức và kỹ năng thực hành đã học để ứng dụng trong thực hành chăm sóc cho mẹ và thai nhi.

+ Tác phong mẫu mực, nhanh nhẹn, chu đáo, thận trọng, đảm bảo chính xác an toàn trong chăm sóc sức khỏe sinh sản.

III. Nội dung của mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên bài, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TL/KT	Kiểm tra
1	Gặp sinh viên, phổ biến nội quy khoa phòng, phân buồng bệnh thực hành	2	0	2	2
2	Cách làm bệnh án sản khoa và phụ khoa	2	0	2	
	Phòng sanh				
3	Khám nhận thai phụ chuyển dạ	2	0	2	
4	Kỹ thuật đo BCTC và VB	2	0	2	
5	Cách mắc máy Monitoring	2	0	2	
6	Chuẩn bị thai phụ và dụng cụ đỡ đẻ thường	2	0	2	
7	Đỡ đẻ thường ngôi chỏm	4	0	4	
8	Chăm sóc trẻ sơ sinh ngay sau đẻ	4	0	4	
9	Đỡ nhau- kiểm tra nhau	4	0	4	
10	Kỹ thuật cắt may TSM	4	0	4	
11	Làm bệnh án chuyển dạ	8	0	8	
12	Chẩn đoán xử trí cấp cứu sản khoa: Chảy máu sau đẻ	4	0	4	
13	Chẩn đoán xử trí cấp cứu sản khoa: Chửa ngoài tử cung	4	0	4	
14	Chẩn đoán xử trí cấp cứu sản khoa: Rau tiền đạo chảy máu	4	0	4	
15	Chẩn đoán xử trí cấp cứu sản khoa: Rau bong non	4	0	4	
16	Chẩn đoán xử trí cấp cứu sản khoa:	4	0	4	

	Tiền sản giật – sản giật				
17	Làm bệnh án cấp cứu sản khoa	8	0	8	
	Phòng khám				
18	Các xét nghiệm cần thiết trong thai kỳ.	2	0	2	
19	Qui trình khám thai.	4	0	4	
20	Khám nhận thai phụ chuyển dạ.	2	0	2	
21	Khám, chẩn đoán các bệnh phụ khoa thông thường.	8	0	8	
22	Tư vấn hướng dẫn các biện pháp tránh thai.	4	0	4	
23	Chẩn đoán và xử trí các trường hợp sản bệnh: dọa sẩy thai	2	0	2	
24	Chẩn đoán và xử trí các trường hợp sản bệnh: dọa đẻ non	2	0	2	
25	Chẩn đoán và xử trí các trường hợp sản bệnh: Rau tiền đạo	2	0	2	
26	Làm bệnh án phụ khoa	8	0	8	
	Hậu sản – hậu phẫu				
27	Chẩn đoán và xử trí các trường hợp nhiễm trùng sau đẻ, nhiễm trùng sau mổ lấy thai	4	0	4	
28	Qui trình tắm bé.	4	0	4	
29	Khám và chăm sóc sản phụ hậu sản.	4	0	4	
30	Khám và chăm sóc sản phụ hậu phẫu sản phụ khoa.	4	0	4	
31	Hướng dẫn nuôi con bằng sữa mẹ	4	0	4	
32	Giáo dục sức khỏe cho sản phụ trong thời kỳ hậu sản – hậu phẫu.	2	0	2	

33	Làm bệnh án hậu sản – hậu phẫu	8	0	8	
34	Thi kết thúc	5	0	5	
	Tổng	**135**	**0**	**133**	**2**

2. Chỉ tiêu rèn luyện tay nghề

Số TT	**Nội dung rèn luyện tay nghề**	**Chỉ tiêu (lần)**		
		Quan sát	**Phụ giúp**	**Thực hiện**
1.	Tiếp nhận sản phụ, khách hàng/ người bệnh đến khám và điều trị	10		5
2.	Làm bệnh án sản khoa và phụ khoa	5	3	4
3.	Theo dõi sản phụ chuyển dạ đẻ bằng biểu đồ chuyển dạ	5	2	1
4.	Đỡ đẻ thường	5	3	1
5.	Kỹ thuật cắt và làm rốn	5	2	1
6.	Kỹ thuật khâu và cắt tầng sinh môn	5	1	1
7.	Xử trí tích cực giai đoạn III	5	2	1
8.	Theo dõi và chăm sóc sản phụ, trẻ sơ sinh ngay sau đẻ	3	2	1
9.	Theo dõi và chăm sóc tầng sinh môn hàng ngày	3	1	1
10.	Kỹ thuật tắm bé và chăm sóc rốn hàng hàng	3	2	1
11.	Kỹ thuật khám phụ khoa	5	2	1
12.	Khám thai 4 tháng rưỡi đầu	3	1	1
13.	Khám thai 4 tháng rưỡi cuối	3	1	1
14.	Truyền thông, tư vấn giáo dục về chăm sóc sức khỏe cho sản phụ sau đẻ và gia đình họ.	3	1	2
15.	Truyền thông, tư vấn giáo dục về KHHGĐ cho sản phụ sau đẻ và gia đình họ.	3	1	2

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học chuyên môn hóa: Khoa sản – phụ khoa, phòng khám sản của bệnh viện

2. Trang thiết bị máy móc: Các loại máy hỗ trợ việc thăm khám tại bệnh viện

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: giáo trình, tài liệu phát tay, bảng kiểm lâm sàng.

4. Các điều kiện khác

VI. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Kiến thức:

+ Cách khám, dấu hiệu chẩn đoán thai nghén.

+ Dấu hiệu chuyển dạ trên lâm sàng

+ Theo dõi, chăm sóc sản phụ, trẻ sơ sinh ngay sau đẻ và trong những ngày sau.

+ Cách khám phụ khoa, phát hiện một số bệnh phụ khoa thông thường.

+ Khám, chẩn đoán được một số bệnh lý sản khoa.

+ Tư vấn, hướng dẫn được các biện pháp KHHGĐ

- Kỹ năng:

+ Khám và chẩn đoán xác định thai nghén, chuyển dạ.

+ Khám và chẩn đoán được một số bệnh lý sản khoa.

+ Làm được một số thủ thuật sản khoa thông thường.

+ Hướng dẫn phòng ngừa và chữa được một số bệnh phụ khoa thông thường.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Nhận thức được tầm quan trọng của chăm sóc sức khỏe sinh sản đối với phụ nữ, bà mẹ và gia đình.

+ Vận dụng được kiến thức và kỹ năng thực hành đã học để ứng dụng trong thực hành chăm sóc cho mẹ và thai nhi.

+ Tác phong mẫu mực, nhanh nhẹn, chu đáo, thận trọng, đảm bảo chính xác an toàn trong chăm sóc sức khỏe sinh sản.

2. Phương pháp: Đánh giá mô đun theo Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH.

2.1. Điều kiện sinh viên được thi kết thúc mô đun:

- Sinh viên tham gia ít nhất 80% thời gian thực hành tại bệnh viện

- Hoàn thành đủ 4 cột điểm kiểm tra:

+ Kiểm tra thường xuyên: (điểm hệ số 1) 2 cột điểm.

+ Kiểm tra định kỳ: (điểm hệ số 2) 2 cột điểm. Hình thức: Chấm bệnh án hoặc kiểm tra kỹ năng khám bệnh trên bệnh nhân dựa vào bảng kiểm lâm sàng

- Điểm trung bình kiểm tra (TBKT) ≥ 5.0.

2.2. Thi kết thúc mô đun

- Phương pháp đánh giá: thi vấn đáp lâm sàng dựa vào bệnh án thi.

- Hệ số đánh giá:

+ Điểm TB mô đun: bằng điểm TBKT*0,4 + điểm Thi*0,6.

+ Điểm đánh giá theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

+ Điểm TB mô đun từ thang điểm 10 chuyển sang thang điểm chữ A, B, C, D, F. Từ thang điểm chữ chuyển về thang điểm 4 để tính điểm trung bình tích lũy mô đun theo quy định.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Đối tượng Y sĩ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun.

- Đối với giáo viên, giảng viên: Các giảng viên tham gia giảng dạy thường xuyên hướng dẫn, cầm tay chỉ việc giúp SV thực hiện tốt các kỹ năng thăm khám.

- Đối với người học:

+ Thực hiện đúng nội quy khoa, phòng thực tập.

+ Tham gia đầy đủ các buổi thực tập tại bệnh viện.

+ Tham gia trực tại khoa thực tập

3. Những trọng tâm cần chú ý

4. Tài liệu tham khảo

- Bộ Y Tế, 2016, Hướng dẫn chuyên môn chăm sóc thiết yếu bà mẹ, trẻ sơ sinh trong và ngay sau mổ lấy thai

- Bộ Y Tế, 2016, Hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản.

- Bộ Y Tế, 2015, Hướng dẫn quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành Phụ sản

5. Ghi chú và giải thích (nếu có)

HIỆU TRƯỞNG

(*Đã ký*)

Tạ Thị Nhất Sương

Tên mô đun: THỰC TẬP LÂM SÀNG TRUYỀN NHIỄM

Mã mô đun: MĐ22.YS

Đối tượng: Y sĩ Cao đẳng chính quy

Thời gian thực hiện mô đun: 90 giờ; (Thực hành: 88 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun

- Vị trí: Mô đun rất quan trọng trong công tác đào tạo Y sĩ Cao đẳng là mô đun thuộc học phần chuyên môn.

- Tính chất: Mô đun này cung cấp cho học sinh những kiến thức và thực hành về nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và điều trị các bệnh lý nội khoa nhiễm thường gặp như: Ho gà, Rubella, Sởi, Lao Phổi, Sốt xuất huyết, Viêm não nhật bản, Thương hàn, Lậu...

II. Mục tiêu của mô đun

- Kiến thức: Trình bày được triệu chứng, chẩn đoán và điều trị các bệnh Nội khoa nhiễm.

- Kỹ năng: Thực hiện thành thạo các kỷ thuật khám và xử trí bệnh Nội khoa nhiễm.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có khả năng khám chữa bệnh độc lập tại y tế cơ sở.

III. Nội dung của mô đun

1.Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Gặp sinh viên, phổ biến nội quy khoa phòng, phân buồng bệnh thực hành	1	0	1	2
2	Cách làm bệnh án truyền nhiễm	2	0	2	
3	Khám, chẩn đoán, điều trị hội chứng tiêu chảy cấp, phân loại mất nước.	6	0	6	
4	Khám, chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh Viêm gan do virus	6	0	6	
5	Khám, chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh quai bị	6	0	6	
6	Làm bệnh án truyền nhiễm	8	0	8	

7	Khám, chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh Sốt xuất huyết Dengue	6	0	6	
8	Khám, chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh uốn ván	6	0	6	
9	Khám, chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh HIV/AIDS	6	0	6	
10	Làm bệnh án truyền nhiễm	8	0	8	
11	Khám, chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh sởi	6	0	6	
12	Khám, chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh thủy đậu	6	0	6	
13	Khám, chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh cúm	4	0	4	
14	Làm bệnh án truyền nhiễm	6	0	6	
15	Khám, chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh sốt rét	6	0	6	
16	Thi kết thúc	5	0	5	
	Tổng	**90**	**0**	**88**	**2**

2. Chỉ tiêu rèn luyện tay nghề

Số TT	**Nội dung rèn luyện tay nghề**	**Chỉ tiêu (lần)**		
		Quan sát	**Phụ giúp**	**Thực hiện**
1.	Tiếp đón người bệnh và đo dấu hiệu sinh tồn			8
2.	Thực hiện kỹ thuật tiêm (tiêm bắp, tiêm dưới da, trong da,TM)			8
3.	Thực hiện kỹ thuật truyền dịch			4
4.	Kỹ thuật truyền máu	2		
5.	Cho ăn qua sonde dạ dày	2		
6.	Kỹ thuật chọc dò	2		
7.	Kỹ thuật hút đờm nhớt	2		

Số TT	Nội dung rèn luyện tay nghề	Chỉ tiêu (lần)		
		Quan sát	Phụ giúp	Thực hiện
8.	Cho người bệnh thở oxy			2
9.	Thực hiện lấy máu xét nghiệm			2
10.	Thực hiện lấy phân, nước tiểu xét nghiệm			2
11.	Làm bệnh án truyền nhiễm			4
12.	Khám, chẩn đoán, điều trị hội chứng tiêu chảy cấp, phân loại mất nước.			2
13.	Khám, chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh Viêm gan do virus			2
14.	Khám, chẩn đoán, điều trị hội chứng hô hấp cấp			2
15.	Khám, chẩn đoán, điều trị hội chứng phát ban			2
16.	Khám, chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh quai bị			1
17.	Khám, chẩn đoán, điều trị hội chứng não cấp			1
18.	Khám, chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh Sốt xuất huyết Dengue			2
19.	Khám, chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh uốn ván			2
20.	Khám, chẩn đoán, điều trị người bệnh nhiễm HIV/AIDS			2
21.	Khám, chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh sốt rét			2
22.	Ghi chép hồ sơ bệnh án			2
23.	Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và gia đình			5

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Hội trường, Bệnh viện.

2. Trang thiết bị máy móc: trang thiết bị khám bệnh có tại khoa/phòng

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình, giáo án; Dụng cụ khám bệnh.

4. Các điều kiện khác: Không.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá

1. Nội dung:

- Kiến thức: Trình bày được triệu chứng, chẩn đoán và điều trị các bệnh Nội khoa nhiễm.

- Kỹ năng: Thực hiện thành thạo các kỷ thuật khám và xử trí bệnh Nội khoa nhiễm.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có khả năng khám chữa bệnh độc lập tại y tế cơ sở.

2. Phương pháp: Đánh giá mô đun theo Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH.

2.1. Điều kiện sinh viên được thi kết thúc mô đun:

- Sinh viên tham gia ít nhất 80% thời gian học tập tại bệnh viện

- Hoàn thành đủ 3 cột điểm kiểm tra:

+ Kiểm tra thường xuyên: (điểm hệ số 1) 1 cột điểm.

+ Kiểm tra định kỳ: (điểm hệ số 2) 2 cột điểm. Hình thức: Chấm bệnh án hoặc kiểm tra kỹ năng khám bệnh trên bệnh nhân dựa vào bảng kiểm lâm sàng

- Điểm trung bình kiểm tra (TBKT) ≥ 5.0.

2.2. Thi kết thúc mô đun

- Phương pháp đánh giá: thi vấn đáp lâm sàng dựa vào bệnh án thi.

- Hệ số đánh giá:

+ Điểm TB mô đun: bằng điểm TBKT*0,4 + điểm Thi*0,6.

+ Điểm đánh giá theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

+ Điểm TB mô đun từ thang điểm 10 chuyển sang thang điểm chữ A, B, C, D, F. Từ thang điểm chữ chuyển về thang điểm 4 để tính điểm trung bình tích lũy mô đun theo quy định.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Áp dụng trong giảng dạy Y sĩ Cao đẳng hệ chính quy

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Các giảng viên tham gia giảng dạy thường xuyên hướng dẫn, cầm tay chỉ việc giúp SV thực hiện tốt các kỹ năng thăm khám.

- Đối với người học:

+ Thực hiện đúng nội quy khoa, phòng thực tập.

+ Tham gia đầy đủ các buổi thực tập tại bệnh viện.

+ Tham gia trực tại khoa thực tập

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

- Bộ Y tế (2019) Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị sốt xuất huyết Dengue, NXB Y học.

- Bộ Y tế (2018) Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh lao, NXB Y học.
- Bộ Y tế (2015) Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị một số bệnh truyền nhiễm, NXB Y học
- Trường ĐH Y tế công cộng, 2014, Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm, NXB Y học

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

HIỆU TRƯỞNG

(*Đã ký*)

Tạ Thị Nhất Sương

Tên mô đun: THỰC TẬP LÂM SÀNG Y HỌC CỔ TRUYỀN – PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

Mã mô đun: MĐ23.YS

Đối tượng: Y sĩ Cao đẳng chính quy

Thời gian thực hiện mô đun: 180 giờ; (Thực hành: 178 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun

- Vị trí: Mô đun rất quan trọng trong công tác đào tạo Y sĩ Cao đẳng là mô đun thuộc học phần chuyên môn.

- Tính chất: Mô đun này cung cấp cho học sinh những kiến thức và thực hành về sử dụng các biện pháp y học cổ truyền – phục hồi chức năng để khám, điều trị và giúp phục hồi, nâng cao sức khỏe của người bệnh.

II. Mục tiêu của mô đun

- Kiến thức:

+Cung cấp cho sinh viên các kỹ năng nhận định, thăm khám phát hiện các triệu chứng thường gặp khi mắc các bệnh chuyên ngành YHCT-PHCN;

+ Áp dụng các nguyên tắc thực hành dựa trên bằng chứng khi lên kế hoạch thăm khám điều trị và phòng bệnh;

+ Thể hiện sự hiểu biết ban đầu về việc đóng góp nghiên cứu cho thực hành thăm khám người bệnh.

- Kỹ năng:

+ Tiếp đón, ghi hồ sơ, bệnh án, khám và làm bệnh án Y học cổ truyền – PHCN

+ Khám, chẩn đoán và điều trị một số bệnh t bằng y học cổ truyền.

+ Thực hiện bốc, sắc thuốc theo đơn.

+ Áp dụng một số kỹ thuật PHCN vào việc chăm sóc, phục hồi các khiếm khuyết của người bệnh.

+ Trợ giúp kỹ thuật viên, bác sĩ thực hiện và sử dụng các trang thiết bị, máy móc trong phục hồi chức năng trên người bệnh.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Rèn luyện tác phong cẩn thận, tỉ mỉ, thông cảm và ân cần với người bệnh trong thực hiện điều trị và chăm sóc hàng ngày.

+ Thực hành giao tiếp hiệu quả với cán bộ y tế, người bệnh và người nhà người bệnh tại các cơ sở thực tập.

+ Kế thừa, phát huy và bảo tồn một số bài thuốc, kinh nghiệm dân gian mang đậm nét văn hóa địa phương trong chữa bệnh, chứng thông thường tại y tế cơ sở.

III. Nội dung của mô đun

1.Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Gặp sinh viên, phổ biến nội quy khoa phòng, phân buồng bệnh thực hành	4	0	4	2
2	Cách làm bệnh án YHCT – PHCN	5	0	5	
3	Hướng dẫn các trang thiết bị máy móc chuyên ngành YHCT-PHCN	8	0	8	
4	Khám, điều trị đau dây thần kinh toạ theo YHCT	12	0	12	
5	Khám, điều trị Tai biến mạch máu não theo YHCT	12	0	12	
6	PHCN bệnh nhân tai biến mạch máu não	12	0	12	
7	PHCN bệnh nhân đau dây thần kinh tọa	12	0	12	
8	Làm bệnh án YHCT – PHCN	10	0	10	
9	Khám, điều trị thoái hóa khớp theo YHCT	12	0	12	
10	PHCN cho bệnh nhân thoái hóa khớp	12	0	12	
11	Làm bệnh án YHCT – PHCN	10	0	10	
12	Khám, điều trị bệnh nhân viêm khớp	10	0	10	
13	Khám, điều trị bệnh nhân đau dây thần kinh vai gáy	8	0	8	
14	Làm bệnh án YHCT – PHCN	10	0	10	
15	Khám, điều trị bệnh nhân liệt dây thần kinh số 7 theo YHCT	10	0	10	
16	Khám, điều trị bệnh nhân gãy xương	6	0	6	

	PHCN cho BN gãy xương	10	0	10	
17	Làm bệnh án YHCT – PHCN	10	0	10	
18	Thi kết thúc	5	0	5	
	Tổng	**180**	**0**	**178**	**2**

2. Chỉ tiêu rèn luyện tay nghề

Số TT	**Nội dung rèn luyện tay nghề**	**Chỉ tiêu (lần)**		
		Quan sát	**Phụ giúp**	**Thực hiện**
I.	**Y học cổ truyền:**			
1.	Tiếp đón, ghi hồ sơ, bệnh án y học cổ truyền			10
2.	Thăm khám, chẩn đoán, kê đơn, bốc thuốc điều trị một số bệnh, chứng thường gặp theo y học cổ truyền: * Bệnh thuộc hệ thần kinh: - Di chứng tai biến mạch máu não - Đau dây thần kinh toạ - Đau dây thần kinh vai gáy - Liệt dây VII ngoại biên * Bệnh thuộc hệ cơ xương khớp: - Viêm khớp - Thoái hoá khớp - Viêm đa khớp dạng thấp - Goutte			 1 1 1 1 1 1 1 1
3.	Làm bệnh án Y học cổ truyền:			3
4.	Thực hành các kỹ thuật : - Châm - Điện châm - Thủy châm - Cứu	 2 2 2 2		 10 10 10 5
5.	Thực hiện xoa bóp, bấm huyệt	2		10
6.	Hướng dẫn tập dưỡng sinh	2		5

7.	Bốc thuốc theo đơn	5		2
8.	Sắc thuốc đã bốc cho người bệnh uống	2		2
II.	**Phục hồi chức năng:**			
1.	Thực hiện các kỹ thuật vật lý trị liệu-phục hồi chức năng	1		
2.	Chuẩn bị người bệnh để tập vật lý trị liệu-phục hồi chức năng	1		3
3.	PHCN bệnh nhân khó khăn vận động	1		3
4.	PHCN người bệnh tổn thương thần kinh trung ương và ngoại biên	1		3
5.	Gãy xương	1		3
6.	Hướng dẫn người bệnh và thân nhân người bệnh tự chăm sóc và rèn luyện.	1		3
7.	Tuyên truyền giáo dục sức khỏe cho người bệnh	1		3

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Hội trường, Bệnh viện.

2. Trang thiết bị máy móc: trang thiết bị khám bệnh có tại khoa/phòng

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình, giáo án; Dụng cụ khám bệnh.

4. Các điều kiện khác: Không.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức:

+Cung cấp cho sinh viên các kỹ năng nhận định, thăm khám phát hiện các triệu chứng thường gặp khi mắc các bệnh chuyên ngành YHCT-PHCN;

+ Áp dụng các nguyên tắc thực hành dựa trên bằng chứng khi lên kế hoạch thăm khám điều trị và phòng bệnh;

+ Thể hiện sự hiểu biết ban đầu về việc đóng góp nghiên cứu cho thực hành thăm khám người bệnh.

- Kỹ năng:

+ Tiếp đón, ghi hồ sơ, bệnh án, khám và làm bệnh án Y học cổ truyền – PHCN

+ Khám, chẩn đoán và điều trị một số bệnh t bằng y học cổ truyền.

+ Thực hiện bốc, sắc thuốc theo đơn.

+ Áp dụng một số kỹ thuật PHCN vào việc chăm sóc, phục hồi các khiếm khuyết của người bệnh.

+ Trợ giúp kỹ thuật viên, bác sĩ thực hiện và sử dụng các trang thiết bị, máy móc trong phục hồi chức năng trên người bệnh.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Rèn luyện tác phong cẩn thận, tỉ mỉ, thông cảm và ân cần với người bệnh trong thực hiện điều trị và chăm sóc hàng ngày.

+ Thực hành giao tiếp hiệu quả với cán bộ y tế, người bệnh và người nhà người bệnh tại các cơ sở thực tập.

+ Kế thừa, phát huy và bảo tồn một số bài thuốc, kinh nghiệm dân gian mang đậm nét văn hóa địa phương trong chữa bệnh, chứng thông thường tại y tế cơ sở.

2. Phương pháp: Đánh giá mô đun theo Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH.

2.1. Điều kiện sinh viên được thi kết thúc mô đun:

- Sinh viên tham gia ít nhất 80% thời gian học tập tại bệnh viện

- Hoàn thành đủ 04 cột điểm kiểm tra:

+ Kiểm tra thường xuyên: (điểm hệ số 1) 02cột điểm.

+ Kiểm tra định kỳ: (điểm hệ số 2) 02 cột điểm. Hình thức: Chấm bệnh án hoặc kiểm tra kỹ năng khám bệnh trên bệnh nhân

- Điểm trung bình kiểm tra (TBKT) ≥ 5.0.

2.2. Thi kết thúc mô đun

- Phương pháp đánh giá: thi vấn đáp lâm sàng dựa vào bệnh án thi.

- Hệ số đánh giá:

+ Điểm TB mô đun: bằng điểm TBKT*0,4 + điểm Thi*0,6.

+ Điểm đánh giá theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

+ Điểm TB mô đun từ thang điểm 10 chuyển sang thang điểm chữ A, B, C, D, F. Từ thang điểm chữ chuyển về thang điểm 4 để tính điểm trung bình tích lũy mô đun theo quy định.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Áp dụng trong giảng dạy Y sĩ Cao đẳng hệ chính quy

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Các giảng viên tham gia giảng dạy thường xuyên hướng dẫn, cầm tay chỉ việc giúp SV thực hiện tốt các kỹ năng thăm khám.

- Đối với người học:

+ Thực hiện đúng nội quy khoa, phòng thực tập.

+ Tham gia đầy đủ các buổi thực tập tại bệnh viện.

+ Tham gia trực tại khoa thực tập

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

- Trường Đại học Y Hà Nội, 2022 Bài giảng YHCT tập I, II. NXB Y học.

- Trường Đại học Y Hà Nội, 2017, Bệnh học nội khoa YHCT, NXB Y học.

- Các phương pháp thức điều trị bằng vật lý, Nhà xuất bản giáo dục - 2010.

- Lượng giá chức năng hệ vận động, Nhà xuất bản giáo dục - 2010.

- Vận động trị liệu, Nhà xuất bản giáo dục - 2010.

- Trường Cao đẳng Bạch Mai, 2023, Kỹ thuật phục hồi chức năng.

- Bộ Y tế, 2020, Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh theo y học cổ truyền, kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

HIỆU TRƯỞNG

(*Đã ký*)

Tạ Thị Nhất Sương

Tên mô đun: THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP

Mã mô đun: MĐ24.YS

Đối tượng: Y sĩ cao đẳng chính quy

Thời gian thực hiện mô đun: 180 giờ (Thực hành: 178 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Mô đun rất quan trọng trong công tác đào tạo Y sĩ cao đẳng là mô đun thuộc học phần chuyên môn. Thời gian thực hiện mô đun: học kỳ VI.

- Tính chất: Mô đun này cung cấp cho học sinh những kiến thức và thực hành về thực tế hoạt động từ tổ chức, mô hình bệnh viện đến các hoạt động khám chữa bệnh, cũng như các hoạt động y tế khác của y tế tuyến huyện và tuyến xã.

II. Mục tiêu của mô đun

- Kiến thức:

+ Mô tả chức năng, nhiệm vụ và tổ chức hoạt động của các bệnh viện huyện, trạm y tế xã và chức trách, nhiệm vụ của người y sĩ tại các bệnh viện huyện, trạm y tế xã nơi học sinh đến thực tập.

+ Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc được một số bệnh thường gặp tại bệnh viện huyện, trạm y tế và tại nhà.

- Kỹ năng:

+ Sơ cứu và hướng dẫn chuyển tuyến kịp thời một số trường hợp cấp cứu ban đầu tại trạm y tế và cộng đồng.

+ Tham gia một số hoạt động của các chương trình y tế tại địa phương.

+ Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của người y sĩ và các kỹ thuật chăm sóc điều dưỡng đã học vào thực tế chăm sóc sức khỏe cho người bệnh tại cộng đồng và các cơ sở y tế nơi học sinh đến thực tập.

+ Lập kế hoạch và thực hiện được các kỹ năng giao tiếp, truyền thông, tư vấn giáo dục sức khoẻ cho người bệnh và người nhà tại cộng đồng và các cơ sở y tế nơi học sinh đến thực tập.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Quan tâm đến công tác chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

+ Khẩn trường, kịp thời, chính xác trong công tác chẩn đoán và xử trí một số bệnh thường gặp và một số ca cấp cứu tại cộng đồng.

+ Tôn trọng, chân thành hợp tác với đồng nghiệp và cư dân để phát huy vai trò của cộng đồng trong lĩnh vực chăm sóc và bảo vệ sức khỏe.

+ Tôn trọng sự đa dạng về văn hóa, phong tục, tập quán của cộng đồng trong công tác chăm sóc sức khỏe.

III. Nội dung của mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Nội dung học phần này gồm: Đánh giá mô hình tổ chức công tác quản lý khoa phòng và bệnh viện; mô tả và phân tích chức năng vai trò của người y sĩ; thăm khám, chẩn đoán, điều trị/ xử trí một số bệnh, cấp cứu thông thường; rèn luyện kỹ năng truyền thông giáo dục sức khoẻ.

2. Chỉ tiêu rèn luyện lâm sàng

Số TT	**Nội dung**	**Chỉ tiêu (lần)/ 1 học sinh**
I	**Thực tập tại bệnh viện huyện**	
1.	Tìm hiểu về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức hoạt động của bệnh viện huyện và chức trách, nhiệm vụ của người y sĩ.	Mỗi sinh viên có 1 bản báo cáo về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức hoạt động của bệnh viện huyện và chức trách, nhiệm vụ của người y sĩ tại bệnh viện đó.
2.	Chẩn đoán, điều trị, chăm sóc và phòng chống một số bệnh thường gặp tại bệnh viện huyện.	5 bệnh
3.	Làm được bệnh án nội, ngoại, phụ sản, nhi và truyền nhiễm.	5 (1 bệnh án/ khoa)
4.	Ghi chép bệnh án, hồ sơ sức khoẻ và biểu mẫu, sổ sách tại bệnh viện	1 lần/ sổ
5.	Tư vấn giáo dục sức khỏe cho bệnh nhân và người nhà đến khám và chửa bệnh tại viện	5
6.	Tham gia trực tại bệnh viện	2 (1lần/ tuần)
II	**Thực tập tại trạm y tế xã, phường**	
1.	Chẩn đoán sức khỏe cộng đồng, phát	Mỗi nhóm (2-3 học sinh) phát hiện

	hiện vấn đề sức khỏe, vấn đề sức khỏe ưu tiên.	được một vấn đề sức khỏe cần giải quyết.
2.	Lập kế hoạch giáo dục sức khỏe giải quyết vấn đề sức khỏe đã được xác định	Mỗi nhóm (2-3 học sinh) lập được 1 bản kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe
3.	Chẩn đoán, xử trí và hướng dẫn chăm sóc một số bệnh thường gặp tại trạm y tế.	5 bệnh
4.	Sơ cứu và hướng dẫn chuyển tuyến kịp thời một số ca cấp cứu.	2 trường hợp
5.	Tư vấn giáo dục sức khỏe cho bệnh nhân và người nhà đến khám và chửa bệnh tại trạm	5
6.	Tìm hiểu công tác quản lý sức khỏe tại trạm y tế và Quản lý trạm y tế (Nhân lực, trang thiết bị, thuốc, hồ sơ tài liệu...)	Mỗi sinh viên có 1 bản báo cáo về công tác quản lý sức khỏe tại trạm y tế và Quản lý trạm y tế (Nhân lực, trang thiết bị, thuốc, hồ sơ tài liệu...)
7.	Thi kết thúc	Mỗi sinh viên nộp bài cáo cáo thực tập gồm các nội dung sau: - Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức hoạt động của bệnh viện huyện - Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức hoạt động của trạm y tế - 01 bệnh án (sinh viên tự lựa chọn khoa để làm bệnh án)

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học chuyên môn hóa: Khoa/phòng tại bệnh viên tuyến huyện và trạm y tế xã, phường

2. Trang thiết bị máy móc: Các loại máy hỗ trợ có tại bệnh viện và trạm y tế.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: giáo trình, tài liệu phát tay, bảng kiểm lâm sàng.

4. Các điều kiện khác

VI. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Kiến thức:

+ Mô tả chức năng, nhiệm vụ và tổ chức hoạt động của các bệnh viện huyện, trạm y tế xã và chức trách, nhiệm vụ của người y sĩ tại các bệnh viện huyện, trạm y tế xã nơi học sinh đến thực tập.

+ Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc được một số bệnh thường gặp tại bệnh viện huyện, trạm y tế và tại nhà.

- Kỹ năng:

+ Sơ cứu và hướng dẫn chuyển tuyến kịp thời một số trường hợp cấp cứu ban đầu tại trạm y tế và cộng đồng.

+ Tham gia một số hoạt động của các chương trình y tế tại địa phương.

+ Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của người y sĩ và các kỹ thuật chăm sóc điều dưỡng đã học vào thực tế chăm sóc sức khỏe cho người bệnh tại cộng đồng và các cơ sở y tế nơi học sinh đến thực tập.

+ Lập kế hoạch và thực hiện được các kỹ năng giao tiếp, truyền thông, tư vấn giáo dục sức khoẻ cho người bệnh và người nhà tại cộng đồng và các cơ sở y tế nơi học sinh đến thực tập.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Quan tâm đến công tác chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

+ Khẩn trường, kịp thời, chính xác trong công tác chẩn đoán và xử trí một số bệnh thường gặp và một số ca cấp cứu tại cộng đồng.

+ Tôn trọng, chân thành hợp tác với đồng nghiệp và cư dân để phát huy vai trò của cộng đồng trong lĩnh vực chăm sóc và bảo vệ sức khỏe.

+ Tôn trọng sự đa dạng về văn hóa, phong tục, tập quán của cộng đồng trong công tác chăm sóc sức khỏe.

2. Phương pháp: Đánh giá mô đun theo Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH.

2.1. Điều kiện sinh viên được thi kết thúc mô đun:

- Sinh viên tham gia ít nhất 80% thời gian thực hành tại bệnh viện

- Hoàn thành đủ 4 cột điểm kiểm tra:

+ Kiểm tra thường xuyên: (điểm hệ số 1) 2 cột điểm.

+ Kiểm tra định kỳ: (điểm hệ số 2) 2 cột điểm. Hình thức: Do giáo viên bộ môn quy định

- Điểm trung bình kiểm tra (TBKT) ≥ 5.0.

2.2. Thi kết thúc mô đun

- Phương pháp đánh giá: Chấm báo cáo cuối đợt thực tập

- Hệ số đánh giá:

+ Điểm TB mô đun: bằng điểm TBKT*0,4 + điểm Thi*0,6.

+ Điểm đánh giá theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

+ Điểm TB mô đun từ thang điểm 10 chuyển sang thang điểm chữ A, B, C, D, F. Từ thang điểm chữ chuyển về thang điểm 4 để tính điểm trung bình tích lũy mô đun theo quy định.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Đối tượng Y sĩ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun.

- Đối với giáo viên, giảng viên: Các giảng viên tham gia giảng dạy thường xuyên hướng dẫn, cầm tay chỉ việc giúp SV thực hiện tốt các kỹ năng thăm khám.

- Đối với người học:

+ Thực hiện đúng nội quy khoa, phòng thực tập.

+ Tham gia đầy đủ các buổi thực tập tại bệnh viện, trạm y tế

+ Tham gia một số hoạt động của chương trình y tế tại bệnh viện hoặc trạm y tế nơi thực tập

3. Những trọng tâm cần chú ý

4. Tài liệu tham khảo

- Bộ Y tế, Điều dưỡng cộng đồng, Nhà xuất bản Y học 2006.

- Giáo trình Y tế công cộng - Vụ Khoa học và Đào tạo Bộ Y tế - Nhà xuất bản Y học 2005

5. Ghi chú và giải thích (nếu có)

HIỆU TRƯỞNG

(*Đã ký*)

Tạ Thị Nhất Sương

Tên mô đun: KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Mã mô đun: MĐ25.YS

Thời gian thực hiện mô đun: 165 giờ; (Lý thuyết: 29 giờ; Thực hành: 134 giờ; Kiểm tra 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Học kỳ 6

- Tính chất:

+ Điều kiện tiên quyết: hoàn thành chương trình mô đun.

+ Là mô đun bắt buộc.

II. Mục tiêu mô đun: Học xong mô đun này, người học có khả năng:

- Kiến thức: Là nội dung trình bày trong quyển khóa luận tốt nghiệp, tùy từng đề tài nghiên cứu của người học. Thể hiện hết những vấn đề đã học của học viên.

- Kỹ năng:

+ Hoàn thiện các kỹ năng chăm sóc sức khỏe người bệnh.

+ Nâng cao được trình độ chuyên môn, chuyên sâu trong lĩnh vực đề tài nghiên cứu trong khóa luận.

+ Quản lý người bệnh áp dụng cho từng đối tượng cụ thể.

+ Hoàn thành kỹ năng mềm trong các vấn đề liên quan đến chăm sóc người bệnh.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Thể hiện khả năng trình độ chuyên môn và tinh thần trách nhiệm trong nghề nghiệp. Có hướng giải quyết đúng đắn khi gặp các bệnh thông thường và phức tạp.

III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	**Tên chương, mục**	**Thời gian (giờ)**			
		Tổng số	**Lý thuyết**	**TH/TN/BT/TL**	**Kiểm tra**
I	Cơ sở lý luận				1
1	Các khái niệm chung	05	1	4	
2	Các khái niệm chi tiết liên quan đề tài khóa luận	09	2	7	
II	Thực trạng và phân tích thực trạng				

3	Sơ lược về tình hình thực tế (liên quan thực trạng)	17	2	15	
4	Nghiên cứu về đề tài và các vấn đề liên quan	22	2	20	
5	Sơ đồ cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ, mục tiêu, tầm nhìn và sứ mạng	22	2	20	
6	Phân tích chuyên sâu	68	10	58	
III	Đề xuất kiến nghị và giải pháp hoàn thiện	20	10	10	
	Tổng	165	29	134	2

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1. Cơ sở lý luận Thời gian: 14 giờ (LT: 03 giờ; TH: 17 giờ)

1. Mục tiêu:

- Về kiến thức: Học viên khái quát các khái niệm chung và các khái niệm chi tiết liên quan đến đề tài khóa luận tốt nghiệp đang nghiên cứu.

- Về kỹ năng:

+ Nắm được kiến thức khái quát và chuyên sâu các vấn đề cần nghiên cứu.

+ Có thể trả lời các câu hỏi liên quan đến đề tài.

+ Có khả năng rút ra những kiến thức hữu ích áp dụng vào đề tài.

- Về thái độ: Tinh thần tự giác và năng nổ tìm kiếm, học hỏi các khái niệm từ tổng quát đến chi tiết, từ các mô đun đã qua cũng như từ kinh nghiệm thực tiễn đi thưc tế.

2. Nội dung chương:

2.1. Khái niệm chung: Trình bày các khái niệm chung làm cơ sở lý luận trong đề tài khóa luận.

2.2. Khái niệm chi tiết liên quan đề tài khóa luận

Chương 2. Thực trạng và phân tích thực trạng

Thời gian: 131 giờ (LT: 16 giờ; TH: 113 giờ)

1. Mục tiêu:

- Về kiến thức: Học viên hiểu rõ về thực trạng cũng như phân tích thực trạng liên quan trong đề tài đặt ra, từ đó nhận thức sâu sắc về vấn đề và làm rõ vấn đề.

- Về kỹ năng:

+ Có khả năng vận dụng kiến thức đã học để thực hiện đề tài khóa luận.

+ Có thể áp dụng vấn đề nghiên cứu trong đề tài vào thực tiễn, giải quyết tồn đọng nếu có, phát triển những vấn đề liên quan tốt hơn và tạo ra những tiền đề mới giúp cho hộ sinh, phát triển cộng đồng.

+ Tích lũy kỹ năng mềm trong thực tiễn để hỗ trợ cho công việc sau này.

- Về thái độ: Thể hiện sự nghiêm khắc với bản thân, có tinh thần nhiệt huyết, tận tụy với nghề để từ đó tạo ra sự đam mê đích thực, phát triển theo hướng đúng với ngành nghề đã chọn đóng góp cho cộng đồng.

2. Nội dung chương:

2.1. Sơ lược về tình hình thực tế liên quan đến đề tài

2.2. Nghiên cứu về đề tài và các vấn đề liên quan

2.2. Sơ đồ cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ, mục tiêu, tầm nhìn và sứ mạng

2.3. Phân tích sâu vào vấn đề đặt ra trong đề tài

Chương 3. Đề xuất kiến nghị và giải pháp hoàn thiện

Thời gian: 20 giờ (LT: 10 giờ; TH: 10 giờ)

1. Mục tiêu:

- Về kiến thức: Học viên hiểu rõ về thực trạng cũng như phân tích thực trạng liên quan trong đề tài đặt ra, từ đó nhận thức sâu sắc về vấn đề và làm rõ vấn đề. Đưa ra đề xuất, kiến nghị và các giải pháp cụ thể hoàn thiện vấn đề nêu ra trong đề tài.

- Về kỹ năng:

+ Có khả năng đề xuất, kiến nghị các vấn đề tương tự.

+ Có thể áp dụng vấn đề nghiên cứu trong đề tài vào thực tiễn, giải quyết tồn đọng nếu có, phát triển những vấn đề liên quan tốt hơn và tạo ra những tiền đề mới giúp cho hộ sinh, phát triển cộng đồng bằng những giải pháp cụ thể của bản thân.

+ Tích lũy kỹ năng mềm trong thực tiễn để hỗ trợ cho công việc sau này.

- Về thái độ: Thể hiện sự nghiêm khắc với bản thân, có tinh thần nhiệt huyết, tận tụy với nghề để từ đó tạo ra sự đam mê đích thực, phát triển theo hướng đúng với ngành nghề đã chọn đóng góp cho cộng đồng.

2. Nội dung chương:

2.1. Đề xuất kiến nghị

2.2. Giải pháp hoàn thiện

2.3. Kết luận

IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học chuyên môn hóa/ nhà xưởng: Cơ sở y tế thực hành, bệnh viện thực hành.

2. Trang thiết bị máy móc: Trang thiết bị y tế tại cơ sở y tế, bệnh viện.

2. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tranh ảnh, mô hình, các phần mềm, dụng cụ y tế (liên quan đến thực tập)

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá

1. Nội dung:

- Về kiến thức: Từ đợt thực tập thực hành nghề nghiệp kết hợp với khóa luận tốt nghiệp, giúp cho sinh viên có thể hoàn thiện các kỹ năng, kiến thức cơ bản như đánh giá mô hình tổ chức, công tác quản lý khoa phòng tại bệnh viện, mô tả và phân tích được chức năng nhiệm vụ, vai trò của người y sĩ trong bệnh viện và y tế cơ sở, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc sức khoẻ cho từng đối tượng cụ thể; mô tả và quản lý sức khoẻ tại cộng đồng; mô tả và đánh giá được qui trình khống chế nhiễm khuẩn tại bệnh viện, tại cộng đồng, ... Đồng thời đây còn là tiền đề để các học viên nghiêm túc với nghề, có nhiệt huyết, đam mê để theo đuổi theo con đường mà mình đã chọn.

- Về kỹ năng:

+ Có khả năng vận dụng kiến thức đã học để thực hiện đề tài khóa luận.

+ Có thể áp dụng vấn đề nghiên cứu trong đề tài vào thực tiễn, giải quyết tồn đọng nếu có, phát triển những vấn đề liên quan tốt hơn và tạo ra những tiền đề mới giúp cho cán bộ y sĩ, phát triển cộng đồng.

+ Tích lũy kỹ năng mềm trong thực tiễn để hỗ trợ cho công việc sau này.

- Thái độ: Thể hiện sự nghiêm khắc với bản thân, có tinh thần nhiệt huyết, tận tụy với nghề để từ đó tạo ra sự đam mê đích thực, phát triển theo hướng đúng với ngành nghề đã chọn đóng góp cho cộng đồng

2. Phương pháp đánh giá:

- Áp dụng Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

- Cách tính điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4. Trong đó:

+ Điểm kiểm tra thường xuyên: 01 cột điểm – hệ số 1

+ Điểm kiểm tra định kỳ: 02 cột điểm – Hệ số 2

- Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 0,6

+ Hình thức: Chấm bài khóa luận tốt nghiệp

- Cách tính điểm TBC mô đun:

Điểm TBC Mô đun = Điểm TBC bộ phận (Trọng số 0,4) + Điểm thi kết thúc học phần (Trọng số 0,6)

V. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. Phạm vi áp dụng mô đun: học kỳ 6 năm thứ 3, sau khi sinh viên tích lũy đủ số mô-đun, tín chỉ quy định của chương trình và có điểm Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4 đạt từ 2,0 trở lên;

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giáo viên/ giảng viên: hướng dẫn sinh viên thực hiện khóa luận.

- Đối với người học: chủ động, tích cực hoàn thành khóa luận theo đề tài đã chọn.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo

- Giáo trình Nghiên cứu khoa học – Trường Cao đẳng Y tế Đắk Lắk

- GS-TS Đào Văn Dũng: Phương pháp nghiên cứu khoa học – nghiên cứu hệ thống y học, Nhà xuất bản Y học, 2020.

- Lưu Ngọc Hoạt (2015), Phương pháp viết đề cương nghiên cứu, nhà xuất bản y học

- Lưu Ngọc Hoạt (2017), Thống kê sinh học và nghiên cứu khoa học y học, nhà xuất bản y học

HIỆU TRƯỞNG

(*Đã ký*)

Tạ Thị Nhất Sương

Tên mô đun: BỆNH CHUYÊN KHOA HỆ NGOẠI

Mã mô đun: MĐ26.YS

Thời gian thực hiện mô đun: 45 giờ (Lý thuyết: 43 giờ; Thực hành, thí nghiệm, bài tập, thảo luận: 0 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Mô đun chuyên ngành.

- Tính chất: Lý thuyết.

II. Mục tiêu mô đun:

- *Về kiến thức:*

+ Giải thích được những cơ chế bệnh sinh gây ra các bệnh lý mắt, tai mũi họng, răng hàm mặt, thường gặp.

+ Phân tích được nguyên nhân, triệu chứng của người bệnh khi mắc các bệnh lý mắt, tai mũi họng, răng hàm mặt thường gặp.

+ Lập luận được chẩn đoán, đưa ra hướng điều trị và điều trị cụ thể cho NB trong các tình huống học tập.

+ Tham gia cải tiến chất lượng chăm sóc, nghiên cứu khoa học.

Kỹ năng:

+ Khám phát hiện được triệu chứng của người bệnh mắc các bệnh mắt, tai mũi họng và răng hàm mặt thường gặp.

+ Áp dụng các kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để hoàn thành được bệnh án các bệnh mắt, tai mũi họng và răng hàm mặt thường gặp.

+ Vận dụng các kiến thức để phân tích các yếu tố ngoại cảnh, môi trường ảnh hưởng đến các cơ quan bộ phận từ đó đưa ra cách phòng bệnh.

Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

+ Duy trì, phát triển năng lực cho bản thân và đồng nghiệp trong lĩnh vực khám phát hiện, chẩn đoán và điều trị bệnh.

+ Rèn được kỹ năng tự học, tự tra cứu tài liệu một cách chủ động, có hiệu quả.

+ Rèn được kỹ năng điều khiển, phân công và hoạt động nhóm, tập thể; khả năng đàm phán, thuyết phục.

+ Rèn luyện các phẩm chất cá nhân: Chủ động học tập, tự tin, chủ động nghiên cứu, nhiệt tình giúp đỡ bạn bè.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên bài, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	**Phần 1: Mắt** **Bài 1: Giải phẫu và sinh lý mắt** 1. Nhãn cầu 2. Các bộ phận phụ thuộc của mắt 3. Các đường dẫn truyền thần kinh và trung khu thị giác	1	1		2
2	**Bài 2: Phương pháp khám các chức năng thị giác** 1. Thị lực 2. Nhãn áp 3. Thị trường	3	3		
3	**Bài 3: Phương pháp khám mắt và làm các xét nghiệm cơ bản trong nhãn khoa** 1. Bệnh sử 2. Khám bán phần trước 3. Xét nghiệm cơ bản	1	1		
4	**Bài 4: Viêm kết mạc** 1. Đại cương 2. Các thể viêm kết mạc sắp xếp dựa theo tiết	3	3		
5	**Bài 5: Viêm loét giác mạc** 1. Đại cương 2. Triệu chứng 3. Chẩn đoán 4. Điều trị 5. Tiến triển và biến chứng 6. Phòng bệnh	1	1		

6	**Bài 6: Chắp, lẹo, mộng mắt** 1. Chắp mắt 2. Lẹo mắt 3. Mộng mắt	3	3		
7	**Bài 7: Đục thủy tinh thể** 1. Đại cương 2. Triệu chứng 3. Chẩn đoán 4. Điều trị 5. Tiến triển và biến chứng	1	1		
8	**Bài 8: Viêm màng bồ đào trước** 1. Đại cương 2. Triệu chứng 3. Chẩn đoán 4. Điều trị 5. Tiến triển và biến chứng 6. Phòng bệnh	1	1		
9	**Bài 9: Glôcôm nguyên phát góc đóng cơn cấp** 1. Đại cương 2. Triệu chứng 3. Chẩn đoán 4. Điều trị 5. Tiến triển và biến chứng 6. Phòng bệnh	1	1		
10	**Bài 10: Bỏng mắt** 1. Đại cương 2. Triệu chứng 3. Chẩn đoán 4. Điều trị 5. Tiến triển và biến chứng 6. Phòng bệnh	1	1		

11	**Bài 11: Chấn thương mắt** 1. Đại cương 2. Triệu chứng 3. Chẩn đoán 4. Điều trị 5. Tiến triển và biến chứng 6. Phòng bệnh	1	1		
12	**Phần 2: Tai mũi họng** **Bài 1: Giải phẫu và sinh lý Tai Mũi Họng** 1. Giải phẫu tai 2. Giải phẫu mũi 3. Giải phẫu họng 4. Sinh lý tai mũi họng	2	2		
13	**Bài 2: Viêm VA** 1. Đại cương 2. Triệu chứng 3. Chẩn đoán 4. Điều trị 5. Tiến triển và biến chứng 6. Phòng bệnh	1	1		
14	**Bài 3: Viêm tai giữa** 1. Đại cương 2. Triệu chứng 3. Chẩn đoán 4. Điều trị 5. Tiến triển và biến chứng 6. Phòng bệnh	1	1		
15	**Bài 4: Viêm tai xương chũm** 1. Đại cương 2. Triệu chứng 3. Chẩn đoán	1	1		

	4. Điều trị 5. Tiến triển và biến chứng 6. Phòng bệnh				
16	**Bài 5: Viêm họng amidan** 1. Đại cương 2. Triệu chứng 3. Chẩn đoán 4. Điều trị 5. Tiến triển và biến chứng 6. Phòng bệnh	2	2		
17	**Bài 6: Viêm mũi dị ứng** 1. Đại cương 2. Triệu chứng 3. Chẩn đoán 4. Điều trị 5. Tiến triển và biến chứng 6. Phòng bệnh	1	1		
18	**Bài 7: Viêm xoang** 1. Đại cương 2. Triệu chứng 3. Chẩn đoán 4. Điều trị 5. Tiến triển và biến chứng 6. Phòng bệnh	1	1		
19	**Bài 8: Chảy máu mũi** 1. Đại cương 2. Triệu chứng 3. Chẩn đoán 4. Điều trị 5. Tiến triển và biến chứng 6. Phòng bệnh	1	1		
20	**Bài 9: Viêm thanh quản cấp**	2	2		

	1. Đại cương 2. Triệu chứng 3. Chẩn đoán 4. Điều trị 5. Tiến triển và biến chứng 6. Phòng bệnh				
21	**Bài 10: Dị vật đường thở** 1. Đại cương 2. Triệu chứng 3. Chẩn đoán 4. Điều trị 5. Tiến triển và biến chứng 6. Phòng bệnh	2	2		
22	**Bài 11: Dị vật đường ăn** 1. Đại cương 2. Triệu chứng 3. Chẩn đoán 4. Điều trị 5. Tiến triển và biến chứng 6. Phòng bệnh	1	1		
23	**Phần 3: Răng hàm mặt.** **Bài 1: Giải phẫu - sinh lý răng hàm mặt** 1. Số lượng răng 2. Hình thể giải phẫu của răng 3. Cấu tạo vùng quanh răng 4. Cấu tạo răng 5. Cách gọi tên răng 6. Sinh lý răng	2	2		
24	**Bài 2: Sâu răng** 1. Đại cương 2. Nguyên nhân gây sâu răng và	1	1		

	diễn biến quá trình sâu răng 3. Triệu chứng 4. Biến chứng 5. Hướng điều trị 6. Phòng bệnh				
25	**Bài 3: Viêm tủy và viêm quanh cuống răng** 1. Đại cương 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng lâm sàng 4. Tiến triển và biến chứng 5. Hướng diều trị 6. Phòng bệnh	2	2		
26	**Bài 4: Viêm lợi – Viêm quanh răng** 1. Đại cương 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng lâm sàng 4. Tiến triển và biến chứng 5. Hướng diều trị 6. Phòng bệnh	1	1		
27	**Bài 5: Nhổ răng** 1. Đại cương 2. Chỉ định và chống chỉ định nhổ răng 3. Một số tai biến thường gặp khi nhổ răng	1	1		
28	**Bài 6: Viêm mô tế bào vùng hàm mặt** 1. Nguyên nhân 2. Triệu chứng lâm sàng 3. Một số thể định khu	2	2		

	4. Hướng điều trị				
29	**Bài 7: Chấn thương vùng hàm mặt** 1. Đại cương 2. Phân loại chấn thương phần mềm 3. Gãy xương hàm trên 4. Hướng điều trị	1	1		
30	**Bài 8: Một số cấp cứu thông thường trong răng hàm mặt** 1. Đau 2. Chảy máu 3. Trật khớp thái dương hàm 4. Chấn thương răng	1	1		
	Tổng	**45**	**43**	**0**	**2**

2. Nội dung chi tiết

Phần I. Mắt

Bài 1. Giải phẫu và sinh lý mắt Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

- Nhận biết được các cấu trúc giải phẫu của mắt trên hình ảnh giải phẫu.
- Dựa vào cấu trúc giải phẫu mắt để giải thích được các đặc điểm sinh lý của mắt
- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tra cứu tài liệu, khả năng thuyết trình để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp.

2. Nội dung

2.1. Nhãn cầu

2.1. Các bộ phận phụ thuộc của mắt

2.3. Các đường dẫn truyền thần kinh và trung khu thị giác

Bài 2: Phương pháp khám các chức năng thị giác Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

- Áp dụng kiến thức để mô tả được các bước tiến hành thử thị lực, đo nhãn áp, đo thị trường.
- Vận dụng kiến thức để đọc được kết quả của thị lực, nhãn áp, thị trường.

- Thể hiện được năng làm việc nhóm, tra cứu tài liệu, khả năng thuyết trình để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp.

2. Nội dung

2.1. Thị lực

2.2. Nhãn áp

2.3. Thị trường

Bài 3. Phương pháp khám mắt và làm các xét nghiệm cơ bản trong nhãn khoa

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

Trình bày được phương pháp khám mắt và làm các xét nghiệm cơ bản trong nhãn khoa.

Nội dung:

2.1. Bệnh sử

2.2. Khám bán phần trước

2.3. Xét nghiệm cơ bản

Bài 4. Bệnh viêm kết mạc **Thời gian: 03 giờ**

1. Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.
- Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.
- Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Các thể viêm kết mạc sắp xếp dựa theo tiết tố

Bài 5: Viêm loét giác mạc **Thời gian: 01 giờ**

1. Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.
- Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.
- Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng

2.3. Chẩn đoán

2.4. Điều trị

2.5. Tiến triển và biến chứng

2.6. Phòng bệnh

Bài 6: Chắp, lẹo, mộng mắt **Thời gian: 03 giờ**

1. Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.
- Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.
- Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng

2.3. Chẩn đoán

2.4. Điều trị

2.5. Tiến triển và biến chứng

2.6. Phòng bệnh

Bài 7: Đục thủy tinh thể **Thời gian: 1 giờ**

1. Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.
- Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.
- Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng

2.3. Chẩn đoán

2.4. Điều trị

2.5. Tiến triển và biến chứng

2.6. Phòng bệnh

Bài 8: Viêm màng bồ đào trước Thời gian: 1 giờ

Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.
- Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.
- Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng

2.3. Chẩn đoán

2.4. Điều trị

2.5. Tiến triển và biến chứng

2.6. Phòng bệnh

Bài 9: Glôcôm nguyên phát góc đóng cơn cấp Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.
- Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.
- Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng

2.3. Chẩn đoán

2.4. Điều trị

2.5. Tiến triển và biến chứng

2.6. Phòng bệnh

Bài 10: Bỏng mắt Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.
- Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.
- Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng

2.3. Chẩn đoán

2.4. Điều trị

2.5. Tiến triển và biến chứng

2.6. Phòng bệnh

Bài 11: Chấn thương mắt Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.
- Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.
- Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng

2.3. Chẩn đoán

2.4. Điều trị

2.5. Tiến triển và biến chứng

2.6. Phòng bệnh

Phần II: Tai mũi họng

Bài 1: Giải phẫu và sinh lý Tai Mũi Họng Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- Nhận biết được các cấu trúc giải phẫu của tai mũi họng.
- Vận dụng kiến thức để giải thích các cơ chế hoạt động của tai mũi họng.

- Thể hiện được kỹ năng làm việc nhóm, tra cứu tài liệu, khả năng thuyết trình để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp.

2. Nội dung

2.1. Giải phẫu tai

2.2. Giải phẫu mũi

2.3. Giải phẫu họng

2.4. Sinh lý tai mũi họng

Bài 2: Viêm VA Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.
- Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.
- Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng

2.3. Chẩn đoán

2.4. Điều trị

2.5. Tiến triển và biến chứng

2.6. Phòng bệnh

Bài 3: Viêm tai giữa Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.
- Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.
- Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng

2.3. Chẩn đoán

2.4. Điều trị

2.5. Tiến triển và biến chứng

2.6. Phòng bệnh

Bài 4: Viêm tai xương chũm Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.
- Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.
- Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng

2.3. Chẩn đoán

2.4. Điều trị

2.5. Tiến triển và biến chứng

2.6. Phòng bệnh

Bài 5: Viêm họng amidan Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.
- Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.
- Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng

2.3. Chẩn đoán

2.4. Điều trị

2.5. Tiến triển và biến chứng

2.6. Phòng bệnh

Bài 6: Viêm mũi Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.
- Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.
- Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng

2.3. Chẩn đoán

2.4. Điều trị

2.5. Tiến triển và biến chứng

2.6. Phòng bệnh

Bài 7: Viêm xoang Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.
- Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.
- Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng

2.3. Chẩn đoán

2.4. Điều trị

2.5. Tiến triển và biến chứng

2.6. Phòng bệnh

Bài 8: Chảy máu mũi Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.
- Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.

- Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng

2.3. Chẩn đoán

2.4. Điều trị

2.5. Tiến triển và biến chứng

2.6. Phòng bệnh

Bài 9: Viêm thanh quản cấp Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.
- Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.
- Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng

2.3. Chẩn đoán

2.4. Điều trị

2.5. Tiến triển và biến chứng

2.6. Phòng bệnh

Bài 10: Dị vật đường thở Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.
- Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.
- Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng

2.3. Chẩn đoán

2.4. Điều trị

2.5. Tiến triển và biến chứng

2.6. Phòng bệnh

Buổi 11: Dị vật đường ăn Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.
- Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.
- Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng

2.3. Chẩn đoán

2.4. Điều trị

2.5. Tiến triển và biến chứng

2.6. Phòng bệnh

Phần III: Răng hàm mặt

Bài 1: Giải phẫu - sinh lý răng hàm mặt Thời gian: 2 giờ

- Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.
- Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.
- Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

2.1. Số lượng rang

2.2. Hình thể giải phẫu của rang

2.3. Cấu tạo vùng quanh răng

2.4. Cấu tạo rang

2.5. Cách gọi tên rang

2.6. Sinh lý răng

Bài 2: Sâu răng Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.
- Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.
- Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng

2.3. Chẩn đoán

2.4. Điều trị

2.5. Tiến triển và biến chứng

2.6. Phòng bệnh

Bài 3: Viêm tủy và viêm quanh cuống răng Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.
- Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.
- Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng

2.3. Chẩn đoán

2.4. Điều trị

2.5. Tiến triển và biến chứng

2.6. Phòng bệnh

Bài 4: Viêm lợi – Viêm quanh răng Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.
- Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.
- Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng

2.3. Chẩn đoán

2.4. Điều trị

2.5. Tiến triển và biến chứng

2.6. Phòng bệnh

Bài 5: Nhổ răng Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:
- Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.
- Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.
- Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Chỉ định và chống chỉ định nhổ răng

2.3. Một số tai biến thường gặp khi nhổ răng

Bài 6: Viêm mô tế bào vùng hàm mặt Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:
- Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.
- Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.
- Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

2.1. Nguyên nhân

2.2. Triệu chứng lâm sàng

2.3. Một số thể định khu

2.4. Hướng điều trị

Bài 7: Chấn thương vùng hàm mặt Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.
- Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.
- Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Phân loại chấn thương phần mềm

2.3. Gãy xương hàm trên

2.4. Hướng điều trị

Bài 8: Một số cấp cứu thông thường trong răng hàm mặt Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.
- Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.
- Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

2.1. Đau

2.2. Chảy máu

2.3. Trật khớp thái dương hàm

2.4. Chấn thương răng

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học: Giảng đường lý thuyết

2. Trang thiết bị máy móc:

- Phòng lý thuyết: Máy chiếu, máy tính, màn chiếu, phấn, bảng.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Hồ sơ lên lớp của giáo viên (Kế hoạch dạy học, sổ tay GV)

- Giáo trình

4. Điều kiện khác

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Lượng giá bằng bộ câu hỏi trắc nghiệm hoặc tự luận đóng và tình huống lâm sàng ngắn.

- Kỹ năng: Giải quyết các tình huống lâm sàng cụ thể.

- Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm: Trình bày, báo cáo, tổ chức thảo luận nhóm, chuẩn bị trước các nội dung buổi học tại nhà.

2. Phương pháp đánh giá:

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 03 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

- Điểm quá trình: Kiểm tra theo hình thức trắc nghiệm hoặc tự luận

+ Số lượng: 03 cột điểm: Trong đó, 1 cột điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1 và 2 cột điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

- Điểm thi kết thúc mô đun: Thi tự luận hoặc trắc nghiệm, thời gian: 60 phút

- Điểm mô-đun: Bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc mô-đun có trọng số 0,6;

- Thang điểm: Điểm mô đun theo thang điểm 4, quy đổi điểm mô đun thành điểm chữ và thang điểm 4 theo Điều 31 thông tư 04/2022/TT – BLĐTBXH.

V. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Cho sinh viên trình độ Cao đẳng

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giảng viên: Thuyết trình, phương pháp dạy học tích cực.

- Đối với người học: Đọc trước bài giảng và các tài liệu tham khảo liên quan trước mỗi buổi học. Tham dự giờ giảng một cách tích cực. Làm đủ các bài tập trên lớp và ở nhà.

3. Những trọng tâm cần chú ý

4. Tài liệu tham khảo

- *Điều dưỡng chuyên khoa hệ ngoại* – Tài liệu nội bộ Trường cao đẳng y tế Thái bình, 2021.
- Bệnh viện Mắt Trung Ương- Bộ Y tế, *Nhãn khoa*, Nhà xuất bản y học, 2017.
- Đại học Y Hà Nội, *Thực hành nhãn khoa*, Nhà xuất bản y học, 2016.
- Đại học Y Hà Nội, *Bài giảng nhãn khoa*, Nhà xuất bản y học, 2015.
- Đại học Y dược thành phố Hồ Chí Minh, *Nhãn khoa lâm sàng*, Nhà xuất bản y học, 2010.
- Đại học Y dược thành phố Hồ Chí Minh, *Nhãn khoa cận lâm sàng*, Nhà xuất bản y học, 2007.
- Đại học Y Hà Nội, Bài giảng *Răng hàm mặt*, Nhà xuất bản y học, 2018.
- Đại học Y Hà Nội, Bài giảng *Tai Mũi Họng*, Nhà xuất bản y học, 2018.

5. Ghi chú và giải thích

HIỆU TRƯỞNG

(*Đã ký*)

Tạ Thị Nhất Sương

Tên mô đun: BỆNH CHUYÊN KHOA HỆ NỘI

Mã mô đun: MĐ27.YS

Thời gian thực hiện mô đun: 45 giờ (Lý thuyết: 43 giờ; Thực hành, thí nghiệm, bài tập, thảo luận: 0 giờ; Kiểm tra: 02 giờ).

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Mô đun chuyên ngành.

- Tính chất: Lý thuyết.

II. Mục tiêu mô đun:

- Về kiến thức:

+ Phân tích được các yếu tố của các bệnh Da liễu, lao, tâm thần

+ Phân tích được đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng các bệnh da liễu, lao, tâm thần thường gặp tại tuyến cơ sở;

+ Áp dụng các kiến thức về lâm sàng và cận lâm sàng để chẩn đoán và điều trị các bệnh Da liễu, lao, tâm thần tại tuyến cơ sở.

- Về kỹ năng:

+ Vận dụng các kiến thức về bệnh da liễu, lao, tâm thần tại cộng đồng vào việc thực hiện công tác tại cộng đồng.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Hoàn thiện các kỹ năng làm việc nhóm tính tích cực trong học tập, có tư duy tư phản biện/ phê phán;

+ Rèn luyện kỹ năng ra quyết định đúng và kịp thời để thực hiện hiệu quả công tác phòng chống, xử trí các bệnh tại cộng đồng.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	**Tên bài, mục**	**Thời gian (giờ)**			
		Tổng số	**Lý thuyết**	**Thực hành**	**Kiểm tra**
1	**Phần 1: Da liễu** **Bài 1. Giải phẫu và sinh lý da** 1. Sơ lược giải phẫu da 2. Sinh lý da	1	1		2
2	**Bài 2. Tổn thương cơ bản trong bệnh da**	2	2		

	liễu 1. Định nghĩa 2. Phân loại tổn thương cơ bản theo hình thái 3. Phân loại tổn thương cơ bản theo tiến triển				
3	**Bài 3. Bệnh Eczema (chàm)** 1. Đại cương 2. Căn nguyên và cơ chế bệnh sinh 3. Triệu chứng lâm sàng 4. Các hình thái lâm sàng 5. Tiến triển và biến chứng 6. Chẩn đoán 7. Điều trị 8. Phòng bệnh	2	2		
4	**Bài 4. Bệnh chốc** 1. Dịch tễ học 2. Căn nguyên và cơ chế bệnh sinh 3. Triệu chứng lâm sàng 4. Tiến triển và biến chứng 5. Một số thể lâm sàng 6. Chẩn đoán 7. Điều trị 8. Phòng bệnh	2	2		
5	**Bài 5. Bệnh nhiễm độc da do thuốc (dị ứng thuốc)** 1. Đại cương 2. Căn nguyên và cơ chế bệnh sinh 3. Triệu chứng lâm sàng 4. Các hình thái lâm sàng 5. Chẩn đoán 6. Hướng điều trị	2	2		

	7. Phòng bệnh				
6	**Bài 6. Bệnh ghẻ** 1. Nguyên nhân và lây truyền 2. Triệu chứng lâm sàng 3. Tiến triển và biến chứng 4. Chẩn đoán 5. Hướng điều trị 6. Phòng bệnh	2	2		
7	**Bài 7. Bệnh vẩy nến** 1. Đại cương 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng 4. Các thể lâm sàng 5. Tiến triển và biến chứng 6. Chẩn đoán 7. Điều trị 8. Phòng bệnh	2	2		
8	**Bài 8. Bệnh lậu** 1. Nguyên nhân và lây truyền 2. Triệu chứng 3. Chẩn đoán 4. Điều trị 5. Phòng bệnh	2	2		
9	**Bài 9. Bệnh giang mai** 1. Nguyên nhân và lây truyền 2. Triệu chứng 3. Chẩn đoán 4. Điều trị 5. Phòng bệnh	2	2		
10	**Bài 10. Bệnh zona** 1. Dịch tễ học 2. Căn nguyên bệnh sinh	2	2		

	3. Triệu chứng lâm sàng 4. Các thể lâm sàng 5. Tiến triển và biến chứng 6. Chẩn đoán 7. Điều trị				
11	**Bài 11. Bệnh viêm da tiếp xúc** 1. Dịch tễ học 2. Căn nguyên bệnh sinh 3. Đặc điểm lâm sàng 4. Chẩn đoán 5. Điều trị 6. Phòng bệnh	2	2		
12	**Bài 12.Bệnh phong** 1. Đại cương 2. Nguyên nhân và tính chất lây truyền 3. Triệu chứng lâm sàng 4. Chẩn đoán 5. Điều trị 6. Phòng bệnh	2	2		
13	**Phần 2: Lao** **Bài 1. Bệnh lao phổi** 1. Đại cương về bệnh lao 2. Triệu chứng bệnh lao phổi 3. Chẩn đoán và điều trị 4. Phòng bệnh	5	5		
14	**Bài 2. Lao ngoài phổi** **I. Lao hạch** 1. Đại cương về lao hạch 2. Triệu chứng. 3. Chẩn đoán và điều trị 4. Phòng bệnh **II. Lao màng não**	5	5		

	1. Đại cương về lao màng não 2. Triệu chứng. 3. Chẩn đoán và điều trị 4. Phòng bệnh **III. Chương trình chống lao quốc gia**				
15	**Phần 3: Tâm thần** **Bài 1. Tâm thần phân liệt và Rối loạn tâm thần do rượu** **I. Tâm thần phân liệt** 1. Đại cương 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng lâm sàng 4. Chẩn đoán 5. Điều trị bệnh tâm thần phân liệt 6. Phòng bệnh tâm thần phân liệt **II. Rối loạn tâm thần do rượu** 1. Nghiện rượu 2. Loạn thần do rượu	5	5		
16	**Bài 2. Động kinh và rối loạn trầm cảm** **I. Động kinh** 1. Đại cương 2. Nguyên nhân và cơ chế 3. Triệu chứng 4. Chẩn đoán 5. Điều trị **II. Rối loạn trầm cảm** 1. Đại cương 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng lâm sàng và chẩn đoán 4. Điều trị	5	5		
	Tổng	45	43	0	2

2. Nội dung chi tiết

Phần 1: Da liễu

Bài 1: Giải phẫu và sinh lý da Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

- Nhận biết được các cấu trúc giải phẫu của da trên hình ảnh giải phẫu.
- Dựa vào cấu trúc giải phẫu da để giải thích được các đặc điểm sinh lý của da.
- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tra cứu tài liệu, khả năng thuyết trình để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp.

2. Nội dung

2.1. Sơ lược giải phẫu da

2.2. Sinh lý da

Bài 2: Tổn thương cơ bản trong bệnh da liễu Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- Dựa vào đặc điểm của các loại tổn thương cơ bản trong bệnh da liễu để nhận biết được từng loại tổn thương cơ bản trong tình huống giảng dạy.
- Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp, thuyết trình, tìm kiếm và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

2.1. Định nghĩa

2.2. Phân loại tổn thương cơ bản theo hình thái

2.3. Phân loại tổn thương cơ bản theo tiến triển

Bài 3: Bệnh Eczema (chàm) Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.
- Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.
- Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Căn nguyên và cơ chế bệnh sinh

2.3. Triệu chứng lâm sàng

2.4. Các hình thái lâm sàng

2.5. Tiến triển và biến chứng

2.6. Chẩn đoán

2.7. Điều trị

2.8. Phòng bệnh

Bài 4. Bệnh chốc Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.

Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.

Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

2.1. Dịch tễ học

2.2. Căn nguyên và cơ chế bệnh sinh

2.3. Triệu chứng lâm sàng

2.4. Tiến triển và biến chứng

2.5. Một số thể lâm sàng

2.6. Chẩn đoán

2.7. Điều trị

2.8. Phòng bệnh

Bài 5. Bệnh nhiễm độc da do thuốc (dị ứng thuốc) Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.
- Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.
- Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Căn nguyên và cơ chế bệnh sinh

2.3. Triệu chứng lâm sàng

2.4. Các hình thái lâm sàng

2.5. Chẩn đoán

2.6. Hướng điều trị

2.7. Phòng bệnh

Bài 6: Bệnh ghẻ Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.
- Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.
- Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng lâm sàng

2.3. Tiến triển và biến chứng

2.4. Chẩn đoán

2.5. Hướng điều trị

2.6. Phòng bệnh

Bài 7. Bệnh vẩy nến Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.
- Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.
- Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Nguyên nhân

2.3. Triệu chứng

2.4. Các thể lâm sàng

2.5. Tiến triển và biến chứng

2.6. Chẩn đoán

2.7. Điều trị

2.8. Phòng bệnh

Bài 8. Bệnh lậu Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.
- Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.
- Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

2.1. Nguyên nhân và lây truyền

2.2. Triệu chứng

2.3. Chẩn đoán

2.4. Điều trị

2.5. Phòng bệnh

Bài 9. Bệnh giang mai Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.
- Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.
- Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

2.1. Nguyên nhân và lây truyền

2.2. Triệu chứng

2.3. Chẩn đoán

2.4. Điều trị

2.5. Phòng bệnh

Bài 10. Bệnh zona Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.

- Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.
- Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

2.1. Dịch tễ học

2.2. Căn nguyên bệnh sinh

2.3. Triệu chứng lâm sàng

2.4. Các thể lâm sàng

2.5. Tiến triển và biến chứng

2.6. Chẩn đoán

2.7. Điều trị

Bài 11. Bệnh viêm da tiếp xúc Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:
- Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.
- Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.
- Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

2.1. Dịch tễ học

2.2. Căn nguyên bệnh sinh

2.3. Đặc điểm lâm sàng

2.4. Chẩn đoán

2.5. Điều trị

2.6. Phòng bệnh

Bài 12. Bệnh phong Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:
- Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.
- Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.
- Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Nguyên nhân và tính chất lây truyền

2.3. Triệu chứng lâm sàng

2.4. Chẩn đoán

2.5. Điều trị

2.6. Phòng bệnh

Phần 2: Lao

Bài 1: Bệnh lao phổi Thời gian: 05 giờ

1. Mục tiêu

- Phân tích được đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng bệnh lao.
- Áp dụng các kiến thức về dịch tễ, lâm sàng và cận lâm sàng để chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh lao.
- Hoàn thiện các kỹ năng làm việc nhóm tính tích cực trong học tập**.**

2. Nội dung

2.1. Đại cương về bệnh lao

2.2. Dịch tễ học.

2.3. Cơ chế bệnh sinh.

2.4. Nguyên nhân.

2.5. Triệu chứng bệnh lao phổi

2.6. Triệu chứng lâm sàng

2.7. Biến chứng

2.8. Chẩn đoán và điều trị

2.9. Phòng bệnh

Bài 2: Lao ngoài phổi Thời gian: 05 giờ

1. Mục tiêu

- Phân tích được đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng lao hạch và lao màng não;
- Áp dụng các kiến thức về dịch tễ, lâm sàng và cận lâm sàng để chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh lao hạch và lao màng não;
- Hoàn thiện các kỹ năng làm việc nhóm tính tích cực trong học tập**.**

2. Nội dung

2.1. Lao hạch

2.2. Lao màng não

2.3. Chương trình chống lao quốc gia

Phần 3: Tâm thần

Bài 1. Tâm thần phân liệt và Rối loạn tâm thần do rượu Thời gian: 05 giờ

1. Mục tiêu

- Phân tích được đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng tâm thần và rối loạn tâm thần;
- Áp dụng các kiến thức để chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh tâm thần và rối loạn tâm thần do rượu gây ra;
- Hoàn thiện các kỹ năng làm việc nhóm tính tích cực trong học tập.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Nguyên nhân

2.3. Triệu chứng lâm sàng

2.4. Chẩn đoán

2.5. Điều trị bệnh tâm thần phân liệt

2.6. Phòng bệnh tâm thần phân liệt

Bài 2. Động kinh và rối loạn trầm cảm Thời gian: 05 giờ

1. Mục tiêu

- Phân tích được đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng động kinh và trầm cảm;
- Áp dụng các kiến thức để chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh động kinh và trầm cảm
- Hoàn thiện các kỹ năng làm việc nhóm tính tích cực trong học tập.

Nội dung

2.1. Động kinh

2.1.1. Đại cương

2.1.2. Nguyên nhân và cơ chế

2.1.3. Triệu chứng

2.1.4. Chẩn đoán

2.1.5. Điều trị

2.2. Rối loạn trầm cảm

2.2.1. Đại cương

2.2.2. Nguyên nhân

2.2.3. Triệu chứng lâm sàng và chẩn đoán

2.2.4. Điều trị

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học: giảng đường lý thuyết

2. Trang thiết bị máy móc:

- Phòng lý thuyết: máy chiếu, máy tính, màn chiếu, phấn, bảng.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Hồ sơ lên lớp của giáo viên (Kế hoạch dạy học, sổ tay GV)
- Giáo trình

4. Điều kiện khác

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức:

+ Phân tích được các yếu tố của các bệnh Da liễu, lao, tâm thần

+ Phân tích được đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng các bệnh da liễu, lao, tâm thần thường gặp tại tuyến cơ sở;

+ Áp dụng các kiến thức về lâm sàng và cận lâm sàng để chẩn đoán và điều trị các bệnh Da liễu, lao, tâm thần tại tuyến cơ sở.

- Về kỹ năng:

+ Vận dụng các kiến thức về bệnh da liễu, lao, tâm thần tại cộng đồng vào việc thực hiện công tác tại cộng đồng.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Hoàn thiện các kỹ năng làm việc nhóm tính tích cực trong học tập, có tư duy tư phản biện/ phê phán;

+ Rèn luyện kỹ năng ra quyết định đúng và kịp thời để thực hiện hiệu quả công tác phòng chống, xử trí các bệnh tại cộng đồng.

2. Phương pháp đánh giá:

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 03 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào

tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

- Điểm quá trình: Kiểm tra theo hình thức trắc nghiệm hoặc tự luận

+ Số lượng: 03 cột điểm: Trong đó, 1 cột điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1 và 2 cột điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

- Điểm thi kết thúc mô đun: Thi tự luận hoặc trắc nghiệm, thời gian: 60 phút

- Điểm mô-đun: Bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc mô-đun có trọng số 0,6;

- Thang điểm: Điểm mô đun, thang điểm 4 (Điều 31 thông tư 04/2022/TT – BLĐTBXH).

V. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Cho sinh viên trình độ Cao đẳng

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giảng viên: Thuyết trình, phương pháp dạy học tích cực.

- Đối với người học: Đọc trước bài giảng và các tài liệu tham khảo liên quan trước mỗi buổi học. Tham dự giờ giảng một cách tích cực. Làm đủ các bài tập trên lớp và ở nhà.

3. Những trọng tâm cần chú ý

4. Tài liệu tham khảo

- Trường Cao đẳng y Thái Bình - *Chăm sóc người bệnh chuyên khoa hệ nội*, năm 2020.

- Bộ môn Da liễu – Trường ĐH Y Hà nội. Bệnh học Da liễu, tập 1, NXB y học, 2017.

- Phạm Văn Hiển. *Da liễu học*, NXB giáo dục, năm 2019

- *Bài giảng Da liễu*, trường Đại học y Thái bình, năm 2018.

- Bộ môn Da liễu – HV Quân y. *Bệnh da và hoa liễu*, NXB Quân đội nhân dân, 2018.

- *Bệnh chuyên khoa*- sách dùng cho cao đẳng y sĩ đa khoa. Bộ môn chuyên khoa - Trường cao đẳng y Thái Bình (2020)

- Bệnh học lao - Nhà xuất bản Y học

HIỆU TRƯỞNG

(*Đã ký*)

Tạ Thị Nhất Sương